VHSG

LÊ VĂN DUYỆT VỚI VÙNG ĐẤT NAM BỘ



Lê Văn Duyệt với vùng đất Nam bộ

VHSG

VÕ VĂN KIỆT - TRẦN BẠCH ĐẰNG - GS. ĐINH XUÂN LÂM - TS. NGUYỄN MINH TƯỜNG - PGS. VŨ HUY PHÚC - PGS. ĐỖ QUANG HƯNG - PGS.TS. NGUYỄN PHAN QUANG - NGUYỄN ĐÌNH ĐẦU - SƠN NAM - NGUYỄN KHẮC THUẦN - LÊ VĂN CHÁNH - NGUYỄN ĐÌNH TƯ - ĐINH DUNG - NGUYỄN HOÀNG TUẤN - TRƯƠNG MINH HIỂN - TS. NGUYỄN HỮU THÔNG - LÝ VIỆT DŨNG - HẢI ĐƯỜNG

LÊ VĂN DUYỆT VỚI VÙNG ĐẤT NAM BỘ



Lời nói đầu

Lê Văn Duyệt là một trong những nhân vật lịch sử nổi tiếng của vùng đất Nam bộ. Năm 2000, Tạp chí Xưa&Nay *đã tổ chức cuộc tọa đàm với mong muốn tìm sự đồng thuận, nhằm trả lại sự công bằng cho nhân vật lịch sử Lê Văn Duyệt - người trong hơn 40 năm hai lần làm Tổng trấn Gia Định thành.*

Lăng Lê Văn Duyệt ngày nay là một công trình kiến trúc nghệ thuật được xếp hạng di tích cấp quốc gia. Hằng năm, vào những ngày lễ, tết là dịp để bà con người Việt cũng như người Hoa ở khắp nơi tụ hội về để bái lễ. Điều đó nói lên được những tình cảm đặc biệt mà người dân Nam bộ đã dành cho vị "Đức Ông" trong suốt hơn 200 năm qua.

Để những ý kiến bổ ích về cuộc tọa đàm "Nhân vật lịch sử Lê Văn Duyệt" đến với đông đảo bạn đọc. Tạp chí Xưa&Nay *tổ chức xuất bản sách* Lê Văn Duyệt với vùng đất Nam bộ.

Nhân dịp sách được xuất bản, chúng tôi xin chân thành cảm ơn ông Bành Quang Huệ - người có nhiều tâm huyết với lịch sử nước nhà đã tài trợ cho cuốn sách này.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Ban Biên soạn

Lời giới thiệu

Lê Văn Duyệt với vùng đất Nam bộ gồm 17 bản tham luận khoa học về nhân vật Lê Văn Duyệt. Ngoài bản tham luận đề dẫn của giáo sư Đinh Xuân Lâm và bài phát biểu của đồng chí Võ Văn Kiệt về quan điểm của Đảng ta, nội dung chính của các tác giả đề cập xung quanh 3 loại chủ đề:

- Đánh giá chung về nhân vật Lê Văn Duyệt.
- Trình bày từng chuyên đề xung quanh nhân vật Lê Văn Duyệt như: ngoại giao, ngoại thương, vấn đề Công giáo, bản án tử hình, v.v...
- Một số tư liệu tham khảo như: Ấn đồng triều Nguyễn, văn bia, câu đối, hoành phi, việc xây dựng và quản lý lăng Lê Văn Duyệt.

Nội dung chủ yếu của cuộc tọa đàm tập trung vào việc đánh giá những mặt tích cực và hạn chế như công và tội của Lê Văn Duyệt. Điểm nổi trội lần này là các tác giả đã cố gắng sưu tầm nhiều tư liệu dẫn chứng cho những đánh giá của mình, trong đó có tư liệu của các bộ sử triều Nguyễn, đánh giá của các học giả trong và ngoài nước từ trước đến nay, nhận xét của các nhà truyền giáo phương Tây, các sứ thần ngoại giao, ngoại thương, v.v... từng tiếp cận Lê Văn Duyệt.

Tuy các bản tham luận đều nêu cả hai mặt công và tội, tích cực và hạn chế, nhưng phần lớn đi sâu khai thác mặt công, mặt tích cực đối với đất nước trong 20 năm ông làm Tổng trấn Gia Định thành. Các tác giả tập trung nêu vai trò của Lê Văn Duyệt trong chính sách xây dựng và phát triển vùng đất mới ở Gia Định về mặt kinh tế - xã hội, mở cửa giao thương với nước ngoài, làm cho vùng này sầm uất nhất nước. Về nội trị, ông có quan điểm đúng với Công giáo, với các dân tộc, quản lý bộ máy cai trị nghiêm minh, biết sử dụng người tài và chống bọn tham quan ô lại. Về ngoại giao và quốc phòng, ông có đối sách phù hợp để bảo vệ biên cương. Ông còn là một vị quan chăm sóc đến đời sống văn

hóa, giáo dục, một vị quan đạo đức, thanh liêm...

Nếu sự đánh giá công trạng tập trung vào giai đoạn ông làm Tổng trấn triều Nguyễn, thì các tác giả khi xét về tội và những điểm hạn chế chủ yếu tập trung vào giai đoạn ông theo phò Nguyễn Ánh để "phục quốc" và là khai quốc công thần của nhà Nguyễn. Đương nhiên cái tội tòng phạm "cõng rắn cắn gà nhà" đó không nặng bằng Nguyễn Ánh, nhưng dù sao cũng không thể chối bỏ được. Các tác giả còn cho biết chính Gia Long cũng trăn trở về tội này và di huấn lại cho Minh Mạng trước khi qua đời. Về những tội khi ông làm Tổng trấn, một số tác giả có đề cập đến, nhưng chưa có sự nhất trí cao như: đàn áp các cuộc khởi nghĩa ở Quảng Ngãi, Thanh Nghệ, âm mưu xây dựng lực lượng ở Gia Định, cùng với việc phản đối Minh Mạng lên ngôi để xưng vương bá chủ một vùng, thân Pháp và dung dưỡng cho các giáo sĩ phương Tây để lôi kéo giáo dân, về trách nhiệm trong việc binh biến của Lê Văn Khôi, v.v...

Một cuộc tọa đàm - Ban tổ chức đã tự xem công việc của mình thật khiêm tốn, thậm chí không dùng danh nghĩa hội thảo - tuy dày công và nhiều tâm huyết, nhưng cũng chỉ mới "xới" lên được một số điều liên quan đến một nhân vật được coi là đặc biệt: Lê Văn Duyệt, trong cuộc đời riêng và trong bối cảnh lịch sử mà nhân vật ấy sống. Việc đặt Lê Văn Duyệt dưới nhiều lăng kính không chỉ để tìm hiểu, đánh giá con người đó, xét về mặt công tội, mà còn choán một mặt bằng về văn hoá và tín ngưỡng sâu sắc trong dân gian đến tận hôm nay. Nơi ông yên nghỉ được gọi là "Lăng", dân gian nhiều lắm cũng chỉ dùng chức của ông - Tả quân - để gọi ông, còn bình thường thì cung kính gọi bằng "Ông". Ở đây, một danh xưng chung lại được dùng để chỉ một con người cụ thể: "Ông" tức là Lê Văn Duyệt. Các danh tướng khai cơ của Nguyễn Ánh thì có nhiều: Tiền quân Nguyễn Văn Thành, Hậu quân Võ Tánh, Hữu quân Nguyễn Huỳnh Đức, thế nhưng không ai giành được sự tôn kính mang màu sắc tôn giáo ấy như ông. Chúng ta đều biết, ở Nam bộ, trong khoảng thời gian dài và có lẽ cũng còn sót lại đến tận hôm nay, một câu thề độc: "Nếu tôi gian dối, thì xin thề trước lăng Ông, tôi sẽ bị vặn họng như con gà mà tôi mang đến cúng Tả quân". Gạt đi phần thầy bói cùng các loại mê tín chung quanh huyền năng nơi cõi âm của Lê Văn Duyệt, chúng ta nhận thức rằng sự tôn trọng kia liên quan chủ yếu đến công lao của ông đối với miền đất mà ông trấn nhậm. Người Pháp không diễn tả như chúng ta, nhưng họ gọi Lê Văn Duyệt là "Thống chế" (Maréchal),

tức Nguyên soái, hơn nữa, "Phó vương" (Vice-roi) những chức danh không có trong phẩm hàm của triều Nguyễn. Như vậy, xuất phát từ văn hóa dân gian, chúng ta có thêm cơ sở để hiểu lịch sử.

Sự khác nhau trong cách đánh giá Lê Văn Duyệt không chỉ mới có sau này. Sau loạn Lê Văn Khôi, Lê Văn Duyệt bị gọi là "Quyền yêm" (Thái giám lộng quyền), theo bản án của vua Minh Mạng. Mãi đến thời Tự Đức, chiếc xiềng trên lăng Lê Văn Duyệt mới được tháo bỏ. Sử gia triều Nguyễn thời kỳ Lê Văn Duyệt "chịu trừng phạt" (phục pháp), dùng đủ từ ngữ để thóa mạ ông - chắc không khó hiểu, bởi ông thường có những ý kiến khác với ý kiến của triều đình Huế và của đích thân vua Minh Mạng. Đặc biệt, mấy năm liền sau sự biến của Lê Văn Khôi, người con nuôi của Lê Văn Duyệt đã cố thủ thành Phiên An chống lại các đạo quân của triều đình, cùng với việc Lê Văn Khôi không bị chết trận hay bị bắt, mà bị chết bệnh, càng làm cho nỗi oán hờn của triều đình nhân lên nhiều lần. Đến khi danh dự được phục hồi, sử gia Quốc Sử quán chọn thái độ càng ít nói đến Lê Văn Duyệt càng tốt.

Nam bộ là mảnh đất mới, thời tiết mới, phong tục bản địa mới và con người mới. Dấu ấn thời khai hoang, lập ấp chưa phai mờ ngay vào những năm đầu của triều Nguyễn. Đánh giá sự kiện và con người vùng đất này, vào thời điểm đầu thế kỷ XIX, chắc chắn không thể trọn vẹn chỉ nếu dừng ở chỗ đứng của những tiêu chuẩn đã tồn tại hàng nghìn năm ở nhiều nơi khác. Vả lại, miền đất mới là nơi "đụng độ" của tính tự phát, giữa đất trời phóng khoáng với nền hành chính đã vào quy củ, gồm đủ tôn ti thượng hạ và bao nhiêu điều cấm kỵ mà ai đó thiếu thuộc lòng, rất dễ "phạm húy"; thời buổi nhiễu nhương vừa mới chấm dứt về cơ bản - thời buổi từng kéo dài khi họ Mạc lật đổ nhà Lê, chiếm Hà Nội, sinh ra chuyện Nam - Bắc triều, rồi Trịnh - Nguyễn phân tranh, từ lúc Nguyễn Hoàng vào trấn Thuận Hóa, rồi khởi nghĩa Tây Sơn... và chủ nghĩa thực dân phương Tây bắt đầu dòm ngó miền Viễn Đông, trong đó có Việt Nam. Người viết sử có thể phân chia diễn biến của quá khứ thành nhiều chương, hồi, theo một chủ điểm yêu ghét nào đó, có khi còn được gọi là chính thống; nhưng bản thân lịch sử thì nó triển khai đan xen với vô số mâu thuẫn và cách xử lý mâu thuẫn, không từ trong một kịch bản có sẵn nào cả.

Thật ra, các thời đại phong kiến phương Đông - nói cụ thể, như: Việt Nam, Trung Quốc, Triều Tiên - từng xảy ra sự kiện tương tự về những

nhân vật nổi tiếng. Có đại công thần được khắc tên ghi nhớ, rồi bị đục tên, rồi được khắc trở lại và cũng có người bị đục tên luôn. Có vụ án được xử lại sau vài chục hay cả trăm năm, nhưng cũng có vụ án không bao giờ được xử lại. Trong các nhân vật ấy, Lê Văn Duyệt được minh oan tương đối sớm, còn Nguyễn Văn Thành thì không - người đọc bài văn tế cực hay "Văn tế chiến sĩ trận vong", vị Bắc thành Tổng trấn Nguyễn Văn Thành do lỗi văn tự của người con mà phải thiệt thân, nhưng có lẽ do ông thiếu một sức ép khôi phục từ trong dân gian - thứ sức ép bền bĩ và quyết liệt.

Lê Văn Duyệt có công, bằng chứng là nhân gian ngưỡng mộ và kính trọng ông. Trên tình trạng chung như thế, ông không thể không có thiếu sót - thiếu sót của một vị tướng lĩnh, một đại công thần nhiều cá tính, nhưng không phải là một trí thức, một người luôn hành động theo trực giác hơn là so sánh với những kinh nghiệm đó đây, nhất là vào thời đại của ông. Nhân sinh quan chắc chắn là thoáng, song thế giới quan bó hẹp, lại nắm trọn quyền ngoài cõi. Có thể chúng ta chưa đi sâu để hiểu mối mâu thuẫn phát sinh giữa vua Minh Mạng và Lê Văn Duyệt, nói cách khác, phát sinh từ quan điểm truyền ngôi của Gia Long, khi Lê Văn Duyệt được "Tiên đế" dặn dò theo phò Tân vương. Nếu dừng lại ở chỗ Lê Văn Duyệt muốn con của dòng đích, tức dòng của hoàng tử Cảnh lên ngôi - vì ông và hoàng tử Cảnh có mối giao tình trong buổi trăm bề gian nan - thì lý do đó nếu có cũng chưa phải là lý do chính. Gia Long chọn hoàng tử Đảm kế vị - lên ngôi, lấy niên hiệu Minh Mạng, không giống người cháu của mình, con của hoàng tử Cảnh. Hoàng tử Cảnh được Bá Đa Lộc rửa tội. Đó là cách nhìn vận nước của Gia Long khác Lê Văn Duyệt. Chính sách của Minh Mạng đối với đạo Thiên Chúa là sai lầm, nhất là đối với tín đồ người Việt. Nhưng chính sách ấy không phải không có cơ sở lịch sử. Về mặt này, trong khi chúng ta tán thành thái độ của Lê Văn Duyệt là làm dịu hay tránh kỳ thị người theo đạo Thiên Chúa, thì đồng thời chúng ta cũng lưu ý mặt tế nhị của vấn đề. Lịch sử không phải một lần nhắc nhở, từ cố Marchand ở thành Phiên An của Lê Văn Khôi đến cố Lefèbre ngồi trên quân hạm tiến đánh Sài Gòn năm 1859. Đánh giá công tội của ông, chúng ta không theo lối tuyệt đối hoá. Thảo phạt các cuộc nổi dậy của đồng bào dân tộc ít người ở phía Bắc hay Đá Vách (Quảng Ngãi), phận làm tướng chắc không ai làm khác Lê Văn Duyệt. Bởi bấy giờ, các quan và cả nền văn hoá chưa có khái

niệm "khởi nghĩa", nhất là sự an toàn, sự ổn định để giữ nước luôn là nhu cầu số một của mọi chế độ cai trị.

Cuộc tọa đàm đầu tiên về nhân vật Lê Văn Duyệt theo phương châm: Công bằng trong đánh giá. Như trên đã nói, tuy chỉ mới "xới" các vấn đề, song tọa đàm ít ra cũng đặt được cơ sở cho phương hướng tìm tòi tiếp theo. Cuộc tọa đàm thành công là ở chỗ đó.

Dĩ nhiên còn cần phải có thời gian và tư liệu lịch sử để có sự đánh giá chính xác, khoa học về các vấn đề trên, bởi vì không thể suy luận một cách chủ quan từ các sự kiện, mà phải đặt trong bối cảnh lịch sử khách quan, căn cứ vào những biểu hiện cụ thể của nhân vật trong suy nghĩ và hành động trước những tình huống đó.

Dù sao những điểm nhất trí vẫn là chủ yếu và cái quan trọng nhất là hậu sinh rút ra những bài học gì của nhân vật lịch sử có nhiều tranh cãi này, kể cả về mặt tích cực lẫn những mặt tiêu cực, hạn chế, để suy nghĩ cho những vấn đề hôm nay. Đó cũng là cách làm cho cuộc tọa đàm đi vào cuộc sống với kết quả thiết thực.

TRẦN BẠCH ĐẰNG

Mục Lục

PHỤ LỤC

Tọa đàm về nhân vật Lê Văn Duyệt

GS. ĐINH XUÂN LÂM

Lê Văn Duyệt là một nhân vật lịch sử mà cuộc đời và sự nghiệp trước kia cũng như hiện nay chưa có một sự đánh giá thống nhất, khen chê chưa dứt khoát, đâu là mặt tích cực, đâu là mặt hạn chế. Trong khi đó thì đối với một bộ phận trong nhân dân Sài Gòn - Gia Định (nay là thành phố Hồ Chí Minh), Lê Văn Duyệt đã được trân trọng thờ phụng, hương khói chuyên cần. Tình hình đó đòi hỏi một cuộc trao đổi ý kiến rộng rãi tiến tới một sự đánh giá đúng đắn về vai trò của ông trong lịch sử dân tộc.

Những điểm cần đi sâu

Lê Văn Duyệt (1763-1832) sinh ra, lớn lên và hoạt động trong nửa sau thế kỷ XVIII và gần như trọn vẹn nửa đầu thế kỷ XIX. Lúc này chế độ phong kiến Việt Nam đã bước vào thời kỳ khủng hoảng suy vong, được đánh dấu bằng sự bùng nổ quyết liệt và song hành hai loại hình đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc.

Thế kỷ VIII có thể gọi là thế kỷ chiến tranh nông dân. Ở Đàng Ngoài dưới quyền chúa Trịnh (vua Lê không có thực quyền), do tình trạng chấp chiếm ruộng đất của giai cấp địa chủ, cường hào; tệ tham nhũng của quan lại; sự đình trệ của ngoại thương và chính sách ức thương của nhà nước... đưa dần đất nước vào cuộc khủng hoảng. Đặc biệt khu vực Đàng Trong, nhờ những ưu thế của vùng đất này đã giúp cho các chúa Nguyễn giữ được tình trạng ổn định của xã hội trong một thời gian khá dài so với Đàng Ngoài, nhưng rồi mâu thuẫn cố hữu của chế độ phong kiến cũng dần dần phát huy tác dụng tai hại. Từ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX tình trạng ruộng đất công đều bị lũng đoạn, phần bị

đem bán hoặc cầm cố, một số bỏ hoang vì tô thuế phiền phức, nặng nề, nhân dân không đóng nổi, số còn lại bị bọn nhà giàu xâm chiếm khiến người nghèo không có mảnh đất cắm dùi, cho nên người giàu càng giàu, người nghèo càng nghèo, thuế thiếu, dân lưu tán (Phạm Nguyễn Du – *Nam hành ký đắc tập*). Kết quả là ở vùng Gia Định (Nam bộ ngày nay), đất đai rộng lớn, trù phú, người ít, thế mà phần lớn ruộng đất nằm trong tay địa chủ, nông dân nghèo vẫn phải cày thuê cuốc mướn, hoặc đi khai hoang ở các vùng xa.

Tình hình chung của cả hai miền Đàng Trong và Đàng Ngoài như vậy tất nhiên dẫn tới sự bùng nổ quyết liệt của nông dân trên phạm vi cả nước. Đặc biệt sử cũ ghi chép về tình hình Đàng Trong thời đó đã ghi: "Trăm họ cơ cực, trộm cướp nổi lên bốn phương, trong cõi từ đó có nhiều việc" làm cho chế độ phong kiến Đàng Trong bước vào giai đoạn suy tàn, dẫn tới đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa của nông dân Tây Sơn bùng lên từ đất Bình Định làm rung chuyển không chỉ miền Nam mà cả nước. Chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong bấy giờ bị đặt trước một uy hiếp tấn công lớn ngay trên địa bàn cai trị của mình, từ phía Nam ra. Cũng vào lúc ấy, ở Đàng Ngoài chúa Trịnh được tin về cuộc khởi nghĩa Tây Sơn đang làm lung lay chính quyền, đã phát quân tướng vào đánh chúa Nguyễn. Trong tình thế bị o ép cả hai phía, chúa Nguyễn đã nhượng bộ với quân Bắc và xin bãi binh, nhưng quân Trịnh vẫn tiếp tục tiến vào. Biết không chống lại được, đầu năm 1775 chúa Nguyễn Phúc Thuần đã phải cùng gia quyến và thân binh vượt biển vào Gia Định, quân Trịnh chiếm đô thành Phú Xuân của họ Nguyễn. Tháng 3-1775, một bộ phận quân Trịnh vượt đèo Hải Vân đánh vào. Giữa quân Tây Sơn và quân Trịnh đã diễn ra nhiều cuộc đánh lớn, nghĩa quân đã làm kế hoãn binh, tạm thời hoà hoãn với quân Trịnh để họ rút về Bắc, nghĩa quân Tây Sơn dồn lực lượng vào đánh Gia Định. Quân Nguyễn bị đánh bại khắp nơi, các chúa Nguyễn Phúc Thuần và Nguyễn Phúc Dương đều bị giết. Một người cháu của Nguyễn Phúc Khoát là Nguyễn Ánh, được sự ủng hộ của các đại địa chủ Gia Định đã hợp quân đánh chiếm lại Gia Định. Nhưng sau khi Nguyễn Nhạc lên ngôi hoàng đế, đặt niên hiệu là Thái Đức, phongNguyễn Huệ làm Long Nhương tướng quân, Nguyễn Lữ làm Tiết chế (1778), quân Tây Sơn đã hai lần đánh vào Gia Định. Quân Nguyễn Ánh thất bại nặng nề, tạm bỏ Gia Định chạy trốn sang Xiêm nương náu. Chính quyền chúa Nguyễn đã bị đánh đổ, nhưng Nguyễn Ánh vẫn không

chịu từ bỏ ý định khôi phục cơ đồ của dòng họ. Còn quân Tây Sơn sau khi đánh đổ chính quyền chúa Nguyễn, đã thực hiện hàng loạt chiến công oanh liệt, bên trong thì lật đổ chính quyền Lê-Trịnh, bên ngoài, trước thì đánh tan quân can thiệp Xiêm do Nguyễn Ánh xin cứu giúp với chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút (1-1785) - sử nhà Nguyễn sau này phải thừa nhận rằng: "Người Xiêm sau trận thua năm Giáp Thìn (1785) ngoài miệng tuy nói khoác nhưng trong bụng thì sợ quân Tây Sơn như sợ cọp", sau lại đại phá quân xâm lược Mãn Thanh giải phóng thành Thăng Long vào trước ngày mồng 5 Tết Kỷ Dậu (30-1-1789) trong cảnh "mây tạnh mù tan trời lại sáng; đầy thành già trẻ như hoa".

Triều đại Quang Trung sau đó đi dần vào thế ổn định với xu thế tiến bộ, cuộc sống của nhân dân cũng đang trên con đường hồi phục thì Hoàng đế Quang Trung mất đột ngột, chưa kịp làm gì nhiều trước những vấn đề lớn mà lịch sử Việt Nam đã đặt ra và yêu cầu được giải quyết. Đã vậy, trước đó mâu thuẫn giữa anh em Tây Sơn cũng đã bộc lộ ngày càng sâu sắc, tình trạng đó làm chính quyền Tây Sơn cũng bị phân tán lực lượng.

Lợi dụng tình hình có lợi đó, Nguyễn Ánh từ đất Xiêm đã bí mật trở về. Với lực lượng được bổ sung ngày càng đông, được bọn đại địa chủ trong vùng tích cực giúp đỡ, Nguyễn Ánh lần lượt chiếm lại vùng đất thuộc Gia Định, rồi làm chủ toàn miền. Chính trong quá trình tranh chấp giữa triều đại Tây Sơn với lực lượng Nguyễn Ánh thời kỳ này đã xuất hiện nhân vật lịch sử Lê Văn Duyệt. Và trong thắng lợi của Nguyễn Ánh, triều đại Tây Sơn bị đánh đổ, triều Nguyễn được thiết lập (1802), có thể khẳng định Lê Văn Duyệt có công lớn, là một khai quốc công thần đối với nhà Nguyễn, với mốc mở đầu là năm Canh Tí (1780) Nguyễn Ánh sau khi lên ngôi chúa ở Gia Định, đã tuyển dụng Lê Văn Duyệt, lúc đầu với chức vị thái giám, nhưng sau đó với tài năng của mình ông đã nhanh chóng trở thành một danh tướng trụ cột của Nguyễn Ánh. Đó là lý do vì sao trước đây khi đánh giá triều Nguyễn trong lịch sử là một triều đại phản động "toàn diện", "cõng rắn cắn gà nhà" thì tất cả những ai gắn liền với triều đại đó, cũng như những việc làm của triều đại đó, đều bị nhìn nhận, đánh giá một cách khắt khe, chỉ thấy mặt tiêu cực, mặt xấu, mà không thấy được mặt tích cực, mặt khả thủ của một sự phân tích khách quan khoa học, đặt trong những điều kiện của từng thời kỳ lịch sử với những yêu cầu cụ thể cần được giải quyết. Lê Văn Duyệt là một trường hợp như vậy. Trước đây từng có ý kiến nghiêm khắc phê phán

ông, cho rằng ông đã theo giúp Nguyễn Ánh chống lại phong trào nông dân Tây Sơn, mà không thấy được những mặt tích cực của ông cũng có ý nghĩa tiến bộ vì đã góp phần vào việc củng cố bộ máy cai trị của triều Nguyễn sau một giai đoạn nội chiến kéo dài, dân cư xiêu tán, nông công thương nghiệp đều suy thoái tiêu điều, đời sống nhân dân vì vậy vô cùng cực khổ. Hơn nữa, trong việc sụp đổ của triều đình Tây Sơn có nhiều nguyên nhân, trong số các nguyên nhân đó có nguyên nhân chủ quan từ phía Tây Sơn.

Riêng về Lê Văn Duyệt, trước tiên phải nói ông ta là một ông quan biết chăm lo đến đời sống nhân dân. Khi làm Tổng trấn Gia Định, trong một chuyến đi từ Kinh đô Phú Xuân về Gia Định, khi đi qua Bình Thuận và Thuận Thành đang cơn đại hạn, "thấy dân đói đến nỗi phải ăn quả cây rễ cỏ" *(Đại Nam thực lục chính biên - Đệ nhị kỷ)*, Lê Văn Duyệt đã tức tốc đem tình trạng đó tâu về triều. Vua Minh Mạng cho ngay quan vào hội cùng các quan tỉnh Bình Thuận phát 10.000 hộc thóc kho, bớt giá bán cho dân, cứu nạn đói.

Đặc biệt khi được giao trọng trách Tổng trấn thành Gia Định, Lê Văn Duyệt đã chứng minh một tài năng quản lý xuất sắc, biết dùng người đúng công việc và khả năng nên đã phát huy tốt tác dụng trong việc ổn định tình hình trật tự trị an ở địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng và phát triển. Năm Minh Mạng thứ 5 (1824), Lê Văn Duyệt tâu: "5 cơ Phiên Binh hậu, Định Uy tiền, Vĩnh Bảo tả, Vĩnh Bảo hữu, Vĩnh Bảo hậu cùng 5 đội Định Tiên của Phiên Võ thuộc thành Gia Định số biền binh nhiều mà các chánh phó quản cơ ngang vai đối thủ, gặp có việc sai phái dễ sinh ương ngạnh, nạnh nhau, nên có một viên đại thống lãnh thì mới có thể thống nhất chí mọi người được". Trên cơ sở đó, ông đã đề nghị triều đình cử Trấn thủ Biên Hòa là Nguyễn Văn Phong nghỉ việc Trấn thủ để coi việc quân, theo thành mà thao luyện" (*Đại Nam thực lục chính biên - Đệ nhị kỷ*). Lời tấu của ông được nhà vua chấp nhận. Trong việc sắp xếp, thấu lý đạt tình. Khi triều đình định điều viên ký lục thành Phiên An là Trịnh Xuân Trạm đi nơi khác và đưa Nguyễn Tiến Hiệu từ Quảng Ngãi vào thay, ông đã dâng sớ nói: "Tiến Hiệu... thực là chậm chạp, khi trước theo việc binh dã ở Gia Định đã lâu, lại dân thành ấy đều biết, nay đến làm việc ở đây hẳn khó thuyết phục lòng người. Xuân Trạm làm việc ở Phiên An thực là người thanh liêm siêng năng, không ai chê bai, xin cho lưu lại". Lời tấu của ông được chấp nhận. Lê Văn

Duyệt cũng rất nghiêm túc trong việc tuyển dụng, đánh giá chất lượng người làm việc trong bộ máy chính quyền. Chính ông đã "tâu hạch viên nhân các nha văn võ thuộc thành (Gia Định) có kẻ vào ngạch một cách mập mờ, có kẻ bỏ ngạch mà trốn". Và được vua ra lệnh "chước lượng phân biệt bổ dùng, những người hèn kém thì thải bỏ đi" (*Đại Nam thực lục chính biên - Đệ nhị kỷ*). Đồng thời ông cũng rất chú tâm nâng đỡ, sẵn lòng tiến cử những người có tài, trong số đó có Nguyễn Hữu Khôi quê ở Cao Bằng, được ông nhận làm con nuôi khi ông còn làm Kinh lược hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An, rồi đưa về Gia Định dùng trong việc quân.

Đặc biệt, khi phát hiện ra là người do mình tiến cử phạm lỗi lớn, nhân dân nộp đơn kiện nhiều (đó là trường hợp Tham tri bộ Hộ là Trần Nhật Vĩnh), thì Lê Văn Duyệt làm tờ tâu nhận tội đã dùng sai người, xin giao triều đình nghị xử. Nhưng vua Minh Mạng lại giao cho đích thân ông xét xử vụ án này.

Đối nội thì như vậy, còn đối ngoại cũng có điểm đáng khen. Một cống hiến quan trọng về mặt ngoại giao của ông là trong công việc luôn luôn có sự kết hợp chặt chẽ những biện pháp răn đe, trừng phạt cứng rắn khi cần thiết với cách xử lý mềm dẻo, trên tinh thần hòa hiếu giữa các dân tộc, sẵn sàng thu dụng những người nước ngoài tới làm ăn trong vòng pháp luật của triều đình và mở cửa giao thương với nước ngoài. Dẫn chứng thì nhiều, chỉ xin nêu một sự kiện để minh họa. Tháng 12 năm Mậu Tý, Minh Mạng thứ 9 (1828), nhà vua mật dụ cho Tổng trấn Gia Định là Lê Văn Duyệt phải theo dõi đề phòng người Xiêm lúc đó đang có mặt ở vùng biên giới Lào - Việt, nếu chúng gây sự mà đến Gia Định thì sẵn sàng đối phó. Lời dụ nhấn mạnh ý là thừa cơ sẽ "sai đại phát kinh binh, chia đường thủy lục đều tiến, sẽ có một trận tan tành sào huyệt của chúng. Lê Văn Duyệt đã dâng tờ sớ trình bày suy nghĩ của mình, qua lời tấu thấy rõ tính thận trọng. "Nay người Xiêm quấy nhiễu, chưa rõ hẳn là ý vua Xiêm hay tự tướng ngoài biên cầu công. Vả lại hắn lấy cớ đòi hỏi Vạn Tượng mà quân ta vội động thì phải trái chưa rõ, mà tin tức việc binh lại lộ ra trước, nước họ lại nhân thế mà củng cố phòng bị, như thế chưa phải là mưu vạn toàn thủ thắng. Xin hạ lệnh cho quan kinh lý biên vụ đóng binh không động, để xem việc biến chuyển ra sao. Lại sai sứ đưa thư sang Xiêm, đem việc thiết trách. Nếu họ cố ý gây chuyện thì ta lợi dụng vin cớ ấy, binh ta tuyên bố nghĩa lớn, thẳng tới kinh đô nước Xiêm, phá tan sào huyệt của họ cũng chưa là muộn" (*Đại Nam thực lục*

chính biên - Đệ nhị kỷ). Lời tâu của ông được nhà vua tán thành, và sau đó Lê Văn Duyệt đúng với chức năng và nhiệm vụ của mình luôn luôn đề cao cảnh giác, việc biên phòng không một lúc nào lơ là, xao nhãng.

Không phải đợi đến khi giữ chức Tổng trấn thành Gia Định thì Lê Văn Duyệt mới có đường lối ngoại giao đúng đắn đó, mà trước đó ông cũng đã thể hiện rõ tư tưởng hòa hiếu, tranh thủ là chính. Như tháng 7 năm Giáp Thân, Minh Mạng thứ 5 (1824), đồ đảng của sư Kế nước Chân Lạp là Đinh Mạt quấy rối hai phủ Ba Cầu Nam và Tầm Run, Phó Tổng trấn Gia Định là Trần Văn Năng tâu xin phái quân vì nước ấy phòng bị. Đến khi An phủ nước ấy là Tham mi Đê Đô đem dân phiên đến bắt, chém được Đinh Mạt cùng đồ đảng hơn 10 người, Năng báo cáo tình hình có phần khoa trương nên nhà vua sai hậu thưởng. Nhưng Lê Văn Duyệt có ý kiến tâu lên nhà vua: "Nước lớn đối với nước phụ thuộc, cứu tai biến, thương hoạn nạn, phải giữ đại thể, còn như trộm cướp nhỏ mọn thì đối với sự thể triều đình không quan hệ gì mấy, An phủ là quan phiên, trừ giặc phiên cũng là chức phận mà thôi. Năng chưa quen việc biên giới, việc nhỏ báo cáo to để cầu thưởng là không phải" (*Đại Nam thực lục chính biên - Đệ nhị kỷ*). Ý kiến xác đáng của Lê Văn Duyệt được vua Minh Mạng tán thành.

Cũng như sự kiện bề tôi phản ở nước Chân Lạp là Đê Đô Minh chạy sang Xiêm, được người Xiêm cho ở gần đường biên giới, dung túng cho tràn sang cướp bóc bên đất Chân Lạp, quan bảo hộ của triều Nguyễn là Nguyễn Văn Thụy phải đem quân trấn áp thì dân Chân Lạp mới yên. Lê Văn Duyệt được báo cáo đã đem việc đó tâu về triều và nói rõ việc xảy ra là do bàn tay của người Xiêm, và xin sai quan nói rõ: "lấy sự lý lợi hại mà báo thì nó mới sợ, mà nước Phiên (Chân Lạp) mới được yên" (*Đại Nam thực lục chính biên - Đệ nhị kỷ*).

Rõ ràng vai trò của Lê Văn Duyệt ở Gia Định là rất lớn, sự có mặt của ông ở Gia Định là rất cần thiết cho triều đình và mang lại những lợi ích thiết thực cho nhân dân. Cứ đọc lời Dụ sau đây của vua Minh Mạng vào tháng 3 năm Mậu Tý, Minh Mạng thứ 9 (1828) khi Lê Văn Duyệt mới điều dưỡng bệnh lành (lúc này ông về quê nhà điều dưỡng) thì rõ: "Thành Gia Định là trọng trấn cõi Nam, không nên vắng lâu. Khanh ngày thường được người Xiêm La vẫn sợ, nay lại đi đảm miền ấy, để có oai như hổ báo ở rừng, mà cũng có ý chế phục người ngoài vậy" (*Đại Nam thực lục chính biên - Đệ nhị kỷ*).

Trong công tác ngoại giao, cũng phải kể đến những cố gắng của Lê Văn Duyệt trong việc đặt quan hệ với các nước phương Tây, đã không được triều đình cho phép và bị ngờ vực, theo dõi. Triều đình bảo thủ đã không nhận ra rằng trong hoàn cảnh những thập kỷ đầu của thế kỷ XIX, với sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản phương Tây đang trên con đường săn lùng thị trường tiêu thụ hàng hóa, địa bàn khai thác nguyên vật liệu và căn cứ phát huy ảnh hưởng chính trị thì yêu cầu mở cửa giao thương với bên ngoài là cấp bách, cần phải chủ động và kịp thời mở cửa, để quá muộn thì nguy cơ mất nước là hiển nhiên. Việc đóng cửa không chịu đặt quan hệ với nước ngoài lại gắn liền với việc cấm đạo, trong khi đó thì Lê Văn Duyệt lại rộng rãi, có thái độ khoan dung, tại Gia Định cửa các nhà thờ vẫn mở, không ai dám phá hoặc hủy, các cha cố người Việt được tự do truyền đạo, các cha cố người nước ngoài (Bồ, Y-pha-Nho, Pháp...) được ra vào dễ dàng. Trong khi đó vua Minh Mạng lại thi hành chính sách cấm đạo. Kết quả là chính sách bế quan tỏa cảng cộng với chính sách cấm đạo làm cho nền kinh tế quốc nội nói chung, công thương nghiệp nói riêng lâm vào tình trạng bế tắc, đình đốn. Các đô thị cũ như Hội An, Thanh Trà, Phố Hiến đều không có điều kiện hồi phục, mà Sài Gòn-Bến Nghé lại có phần khởi sắc. Lê Văn Duyệt tại Gia Định đã nhận thức được yêu cầu cấp thiết của việc mở rộng giao thương với bên ngoài thông qua con đường ngoại giao và truyền giáo để đẩy kinh tế phát triển lên một bước và hòa nhập với thị trường Đông Nam Á và thế giới. Nhưng ông đã gặp phải sự cản trở của triều đình, nên nhiều khi đã phải vượt quyền, chưa có lệnh của nhà vua đã thực hiện ý định của mình.

Tới buôn bán tại Gia Định lúc đó khách thương chủ yếu là người Hoa, Xiêm, Mã Lai, tất cả đều được Lê Văn Duyệt tạo điều kiện làm ăn, góp phần làm cho sinh hoạt kinh tế trong vùng có phần phát triển. Đặc biệt đối với người Hoa và người Minh Hương, thu hút họ về để thêm nhân lực làm cho dân thêm đông, đất đai thêm trù phú, tăng thêm hoa lợi, sau một thời kỳ loạn lạc chiến tranh kéo dài, nhân dân xiêu tán, họ được quyền tới làm ăn lập nghiệp không phân biệt đối xử so với người Việt, miễn là tôn trọng phong tục và luật lệ Việt Nam và chỉ cần hai đời là họ đã trở thành người Việt. Trong bầu không khí hồ hởi phấn chấn đó, dân trong vùng Gia Định tăng nhanh lên hơn vạn người. Tháng 8 năm Mậu Tí (1828) Minh Mạng đã có dụ khen ngợi Lê Văn Duyệt "khéo việc săn sóc vỗ về dân, sổ hộ khẩu dần dần tăng thêm (*Đại Nam thực lục chính*

biên - Đệ nhị kỷ). Cũng phải kể tới những việc làm khác nữa của Lê Văn Duyệt được nhân dân rất ca ngợi, nhớ ơn như đào kênh, khai sông tạo điều kiện cho dân về dựng nhà lập vườn, cho lập đền chùa để dân lui tới cúng bái, tổ chức các lễ hội dân gian trong những ngày tết lễ. Đặc biệt ông rất nghiêm khắc đối với bọn quan lại tham nhũng chuyên áp bức vơ vét bòn rút của dân, thẳng tay trừng trị bọn tội phạm dù cho đó chính là bố vợ của vua Minh Mạng là Phó Tổng trấn Huỳnh Công Lý.

Với tất cả công đức lớn lao như vậy, Lê Văn Duyệt được nhân dân Gia Định cảm phục và nhớ ơn, thậm chí tên tuổi ông đã đi vào đời sống tâm linh của họ, tình cảm đó cũng dễ hiểu, hợp lý và đáng tôn trọng, (tất nhiên là nên có sự hướng dẫn để tránh bị lợi dụng đi vào con đường mê tín, bói toán quàng xiên).

Tổng kết lại, nhân vật Lê Văn Duyệt có một vai trò nhất định trong lịch sử nước ta hồi cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Đối với lịch sử Gia Định xưa (nay là Sài Gòn - Chợ Lớn) vai trò đó càng cụ thể và to lớn. Gạt bỏ đi những hạn chế có tính tất yếu đối với bất cứ một ông quan cai trị, một ông tướng cầm quân nào thời phong kiến, những đóng góp của Lê Văn Duyệt về mặt chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội là cụ thể và thiết thực, cần được khẳng định.

Nhưng rõ ràng là muốn đi đến một sự nhất trí cao trong việc đánh giá Lê Văn Duyệt, cần đi sâu trao đổi và giải quyết mấy vấn đề sau:

- Yêu cầu đặt ra cho lịch sử Việt Nam vào cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX?
- Vai trò của Lê Văn Duyệt trong việc xây dựng và phát triển vùng đất Gia Định xưa (nay là Sài Gòn - Chợ Lớn) về kinh tế và xã hội?
- Vai trò của Lê Văn Duyệt trong việc bảo vệ biên giới phía Tây - Nam?
- Tư tưởng mở cửa với chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Lê Văn Duyệt?

Đánh giá Lê Văn Duyệt từ trước đến nay

TS. NGUYỄN MINH TƯỜNG

Lê Văn Duyệt sinh năm Quí Mùi (1763), quê gốc tại làng Bồ Đề, huyện Chương Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi[1]. Từ đời ông là Lê Văn Hiếu đã di cư vào miền Nam ngụ tại làng Hòa Khánh, tỉnh Định Tường. Lê Văn Hiếu sinh được một con trai là Lê Văn Toại (có sách chép là Lê Văn Thoại). Lê Văn Toại lại di cư đến Rạch Gầm, tổng Long Hưng, Mỹ Tho, cũng trong tỉnh Định Tường cũ. Lê Văn Toại sinh được 4 con trai, Duyệt là con trưởng. Sử cũ cho biết "ông hình thể ngắn nhỏ, tính hãn, có tài lực"[2] và mắc bệnh "ẩn cung hình"[3] từ lúc mới sinh. Tương truyền, từ năm 14,15 tuổi, Lê Văn Duyệt thường tự than: "Sinh ra ở đời loạn mà không dựng cờ nổi trống làm đại tướng, để công danh trên thẻ bạc, thì chẳng đáng mặt làm trai"!

Năm Canh Tý (1780), Nguyễn Ánh xưng vương ở Gia Định. Lê Văn Duyệt năm ấy 17 tuổi, được tuyển dụng làm thái giám, việc nội đình làm rất giỏi, được đổi bổ làm thuộc nội Cai đội, quản 2 đội thuộc Nội. Lê Văn Duyệt từng có công hộ giá Nguyễn Ánh sang Xiêm (Thái Lan) hai lần, được thăng Diệu úy Hiệu úy, vì có quân công nên lại được thăng Tả doanh Đô Thống chế[4]. Khi trở về Gia Định, Lê Văn Duyệt lập được hai chiến công: Thu phục thành Qui Nhơn (Bình Định) và thắng trận ở Cửa bể Thị Nại (thuộc Bình Định) vào năm Canh Thân (1800) và đầu năm Tân Dậu (1801). Năm Tân Dậu (1801), chiếm xong Phú Xuân, Nguyễn Ánh phong ông làm Khâm sai Chưởng Tả quân dinh, Bình Tây tướng quân, được phong tước Quận công vào đầu năm 1802.

Mùa hạ năm Gia Long thứ nhất (1802), Lê Văn Duyệt nhận lệnh cùng Trung quân Nguyễn Văn Thành và Hậu quân Lê Chất đi bình định miền Bắc, rồi lãnh chức Kinh lược sứ hai trấn Thanh Hóa, Nghệ An.

Năm Quí Dậu (1813), vua Gia Long cử Lê Văn Duyệt vào Nam làm Tổng trấn Gia Định thành, bảo hộ Chân Lạp, đến năm 1816 thì triều đình triệu ông về Kinh.

Năm Canh Thân (1820), với cương vị đại thần huân cựu, được vua Minh Mệnh tin cẩn, Lê Văn Duyệt lại vào giữ chức Tổng trấn Gia Định thành lần thứ hai cho đến khi qua đời.

Lê Văn Duyệt mất tại chức vào ngày 1-8 năm Nhâm Thìn (30-8-1832) [5]. Sách *Đại Nam thực lục* cho biết vua Minh Mạng đã "Truy tặng ông là Tả vận công thần, đặc tiến Tráng Võ tướng quân, Tả quân Đô Thống Phủ, Chưởng phủ sự, Thái Bảo, Quận công, thụy Uy Nghị, ban cho 10 cây gấm mầu, 10 tấm nhiễu mầu, 3000 quan tiền, trước hãy ban một tuần (tức 10 ngày - NMT) tế, đến ngày an táng lại cho một tuần tế nữa"[6].

Lê Văn Duyệt mất gần được 1 năm thì xảy ra sự kiện con nuôi ông là Lê Văn Khôi khởi binh chiếm thành Phiên An, chiếm lục tỉnh Nam Kỳ chống lại triều đình nhà Nguyễn (1833 - 1835). Đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến những lời đánh giá của vua Minh Mạng sau này hoàn toàn trái với những nhận xét trước kia của ông đối với Lê Văn Duyệt.

Sinh thời Lê Văn Duyệt là người "Xuất tích cương lệ" (lời vua Minh Mạng), hùng dũng, cứng cỏi, có đảm lược, quyết đoán, một danh tướng, một chính trị gia sắc sảo của triều Nguyễn, có công lao không nhỏ đối với việc giữ yên bờ cõi phía Nam của Tổ quốc ta hồi những thập niên đầu thế kỷ XIX.

Trong bài viết này, để tiện cho việc trình bày, chúng tôi tạm phân chia việc đánh giá Lê Văn Duyệt qua 3 giai đoạn:

- Giai đoạn từ 1813 đến 1884.
- Giai đoạn từ 1885 đến 1954.
- Giai đoạn từ 1954 đến nay.

Các tác giả từ 1813 đến 1884 nhận định về Lê Văn Duyệt

Bộ sách đầu tiên ghi chép tương đối kỹ về tiểu sử, hành trạng, sự nghiệp của Lê Văn Duyệt là bộ chính sử triều Nguyễn *Đại Nam thực lục* (ở hai kỳ: Gia Long (1802 - 1819); và Minh Mạng (1820 - 1840)[7].

Đọc bộ sử triều Nguyễn này, chúng ta có thể nhận thức được công lao của Lê Văn Duyệt đối với vùng đất phía Nam trên nhiều phương diện: từ việc trấn giữ bờ cõi phía Nam tổ quốc đến việc tổ chức đào kênh Vĩnh Tế, khuyến khích dân chúng khẩn hoang, mở rộng đất canh tác nông nghiệp; từ việc khéo dùng người hiền tài đến chính sách đối với Ky tô

giáo hợp lòng dân; từ việc đối xử với các tội phạm biết ăn năn, hối cải đến chính sách đối ngoại vừa khôn khéo, mềm dẻo vừa cương quyết... Bộ *Đại Nam thực lục* này được coi như bộ sử "Mẹ", sau này các bộ sử khác của triều Nguyễn hoặc các tập chuyên khảo về Lê Văn Duyệt của các tác giả cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đều phải căn cứ vào đó.

Các tác giả đều khẳng định dưới đời vua Gia Long, Lê Văn Duyệt rất được tin cẩn, tin yêu, đồng thời Lê Văn Duyệt cũng rất kính trọng vua Gia Long. Mâu thuẫn giữa ông với triều đình Huế, có chăng chỉ khi vua Minh Mạng lên ngôi năm 1820.

Mặc dù có những mâu thuẫn nhất định giữa hai người nhưng khi cử Lê Văn Duyệt vào chức Tổng trấn Gia Định thành, vua Minh Mạng đã trao cho ông quyền hành rất rộng lớn. Sách *Đại Nam thực lục* cho biết: "Tháng 5 năm Canh Thìn (1820) lấy Chưởng quân Lê Văn Duyệt làm Tổng trấn Gia Định thành (thay Nguyễn Văn Nhân - NMT). Phàm truất thăng quan lại, hưởng lợi, trừ hại, tất cả việc thành (bao gồm 5 trấn: Phiên An - Biên Hòa - Định Tường - Vĩnh Thanh - Hà Tiên - NMT) và việc biên cương đều cho tùy tiện mà làm. Duyệt bệ từ, Vua cho rằng ký thác công việc biên vốn khó tìm được người, hai ba lần vỗ về yên ủi"[8].

Với những công lao của mình, vào tháng 4 năm Quí Mùi (1823), Lê Văn Duyệt được vua Minh Mạng thưởng cho đai ngọc và nhận xét về ông như sau: "Trẫm nghĩ khanh khi xưa đi theo vua đã có công lao, giữ hết lòng trung, cho nên Hoàng khảo ta (tức vua Gia Long - NMT) dặn lại giúp Trẫm. Trước đó nhân đất Gia Định ở giáp nước Phiên nên sai khanh làm Tổng trấn. Từ khi khanh giữ việc đến nay thì dẹp yên giặc Chân Lạp, tiếp đến tra xét đinh lậu, thêm lên hơn vạn hộ khẩu. Nay lại tự mình đốc soát việc đào sông (Vĩnh Tế - NMT) để thành cái chí noi theo việc trước của Trẫm. Làm tôi siêng năng duy khanh là hơn cả cho nên hậu thưởng. Từ trước đến nay các hoàng tử tước công chưa từng cho đeo đai ngọc. Nay nghĩ khanh công trước vốn đã rạng rỡ, lại dựng được công mới, nên đặc cách ban cho"[9].

Ngoài bộ *Đại Nam thực lục*, còn nhiều bộ quốc sử hoặc tư sử khác được viết dưới thời Nguyễn đều có chép về hành trạng của Lê Văn Duyệt, mà phần lớn khẳng định công lao của ông đối với triều Nguyễn. Chúng tôi xin dẫn ra đây một số bộ tiêu biểu: *Đại Nam liệt truyện*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Minh Mệnh chính yếu* do Quốc Sử quán triều Nguyễn biên soạn; *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* do Nội Các thời Tự Đức biên

soạn; *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức (1765 - 1825); *Quốc sử di biên* của Phan Thúc Trực (1808 - 1852); *Quốc triều chánh biên toát yếu* của Cao Xuân Dục (1842 - 1923) và *Bản triều bạn nghịch liệt truyện* của Kiều Oánh Mậu (1854 - 1912). Do giới hạn của một tham luận khoa học, chúng tôi không thể trình bày tất cả những đánh giá, những nhận định về Lê Văn Duyệt trong các bộ sử nêu trên. Chúng tôi chỉ xin trình bày tóm tắt những ý kiến của sử thần triều Nguyễn thế kỷ XIX về Lê Văn Duyệt trong hai bộ *Đại Nam nhất thống chí* và *Đại Nam liệt truyện*. Vì theo chúng tôi hai bộ sách này ghi chép những ý kiến đánh giá chính thức về Lê Văn Duyệt của sử gia triều Nguyễn.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* là bộ địa lý học - lịch sử được biên soạn dưới triều Nguyễn vào nửa cuối thế kỷ XIX. Ở mục "Nhân vật" tỉnh Quảng Ngãi, các tác giả chọn Lê Văn Duyệt là một trong những người cần ghi lại công tích và biểu dương sự nghiệp. *Đại Nam nhất thống chí* nhận định về Lê Văn Duyệt như sau: "... Duyệt là người thâm trầm, dữ tợn, chiến đấu giỏi. Vũ công của Duyệt đứng hàng đầu, sau được phong tước Quận công... Sau đó, làm Tổng trấn Gia Định thành, dẹp loạn người Cao Miên là Tăng Kế, sau trông nom đào sông Vĩnh Tế, công việc xong xuôi được ban thưởng hậu..."(10). Cũng bộ sách này đã chép khá khách quan việc Lê Văn Duyệt sau khi qua đời còn bị vua Minh Mạng đối xử oan khuất như sau: "Năm Minh Mạng thứ 14 (1833) vì Lê Văn Khôi là bộ hạ của Lê Văn Duyệt làm loạn, chiếm cứ thành Phiên An, quan quân đi đánh 3 năm mới dẹp được. Năm thứ 16 (1835) viện Đô sát truy hặc về việc này, giao xuống đình nghị, thành án, hạ chiếu cho san bằng mộ và dựng kệ đề là "Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xứ" (Chỗ quyền yêm Lê Văn Duyệt chịu tội), lại dựng bia ở nhà học để làm gương răn những kẻ quyền yêm muôn đời. Vợ con thân thuộc đều bị tội chết. Cũng có người được xử tội nhẹ, đi đày. Năm Thiệu Trị thứ I (1841), những người bị đi đày đều được giảm nhẹ hoặc tha..."(11).

Nhưng chép kỹ lưỡng và tập trung hơn cả về hành trạng của Lê Văn Duyệt là bộ *Đại Nam liệt truyện*. Khác với *Đại Nam thực lục* chép theo thể biên niên, các sự kiện bị cắt rời ra theo từng năm, do đó thiếu sự liền mạch, thể tài kỷ truyện của *Đại Nam liệt truyện* cho phép chép rõ hơn về hành trạng và việc đánh giá Lê Văn Duyệt của sử thần triều Nguyễn.

Tên bộ sách chính thức là *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*(12) chép: "Các truyện về Hậu phi, thứ là Hoàng tử, Công chúa, thứ nữa là các bề tôi, thứ nữa là người có hạnh, có nghĩa, và các liệt nữ, cuối cùng

chép phụ thêm các truyện bọn tiếm thiết và việc nước ngoài (dưới thời Nguyễn Ánh - Gia Long - NMT), gồm có 8 mục, cộng 33 quyển"[13].

Riêng truyện các bề tôi, được chép từ quyển 4 đến quyển 28, tổng cộng tới gần 1.000 người, thế mà các sử thần triều Nguyễn đã giành cả hai quyển 22 và 23 để chép về Lê Văn Duyệt, đủ thấy tầm quan trọng của ông đối với lịch sử vương triều Nguyễn buổi đầu. Đáng chú ý, hai người từng làm chức Tổng trấn Bắc thành là Nguyễn Văn Thành và Lê Chất cũng chỉ được chép trong một quyển (Nguyễn Văn Thành quyển 21, Lê Chất quyển 24).

Sách *Đại Nam liệt truyện* ghi lại nhiều nhận định, đánh giá Lê Văn Duyệt của sử thần triều Nguyễn, khiến chúng ta có được một cái nhìn khá toàn diện về ông. Sử thần triều Nguyễn nhận xét: "Duyệt là huân cựu đại thần, được dự nhận lời vua (Gia Long - NMT) dặn lại, triều đình dựa làm trọng. Nhưng tính táo nóng, suất lược, lúc chầu vua (Minh Mạng - NMT) nói năng nhiều không theo lễ độ"[14].

Năm Minh Mạng thứ 8 (1827) mùa đông nhân gặp đại khánh tiết Thuận Thiên Cao hoàng hậu, tức bà họ Trần mẹ đẻ vua Minh Mạng thánh thọ 60 tuổi, Lê Văn Duyệt được về kinh chúc thọ. Sách *Đại Nam liệt truyện* cho biết sự biệt đãi của vua Minh Mạng đối với ông: "Duyệt lai kinh chúc hỗ, vua đãi hậu hơn, lúc thoái chầu vua đưa mắt tiễn. Thường nói với Trần Văn Năng, Tống Phước Lương rằng: người ta nói Lê Văn Duyệt xuất tích cương lệ, nay trẫm xem ra thì Duyệt trung thuận, nghĩa thờ vua vẫn giữ được, những tính bình nhật cương lệ, đều rửa sạch hết, không ngờ tuổi già lại hay tu tỉnh như thế..." rồi cho Duyệt về thành. Dụ rằng: "Gia Định là trọng trấn phương Nam, không nên vắng lâu. Ngươi ngày thường vẫn được người Xiêm sợ, nay lại giữ một mặt ấy có thể hùng dũng như hổ báo ở núi. Cũng là thâm ý chế phục người xa vậy". Duyệt trước sau hai lần làm Tổng trấn, uy danh rất thịnh, người Xiêm sợ. Mỗi khi sứ bộ đi lại tất hỏi: "Lê công mạnh khỏe không?" được người xa sợ phục như thế. Duyệt hành quân nghiêm chỉnh và đãi văn viên thường hay khoan dung. Thấy người có tài biện như Nguyễn Hữu Nghi tất suy cử lên, tin không ngờ"[15].

Vào đêm 18-5 năm Minh Mạng thứ 14 (1833), Lê Văn Khôi khởi binh tiến vào thành Phiên An giết Bố chánh Bạch Xuân Nguyên, Tổng đốc Nguyễn Văn Quế rồi giữ thành chống lại triều Nguyễn. Sau sự kiện này, vua Minh Mạng từ chỗ căm ghét Lê Văn Khôi đã ghét lây cả Lê Văn

Duyệt. *Đại Nam liệt truyện* chép: "... Vua mỗi khi coi chầu cùng quần thần bàn việc binh, bèn truy trách tội ấp ủ bọn giặc nuôi thành họa thai của Lê Văn Duyệt"[16].

Thêm vào đó, vào năm Minh Mạng thứ 16 (1835), sau khi dẹp xong cuộc khởi binh của Lê Văn Khôi, viên quan đứng đầu Đô sát viện là Phan Bá Đạt dâng sớ nói rằng: "Duyệt trước ở Gia Định lấy lũ giặc Khôi, giặc Nhã làm nanh vuốt, lấy lính Bắc Thuận, Hồi Lương làm lòng bụng... nay Duyệt đã chết, nên sự trạng không thể xét rõ được, nhưng xem con nuôi nó là Lê Văn Hán trước đây ra vào trong thành cùng giặc Khôi trong ngoài ứng nhau... Nếu không nói rõ tội danh sợ không lấy gì làm răn sau này. Vậy xin truy lấy quan chức, vợ con giao bộ Hình tra rõ, làm tội nặng tỏ phép nước"[17].

Dụ của vua Minh Mạng đề ngày 2-6 năm Minh Mạng thứ 16 (1835) cũng ghi rõ: "Nay theo tập tâu của Viện Đô sát vạch tội cố Tổng trấn Gia Định là Lê Văn Duyệt sinh thời đã nuôi dưỡng che chở bọn phỉ, gây mầm loạn và xin truy thu quan chức, vạch rõ tội danh của Lê Văn Duyệt. Lời tâu rất đúng..."[18].

Sau đó các viên quan phụ trách Nội các là Hà Tông Quyền, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Quýnh cũng dâng sớ tâu rằng: "Duyệt ấp ủ loài giặc gây nên sự biến, nó bao chứa mầm họa, không phải là một ngày, nay tìm ra những điều từ trước bày vào chương sớ có hình tích bội nghịch 6 điều... Vua nghe cho, đến lúc đình thần nghị án dâng lên, chỉ ra những lời nói việc làm bội nghịch đáng làm tội xử trảm 7 điều... Nay sai Tổng đốc Gia Định đến chỗ mả đắp, san ra làm đất bằng, lại dựng bia đá lên trên, viết khắc to 8 chữ: "Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xứ" để tỏ tội danh, khi đã chết và rõ phép nước vào đời sau, cho những đứa quyền gian vạn năm răn sợ"[19].

Nỗi oan khuất này của Lê Văn Duyệt phải 13 năm sau mới được cởi bỏ. Vào tháng 3 năm Tự Đức thứ 1 (1848) Đông Các đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn dâng sớ lên vua Tự Đức xin rửa oan cho ông. Sách *Đại Nam liệt truyện* cho biết: "Tờ sớ này vào đến nơi, vua cảm lời nói ấy, sai bộ Binh tra hỏi cháu chắt, cho cháu Duyệt là Diễn làm chư quân cai đội. Có chiếu rửa sạch tội trước cho Duyệt. Lại truy phục nguyên hàm Thống chế cho Lê Văn Phong (em trai của Lê Văn Duyệt - NMT). Con Lê Văn Yên là Diễn, Minh, con Lê Văn Tề là Dũng, Hợp đều được bổ dùng"[20].

Nhận định của các tác giả từ 1885 đến 1954

Trong tiểu mục này, trước hết chúng tôi quan tâm tới một số tác giả người Pháp sống đồng thời hoặc sau Lê Văn Duyệt một thời gian ngắn như cố Marchand và J.B. Chaigneau.

Marchand là một thừa sai trẻ tuổi, hăm hở trước nhiệm vụ và mục đích của Hội Truyền giáo. Marchand vừa đặt chân lên Nam kỳ đã lao ngay vào việc học tiếng Việt ở trường dòng Lái Thiêu (Biên Hòa), dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giám mục Taberd. Hiện nay, người ta còn giữ được những bức thư của ông gửi về cho gia đình tại Pháp trong những năm tháng ông ở Gia Định dưới quyền Tổng trấn Lê Văn Duyệt. Qua một số thư của Marchand, ta biết thái độ của Lê Văn Duyệt đối với Ky tô giáo. Trong một lá thư gửi Cha Cả Jeune ở Passa vant, khoảng cuối tháng 6-1830, Marchand viết: "Thưa Cha... trên xứ sở bao la này, đang hứa hẹn một mùa gặt phong phú, mà thợ gặt thì ít ỏi quá! Mong Cha hãy nhanh chóng thúc giục các Cha bề trên gửi nhiều thợ gặt sang đây để nhanh chóng chất đầy kho cho Chúa và để giành lấy từ trong tay kẻ thù cả một khối lượng lớn đó". Qua đó cho thấy thái độ cởi mở của Lê Văn Duyệt đối với các Thừa sai, giáo dân ở Nam kỳ.

J.B. Chaigneau, người đã từng sống trong triều đình nhà Nguyễn cho đến những năm đầu đời Minh Mạng, chắc chắn đã từng trực tiếp gặp gỡ Lê Văn Duyệt. Trong tác phẩm *Souvenirs de Huế* (ký ức Huế) của Michel Đức Chaigneau, J.B. Chaigneau nhận xét: "Trong số những đại thần thân với người Pháp, chỉ có Tả quân Lê Văn Duyệt, Tổng trấn Gia Định thành là dám đương đầu với Minh Mạng và những người thân cận của nhà vua. Lê Văn Duyệt chỉ trích Minh Mạng một cách công khai về việc Minh Mạng đã chà đạp lên đường lối chính trị khôn ngoan và đáng tôn kính của vua cha (tức Gia Long - NMT), và đã đối xử quá bội bạc với những người từng đem lại ngôi báu cho dòng họ mình. Duyệt là người có nghị lực khác thường, có những năng lực đặc biệt của một ông tướng và một nhà chính trị. Mọi người đều gờm sợ Duyệt, nhưng Duyệt lại được dân chúng mến phục do tính thẳng thắn..."[21].

Ngoài Marchand và Chaigneau, còn có những người Pháp sống ở Việt Nam vào khoảng giữa thế kỷ XIX, khi mà những hình ảnh về Tổng trấn Lê Văn Duyệt chưa bị phai mờ trong ký ức người dân Nam kỳ như Silvestre chẳng hạn. Silvestre là tác giả cuốn sách *L'Empire d'Annam et le peuple annamite* (Vương quốc An Nam và dân tộc An Nam) xuất bản tại Paris năm 1899 và bài *La Révolte de Khôi* (Cuộc nổi dậy Lê Văn Khôi)

đăng trên tập san *Revue Indochinoise* số 7 và 8 in tại Hà Nội năm 1915.

Theo Silvestre thì Lê Văn Duyệt có đủ sức để lật đổ Minh Mạng và thay vào đó một ông vua Nguyễn khác, nhưng Lê Văn Duyệt đã không hành động như vậy.

Và cũng theo Silvestre, trong những năm cuối đời của mình, Lê Văn Duyệt chỉ thừa hành những chỉ dụ của Minh Mạng mà ông thấy có lý và bác bỏ những chỉ dụ mà ông không tán thành, như những chỉ dụ sát hại giáo dân và thừa sai. Theo cách giải thích của Silvestre: Lê Văn Duyệt là người có bất bình lớn đối với chính sách cấm đạo của Minh Mạng, nhưng đó là sự bất bình của một người trung thực, không hề gợn ý đồ tranh quyền, thoán đoạt đen tối. Silvestre muốn ghi lại cho hậu thế một Lê Văn Duyệt trong sáng, một người bạn thủy chung của nước Pháp, một ân nhân của các viên thừa sai. Dường như Silvestre muốn khẳng định rằng: Cuộc nổi dậy Lê Văn Khôi nổ ra chưa đầy một năm sau khi Lê Văn Duyệt chết hoàn toàn không phải là sự kế tục một mưu đồ lật đổ của Duyệt...

Năm 1919 tại Hà Nội, học giả Trần Trọng Kim xuất bản tác phẩm *Việt Nam sử lược*, một công trình sử học nghiêm túc đầu tiên viết bằng chữ Quốc ngữ. Trong những chương cuối, tức chương XI, XII của Quyển IV và các chương đầu của Quyển V như chương I: chép về Thế Tổ (tức vua Gia Long) và chương II, III chép về Thánh Tổ (tức vua Minh Mạng) đều có chép về công lao của Lê Văn Duyệt đối với việc dựng nên vương triều Nguyễn nói chung và việc yên trị vùng đất phía Nam của nước ta nói riêng. Về vụ án Lê Văn Duyệt dưới triều Minh Mạng, học giả Trần Trọng Kim nhận định: "Cứ bình tĩnh mà xét, thì chẳng qua là vua Thánh Tổ (tức vua Minh Mạng - NMT) vốn có ý không ưa hai ông ấy (ý nói Lê Văn Duyệt và Lê Chất - NMT), rồi đình thần nhân đó mà bới việc ra để chiều ý ngài, cho nên thành ra cái án thật là không đáng"[22].

Marcel Gaultier chỉ trong vòng 3 năm đã xuất bản hai tập sách về hai ông vua đầu triều Nguyễn, đó là cuốn *Gia Long* xuất bản tại Sài Gòn năm 1933 và cuốn *Minh Mạng* xuất bản tại Paris năm 1935. Cả hai cuốn sách trên đều có nhiều trang đề cập đến Lê Văn Duyệt. Đặc biệt trong cuốn sách *Minh Mạng*, M. Gaultier có cả một tiểu mục phân tích về cái chết của Lê Văn Duyệt.

M.Gaultier trong cuốn sách này, thường gọi Lê Văn Duyệt là "Vice Roi" (Phó Vương), mặc dù không chính xác, nhưng qua đó cho ta thấy

quyền hành của Lê Văn Duyệt lớn tới mức nào. Là một tác giả Pháp, M. Gaultier chú ý nhiều tới thái độ của Lê Văn Duyệt với Ky tô giáo. Ông viết: "Khi Lê Văn Duyệt còn sống thì Minh Mạng chấp nhận đường lối của vị Phó Vương, bởi vì đường lối ấy duy trì được sự yên bình trong đất nước, nhưng nhà vua cũng không thể chịu đựng được mà không thấy cay đắng trước sự phát triển của những cộng đồng Thiên chúa giáo mà Lê Văn Duyệt đã khôn khéo dựa vào để cai trị. Minh Mạng chỉ mong khi cơ hội cho phép sẽ lập tức "An Nam hóa"[(23)] hoàn toàn dân chúng ở Nam kỳ"[(24)].

Gaultier muốn giải thích rằng Lê Văn Duyệt đã dựa vào một cơ sở khá vững chắc và rất đáng lo ngại đối với Minh Mạng, đó là cơ sở giáo dân mà chủ yếu là những dòng họ lớn có máu mặt theo Ky tô giáo.

Vào những thập niên 20, 30 của thế kỷ XX một số tác giả người Việt cho xuất bản một vài cuốn sách về Lê Văn Duyệt. Đó là các cuốn của tác giả dưới đây:

- *Lê Văn Duyệt* của Lê Văn Phát, Sài Gòn, 1924.
- *Lê Văn Duyệt* của Cao Hải Để, Sài Gòn, 1924.
- *Việt Nam trung hưng công thần Lê Văn Duyệt* của Đặng Thúc Liêng, Sài Gòn, 1934.
- *Gia Định Tổng trấn Tả quân Lê Văn Duyệt* của Ngô Tất Tố, Hà Nội 1937.

Trong số sách trên, trừ cuốn sách của Ngô Tất Tố khá dày dặn 144 trang khổ vừa, còn lại, các cuốn sách khác chỉ viết từ 20 đến 30 trang khảo cứu sơ lược, không có đóng góp gì mới.

Cuốn sách của Ngô Tất Tố được biên soạn trên cơ sở tư liệu rút ra từ *Đại Nam thực lục* và *Đại Nam liệt truyện*. Đáng chú ý là nhận xét dưới đây về Lê Văn Duyệt của Ngô Tất Tố: "Duyệt coi quân nghiêm ngặt, người nào hơi trái quân lệnh tức thì trị tội không hề khoan dung. Vậy mà đối với binh sĩ rất có ân tình, những kẻ đau ốm, bị thương, Duyệt săn sóc cẩn thận. Nhất là những ai chẳng may chết trận, Duyệt rất kính trọng và thương xót.

Tính Duyệt ưa hát bội mà ở Gia Định trước kia chưa có... Khi làm Tổng trấn, Duyệt mới lập ra một gánh hát bội riêng của mình để thỉnh thoảng hát chơi... Nam kỳ có nghề hát bội là tự bấy giờ"[(25)].

Ngoài những công trình vừa nêu trên, trong giai đoạn này còn có khá nhiều luận văn khoa học của tác giả người Việt viết bằng tiếng Pháp hoặc

tiếng Việt đăng trên các tập san, xung quanh cuộc đời Lê Văn Duyệt như:

- *La Vie anecdotique de Lê Văn Duyệt* (Những giai thoại về cuộc đời Lê Văn Duyệt) của Lê Văn Phát trên tờ *Revue Indochine Illustrée* No 61, 1932.
- *La Rencontre* (cuộc gặp gỡ giữa Nguyễn Ánh và Lê Văn Duyệt) của Việt Nam trên tờ *La Tribune Républicaine*. No 56, 1937.
- *Tả quân Lê Văn Duyệt* của Nhật Nham (Trịnh Như Tấu) trên tờ *Tri Tân* số 28, 1941.
- *Tả quân Lê Văn Duyệt phải chăng là người Bắc kỳ?* của Tiên Đàm (Nguyễn Tường Phượng) trên tờ *Tri Tân*, số 31, 1942.
- *Tả quân Lê Văn Duyệt và Nguyễn Công Trứ* của Vân Thạch trên tờ *Tri Tân,* số 32, 1942.
- *Le Maréchal de Gauche Lê Văn Duyệt* (Tả quân Lê Văn Duyệt) của Huỳnh Văn Chinh trên tờ *Indochine Illustrée* No 95, 1942...

Trong những luận văn trên, tác giả bằng nhiều cách tiếp cận, nhiều cách đặt vấn đề nhưng đều nhất trí đánh giá Lê Văn Duyệt là một tướng tài của Nguyễn Ánh, Gia Long, một người có nhân cách được đông đảo dân chúng và người ngoại quốc như Pháp, Xiêm, Chân Lạp... kính trọng.

Nhận định của các tác giả từ năm 1954 đến nay

Giai đoạn này đánh dấu sự thay đổi ý kiến, sự khác nhau trong việc đánh giá hành trạng Lê Văn Duyệt. Có tác giả đứng trên lập trường thân Pháp, ủng hộ việc truyền đạo Ky tô mà nhìn nhận Lê Văn Duyệt, có tác giả đứng trên lập trường dân tộc thuần túy để đánh giá Lê Văn Duyệt, lại có tác giả dựa hẳn vào lập trường vô sản chống phong kiến nhà Nguyễn để bình xét Lê Văn Duyệt. Dưới đây chúng tôi xin trình bày một vài tác giả tiêu biểu:

Lê Thành Khôi trong tác phẩm *Le Việt Nam - histoire et civilisation* (Nước Việt Nam - lịch sử và văn minh) xuất bản tại Paris, 1954 và kể cả cuốn *Histoire du Việt Nam des origines à 1858* (Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến năm 1858) xuất bản tại Paris 1987 sau này, đều nhìn nhận Lê Văn Duyệt như một người có thái độ bênh vực giáo sĩ thừa sai, giáo dân và người đi đầu trong quan hệ với Pháp dưới thời Nguyễn. Lê Thành Khôi viết: "Lê Văn Duyệt có ý đồ xây dựng một cơ sở độc lập tách biệt hẳn với triều đình Huế, dựa trên sự ủng hộ của người Pháp, của thừa sai, linh mục và giáo dân. Cho nên, sau khi Duyệt chết, Minh Mạng tìm cách phá vỡ những cơ sở xã hội mà Duyệt đã tạo ra ở Gia Định. Và điều này

đã làm nổ ra cuộc biến động Lê Văn Khôi, con nuôi của Duyệt. Và đến lượt Lê Văn Khôi lại tiếp tục dựa vào giáo dân và thầy dòng người Việt để thực hiện ý đồ trước kia của Duyệt...".

Việc dựa vào Pháp để xây dựng một cơ sở độc lập, dường như cũng được Trần Văn Giàu tán đồng. Trong tác phẩm *Sự khủng hoảng của chế độ phong kiến nhà Nguyễn trước 1858*, Trần Văn Giàu cho rằng: ý đồ chính trị của Lê Văn Duyệt và phe cánh là muốn thực hiện chủ trương "địa phương phân quyền", chống lại chế độ trung ương tập quyền khe khắt của Minh Mạng, muốn tách Nam kỳ ra khỏi triều đình Phú Xuân[26].

Trần Văn Giàu cho rằng việc xâm chiếm Chân Lạp là xuất phát từ ý đồ của Lê Văn Duyệt. Ông viết: "Như vậy Lê Văn Duyệt quan niệm rằng muốn bảo vệ Gia Định thì phải đóng quân trên đất Chân Lạp, phải đặt bảo hộ ở Chân Lạp. Nguy cơ chính ở tư tưởng quân phiệt và xâm lăng ấy. Vua Gia Long cho rằng ý kiến của Duyệt là rất phải..."[27].

Ngay việc Lê Văn Duyệt tổ chức đào kênh Vĩnh Tế, cũng được Trần Văn Giàu nhìn nhận nghiêng về ý đồ quân sự của triều Nguyễn đối với Chân Lạp. Trần Văn Giàu nhận định: "Việc đào kênh Vĩnh Tế là một trong những bước của Minh Mạng toan phát triển thế lực ở miền Tây Nam. Duyệt động viên 39.000 người Việt, 16.000 người Chân Lạp để đào kinh đó.

Dân tình thán oán, việc đào kênh đình đi, làm lại mấy lượt mới xong"[28].

Từ năm 1954 đến năm 1975, có một số bộ sử Việt Nam được xuất bản như các bộ dưới đây:

- *Lịch sử Việt Nam* (từ nguồn gốc đến cuối thế kỷ XIX) của Đào Duy Anh, Hà Nội, 1956.
- *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* (tập 3) của Phan Huy Lê - Chu Thiên - Vương Hoàng Tuyên, Hà Nội, 1960.
- *Việt sử tân biên* của Phạm Văn Sơn, Sài Gòn, 1961 và có thể kể thêm cuốn:
- *Kinh tế xã hội Việt Nam dưới thời các vua triều Nguyễn* của Nguyễn Thế Anh, Sài Gòn, 1968.

Các bộ sách trên đều có chép về Lê Văn Duyệt, ý kiến đánh giá về Lê Văn Duyệt đều căn cứ vào các bộ sử cũ viết dưới triều Nguyễn, chủ yếu ghi nhận công lao sự nghiệp của ông.

Các tác giả Nguyễn Phan Quang - Đặng Huy Vận - Chu Thiên trong

bài: *Tìm hiểu một điểm liên quan đến nguyên nhân cuộc bạo động Lê Văn Khôi: Vấn đề Lê Văn Duyệt* [29] và Nguyễn Phan Quang trong tác phẩm *Cuộc khởi binh Lê Văn Khôi ở Gia Định (1833 - 1835)* đã coi quan hệ cha con nuôi giữa Lê Văn Duyệt và Lê Văn Khôi là một trong những nguyên nhân nổ ra cuộc khởi binh của Lê Văn Khôi. Trong cuốn sách của mình, Nguyễn Phan Quang khẳng định: "Cuộc khởi binh Lê Văn Khôi không những có liên quan chặt chẽ về nhiều mặt trực tiếp và sâu xa đến nhân vật Lê Văn Duyệt mà hơn thế nữa: Lê Văn Khôi đã nổi dậy với danh nghĩa là người kế tục ý đồ của Lê Văn Duyệt trước kia"[30].

Ở đây tác giả muốn nói tới ý đồ muốn tách Nam kỳ ra khỏi tầm kiểm soát của triều đình Huế của Lê Văn Duyệt trước đây.

Từ năm 1975 đến nay, có không ít tập sách, bài báo hoặc viết riêng về Lê Văn Duyệt hoặc có nhiều trang, nhiều dòng chép về Lê Văn Duyệt như:

- *Một vài nhận định về Lê Văn Duyệt* của Nguyễn Đổng Chi trên tờ *Sài Gòn giải phóng* số ngày 6-2-1977.
- *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam* của Nguyễn Quang Thắng - Nguyễn Bá Thế, Hà Nội, 1991.
- *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh* - Tập I, *Lịch sử* của một nhóm tác giả do Trần Văn Giàu - Trần Bạch Đằng... chủ biên, Thành phố Hồ Chí Minh, 1987.
- *Lịch sử khẩn hoang miền Nam* của Sơn Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, 1997.
- *Bến Nghé xưa* của Sơn Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, 1997.
- *Lê Văn Duyệt - Từ nấm mồ oan khuất đến Lăng Ông* của Hoàng Lại Giang, Hà Nội, 1999.

Ở đây chúng tôi xin trình bày kỹ về hai tác giả Nguyễn Đổng Chi và Hoàng Lại Giang, vì đó là hai tác giả có quan điểm trái ngược nhau về Lê Văn Duyệt.

Trong luận văn *Một số nhận định về Lê Văn Duyệt*, Nguyễn Đổng Chi đặt vấn đề như sau: "Cho đến gần đây thì ngôi đền và ngôi mộ lộng lẫy của Lê Văn Duyệt ở Bà Chiểu vẫn có đông người đến lễ bái nhất (thời điểm tác giả nói trong bài là mùa xuân năm1977 - NMT). Thử hỏi con người ấy như thế nào mà được bao nhiêu người không tiếc thì giờ, công, của, cầu, cúng luôn canh, đã đến lúc tưởng nên đứng trên lập trường của Tổ quốc, của dân tộc, của nhân dân thử đánh giá lại Lê Văn Duyệt".

Sau đó Nguyễn Đổng Chi vạch ra 5 điểm hạn chế của Lê Văn Duyệt là:

1. *Theo lực lượng phản động*: "Là khai quốc công thần nhà Nguyễn, Lê Văn Duyệt xuất thân chỉ là một chân thái giám hầu hạ vợ con Nguyễn Ánh. Sau đó vì chúng có yêu cầu đẩy mạnh chiến tranh phản cách mạng nên được cất nhắc lên tướng cầm quân. Chỉ mấy trận giao phong với Tây Sơn, y đã bước dần trên nấc thang danh vọng... Lúc này vị anh hùng Nguyễn Huệ của chúng ta đã qua đời, y nhờ liều lĩnh xông pha, nổi tiếng nhất là trận thủy chiến ở Thị Nại năm 1801, mà sử thần nhà Nguyễn đã ca ngợi là "võ công đệ nhất". Rồi đó, từ "nước cờ thí xe" (31) cho đến khi chiếm được Thăng Long (1802), Lê Văn Duyệt đã chễm chệ ở địa vị Khâm sai Chưởng Tả dinh, Bình Tây đại tướng quân với tước Quận Công.

Qua đó, có thể thấy Lê Văn Duyệt có khả năng và trình độ quân sự, nhưng lại dùng cái khả năng ấy để phục vụ cho trận tuyến phản động cản trở con đường tiến của lịch sử."

2. *Đàn áp các cuộc khởi nghĩa*: "Lê Văn Duyệt đã đem quân đàn áp những cuộc khởi nghĩa của người Kinh cũng như người Mường, hai lần đàn áp những cuộc bạo động của người thượng, Đá Vách phía Tây Quảng Ngãi (1803, 1807)(32) một lần đàn áp cuộc bạo động do nhà sư Chân Lạp cầm đầu (1820) v.v... Như vậy là Duyệt thường có mặt ở những cuộc khủng bố đàn áp quần chúng mà bọn phong kiến địa phương không đàn áp nổi".

3. *Tư cách kém, tính cách tàn bạo*: "Duyệt cũng có một số hành động mị dân, bênh vực sĩ tốt, giúp đỡ con côi vợ góa sĩ tốt... nhưng dân và sĩ tốt cũng rất gờm Duyệt vì "dụng hình hay quá lạm". Quan, dân, lính, thơ lại, thị vệ, cho đến trẻ em có thể bị lôi ra chém cổ rất đột ngột theo cách phán xét chủ quan của Duyệt".

4. *Âm mưu với mục đích cá nhân*: "Dựa vào cương vị và quyền hạn trong thời kỳ làm Tổng trấn, y đã xây dựng phe cánh, xây dựng lực lượng võ trang, xây dựng cơ sở xã hội trong số quần chúng giáo dân, vun đắp uy tín cá nhân...".

5. *Thân Pháp*: "Việc Lê Văn Duyệt chống lại vấn đề chọn Minh Mang làm kẻ nối ngôi không phải đơn thuần xuất phát từ nguyên tắc chọn dùng dòng đích của chế độ tông pháp, mà còn xuất phát từ chủ đích sâu xa hơn. Đó là sự tiếp tục dựa hẳn vào thực dân Pháp để bảo vệ lâu dài quyền lợi và địa vị của đại quí tộc lúc bấy giờ".

Cuối bài, Nguyễn Đổng Chi nhận xét rất nghiêm khắc về Lê Văn Duyệt, như sau: "Chừng ấy cũng đủ tố cáo tính chất tối phản động của Lê Văn Duyệt, còn phản động hơn cả bọn vua phản động nhà Nguyễn. Có thể nói, những tên thực dân da trắng trên bước đường đi tìm thuộc địa hẳn xoa tay thích thú khi gặp những mẩu người như Duyệt".

Tháng 8-1999, tác giả Hoàng Lại Giang cho ra đời bộ tiểu thuyết lịch sử *Lê Văn Duyệt - từ nấm mồ oan khuất đến Lăng Ông*, do Giáo sư Sử học Đinh Xuân Lâm viết *Lời giới thiệu*. Đây là một cuốn tiểu thuyết lịch sử, song tác giả Hoàng Lại Giang luôn trình bày các sự kiện liên quan tới Lê Văn Duyệt bám sát với các bộ sử triều Nguyễn như *Đại Nam thực lục* và *Đại Nam liệt truyện*.

Chất hư cấu trong bộ tiểu thuyết lịch sử không làm méo đi hình ảnh thực của Lê Văn Duyệt. Đây là một trong vài bộ tiểu thuyết lịch sử rất thành công, khắc họa nhân vật lịch sử khá sống động, chân thực của nước ta mấy năm gần đây. Tác giả Hoàng Lại Giang có những cái nhìn mới về Lê Văn Duyệt so với các tác phẩm trước kia viết về ông. Đúng như Giáo sư Đinh Xuân Lâm viết trong *Lời giới thiệu*: "... Đặc biệt đối với Lê Văn Duyệt, tác giả Hoàng Lại Giang đã chú ý khai thác một số điểm trước đây chưa được chú ý tới đúng mức như các chính sách mở cửa giao thương với bên ngoài, tự do tín ngưỡng, ngoại giao kết hợp biện pháp răn đe cứng rắn với cách xử lý mềm dẻo, trên tinh thần hòa hiếu giữa các dân tộc, đặc biệt là lòng dân hướng về Lê Văn Duyệt"[33].

Chúng ta có thể thấy được chủ ý của tác giả Hoàng Lại Giang ngay trong cái "Titre" của cuốn sách: *Lê Văn Duyệt Từ nấm mồ oan khuất đến Lăng Ông,* Hoàng Lại Giang muốn minh oan cho Lê Văn Duyệt. Tác giả viết: "Không bao giờ gặp kẻ khó mà Lê Văn Duyệt không giúp, không bao giờ gặp bất công mà Lê Văn Duyệt không bảo vệ. Đối với Lê Văn Duyệt, huân cựu đại thần và người dân xiêu tán các nơi tới khẩn hoang lập nghiệp đều được tôn trọng như nhau: Đối với Lê Văn Duyệt, đám dân bị ức hiếp đói khổ làm giặc, theo man, theo phỉ... biết hối cải đều được ông bao dung, tha thứ.

Lê Văn Duyệt quả ngang ngược. Nhưng trong cái ngang ngược của ông vẫn có điều gì đó đáng kính trọng. Suy cho cùng Lê Văn Duyệt chỉ ngang ngược, quyết liệt với đám nịnh thần, đám quan văn đặt ra những luật lệ, lễ nhạc tâng bốc nhà vua quá đáng. Là vị khai quốc công thần, Lê Văn Duyệt không dễ chịu những áp lực của bọn này. Ông luôn coi thường bọn chúng. Thậm chí có khi ông còn cứng rắn cả với nhà vua nữa.

Cái việc ông chặt đầu Huỳnh Công Lý, cha đẻ thứ phi mà Minh Mạng yêu chiều nhất, rồi muối bỏ tráp gửi ra triều đình quả là ngang ngược. Nhưng chưa một đại thần nào dám kêu oan cho Công Lý"[34]. Dường như để khẳng định giá trị văn hóa, giá trị tinh thần của khu lăng mộ Lê Văn Duyệt, trả lời cho điều thắc mắc nêu trên của Nguyễn Đổng Chi, tác giả Hoàng Lại Giang đã khép lại thiên lịch sử về Tả quân Lê Văn Duyệt bằng những nhận định dưới đây: "Nhiều năm đã trôi qua, "Lăng Ông" vẫn sừng sững trên quả đồi hình lưng qui ấy. Ngày hội, ngày lễ, ngày tết, hơn bất kỳ nơi nào ở miền Nam này, "Lăng Ông" là nơi hội tụ đông người đến viếng, đến cầu nguyện cho những oan hồn được thanh thoát, xin "Ông" phù hộ cho họ tránh được mọi tai họa và cầu được hưởng phúc lành cho đời đời con cháu"[35].

Qua những điều trình bày trên đây, chúng ta thấy nhân vật lịch sử Lê Văn Duyệt quả là có nhiều vấn đề đặt ra cần được trao đổi, cần được đánh giá lại trên cơ sở khoa học vừa thận trọng, vừa nghiêm túc. Làm được như vậy, không những chúng ta có thể làm sáng tỏ những công lao đối với lịch sử dân tộc, những hạn chế do lịch sử qui định của nhân vật đầy mâu thuẫn Lê Văn Duyệt, mà còn qua đó hiểu được thấu đáo hơn những nhân vật lịch sử khác gần gũi với ông như: Trương Tấn Bửu (1752 - 1827), Lê Văn Khôi (? - 1834), Minh Mạng (1820 - 1840) và nhiều người khác.

(1) Sách *Đại Nam nhất thống chí* được biên soạn vào cuối thế kỷ XIX xếp ông thuộc vào số những nhân vật của tỉnh Quảng Ngãi.
(2) *Đại Nam liệt truyện*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, Tập II, Tr.373.

(3) "Ẩn cung hình" tức bộ phận sinh dục quá nhỏ và hình như con tằm, không thể sinh con được.
(4) *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1992, Tập II, tr.444.
(5) Về ngày mất của Lê Văn Duyệt, chúng tôi theo *Đại Nam thực lục*, tập XI, tr.140, nhưng sách *Đại Nam liệt truyện* lại cho biết ông chết ngày 30-7 năm Nhâm Tuất (29-8-1832) (xem *Đại Nam liệt truyện*, Tập II, tr.401, 402).
(6) *Đại Nam thực lục*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1964, tập XI, tr.140.
(7) Xem *Đại Nam thực lục chính biên*, Nxb Khoa học Xã hội, các tập từ III đến tập XI.
(8) *Đại Nam thực lục*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1963, tập 5, tr. 96-97.
(9) *Đại Nam thực lục*, Nxb. Khoa học Xã hội, Sđd, tập 6, tr.179.
(10)(11) *Đại Nam nhất thống chí*, Sđd, tập 2, tr. 444, 445.
(12) Ngoài ra còn: *Đại Nam liệt truyện* tiền biên chép về các bề tôi của các chúa Nguyễn (từ Nguyễn Hoàng đến Nguyễn Phúc Thuần) và *Đại Nam chính biên liệt truyện* nhị tập chép về các bề tôi của vua Minh Mạng.
(13) *Đại Nam liệt truyện*, Sđd, Tập 2, tr.8.
(14) *Đại Nam liệt truyện*, Sđd, Tập 2, tr.396.
(15) *Đại Nam liệt truyện*, Sđd, Tập 2, tr.398.
(16) *Đại Nam liệt truyện*, Sđd, Tập 2, tr.402.
(17) *Đại Nam liệt truyện*, Sđd, Tập 2, tr.403.
(18) *Minh Mạng*, *Ngự chế văn* (Dụ văn), Trung tâm KHXH và NVQG, Viện nghiên cứu Hán Nôm II, 1999, tr.404.
(19) *Đại Nam liệt truyện* Sđd, tập 2, tr.407, 408.
(20) *Đại Nam liệt truyện* Sđd, tập 2, Tr.413, 414.
(21) Michel Đức Chaigneau, *Souvenirs de Huế*, Paris, 1867.
(22) Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, II, 1999, tr.476.
(23) Người Pháp hồi đầu thế kỷ XIX gọi miền Nam kỳ là Cochinchine, Trung kỳ là An Nam và Bắc kỳ là Ton Kin.
(24) Marcel Gaultier, *Minh Mạng*, Nxb. La rose, Paris, 1935, tr.109.
(25) Ngô Tất Tố, *Gia Định Tổng trấn Tả quân Lê Văn Duyệt*, Nhà in Mai Lĩnh xuất bản, II, 1937, tr.141,142.
(26) Tham khảo: Trần Văn Giàu, *Sự khủng hoảng của chế độ phong kiến nhà Nguyễn trước năm 1858*, H., 1958.
(27) Trần Văn Giàu, *Cuộc khủng hoảng của chế độ phong kiến nhà Nguyễn trước năm 1858*, Sđd, tr.102.
(28) Trần Văn Giàu, *Sự khủng hoảng của chế độ phong kiến nhà Nguyễn trước năm 1858*, Sđd, tr.107.
(29) Xem Nguyễn Phan Quang - Đặng Huy Viện - Chu Thiên, *Tìm hiểu một điểm liên quan đến nguyên nhân cuộc bạo động Lê Văn Khôi: Vấn đề Lê Văn Duyệt*, Nghiên cứu lịch sử số 105 tháng 12-1967.
(30) Nguyễn Phan Quang, *Cuộc khởi binh Lê Văn Khôi ở Gia Định* (1833 - 1835), Nxb. TP Hồ Chí Minh, 1991, tr.53.
(31) Ý nói Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Thành vào năm 1801. Chủ trương không giải vây thành Bình Định, bỏ mặc Võ Tánh cho Trần Quang Diệu vây hãm, tiến quân ra Bắc, chiếm Huế, chiếm Thăng Long.
(32) Thực tế, Lê Văn Duyệt tiến hành 4 lần: 1803, 1805, 1808 và 1816.
(33) Hoàng Lại Giang, *Lê Văn Duyệt - từ nấm mồ oan khuất đến Lăng Ông*, NXB

Văn hóa - Thông tin, II, 1999.
(34) Hoàng Lại Giang, Sđd, tr.248, 249.
(35) Hoàng Lại Giang, Sđd, tr.315.

Nhận xét về nhân vật lịch sử Lê Văn Duyệt

PGS. VŨ HUY PHÚC

Lê Văn Duyệt là một danh tướng, một đại thần khai quốc, một tổng trấn Gia Định đầy công lao và thành tựu của triều Nguyễn trong vòng cuối thế kỷ XVIII và hơn 30 năm đầu thế kỷ XIX. Ông sinh năm 1764 (Giáp Thân) tại Định Tường. Cụ thân sinh tên là Toại, vốn người huyện Chương Nghĩa, Quảng Ngãi, sau rời vào cư ngụ ở Định Tường. Cụ có bốn người con trai, Lê Văn Duyệt là con trưởng. Bẩm sinh Lê Văn Duyệt có khuyết tật cơ thể, về mặt sinh dục, nhưng lại là một người ngắn nhỏ, tính hãn, có tài lực (Đại Nam liệt truyện). Từ 15, 16 tuổi đã có chí lớn muốn làm tướng lập công ghi danh muôn thuở. Năm 17 tuổi, Canh Tý 1780[1] cũng là năm Gia Long lên ngôi chúa ở Gia Định vẫn theo niên hiệu nhà Lê, Lê Văn Duyệt được tuyển dụng làm thái giám, lo việc nội dinh rất giỏi và được bổ làm cai đội cả 2 đội thuộc nội. Từ đó Lê Văn Duyệt gắn bó cuộc đời với binh nghiệp và luôn bên cạnh Gia Long, cùng đồng cam cộng khổ hầu vua và cầm quân lập nhiều chiến công lớn lao cho triều Nguyễn. Cuộc đời và sự nghiệp Lê Văn Duyệt đã được nhiều nhà sử học trình bày khá đầy đủ và rõ ràng. Cho tới trước 1975, tên Lê Văn Duyệt đã được đặt cho một đường phố vào loại to đẹp nhất tại thành phố Sài Gòn. Nhưng sau 1975 tên phố đó đã không còn nữa. Như vậy chỉ riêng một điểm đó có thể nói quả thực đã có những đánh giá khác nhau về nhân vật lịch sử Lê Văn Duyệt xuất phát từ những quan điểm, lập trường và cách nhìn khác nhau.

Dưới đây là một vài suy nghĩ mong đóng góp vào việc nhìn nhận nhân vật lịch sử Lê Văn Duyệt. Cũng có thể bắt đầu từ những vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận. Nhưng có lẽ điều ấy hơi xa xôi và không thiết thực lắm. Vì vậy ở đây chỉ xin đề cập đến những điều cụ thể. Theo ý kiến cá nhân, có lẽ nhiều nhà sử học có thể dễ dàng chấp nhận hay thừa nhận những điều

dưới đây về Lê Văn Duyệt:

– Một danh tướng, một nhân vật lịch sử có tên tuổi.

– Một đại công thần khai quốc triều Nguyễn.

– Một tổng trấn Gia Định tài năng có công lao phát triển và giữ vững miền đất phía Nam đất nước.

Nếu chỉ với những phẩm chất như vậy thôi thì chẳng có gì phải bàn cãi cả. Nhưng mặt khác Lê Văn Duyệt còn có những tính cách khác làm cho người ta phải suy ngẫm và cân nhắc. Đó là:

Khi còn sống:

– Một lãnh tụ địa phương có tư tưởng cát cứ, cục bộ.

– Một đại thần không tán thành quyết định của Gia Long lập Minh Mệnh làm vua kế vị.

– Một đại thần thân Pháp, dung dưỡng các giáo sĩ Pháp.

Khi đã mất:

– Phần nào chịu trách nhiệm tinh thần về cuộc binh biến Lê Văn Khôi.

– Bị Minh Mệnh xử tội nặng nề, mất hết mọi chức tước vinh hiển và bị làm nhục.

Vậy thì quan phương mà nói, kể từ 1838, Lê Văn Duyệt không còn là một đại thần mà là một kẻ tội phạm của triều đình. Nhưng không phải vì thế mà trong dân chúng, nhất là lòng dân Nam kỳ, dân Gia Định, Lê Văn Duyệt lập tức mất đi sự ngưỡng mộ. Ngược lại ông vẫn được người đời ghi nhớ, tưởng niệm và hàm ơn. Đó là một sự thực đời thường không chối cãi, một cách ứng xử đã trở thành đời sống tâm linh của không ít người. Trước một thực tế dạng này thì không gì hay hơn là hãy để yên như thế.

Tuy vậy, nếu là những nhà nghiên cứu, những nhà lịch sử thì rất nên suy xét sâu hơn đến những nguyên nhân sâu xa của những sai lầm của Lê Văn Duyệt. Và nếu muốn như vậy không thể không hiểu kỹ hơn chút nữa về các vua Nguyễn cùng thời đó. Như vậy cũng có nghĩa là góp phần nào đó đánh giá triều Nguyễn. Tôi cho rằng Lê Văn Duyệt đã mắc những sai lầm, những sai lầm rất lớn quyết định vận mệnh ông. Khả năng mắc sai lầm thì bất cứ ai cũng có, nhưng điều quan trọng hơn là khả năng đó lại biến thành hiện thực, thành hành động. Đó cũng là trường hợp Lê Văn Duyệt. Như trên đã nói, khi còn là một thiếu niên 17 tuổi, Lê Văn Duyệt đã theo vào cung Nguyễn Ánh ở Gia Định. Lúc ấy Nguyễn Ánh xưng vương và cũng chỉ hơn Lê Văn Duyệt có 2 tuổi (Nguyễn Ánh sinh năm 1762) tức là 19 tuổi. Cũng năm đó, 1780, Hoàng tử trưởng của Gia Long là Hoàng tử Cảnh

cũng chào đời. Hình như số phận gắn bó những người này. Lúc ấy Nguyễn Ánh tuy chỉ hơn Lê Văn Duyệt 2 tuổi nhưng đã là một người trưởng thành, đã trải qua nhiều gian nan thử thách, nghị lực và tinh thần từng được tôi luyện, lại có nhiều tướng tài quanh mình giúp rập. Các sự kiện lịch sử thời ấy cho thấy rằng Nguyễn Ánh luôn tính đến cầu viện nước ngoài nhất là những khi lâm nguy cùng quẫn. Trước khi xưng vương năm 1777 Nguyễn Ánh đã được Giám mục Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine) giúp đỡ việc ẩn náu và do đó đã có ý cầu viện nước Pháp theo sự gợi ý của giám mục này (Năm đó Nguyễn Ánh mới 14 tuổi, còn Pigneau de Béhaine đã 36 tuổi). Sau khi về được Gia Định lần đầu, tháng Chạp 1777 Nguyễn Ánh phải nhiều lần rời bỏ rồi lại trở về Gia Định. Trong một lần trốn chạy, Nguyễn Ánh cùng quần thần bàn luận thống nhất nội dung cơ bản cho một hòa ước với Pháp để trao cho Bá Đa Lộc, sứ thần đặc mệnh toàn quyền của Nguyễn Ánh đưa Hoàng tử Cảnh sang Pháp. Quyết nghị này đề ngày 10 tháng 7 năm Cảnh Hưng thứ 43 (1782). Như vậy hẳn là quyết định nhờ cậy Pháp chính thức đặt ra trong lúc Nguyễn Ánh đang phải lẩn trốn ở đảo Phú Quốc, còn P.de Béhaine cũng đang phải lánh nạn ở Campuchia. Theo nguồn tài liệu Pháp thì Nguyễn Ánh trao hoàng tử Cảnh, quốc thư, quốc ấn cùng một vài người thân tín nữa cho Bá Đa Lộc vào tháng 11–1784 tại Chantaboun bên Xiêm (Thái Lan) (cũng có tài liệu ghi việc này vào tháng 7 Quý Mão 1783). Cùng đi với Hoàng tử Cảnh mới 4 tuổi còn có Phó Vệ úy Phạm Văn Nhân và Cai cơ Nguyễn Văn Liêm để hộ vệ. Có tài liệu cho rằng Lê Văn Duyệt có tham dự đoàn đi này, nhưng không một tài liệu chính thức nào xác minh việc đó. Vả lại trong Đại Nam liệt truyện ghi rõ là năm Ất Tỵ 1785 Lê Văn Duyệt vẫn “theo vua đi sang Xiêm...” Tuy vậy điều chắc chắn là Lê Văn Duyệt vừa hiểu vừa chứng kiến quyết định của Nguyễn Ánh cầu viện vua Pháp. Ông còn chứng kiến cả những ý định không thành của các cường quốc khác muốn giúp Nguyễn Ánh để hòng có được những lợi ích về sau, như nước Anh, Hà Lan, Bồ Đào Nha. Còn Nguyễn Ánh dường như trông cậy nhiều hơn và thực đã như vậy đối với nước Xiêm. Ngay khi nhờ Bá Đa Lộc sang Pháp, Nguyễn Ánh cũng còn phân vân chưa quyết hẳn vì còn muốn nhờ Xiêm. Rõ ràng là khi Nguyễn Ánh giao Hoàng tử Cảnh cho Bá Đa Lộc tháng 11–1784 thì hơn 2 năm trước bản nghị quyết hòa ước với Pháp đã được ấn định rồi. Một thời gian như thế đủ để lý giải sự đắn đo của Nguyễn Ánh. Mãi đến khi Nguyễn Ánh sang Vọng Các (Bangkok) cầu viện Xiêm và đại quân Xiêm thua to quân Nguyễn Huệ trên sông Tiền

Giang giữa năm 1785 thì hẳn Nguyễn Ánh không trông chờ gì ở Xiêm được nữa. Thế là chỉ còn lại con đường cầu viện nước Pháp. Vì nhiều lý do, sứ đoàn Bá Đa Lộc đến Pondichery tháng 2–1785 và mãi tới mùa xuân 1787 mới đặt chân lên đất Pháp, rồi hòa ước được ký kết ngày 28–11–1787 tại cung điện Versailles. Đây là một hiệp ước liên minh tấn công và phòng thủ, nhưng thực chất là Pháp giúp Nguyễn Ánh quân đội khí giới để nội chiến, để đổi lại việc giao nộp đảo Côn Lôn và Cảng Hội An và các quyền buôn bán thông thương cho Pháp. Điều đáng lưu ý là mặc dù P.de Béhaine là một giám mục nhưng hiệp ước không có một chữ nào về đạo cả. Một hiệp ước nhượng đất như vậy thực là bất đắc dĩ, là một mối nguy hại trên thế yếu và đương nhiên đầy phiêu lưu và rủi ro. Chính khi hiệp ước được ký kết thì quân Nguyễn Ánh sau khi từ Bangkok trở về đang mạnh lên, còn quân Tây Sơn yếu đi vì chia rẽ nội bộ. Trong khi các sự kiện ở Bắc Hà thu hút sự chú ý của Tây Sơn thì Nguyễn Ánh lấy lại được Gia Định và nhiều vùng ở Đàng Trong kể từ tháng 7 âm lịch năm 1788. Kể từ đó, có thêm sự giúp đỡ của Bá Đa Lộc cùng 20 chuyên gia quân sự Pháp, từ tháng 6 Kỷ Dậu 1789, Nguyễn Ánh làm được nhiều việc xây dựng kinh tế chính trị, ổn định đất Gia Định, do đó càng đánh càng thắng. Càng thắng thì đương nhiên hòa ước Versailles càng trở nên vô ích, bởi lẽ sự giúp đỡ hiện thực của Bá Đa Lộc là với tư cách cá nhân. Nhưng dù thế nào thì người Pháp, kỹ thuật quân sự Pháp đã tới và bắt đầu có tác dụng. Thế là Nguyễn Ánh đã tìm cách rũ bỏ cái hiệp ước Versailles tai ác kia bằng cách viết thư cho vua Pháp cám ơn và nói rõ không cần sự giúp đỡ của nước Pháp nữa. Việc này được thực hiện ngay trong năm 1790, tức là chỉ 3 năm sau khi ký kết. Đứng vào địa vị Nguyễn Ánh có thể thấy đó là một cố gắng nhằm rút ra khỏi sự cam kết, xóa bỏ hiệp ước Versailles, xóa bỏ nguy cơ có thể xảy ra sự can thiệp của Pháp vào Việt Nam, một khi vương quyền nhà Nguyễn được xác lập. Mối lo toan đó là hoàn toàn chính đáng, nhưng không thể nào xóa bỏ được một việc đã rồi. Nguyễn Ánh phải mang ơn người Pháp và nước Pháp. Nhưng Nguyễn Ánh cũng không chịu vì ân huệ đó để phương hại tới vương quyền nhà Nguyễn. Nếu Lê Văn Duyệt từng ủng hộ Nguyễn Ánh trong việc cầu viện nước Pháp thì ông lại đã không hiểu hết mối lo của Gia Long đối với người Pháp. Lê Văn Duyệt một lòng một dạ thờ vua, trung thành với vua và dòng đích trưởng của vua là Hoàng tử Cảnh và con trai hoàng tử Cảnh. Nhưng rõ ràng Cảnh là học trò từ bé thơ của P.de Béhaine, đã được gặp gỡ vua Louis XVI của nước Pháp, đã thấy nước Pháp tận mắt trong gần 1 năm

liền. Hoàng tử Cảnh là hiệp ước Versailles bằng xương bằng thịt.

Hoàng tử Cảnh còn xin theo đạo Thiên Chúa và từ chối không lạy trước tông miếu. Người Công giáo thời đó chỉ được lạy trước bàn thờ Chúa. Chính vì việc này, Bá Đa Lộc dám xin Tòa thánh bãi bỏ việc đó để đạo Thiên chúa dễ phù hợp với người Việt Nam. Nhưng Tòa thánh tức giận, thiếu chút nữa thì ra lệnh rút phép thông công Bá Đa Lộc. Vậy thì Hoàng tử Cảnh chính là một tư cách Pháp, và tư cách đó sẽ làm vua kế vị Nguyễn Ánh. Hoàng tử Cảnh cùng Bá Đa Lộc từ Pháp về năm 1789 thì năm 1793 được lập làm Đông cung thái tử. Hẳn là Nguyễn Ánh lúc này không thể làm khác được. Nhưng rồi đến năm 1801 Hoàng tử Cảnh qua đời vì bệnh đậu mùa, một năm trước khi vua Gia Long chính thức lên ngôi toàn cõi Việt Nam. Bắt đầu từ đây sự suy nghĩ của Gia Long thực sự có sự thay đổi lớn lao đối với người Pháp, có nghĩa là cái nguy cơ tổn hại đất nước từ phía hòa ước Versailles, từ phía người Pháp có điều kiện to lớn hơn, nặng nề hơn. Theo cách nghĩ thông thường thái tử kế vị phải là con trưởng hoặc cháu đích tôn. Nay Hoàng tử Cảnh đã qua đời thì con lớn của Hoàng tử Cảnh phải được lập làm Thái tử. Nhưng hẳn là Gia Long không ưng một việc như thế, do đó việc lập thái tử đã trì hoãn mãi tới 1816 mới quyết định. Và cái quyết định ấy của Gia Long làm bàng hoàng các triều thần. Gia Long chọn Hoàng tử thứ ba, em của Hoàng tử Cảnh, tức Hoàng tử Đảm, lúc ấy đã 26 tuổi làm Thái tử. Nhiều tài liệu nói tới thái độ không tán thành của Lê Văn Duyệt trước việc trên. Nhưng cũng chỉ 3 năm sau thì Gia Long băng hà và Minh Mệnh lên nối ngôi. Theo các nguồn tài liệu khác nhau thì Gia Long đã di huấn lại cho Minh Mệnh, trong đó có nói hãy đối xử tốt với người Pháp nhưng không thể nhượng một tấc đất cho họ. Rõ ràng Gia Long vẫn canh cánh cái nguy cơ bị Pháp can thiệp, và Minh Mệnh vừa theo di huấn lại vừa bị buộc phải đối xử cứng rắn hơn với các giáo sĩ Pháp và tàu chiến Pháp. Cần nhớ lại rằng sau khi lên ngôi, Gia Long thẳng thừng cự tuyệt sứ thần Anh sang xin thông thương buôn bán ở Sơn Trà năm 1803. Sau đó nhiều lần người Anh tới xin mở quan hệ cũng đều bị khước từ. Đối với người Pháp thì ngoài quan hệ tốt từ trước, Gia Long còn cho mấy người thuyền trưởng cũ như Vannier, Chaigneau, Despiau... làm quan tại triều, có lính hầu, dinh ở và không phải lạy khi vào chầu. Đối với đạo Thiên Chúa, Gia Long ra lệnh giữ nguyên hiện trạng chứ không cho phát triển thêm. Giám mục Bá Đa Lộc qua đời ngày 9–11–1799, chỉ mấy năm trước khi Nguyễn Ánh lên ngôi. Nhưng nhiều người Pháp vẫn phục vụ Nguyễn Ánh; trong số đó đặc biệt có

Jean Marie Dayot, vốn là trung tá hải quân, được Nguyễn Ánh phong chức trong hải quân Nguyễn năm 1790. Sau mấy năm làm việc cho Nguyễn Ánh có công lao, Dayot quay ra hoạt động ở vùng biển Đông Nam Á và ngày 15–11–1807 đã nhờ người đem về Pháp các bản đồ địa lý hàng hải vùng biển Nam kỳ, mà ông ta đã vẽ thời kỳ giúp Nguyễn Ánh. Dayot thừa nhận bản đồ đó là "kết quả làm việc khá gian khổ trong 6 năm ròng". Không hiểu triều Nguyễn và cá nhân Lê Văn Duyệt có biết việc này không, nhưng không thể không gọi hành động điều tra thăm dò bất hợp pháp ấy là một hành vi điệp báo lén lút. Cùng lúc đó, nhiều nguồn tin tức về Việt Nam đã được các giáo sĩ Pháp, các quan chức người Pháp, đặc biệt là giáo sĩ De la Bissachère truyền về chính giới Pháp. Vì vậy ngày 17–9–1817 Thủ tướng Pháp, quận công Richelieu, đã viết thư cho J.B.Chaigneau đang làm quan trong triều Gia Long để hỏi tình hình Việt Nam. Thế rồi điều Gia Long lo lắng quả đã diễn ra. Chiếc tàu buôn La Paix vừa rời bến cảng Đà Nẵng vì không đạt kết quả thông thương thì mấy ngày sau, chiếc chiến hạm Pháp La Cybèle với đầy đủ vũ khí cập bến cảng này ngày 30–12–1817. Thuyền trưởng Đại tá Hải quân De Kergariou, theo các tài liệu Việt Nam, đã cho biết rằng Pháp hoàng Louis XVIII sai sang xin thi hành những điều ước ông Bá Đa Lộc ký năm 1787 về việc nhượng cửa Đà Nẵng và đảo Côn Lôn. Vua Gia Long không cho tiếp kiến và sai quan trả lời rằng những điều ước ấy nước Pháp trước đã không thi hành thì nay bỏ, không nói đến nữa. Thái độ như vậy của Gia Long là hoàn toàn thỏa đáng trước việc một tàu chiến Pháp trang bị súng ống đầy đủ tới đòi thực hiện điều ước 1787 lỗi thời. Nhưng điều cần rút ra nữa là sự lo ngại của Gia Long quả thực hoàn toàn có lý do và rồi sau này năm 1857 trước khi Pháp nổ súng, kẻ địch vẫn còn nhắc lại cái hiệp ước Versailles đó để làm cớ cho sự xâm lược. Không đạt kết quả gì, tàu chiến La Cybèle rời Đà Nẵng ngày 22–1–1818, nhưng de Kergariou đã thực hiện việc ghi chú, xác minh lại cho chính xác các bản đồ của Dayot vẽ trước kia khi chạy dọc bờ biển miền Nam Việt Nam. Sau đó, khi kế ngôi vua cha, Minh Mệnh đã được căn dặn nhiều, và nhà vua đã rất chú ý đến hoạt động của các người Pháp, đặc biệt các giáo sĩ, xem đó là các hoạt động không thuần túy tôn giáo. Chaigneau nghỉ phép về Pháp khi trở sang với tư cách lãnh sự Pháp tại triều Huế đã đem theo trên tàu La Rose hai giáo sĩ Pháp (Tabert và Gagelin). Minh Mệnh tiếp tục thái độ cự tuyệt các tàu nước ngoài, nhất là các tàu chiến Pháp Cléopâtre 1822, Thétis 1824. Chiến hạm Thétis lại lén đưa vào Việt Nam giáo sĩ Pháp Régereau.

Sau các sự việc này, nguồn tài liệu Pháp cho biết Minh Mệnh đã có chỉ dụ nói rõ việc các giáo sĩ lén vào Việt Nam là một tai họa, do đó ra lệnh khám xét các tàu thuyền. Chính sử Việt Nam không ghi chỉ dụ này. Sau đó, Minh Mệnh đã có quyết định cho mấy người Pháp làm quan trong triều Nguyễn trở về nước, vì họ thường báo cáo tình hình Việt Nam cho chính quyền Pháp. Đó là bối cảnh lịch sử khiến Minh Mệnh thực hiện việc tập trung các giáo sĩ Pháp về Huế cuối năm 1826 để giúp việc phiên dịch nhưng thực chất là để kiểm soát. Đây là dịp thứ hai để Lê Văn Duyệt bộc lộ sai lầm nữa. Nếu trước kia, Lê Văn Duyệt phạm sai lầm đầu tiên là quá trung thành với Hoàng tử Cảnh cũng là trung thành với người Pháp mà không hiểu hết nỗi lo của Gia Long, thì nay một lần nữa ông tỏ ra không hiểu chủ trương của Minh Mệnh đối với các giáo sĩ Pháp. Ông đã can thiệp với Minh Mệnh, bênh vực các giáo sĩ, tỏ ý rằng vua Nguyễn vừa ăn cơm của Pháp xong đã phủi mọi công ơn của người Pháp. Sự phản kháng của Lê Văn Duyệt rất mạnh mẽ và rút cục đã đưa được 3 giáo sĩ ở miền Nam đã tập trung ở Huế trở lại miền Nam (Tabert, Gagelin, Odorico, riêng Regereau được Lê Văn Duyệt giữ lại từ trước). Sự việc này càng làm tăng thêm tính chất đối kháng trong quan hệ giữa Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt.

Ngoài vấn đề chủ yếu trên đây, Lê Văn Duyệt còn phạm một sai lầm nữa là ngay từ năm đầu Minh Mệnh 1820, đã xin cho hơn 900 người quy thuận ở Thanh Nghệ nhân chuyến kinh lý năm trước được theo về Gia Định làm thủ túc. Đó là cơ Thanh Thuận và cơ An Thuận, có tài liệu gọi là lính Bắc Thuận và Hoàn Lương cũng vậy. Chính trong số này có Nguyễn Hữu Khôi, được Lê Văn Duyệt nhận làm con nuôi, tức là Lê Văn Khôi. Sau khi Lê Văn Duyệt qua đời, Lê Văn Khôi đã khởi cuộc binh biến chiếm thành Gia Định trong 3 năm kể từ 1833 có sự tham dự của lính Bắc Thuận, Hoàn Lương, một số người công giáo và linh mục Marchand, tức Cố Du. Trong một bức thư gửi cho Giám mục Tabert ở Xiêm đề: "Từ pháo đài Sài Gòn ngày 24–12–1834", Cố Du viết: "Kính thưa đức Cha, con hiện đương là chiến sĩ của những người nổi dậy...". "Các thủ lĩnh nổi dậy đã yêu cầu con chỉ bảo cách làm các lá cờ giống lá cờ của Constantin..."[(2)] Lẽ đương nhiên Lê Văn Duyệt khi đã qua đời không thể là người chủ mưu khởi loạn. Nhưng những gì ông nghĩ và làm từ trước 1832 không thể không ảnh hưởng tới cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi. Một điều rõ ràng là Lê Văn Duyệt thực có ý định vun vén cho quyền lực của mình ở Gia Định trên cơ sở những tầng lớp người ủng hộ ông, những lính Bắc Thuận, Hoàn Lương, những người

Pháp, những giáo sĩ Pháp. Đó chỉ có thể là tư tưởng hùng cứ địa phương. Đó cũng là 1 trong 7 tội Minh Mệnh nghị án ông đáng xử chém.

Tóm lại, lời buộc tội của Minh Mệnh và triều Nguyễn đối với Lê Văn Duyệt chưa chắc đã hoàn toàn là điều phán quyết của lịch sử. Nhưng rõ ràng ông có hai sai lầm lớn và rất có thể liên quan đến nhau. Đó là sự quá trung thành với người Pháp, giáo sĩ Pháp, với Hoàng tử Cảnh nên không hiểu được chủ trương có lý do thuyết phục của các vua Gia Long, Minh Mệnh đối với người Pháp và các giáo sĩ Pháp. Sai lầm thứ hai là hùng cứ cát cứ địa phương. Sai lầm thứ nhất là sai lầm chủ yếu và quan trọng nhất, có thể nó là nguyên nhân hay điều kiện cho sai lầm thứ hai. Nếu Lê Văn Duyệt được nghe câu nói sau đây của Napoléon năm 1804 thì chắc chắn ông không thể mắc các sai lầm quan trọng kể trên. Nhân dịp tái lập lại Hội Thừa Sai Paris năm 1804, Hoàng đế Pháp Napoléon, người khai sáng cho công cuộc mở mang thuộc địa Pháp, đã nói trước Hội đồng quốc gia Pháp: "Tôi có ý định lập lại Hội truyền giáo nước ngoài, những giáo sĩ ấy sẽ rất có ích cho tôi ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ. Tôi sẽ cử họ đi điều tra tình hình các xứ. Tấm áo của họ dùng để che chở họ và để ẩn giấu các mưu đồ chính trị và thương mại. Phí tổn cho họ ít thôi, họ sẽ được những người dã man kính trọng và vì họ không có vẻ gì là chính thức nên không thể gây điều gì sỉ nhục cho chính phủ. Tính mẫn cán tôn giáo sẽ làm cho họ thi hành tốt mọi công việc và coi thường những hiểm nguy, vượt hẳn lên trên một viên chức bình thường"(3).

Thực sai lầm biết bao nếu tin tưởng tuyệt đối vào các giáo sĩ của Napoléon!

---

(1) Cần hiểu tuổi này tính theo âm lịch, vì vậy năm sinh của ông là năm Giáp Thân 1764. Điều này trùng hợp với tuổi khi mất được ghi 69 tuổi âm lịch, hay 68 tuổi dương lịch năm 1832.

(2) Đây là cờ thánh, có hình thập tự và chúa Jesus. Taboulet: La geste francaise en Indochine. Maison neuve Paris 1955. T.I trang 332.

(3) Jean Suret Canale: "Afrique Noire". Ed. Sociales Paris 1958, tr. 120.

Vấn đề Công giáo với số phận của Lê Văn Duyệt

PGS. ĐỖ QUANG HƯNG

Một trong những khía cạnh phải xem xét khi giải quyết "vấn đề Lê Văn Duyệt" là phải xem thái độ của ông với vấn đề Công giáo, đặc biệt trong những năm cuối đời dưới triều Minh Mạng, đặc biệt hơn nữa là những sự kiện trước và sau sự biến chiếm thành Phiên An (Gia Định) của Lê Văn Khôi, con nuôi ông.

Vấn đề Công giáo không chỉ là vấn đề có liên quan trực tiếp đến số phận của Lê Văn Duyệt. Đây cũng là một trong những vấn đề gai góc nhất với bản thân triều đình Minh Mạng (1820-1840). Là một vị Hoàng đế mà sử gia Trần Trọng Kim ca ngợi là ông vua mạnh mẽ, khôn ngoan, mực thước và văn tự, nhưng chính Minh Mạng lại trở thành nhân vật nổi tiếng bậc nhất trong chính sách cấm đạo và thường bị các sử gia châu Âu gọi là "Néron của Việt Nam".

Bài viết nhỏ này sẽ đi sâu vào khía cạnh đó, mong muốn được bàn thêm về "công, tội" của Tả quân Lê Văn Duyệt, "Phó Vương", người duy nhất trong triều đình mà vua Minh Mạng phải kính nể.

Câu "cái quan định luận" có lẽ không hoàn toàn đúng với trường hợp Lê Văn Duyệt. Bởi vì, chính sau khi ông mất câu chuyện về ông mới thực sự bắt đầu.

Thời Minh Mạng: Công giáo - một vấn đề khó khăn

Ngay thời Gia Long (1802-1820), mặc dù có quan hệ mật thiết và "chịu ơn" Giáo hội Pháp, nhất là đối với Cha Cả (Pigneau de Béhaine), Nguyễn Ánh cũng không thể chấp nhận thái độ kiêu hãnh và cứng nhắc của các giáo sĩ Thừa sai. Khi bàn luận với P.de Béhaine về vấn đề tín ngưỡng, Nguyễn Ánh đã phê phán thái độ bất khoan dung của Thiên

Chúa giáo với các tín ngưỡng truyền thống của Việt Nam và nhất là tục thờ cúng Tổ tiên.

Một tác giả Pháp có ghi lại ý kiến của Gia Long trong cuộc đối thoại ấy: "Mong sao tục ấy (thờ cúng tổ tiên) có thể hòa hợp với đạo Thiên chúa. Theo cách nghĩ của tôi, không có ngăn trở thực sự nào để nước tôi theo đạo Thiên chúa. Nếu như tôi tuyên bố với mọi thần dân rằng phải hủy bỏ nghi lễ ấy thì chính tôi sẽ bị quần thần nghi ngờ rằng tôi đã cải giáo và nhất định họ sẽ xa lánh tôi..."[1].

Gia Long không ban hành một sắc chỉ cấm đạo nào, thậm chí mềm mỏng trước việc truyền đạo. Nỗi ám ảnh của ông ta về cái tôn giáo phương Tây xa lạ này, không vì thế mà giảm đi.

Đến thời Minh Mạng (1820-1841), vấn đề này ngày càng gay gắt, phức tạp.

Cuộc chiến tranh Nha phiến giữa thực dân Anh và Trung Quốc từ năm 1839. Sau đó Trung Quốc thất bại, phải ký Điều ước Nam Kinh năm 1842, gây tiếng vang lớn ở Viễn Đông.

Cũng là lúc, xu thế bành trướng thuộc địa của Pháp ở Viễn Đông sau một thời gian tạm lắng bởi các sự kiện của cách mạng tư sản nay lại phục hồi dưới thời vua Louis Philippe (làm vua các năm 1830-1848).

Ở trong nước, những năm đầu thời Minh Mạng việc truyền đạo của các giáo sĩ thừa sai vẫn rất tự do. Các nhà thờ được xây thêm, tu tạo, nâng cấp. Sinh hoạt lễ hội Công giáo rất tưng bừng, tô điểm bằng các yếu tố vật chất và nghệ thuật phương Tây, tỏ ra có sức hấp dẫn đáng kể...

Quan trọng hơn là *yếu tố chính trị* ngày càng đậm nét trong vấn đề Công giáo.

Các giáo sĩ Thừa sai ngày càng can thiệp sâu vào chuyện triều chính và số quan lại có thiện cảm hoặc chịu phép rửa tội ngày càng nhiều.

Năm 1826, trong cuộc khởi nghĩa của Phan Bá Vành từ Nam Định tràn qua Hải Dương. Vua Minh Mạng sai Lê Văn Duyệt và Nguyễn Công Trứ đem đại quân đến bao vây, chiến cuộc rất quyết liệt. Khi quân Phan Bá Vành rút về Trà Lũ, một làng lớn có tới 20.000 dân (5.000 Công giáo), Minh Mạng đã được tin: dân Công giáo ở đây dưới sự chăm dắt của cha Henares Minh và 10 cha dòng Đa Minh người Việt đã ủng hộ nghĩa quân thì nhà vua rất tức giận[2].

Còn về cá nhân Minh Mạng, nhiều sử gia Công giáo Pháp có nhận xét rằng ông vua này có một não trạng mà tư tưởng Thiên chúa giáo

không thể xâm nhập được.

Một tư liệu rất đáng chú ý là, trong cuốn của M. Gispart về lịch sử truyền giáo của dòng Đa Minh đã dẫn trên đây, có lần Minh Mạng nói với các quan cận thần rằng: "Sau này khi tôi làm vua, tôi sẽ đuổi hết người theo đạo Gia tô sang Tây mà ở" (Sđd, tr.342).

Một tư liệu thú vị khác. Năm 1823-1824, Minh Mạng đã nung nấu chính sách cứng rắn triệt để hơn với "tà đạo" này. Cuốn *Xứ Nam kỳ sùng đạo* in năm1885 của linh mục L.E. Louvet cho biết, khi các quan cận thần tâu trình một kế hoạch thanh toán đạo Công giáo theo kiểu Nhật Bản thì nhà vua trả lời: "Cần gì phải bắt chước ai, trẫm có phương pháp của trẫm có khi còn hoàn bị và hữu hiệu hơn các phương pháp của các vua Nhật..."[(3)].

Nhưng vào thời điểm ấy, Minh Mạng chưa thể mạnh tay. Đại thể kế hoạch ngăn chặn, khống chế đạo Công giáo của ông ta như sau:

a) Triệt để cấm các Tây dương đạo trưởng vào nước ta.

b) Tập trung các đạo trưởng trong nước về một nơi.

Điều thứ nhất thực khó thực hiện tốt vì tuy các giáo sĩ phải đi đường biển xâm nhập vào đất liền, nhưng bờ biển nước ta tới trên 2.000km, nhiều vị Thừa sai vẫn dễ dàng lén lút vào được.

Điều thứ 2 cũng không dễ gì. Các giáo sĩ ở Đàng Ngoài, vì xa kinh đô, dễ thoái thác lẩn tránh. Đến tháng 6-1827, mới chỉ có 2 vị thừa sai là cha Taberd Từ và cha Gagelin Kính cùng một cha dòng Capuxino Odorico Phương có mặt ở Huế...

Ngày 12-2-1825 Minh Mạng ra một chỉ dụ lên án khá gay gắt: "Tà đạo của Tây dương làm hại lòng người. Đã lâu nay, những chiếc tàu của Tây dương qua đây buôn bán, thường để lại những đạo trưởng. Bọn này thường mê hoặc lòng dân, phá hoại phong tục. Như thế chẳng phải cái họa lớn cho nước ta sao? Vì thế ta nên ngăn cấm những sự lạm dụng này để đưa dân chúng trở lại con đường chính đạo"[(4)].

Vấn đề cấm đạo hay không dĩ nhiên quan hệ trực tiếp đến chính sách mở hay đóng cửa với nước Pháp, với phương Tây. Vì thế, Minh Mạng cũng còn phải tính toán.

Thậm chí, sau vụ xung đột gay gắt năm 1830 giữa 2 làng bên lương là Cổ Lão và bên giáo là Dương Sơn, ven kinh thành Huế, có liên quan đến cố Jaccard Phan, dù các quan trong triều dâng sớ "Xin hoàng thượng ngăn cấm tà đạo", Minh Mạng cũng chưa thể xuống chiếu cấm đạo trong

toàn quốc.

Một trong những lý do trực tiếp vì ông vấp phải sự phản đối gay gắt của Tả quân Lê Văn Duyệt, lúc đó là tổng trấn Gia Định, "Phó Vương", như nhiều người phương Tây lúc ấy hay gọi!

Chỉ sau khi Lê Văn Duyệt mất (25-8-1832) thì Minh Mạng mới thực sự thi hành chính sách cấm đạo.

Tháng 12-1832, vua Minh Mạng chỉ thị kê khai những người Công giáo trong hàng ngũ Cấm binh. Một danh sách 12 thân binh được đệ trình, trong đó có Phao- lô Tống Viết Bường.

Ngày 6-1-1833, Minh Mạng xuống chiếu chỉ cấm đạo trong toàn quốc, một chỉ dụ cấm đạo thuộc số khắc nghiệt nhất, quyết liệt nhất thời bấy giờ: "Các quan tỉnh khuyến cáo bỏ đạo, ai thành thực bước qua cây thập giá thì miễn tội, nhà thờ, nhà giảng phải hủy diệt đi, ai cố tình không tuân bị trị tội nặng..."(5). *Đại Nam thực lục* tuy không chép toàn văn đạo dụ này nhưng lại ghi chi tiết lời nhà Vua cho các tướng quân khi giải quyết vụ nổi dậy của Lê Văn Khôi (mùa thu 1833) gồm 8 điều, trong đó có 1 điều dành riêng cho vấn đề Gia tô. Mức độ khắc nghiệt của các đạo dụ tăng theo sự phức tạp của tình hình chính trị quốc gia khi ấy và sự dính líu của các giáo sĩ, giáo dân vào các sự biến ấy. Đạo dụ 8/1833 qui định "tức thì chém đầu đem bêu" bất cứ ai theo đạo Gia tô hoặc "kẻ theo giặc" trong các vụ nổi dậy đó(6), còn các đạo trưởng Tây dương còn lén lút ẩn trốn đều "khép tội chết"(7)...

Nói dài một chút về vấn đề này để thấy yếu tố tôn giáo có ảnh hưởng gì đến cuộc đời nhân vật chúng ta đang bàn.

Thái độ của Lê Văn Duyệt với vấn đề Công giáo

Nói "vấn đề Công giáo" vì chúng ta phải xét trên cả 2 mặt: Thái độ của Lê Văn Duyệt với Công giáo trên tư cách một tôn giáo và thái độ của ông với Công giáo trên phương diện một vấn đề chính trị xã hội.

Trong những năm cuối đời, Lê Văn Duyệt có quan hệ với nhiều nhân vật Thừa sai nổi tiếng như cố Marchand, J.B. Chaigneau. Riêng Chaigneau đã cung cấp một chi tiết đáng lưu ý về thái độ của Lê Văn Duyệt với Minh Mạng, với Công giáo và tính cách của ông. Chaigneau viết: "Trong số những đại thần thân với người Pháp chỉ có Tả quân Lê Văn Duyệt, Tổng trấn Gia Định dám đương đầu với Minh Mạng và những người thân cận với nhà vua. Lê Văn Duyệt chỉ trích Minh Mạng một cách công khai về việc Minh Mạng đã chà đạp lên đường lối chính trị khôn ngoan và đáng tôn kính của vua cha, đã đối xử quá bội bạc với những

người từng đem lại ngôi báu cho dòng họ mình. Duyệt là người có nghị lực khác thường, có những năng lực đặc biệt của một ông tướng và một nhà chính trị. Mọi người đều gờm sợ Duyệt, nhưng Duyệt lại được dân chúng mến phục do tính thẳng thắn"[8].

Hai tác giả cơ bản về lịch sử đạo Công giáo Việt Nam giai đoạn này là Louvet và A. Launay sẽ cung cấp cho chúng ta những tư liệu cụ thể hơn.

Theo sách của các vị linh mục thừa sai này thì ngay năm 1827, nhiều vị Thừa Sai ở Huế thường cầu cứu Tả quân Lê Văn Duyệt, nói cho ông "những âm mưu, tính toán" của nhà vua, tình trạng thiếu linh mục ở các họ đạo và sự giam giữ họ của triều đình...

A. Launay viết về thái độ của ông trước các sắc dụ ngăn cấm đạo đầu tiên của Minh Mạng: "Các đạo trưởng làm gì nên tội mà buộc phải bắt bớ họ?... Nhà vua ban cho các nhà sư bao ân huệ, mà họ thì đem lại lợi lộc gì? Nhà vua không nhớ rằng, các thừa sai mới là người đã đem cho chúng ta thóc gạo khi chúng ta đói, vải vóc khi chúng ta cần..."[9].

Tháng 12-1827, Lê Văn Duyệt đích thân về Huế tâu trình nhà vua, hết lời khen ngợi chính sách của vua cha (Nguyễn Ánh) và trình bày các hồ sơ về "Công ơn" của Bá Đa Lộc với nhà Nguyễn. Dưới đây là lời ông mà Launay ghi lại: "Tâu hoàng thượng, chúng ta định bắt bớ các đạo trưởng Tây dương, trong khi chúng ta còn phải nhai cơm do các vị đó cung cấp cho chúng ta sao? Ai đã giúp Hoàng thượng lấy lại giang sơn? Hình như hoàng thượng không sợ mất nước? Tây Sơn chém người Công giáo, Tây Sơn đã mất ngôi. Vua xứ Pegor (Miến Điện) vừa đuổi các vị linh mục ra khỏi nước họ, liền bị xô khỏi ngai vàng. Hình như Hoàng thượng không nhớ đến công ơn của các vị thừa sai... Không được! Chừng nào thần còn sống, Hoàng thượng sẽ không được làm điều ấy. Khi thần chết rồi, hoàng thượng muốn làm gì thì làm"[10].

Đúng là câu nói cứng rắn này của Lê Văn Duyệt đã làm chùn tay vua Minh Mạng. Về khách quan, trong tình hình nội bộ quốc gia lúc đó, điều này là tích cực, tránh sự rối ren hơn, hạn chế sự ngăn cách ngày càng sâu giữa lương và giáo. Nhưng, nếu câu nói "độc đáo" ấy của ông là đúng sự thực thì trước lịch sử, Lê Văn Duyệt phải chịu thêm một sự phán xét nữa: ông là người thân Giáo hội Pháp và sự thân thiện quá mức ấy nhằm mục đích gì?

Chỉ biết rằng, chi tiết *đắt giá* này được nhiều cuốn sách của các tác giả Pháp nhắc lại. Chẳng hạn, cuốn *Thời kỳ đầu của xứ Đông Pháp* (*Les*

commencements de L'Indochine francaise) của Albert Septans, xuất bản ở Paris năm 1887.

Trong cuốn này, ngoài việc nhắc lại câu nói trên của Lê Văn Duyệt, tác giả viết thêm: "Lúc ấy, Minh Mạng phải nghe lời lão tướng ấy. Nhưng khi ông ta chết, Minh Mạng lại cho quật mồ mả ông. Cả Nam kỳ liền nổi dậy. Minh Mạng dìm cuộc nổi loạn trong biển máu. Thành cũ do đại tá Ollivier xây đã bị san phẳng và hai giáo sĩ người Pháp là cha Gagelin và cha Marchand bị xử tử. Chính phủ Pháp đã cho xây lại mộ cho Tả quân: ngôi mộ xây gần tòa thanh tra Biên Hòa trên nhánh đường đi Gò Vấp..."[11].

Sau này, nhiều tác giả Pháp tiếp tục đi sâu vào khía cạnh đặc biệt này của cuộc đời Lê Văn Duyệt. Tiêu biểu là M. Gaultier với cuốn *Minh Mạng*, xuất bản ở Paris năm 1935. Trong cuốn này, M. Gaultier không chỉ khẳng định thiện cảm của Lê Văn Duyệt với đạo Công giáo mà còn cố gắng phân tích sự đánh giá của Minh Mạng với thái độ ấy của công thần hàng đầu của nhà Nguyễn. Ông cho rằng, khi Lê Văn Duyệt còn sống thì Minh Mạng chấp nhận đường lối của vị Phó vương, vì dù sao nó cũng đem lại sự ổn định cho đất nước. Nhưng chính nhà vua lại không chịu nổi trước sự lớn mạnh của cộng đồng Thiên chúa giáo mà Lê Văn Duyệt đã khôn khéo dựa vào để cai trị, đặc biệt những dòng họ có thế lực mà đã đi theo Công giáo.

Lê Văn Khôi - Khúc vĩ thanh

Nếu không có "Vụ Lê Văn Khôi" thì chắc *vấn đề Lê Văn Duyệt* cũng đơn giản hơn rất nhiều.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* chép chi tiết như sau: "Năm Minh Mạng thứ 14 (1833) vì Lê Văn Khôi là bộ hạ của Lê Văn Duyệt làm loạn, chiếm cứ thành Phiên An, quan quân đi đánh 3 năm mới dẹp được. Năm thứ 16 (1835) viện Đô sát truy hặc về việc này, giao xuống đình nghị, thành án, hạ chiếu cho san bằng mộ và dựng bệ đề là "Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xứ" (chỗ quyền yêm Lê Văn Duyệt chịu tội), lại dựng bia ở nhà học để làm gương răn những kẻ quyền yêm muôn đời. Vợ con thân thuộc đều bị tội chết. Cũng có người được xử tội nhẹ, đi đầy. Năm Thiệu Trị thứ I (1841), những người bị đi đầy đều được giảm nhẹ hoặc tha..."[12]

Sách *Đại Nam liệt truyện*, chi tiết hơn, cũng chỉ cho biết lý do cá tính "tính táo nóng, suất lược, nói năng không lễ độ lúc chầu vua" của Duyệt hoặc vì Minh Mạng căm giận Lê Văn Khôi, nghe theo bản sớ của viên

quan đứng đầu Đô sát Viện là Phan Bá Đạt mà trừng trị thẳng tay vị *huân cựu đại thần* của triều Nguyễn kia[13].

Chắc hẳn là có sự *oan khuất lớn* nên chỉ 13 năm sau, vụ án Lê Văn Duyệt đã được cởi bỏ vào năm Tự Đức thứ I (1848): "có chiếu rửa sạch tội trước cho Duyệt. Lại truy phục nguyên hàm Thống chế cho Lê Văn Phong (em trai Duyệt). Con Lê Văn Yên là Diễn, Minh; con Lê Văn Tề là Dũng, Hợp đều được bổ dùng"[14].

Xem ra Tự Đức khi mới lên ngôi tỏ ra rất thấu tình, đạt lý.

Sách *Đại Nam thực lục* chép rất kỹ:

"Nước nhà ta khi mới trung hưng, phàm các công thần tá mệnh công liệt rất rõ rệt, đều được phong tước lâu đời, cúng theo vào nơi miếu đình. Còn những người có chút tài giỏi, tác công lao, cũng đều lúc sống có danh tiếng hiển vinh, lúc chết có thụy hiểu tốt đẹp... Trong đó, bọn Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt, Lê Văn Khôi đều gặp gió mây, ruổi theo tên đạn, thân làm đại tướng, tước đến quận công. Khoảng năm Gia Long, Văn Thành không biết ngăn cấm con, bực lòng tự tử. Đến sau con cháu lại nhân cái án tên Hàm đi theo giặc đến nỗi bị giết cả. Văn Duyệt và Chất đều sau khi chết phải xuất ra án nặng đều phải truy đạt hết quan tước, xử tội lây. Cứ theo án xử thì tội không thể chối được, nhưng xét nguyên nhân bị tội thì tình còn có thể đáng thương. Bởi bọn ấy đều tư chất kém cỏi, xuất thân từ chốn hăng trận, chỉ biết chiến đấu hăng khỏe để mong lập lấy chút công mà không biết học đạo khiêm tốn để làm kế giữ mình..."[15].

Năm Tự Đức 21 (1868) còn "chuẩn cho Nguyễn Văn Thành được phục chức Vọng các công thần Chưởng trung quân Bình Tây đại tướng quân Quận công; Lê Văn Duyệt truy phục chức Vọng các Công thần Chưởng Tả quân Bình Tây đại tướng quân Quận công, đều được thờ ở miếu trung hưng công thần"[16]. Năm 1879, Tự Đức còn xuống dụ "Cấp ruộng thờ tự cho trung quân Nguyễn Văn Thành, Tả quân Lê Văn Duyệt đã chết"[17]. Quả thật, vụ Lê Văn Khôi đã gây một cú sốc lớn với Minh Mạng, làm chao đảo cả một triều đại, một đế chế Nguyễn vốn đã hùng mạnh.

Tháng 8-1832 khi Lê Văn Duyệt mất, Khôi bị giam trong ngục thành Phiên An. Đêm 18-5-1833, Khôi cùng với 27 tâm phúc phá ngục, tấn công dinh quan Bố chánh, giết cả nhà Bạch Xuân Nguyên. Cũng giết luôn cả Tổng đốc Nguyễn Văn Quế...

Lê Văn Khôi kéo cờ khởi binh, theo chính sách của A. Launay và

L.E. Louvet nói trên là để "trả thù cho bố nuôi, đòi phế truất bạo vương Minh Mạng, đưa hoàng tử Đán (hiệu là An Hòa) con đông cung thái tử Cảnh lên ngôi"[18].

Ngày 5-7-1833 Khôi tự phong là nguyên soái khi khởi binh. Một trong những lực lượng ông ta hô hào là các giáo dân. Lời kêu gọi của Khôi thực hấp dẫn với người Công giáo ở Đàng Trong và số Công giáo lưu vong ở Lào, Miên, Thái Lan (Xiêm). Khôi còn bí mật gửi thư tay cho Đức cha Taberd Từ đang ở Chantaburi (Xiêm) hãy trở lại Gia Định... Nhưng chiếc thuyền của đoàn Công giáo đi công cán ấy lại bị bắt ở Hà Tiên, bức thư gửi Giám mục Taberd bị tịch thu, số giáo dân theo Khôi ấy đều bị giết. Dù sao thì Minh Mạng cũng đã giận dữ vì các Thừa sai đã tiếp tay cho quân phiến loạn[19].

Các sử gia Công giáo nói chung đều cố thanh minh cho cộng đồng Công giáo có mặt trong đội quân của Lê Văn Khôi trong thành Phiên An, đặc biệt là cha J.Marchand Du (đến Việt Nam 3-1830, học tiếng Việt ở Lái Thiêu, là cha sở ở Phnôm Pênh, một họ đạo Việt kiều, sau về Bình Thuận cai quản 25 họ đạo với 7.000 tín hữu và dạy ở Chủng viện Lái Thiêu), cha Phước (Gagelin) và một cha người Trung Hoa...

Một trong những tài liệu quí báu nhất mà L.E.Louvet công bố toàn văn trong cuốn lịch sử Công giáo chúng ta đang nói là bức thư của Cố Du viết trong thành Phiên An, đề ngày 24-9-1834, hiện được lưu giữ ở Thư viện Hội Thừa sai Paris.

Đây là thư Cố Du gửi Đức cha Tabert:

"Thành Sài Gòn, ngày 24-9-1834. Con hiện là binh sĩ của những người nổi dậy (Soldat des révoltés) trong thành này với khoảng 3, 4 ngàn người, phần lớn quê ở Bình Thuận hoặc các nơi khác. Thành đang bị vây hãm, quân triều đình còn chưa dám đến gần, nhưng chắc rồi họ sẽ đến. Quân lính triều đình tàn sát dân chúng Công giáo, nhà vua đã ra lệnh phải đánh dẹp quân nổi dậy và bắt đạo (persécuter la religion).

Những người cầm đầu nổi dậy có nhờ con chỉ cho họ may lá cờ giống lá cờ của Constantin, nhưng con từ chối (cha Phước - Louvet còn chú thích cha Phước là Cha xứ họ đạo Chợ Quán - đã có lần giảng giải cho họ biết về lá cờ Labarum của Constantin) vì con nghĩ rằng, nếu Chúa không giúp họ thắng trận thì đạo Công giáo sẽ bị thiệt hại nặng nề... Họ nói giờ đây họ tin tưởng vào Thiên Chúa và như thế họ có thể thắng trận được (Ils disent que maintenant ils ont la foi en Dieu, que par consequent il ne peut en resulter que du bien)....

Cách đây một tháng, ông nguyên soái (tức Lê Văn Khôi), có gửi một đoàn sứ thần Công giáo qua Xiêm và yêu cầu con viết thư cho Đức cha xin Đức cha quay về Sài Gòn. Bây giờ con xin Đức cha cứ ở yên chỗ đó, còn con sẵn sàng chịu mọi khốn khó do việc cấm đạo và chiến tranh gây nên...?[20]".

Đây là khía cạnh quan trọng cần chú ý: rõ ràng, cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi hoàn toàn không "đơn giản" như các cuộc khởi nghĩa đương thời chống Triều đình của Phan Bá Vành, Cao Bá Quát, Lê Duy Lương...

Có lẽ phải nhìn nhận kỹ hơn *khía cạnh tôn giáo* của vụ nổi dậy của Lê Văn Khôi. Dù muốn hay không, ít hay nhiều, đây còn là *sự kiện có tính thánh chiến đầu tiên trong lịch sử cận đại* như nó đã từng xảy ra ở Nhật Bản. Và nếu đúng như vậy thì không chỉ Lê Văn Khôi mà cả Lê Văn Duyệt cũng phải chịu trách nhiệm. Một việc động trời như vậy khi đất nước đang cần sự ổn định để phát triển, để tăng cường nguồn lực đối chọi lại cuộc xâm lăng sắp tới của thực dân Pháp.

Lê Văn Khôi chết bệnh trong thành Phiên An tháng 12-1834. Nhưng cũng phải đến sáng 8-9-1835, nghĩa là sau 2 năm vây hãm, quân triều đình mới chiếm lại thành. Sách của Louvet cũng đưa ra con số 1.994 người bị giết trong đó có 66 giáo hữu trong vài ngày đầu tiên khi quân Minh Mạng tái chiếm Phiên An.

Vậy chúng ta có thể rút ra nhận định gì về vấn đề Công giáo trong cuộc đời Lê Văn Duyệt?

Theo chúng tôi, có thể là:

- *Thứ nhất*, chính sách *cấm đạo* của triều Nguyễn, nhất là dưới thời Minh Mạng và Tự Đức bên cạnh cái *hạt nhân hợp lý* là nhu cầu bảo vệ an ninh, chủ quyền quốc gia và văn hóa dân tộc thì cũng chứa đựng nhiều sai lầm tai hại về chính sách, biện pháp cụ thể mà khách quan là tạo thêm sự rạn nứt, mắc mưu chủ nghĩa thực dân. Nếu như chúng ta vẫn khẳng định nhận định ấy thì nhiều quan điểm và hành động của Lê Văn Duyệt đặc biệt vào những năm cuối đời dưới triều Minh Mạng, đã góp phần hạn chế mức độ tai hại của chính sách ấy và thực khách quan, ông đã có những đóng góp cụ thể vào việc thay đổi cái nhìn Nho giáo cực đoan về hiện tượng tôn giáo phương Tây mới xâm nhập này. Chưa có nhiều tư liệu lắm, nhưng cũng đủ để có nhận xét ấy. Dẫu sao đó cũng là cái nhìn mới mẻ, táo bạo và rất hiếm có lúc ấy.

- *Thứ hai*, trong sự tranh giành quyền lực vốn có trong các triều đại,

nhất là một triều đại như thời nhà Nguyễn, với vị thế đầy quyền uy và bản thân là người tài ba, lịch lãm và đầy tham vọng như Lê Văn Duyệt - thậm chí ông còn muốn chống cả Minh Mạng - thì việc dựa vào cộng đồng Công giáo và những người như Lê Văn Khôi - là điều dễ hiểu.

Chúng tôi cũng không nghĩ như Văn Tân rằng ngoài việc dựa vào "lực lượng phản động" này ông còn "thân Pháp". Nhưng cũng phải khẳng định rằng, Lê Văn Duyệt - Lê Văn Khôi, khi cần đạt đến mục tiêu chính trị của mình, họ có thể quyết liệt đến mức sử dụng cả lực lượng bên ngoài để giải quyết các mâu thuẫn bên trong. Dù thế nào, trong con mắt người Việt Nam chúng ta, đó cũng là điều bất lợi cho ông.

Song cũng phải nói thời đại mà ông sống, hoàn cảnh lịch sử cụ thể trong các vua đầu nhà Nguyễn là một thời điểm vô cùng khó khăn với nhiều nghịch lý.

Vì vậy người viết bài này cũng chỉ quan niệm việc ông có ý dựa vào người Công giáo - một trong hàng loạt vấn đề về quốc kế dân sinh mà ông và triều đình phải giải quyết - cũng chỉ là một phương tiện trong việc tranh đấu quyền lực chính trị để ổn định phát triển đất nước.

Và như vậy, chúng ta vẫn có thể ghi thêm một đóng góp của ông: Sự *cởi mở* trong vấn đề tôn giáo, vấn đề Công giáo ở nước ta nửa đầu thế kỷ XIX.

---

(1) Xem H. Bernard. *Le Conflit de la religion Annamite avec la religion d'occident à la Cour de Gia Long*, Hanoi, 1941, P.11.

(2) Tư liệu này của M. Gispert, *Historia de las Misiones Dominicanas eu Tungkin*, Avila, 1928. Phạm Văn Sơn dẫn lại trong *Việt Sử tân biên*, Q.IV, Sài Gòn 1961,



tr.352-353.
(3) Xem L.E. Louvet, *La Cochinchine Religieuse*, QII, Paris, 1885, P.40.
(4) Xem trong L.E. Louvet, Sđd, P.41 hoặc Nam Xuân Thọ, *Phan Thanh Giản*, Sài Gòn 1950, tr.44.
(5) *Đại Nam Thực lục*, tập XI, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1966, tr.136.
(6) *Đại Nam Thực lục*, tập XIII, ntr, tr,24.
(7) *Đại Nam Thực lục*, tập XVII, ntr,
(8) Michel Đức Chaigneau, *Souvenirs de Hué*, Paris, 1867. Dẫn lại từ bài của Nguyễn Minh Tường.
(9) A. Launay, *Histoire Générale de la Société des Missions Etrangères*, Paris, 1894, Q.II, P.534.
(10) Xem A.Launay, sđd, P.535.
(11) A. Septans, Sđd, P.67.
(12) *Đại Nam nhất thống chí*, NXB Thuận Hóa, 1992, Tập II, tr.445.
(13) Xem *Đại Nam liệt truyện*, Sđd, tập II, tr.390, 407 và 408.
(14) *Đại Nam liệt truyện*, Sđd, tr.414.
(15) *Đại Nam thực lục*, Sđd, tập 27, tr.76-77.
(16) *Đại Nam thực lục,* tập 31, tr.207.
(17) *Đại Nam thực lục*, tập 32, tr.271.
(18) Sách của Louvet đd, QII, P.87 và Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, đều nói vậy.
(19) Tư liệu này xem Lê Thành Khôi, *Le Vietnam Histoire et Civilisation*, Paris, 1955, P.341.
(20) Thư này in gần như toàn văn trong *La Cochinchine religieuse*, tome II, Sđd, của L.E. Louvet, P.83-84.

Nhân vật Lê Văn Duyệt

PGS.TS. NGUYỄN PHAN QUANG

Chúng tôi không dám nêu lên những nhận xét chủ quan về một nhân vật lịch sử mà cuộc đời là một bi kịch lớn: từ một vị khai quốc công thần của triều Nguyễn Gia Long (kể từ 1802), cuối cùng lại bị vua Minh Mạng khép tội "phản thần", sai san phẳng và xiềng xích ngôi mộ của ông tại Gia Định sau khi ông mất (1832). Do vậy, chúng tôi càng không dám rút ra những kết luận vội vàng về thân thế và sự nghiệp của ông trong bối cảnh lịch sử ở nửa đầu thế kỷ XIX.

Thế nhưng, cũng như mọi người nghiên cứu về thời Nguyễn, đặc biệt về Sự biến Lê Văn Khôi ở thành Phiên An những năm 1833-1835 (mà GS. Trần Văn Giàu gọi đó là "Cuộc khởi binh Lê Văn Khôi), chúng tôi không thể không tìm hiểu ít nhiều về nhân vật Lê Văn Duyệt (cha nuôi của Lê Văn Khôi).

Từ những ghi chép có liên quan đến Lê Văn Duyệt trong các bộ sử của Quốc sử quán triều Nguyễn hoặc các bộ sử của các giáo sĩ thừa sai thuộc Hội Truyền giáo nước ngoài và một số tác phẩm nghiên cứu trực tiếp về Lê Văn Duyệt trong khoảng hơn một thế kỷ qua, chúng tôi thấy nổi lên mấy nội dung như sau:

1/ Lê Văn Duyệt phản đối việc vua Gia Long chọn Minh Mạng kế vị.

Vấn đề cần tìm hiểu là: Tại sao Lê Văn Duyệt phản đối? Tại sao vua Gia Long vẫn quyết định chọn Minh Mạng? Hậu quả như thế nào đối với Lê Văn Duyệt khi Minh Mạng lên ngôi?

2/ Lê Văn Duyệt được vua Gia Long sai đi đánh dẹp cuộc khởi nghĩa Đá Vách.

Trong quá trình này (từ 1804 đến 1816), Lê Văn Duyệt sử dụng nhiều phương sách (dụ dỗ, mua chuộc, chia rẽ, đàn áp quyết liệt...) nhưng không

hiệu quả, cuối cùng ông đề nghị đắp lũy "Bình Man" (hay cũng gọi là "Trường Lũy") dài 120km dọc miền thượng đạo Quảng Ngãi.

3/ Lê Văn Duyệt được vua Gia Long sai đi đánh dẹp cuộc nổi dậy của họ Quách ở thượng du Thanh Nghệ.

Lê Văn Duyệt quy phục được các thủ lĩnh họ Quách, kể cả Bế Nguyễn Khôi (tức Lê Văn Khôi), nhận họ làm con nuôi "cho đi theo quân thứ" và thu hút luôn nghĩa quân của họ, lập thành hai cơ "Thanh Thuận" và "An Thuận", bổ sung vào các cơ binh "Hồi Lương", "Bắc Thuận" (gồm những nghĩa quân bị triều Nguyễn bắt trong các cuộc nổi dậy ở Bắc Hà và bị quản thúc rải rác ở các tỉnh từ Hà Tĩnh trở vào). Lê Văn Duyệt có ý thức tập hợp lực lượng này và đặt dưới sự quản lý trực tiếp của mình.

4/ Lê Văn Duyệt không đồng tình với chính sách cấm đạo Thiên chúa của Minh Mạng.

Do vậy, giáo dân ở Gia Định coi Lê Văn Duyệt như một vị cứu tinh, còn các giáo sĩ thừa sai thì tìm thấy ở Lê Văn Duyệt một chỗ dựa để đối phó với chính sách cấm đạo, sát đạo của vua Minh Mạng.

5/ Lê Văn Duyệt được các tầng lớp người Hoa tôn sùng như một thần tượng.

Thời gian Lê Văn Duyệt làm Tổng trấn Gia Định thành, nhờ chủ trương bao dung, thông thoáng của ông, việc làm ăn buôn bán của người Hoa được thuận lợi, phát đạt. Do vậy, các tầng lớp người Hoa - đặc biệt các đại thương gia người Hoa - dốc lòng ủng hộ Lê Văn Duyệt, mà trường hợp Bốn Bang được ông nhận làm con nuôi (sau đó trở thành một trong những thủ lĩnh trong sự biến Lê Văn Khôi và bị giải về Huế xử lăng trì là một ví dụ điển hình.

6/ Lê Văn Duyệt có ý thức giữ gìn an ninh vùng biên giới.

Tùy từng lúc, từng hoàn cảnh, Lê Văn Duyệt đã có chủ trương vừa kiên quyết vừa mềm dẻo đối với các nước Xiêm, Miên. Sử triều Nguyễn ghi chép rất chi tiết những sự kiện này, tuy là nhằm đề cao "công nghiệp" của triều Nguyễn trong chính sách đối với lân bang hơn là để ghi nhận những cố gắng của Lê Văn Duyệt, mà điều này cũng dễ hiểu.

7/ Lê Văn Duyệt chủ trương "mở cửa" đối với thương nhân phương Tây.

Đây là điều tối kỵ trong "quốc sách" của triều Nguyễn, đặc biệt là của vua Minh Mạng. Thái độ ưu ái, rộng lượng của Lê Văn Duyệt đối với thương nhân phương Tây được phản ánh khá rõ nét trong nhiều hồi ký của các thương nhân, chính khách đương thời, nhất là trong hồi ký của J.White nhan đề *A history of a voyage to the China-Sea* (Boston, 1823).

Cũng có thể nêu thêm một số nội dung khác về những hoạt động của Lê Văn Duyệt dưới triều Nguyễn, nhất là thời gian ông giữ chức Tổng trấn Gia Định thành, nhưng có lẽ 7 nội dung trên đây đã phần nào phản ánh những nét lớn. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn muốn được sáng tỏ hơn về mấy vấn đề sau:

+ Thực chất của mối quan hệ giữa Lê Văn Duyệt với các vua Gia Long, Minh Mạng trong ba thập niên đầu thế kỷ XIX như thế nào?

+ Tại sao vua Minh Mạng căm ghét Lê Văn Duyệt?

+ Phải chăng Lê Văn Duyệt đang nung nấu một ý đồ thầm kín, sâu xa nào đó đối với triều vua Minh Mạng?

Sau đây, chúng tôi xin phát biểu vài suy nghĩ dựa trên nguồn tư liệu hiện có, kính mong các bác, các anh chị chỉ cho những nhược điểm, sai lầm:

Mâu thuẫn giữa Lê Văn Duyệt với các vua Gia Long, Minh Mạng

Trước hết, chúng ta có thể khẳng định rằng Lê Văn Duyệt là đại biểu cho phái những triều thần có mâu thuẫn sâu sắc với các vua Gia Long, Minh Mạng và bị xem như một trong hai cái gai chọc vào mắt họ (Lê Văn Duyệt và Nguyễn Văn Thành). Nguồn gốc của mối mâu thuẫn đó là: Lê Văn Duyệt phản đối việc Gia Long chọn Minh Mạng nối ngôi.

Đành rằng những người đấu tranh chống việc Gia Long chọn Minh Mạng có những xuất phát điểm về động cơ khác nhau, nhưng riêng với phái Lê Văn Duyệt thì không chỉ đơn thuần vì muốn lập dòng đích của họ Nguyễn, mà còn có chủ đích sâu xa hơn nhiều. Chủ đích đó là: Lê Văn Duyệt không muốn cự tuyệt với giáo sĩ Thiên chúa giáo và người Pháp.

Trái lại, về phía vua Gia Long, ngay khi còn dựa vào giáo sĩ và tư bản Pháp để đánh Tây Sơn, trong thâm tâm nhà vua cũng đồng thời nẩy sinh một băn khoăn lớn. Đặc biệt sau khi thắng xong Tây Sơn, vua Gia Long ngày càng lo lắng hơn về vận mệnh của dòng họ mình trước ý định can thiệp ngày một sâu hơn của tư bản Pháp. Về việc này, Phan Thúc Trực - tác giả *Quốc sử di biên* - chép: "Gia Long ngày đêm suy nghĩ về việc chọn người nối ngôi", và khi nhà vua quyết định chọn Minh Mạng thì khắp trong triều ngoài nội "những lời phản đối dậy lên như ong".

Thực ra, sự bất đồng này giữa vua Gia Long và Lê Văn Duyệt đã âm thầm diễn biến từ nhiều năm trước, cho đến năm 1816 khi Gia Long quyết định lập Minh Mạng mà không lập người con của hoàng tử Cảnh, thì Lê Văn Duyệt bắt đầu vỡ mộng thực sự. Rồi sau khi Gia Long mất,

Minh Mạng lên ngôi (1820) thì mâu thuẫn giữa Lê Văn Duyệt và Gia Long chuyển thành mâu thuẫn đặc biệt gay gắt giữa Minh Mạng và Lê Văn Duyệt.

Về phía Lê Văn Duyệt, ông vẫn kiên trì phản đối việc cự tuyệt với giáo sĩ và người Pháp. Ngược lại, Minh Mạng càng tỏ ra kiên quyết thực hiện chủ trương "đóng kín", tuyệt giao với tư bản Pháp và cấm đạo Thiên chúa ngày một triệt để. Bởi vậy, vua Minh Mạng chỉ mong sớm nhổ phắt cái gai Lê Văn Duyệt! Nhưng vì Duyệt là một đại thần, là một "công thần khai quốc" của triều Nguyễn, đồng thời là một tướng lĩnh có nhiều thành tích lớn trong việc bình định, đàn áp các cuộc nổi dậy, từ những cuộc nổi dậy của các tộc miền thượng ở Quảng Ngãi (Đá Vách) đến những cuộc nổi dậy của nông dân ở Bắc Hà và Nghệ Tĩnh. Vì vậy, Minh Mạng chưa dám và cũng chưa có thể thực hiện ý định trừ khử Duyệt một cách lộ liễu. Minh Mạng đành tiếp tục để Lê Văn Duyệt làm Tổng trấn Gia Định thành, thực chất là muốn đẩy xa một cái gai trong khi hoàn cảnh không cho phép nhổ ngay được.

Lê Văn Duyệt rất hiểu ý định thâm hiểm đó của Minh Mạng và đã khéo léo từng bước xây dựng một cơ sở xã hội khá vững chắc ở Gia Định, trước mắt là để bảo vệ tính mạng mình, rồi từ đó có thể đi xa hơn nữa. Với cương vị tổng trấn, mặt khác do kinh nghiệm và khôn khéo, Lê Văn Duyệt đã biết khai thác và tận dụng những bất bình của nhiều tầng lớp xã hội đối với triều đình Phú Xuân đang diễn biến ngày một rõ nét ở Gia Định, nhằm làm chỗ dựa tập trung mũi nhọn vào triều đình Minh Mạng theo mấy hướng như sau:

+ Ra sức xây dựng phe cánh bằng cách thu hút những nhân vật có khả năng, trước hết là những võ quan. Việc Duyệt thu nạp Lê Văn Khôi, các thủ lĩnh họ Quách..., quy tụ lực lượng các đội "Hồi Lương", "Bắc Thuận" và lập thêm các đội "An Thuận", "Thanh Thuận" đều nhằm mục đích tạo ra một lực lượng võ trang trung thành với bản thân mình, tuy vẫn với danh nghĩa là quân lính của triều đình.

+ Gây dựng ảnh hưởng và uy tín trong các tầng lớp rộng rãi ở Gia Định, trước hết là giáo dân, người Hoa, các tộc thiểu số và một bộ phận quan lại, địa chủ ít nhiều bất mãn với triều đình Minh Mạng.

Những hành động kể trên của Lê Văn Duyệt được vua Minh Mạng theo dõi rất sát. Tuy vậy, khi Lê Văn Duyệt còn sống, Minh Mạng chưa dám hé môi. Nhưng ngay sau khi Duyệt chết (1-8 âm lịch [1832]), nhà

vua đã tuôn hết mọi nỗi ấm ức, căm hờn của mình đối với Duyệt. Chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy điều này qua những bài thơ và chú thích trong tập *Ngự chế tiễu bình Nam kỳ tặc khấu*.

Trong chú thích bài thơ "Hưng sư kỷ sự", Minh Mạng nhận xét về ý định xây dựng vây cánh của Duyệt như sau: "Năm Gia Long thứ 18, tên Lê Văn Duyệt vâng lệnh đi kinh lược Nghệ An, Thanh Hóa, chiêu mộ mọi tên trộm cướp cho ra xuất thú, đem theo về Gia Định. Lại hơn mười năm nay, những tù phạm phát vãng vào trong ấy năm sáu trăm tên, đã xuống chỉ cho phân phối đi mọi địa phương, nhưng Duyệt lại khẩn khoản cho lưu cả lại ở Phiên An (Sài Gòn), biến thành đội ngũ, cởi bỏ khóa xiềng..., Duyệt vẫn cứ thản nhiên đãi ngộ tử tế, định dùng lấy sức tử chiến của bọn chúng, vậy thì mưu ý đã rõ ràng, không cần xét đến".

Hoặc trong chú thích bài thơ "Sầu ngâm" (làm năm1834), Minh Mạng lo buồn vì Lê Văn Khôi nổi dậy đã một năm rồi mà chưa dẹp được. Một lý do là vì "thành Phiên An quá ư kiên cố, muối lương khí giới còn trữ lại như núi, giặc được cậy nhờ vào đấy mà cố thủ"; và Minh Mạng ghi tiếp: "Ta cho là thành ấy do tên quyền yêm Lê Văn Duyệt nuôi lòng bất trắc, nên năm trước đắp thành đào hào cao rộng, lấn hơn cả thần kinh".

Những tư liệu vừa dẫn ở trên gợi cho chúng ta suy nghĩ rằng: Lê Văn Duyệt có mâu thuẫn sâu sắc với Minh Mạng, lại đang có nguy cơ bị Minh Mạng làm hại, nên ông càng buộc phải đứng ở cái thế đối phó với Minh Mạng.

Lê Văn Duyệt chống lại đường lối "đóng kín" của triều đình Phú Xuân, cụ thể là chống lại chính sách cự tuyệt quan hệ với người Pháp, chống lại chính sách cấm đạo, tàn sát giáo sĩ, giáo dân. Lê Văn Duyệt nhiều lần ra mặt bảo vệ giáo sĩ, bất chấp quyền uy của Minh Mạng. Chúng ta còn nhớ: vào khoảng các năm 1825-1827, Minh Mạng ra lệnh bắt các giáo sĩ tập trung về Phú Xuân, lấy cớ triều đình cần người dịch sách Pháp. Trong số bị giải về kinh, có nhiều giáo sĩ vốn hoạt động ở Gia Định. Trước nguy cơ bị sát hại, họ bèn viết thư cầu cứu Lê Văn Duyệt.

Tháng 12-1827, sau khi chuẩn bị nhiều tư liệu giao dịch giữa Bá Đa Lộc và Nguyễn Ánh trước kia, Duyệt đi thẳng ra Huế gặp Minh Mạng và trách nhà vua khá nặng lời: "Bệ hạ nghĩ thế nào mà lại đi tàn sát những giáo sĩ người Pháp, mà cho đến nay cơm gạo của họ vẫn còn giắt ở kẽ răng? Ai là người đã từng giúp vua xưa giành lại cơ đồ xã tắc? Ý chừng Bệ hạ lại muốn để mất giang sơn một lần nữa hay sao? Vua nước Pegor

vừa mất ngôi vì đã đuổi giáo sĩ!. Không! Không thể được! Tôi còn sống ngày nào, xin Bệ hạ chớ làm như vậy nữa, còn sau khi tôi chết tha hồ Bệ hạ muốn làm gì thì làm!"

Từ một nhận thức như vậy, Lê Văn Duyệt đã phản ứng quyết liệt với chính sách cấm đạo của Minh Mạng. Thái độ phản ứng này tự nó đã tạo cho Duyệt một cơ sở xã hội khá rộng rãi và quan trọng, trước hết là những giáo dân, mà chủ yếu là những dòng họ lớn giàu có (bao gồm một số quan lại văn võ của triều đình).

Khách quan mà xét, thái độ và hành động của Lê Văn Duyệt chống lại chính sách cấm đạo có ý nghĩa lên án một chủ trương mù quáng của các vua Nguyễn đối với tôn giáo, đồng thời Duyệt cũng đã tranh thủ được một bộ phận trong tầng lớp thống trị và các tầng lớp trung gian khác có tư tưởng duy tân cải cách, chán ghét chính sách chuyên chế của triều đình.

Tại sao mâu thuẫn không nổ ra quyết liệt khi vua Gia Long còn sống?

Thực ra, sự gờm sợ và nghi ngờ người Pháp và giáo sĩ trong con người Gia Long đã chớm lên ngay khi nhà vua đang nhận sự giúp đỡ của Bá Đa Lộc và tư bản Pháp. Nhưng trên bước đường cùng, Nguyễn Ánh đành phải chọn một lối thoát cho mình. Sau khi đánh thắng Tây Sơn, dựng xong ngai vàng họ Nguyễn, Gia Long là người hiểu rõ tâm địa của những người từng cứu giúp mình hơn bất cứ kẻ nào khác trong triều đình Phú Xuân. Có thể coi đây là "tấn bi kịch" lớn của Gia Long từ ngày lên ngôi cho đến khi nhắm mắt.

Phương hướng giải quyết của Gia Long là một mặt cố giữ gìn mối quan hệ êm thắm với người Pháp và giáo sĩ, vì thấy rằng ở địa vị và hoàn cảnh của mình thì chưa thể trở mặt ngay với họ được. Gia Long muốn kéo dài tình trạng nhùng nhằng đó cho đến hết đời mình, để rồi sẽ chuyển giao nhiệm vụ giải quyết vấn đề cho kẻ nối ngôi. Có thể nói Gia Long đã tiến hành khá êm đẹp chủ trương hai mặt này, êm đẹp đến mức nhiều người đương thời và cả sau đó nghĩ lầm rằng đường lối ngoại giao của Gia Long về thực chất là đường lối thân Pháp và rộng rãi với giáo sĩ.

Nhưng dẫu Gia Long có thi hành chủ trương hai mặt khôn khéo và kiên nhẫn đến mấy thì cuối cùng ý đồ thầm kín của Gia Long cũng không thể nào giấu mãi. Gia Long phải quyết định chọn người nối ngôi và cuối cùng Gia Long đã chọn Minh Mạng sau nhiều năm tính toán, trăn trở. Tuy đã dày công dọn dẹp dư luận, nhưng khi đưa ra quyết định truyền ngôi, Gia Long vẫn không tránh khỏi những phản ứng đáng lo ngại trong

đám triều thần, đặc biệt là Nguyễn Văn Thành và Lê Văn Duyệt. Khi hai người thắc mắc về việc chọn Minh Mạng vì như vậy là trái với quy tắc của hoàng tộc, thì Gia Long trả lời rằng: "Khi người ta chết mà còn để lại những món nợ trên đời thì chủ nợ đến hỏi nợ con mình chứ không phải hỏi nợ ở cháu mình (phụ trái tử hoàn). Vì vậy Trẫm thấy không sai trái gì khi chọn một đứa con mà không chọn một đứa cháu".

Chọn xong ông vua tương lai, Gia Long vẫn tiếp tục đường lối hai mặt trong những năm cuối đời mình. Trước khi hấp hối, Gia Long còn trối trăn với Minh Mạng phải bảo đảm thường xuyên một đội lính chăm sóc lăng mộ Bá Đa Lộc và phải cẩn trọng đối với các tôn giáo tín ngưỡng, nếu không sẽ tạo cơ hội cho những biến động, sẽ gây thù oán trong dân gian, thậm chí có thể làm sụp đổ ngôi vua v.v...

Cách trối trăn của Gia Long rõ ràng chứa đựng một "ý nghĩa kép". Gia Long chọn Minh Mạng rồi lại dặn Minh Mạng không được khủng bố Thiên chúa giáo, chẳng khác nào đưa cho một đứa trẻ thích nghịch dao cả một con dao sắc, nhưng lại bảo với thằng bé: Cầm lấy mà chơi, nhưng hãy cẩn thận. Chơi dao thì có ngày đứt tay chảy máu đấy!

Hài hước hơn là cũng trong những ngày hấp hối đó, Gia Long cho gọi Lê Văn Duyệt từ Gia Định về gấp Phú Xuân và khuyên Duyệt nên quên ác cảm cũ đối với Minh Mạng, lại còn giao cho Duyệt trách nhiệm "đỡ đầu" Minh Mạng, khuyên bảo dìu dắt Minh Mạng làm vua!

Thái độ Gia Long tuy chứa chất đầy mâu thuẫn, nhưng do thận trọng, mềm dẻo, kiên trì, cho nên đến phút Gia Long nhắm mắt, Lê Văn Duyệt vẫn không có cớ gì để phản ứng ra mặt với Gia Long. Đó là chưa nói những kỷ niệm gắn bó sâu sắc giữa Gia Long và Lê Văn Duyệt suốt mấy chục năm qua vẫn đủ sức mạnh buộc Duyệt không thể cưỡng lại những quyết định của Gia Long bằng hành động, tuy nó hoàn toàn tương phản với quan điểm của Duyệt. Và cũng vì vậy, người được Gia Long "gửi gắm" Minh Mạng không phải là ai khác mà lại chính là Lê Văn Duyệt!

Và thế rồi Gia Long mất. Tấn bi hài kịch được chuẩn bị rậm rịch mãi ở hậu trường thế là cũng bắt đầu mở màn. Mở màn lên, người ta thấy Minh Mạng ngồi chễm chệ trên ngai vàng, với Lê Văn Duyệt như một cái gai nhọn chọc thẳng vào mắt ông vua mới. Về phía Duyệt, ông cũng thấy ở Minh Mạng một đối thủ nguy hiểm, và sinh mệnh của Duyệt từ đây đã nằm gọn trong tay Minh Mạng.

Ý thức được tai họa sắp đổ sập xuống đầu mình, Lê Văn Duyệt càng

ra sức âm thầm tập hợp vây cánh, chĩa thẳng mũi nhọn về triều đình Phú Xuân. Những hành động của Duyệt ở Gia Định làm sao có thể qua mắt Minh Mạng, nên lại càng thúc giục nhà vua tìm cách sớm nhổ phắt cái gai oan nghiệt đó đi, hy vọng rằng một khi "tên đầu sỏ" đã bị diệt thì phe cánh của nó cũng vỡ theo, hay ít ra cũng dễ trị hơn.

Thái độ vội vàng, khẩn trương của Minh Mạng rõ ràng là không theo đúng tinh thần những lời trăn trối của cha mình. Gia Long những tưởng Minh Mạng sẽ kiên nhẫn hơn, mềm dẻo hơn, nào ngờ vừa mới lên ngôi Minh Mạng lại chỉa thẳng mũi nhọn vào chính kẻ "đỡ đầu" mình, khiến cho Lê Văn Duyệt chẳng những chưa làm được gì để đỡ đầu Minh Mạng thì đã bị dồn vào thế phải đối phó, phải tranh thủ thời gian và hậu thuẫn để giữ lấy "cái đầu" của chính mình.

Theo tác giả Trương Vĩnh Ký, Lê Văn Duyệt từng được chứng kiến tận mắt việc hành hình cha con Nguyễn Văn Thành, nên càng hiểu rõ ý đồ trả thù của Minh Mạng. Rồi bỗng linh tính báo cho Duyệt một điều gì tương tự đối với chính bản thân, Duyệt vội chạy đi tìm ấn triện thì quả nhiên ấn đã bị mất. Duyệt tìm ngay đến viên thư ký và khám thấy trong người tên này cái "ấn Tả quân" của mình cùng với một bức thư giả mạo sắp đóng dấu. Duyệt liền chém đầu tên phản trắc và xin phép Minh Mạng cấp tốc trở về Gia Định, lấy cớ trong đó còn rối loạn.

Nếu sự việc Trương Vĩnh Ký dẫn ra trên đây là đúng sự thật, thì rõ ràng Minh Mạng đã dồn Lê Văn Duyệt đến trước một ngõ cụt: hoặc là chịu chết như Nguyễn Văn Thành, hoặc là phải chống lại quyết liệt hơn. Và trong thực tế, Duyệt đã quyết định chọn con đường thứ hai, con đường mà thực ra Duyệt đã ngấm ngầm chuẩn bị từ khi Gia Long còn sống và chọn Minh Mạng nối ngôi.

Lê Văn Duyệt chống Minh Mạng nhằm mục đích gì?

Lê Văn Duyệt chống Minh Mạng, điều đó đã rõ. Nhưng Duyệt định chống Minh Mạng bằng phương thức nào? Nhằm mục đích gì? Duyệt có định truất ngôi Minh Mạng bằng cách thay vào đó một ông vua Nguyễn khác (ví dụ: con hoàng tử Cảnh chẳng hạn), hay là để lập nên một vương triều khác trong phạm vi cả nước do chính Duyệt sẽ làm vua? Hay là Lê Văn Duyệt chỉ có ý định lập nên một quốc gia riêng trên đất Gia Định, đối lập với triều đình Phú Xuân về cả đường lối chính trị lẫn ranh giới đất đai?

+ Trước hết, có thể khẳng định rằng: trước nguy cơ bị vua Minh

Mạng hãm hại, Lê Văn Duyệt đã tìm cách lánh xa và cứ nằm lỳ ở đất Gia Định. Về phía Minh Mạng thì trong khi chưa giết được Duyệt, cũng không dám để Duyệt ở gần. Nhưng để yên cho Duyệt ở Gia Định thì lại tạo mối nguy cơ lớn cho Minh Mạng, vì thế lực của Duyệt ở đây ngày càng bành trướng một cách đáng sợ!

Về điểm này, chúng ta có thể tham khảo nhận xét của Chaigneau, người đã từng sống và làm quan dưới triều Nguyễn cho đến những năm đầu thời Minh Mạng. Chaigneau viết: "Trong số những đại thần có thiện cảm với người Pháp, chỉ có Tả quân Lê Văn Duyệt, tổng trấn Gia Định là dám đương đầu với Minh Mạng và những người thân cận của nhà vua. Duyệt chỉ trích Minh Mạng một cách công khai về việc Minh Mạng chà đạp lên đường lối chính trị khôn ngoan và đáng tôn kính của vua cha và đã đối xử quá bội bạc với những kẻ từng đem lại ngôi báu cho dòng họ mình. Duyệt là người có nghị lực khác thường, có những năng lực đặc biệt của một ông tướng cũng như của một nhà chính trị. Mọi người rất gờm sợ Duyệt, nhưng Duyệt lại được dân chúng mến phục do tính thẳng thắn...".

Vẫn nhận xét của Chaigneau: "Minh Mạng không những không nghe lời khuyên của Duyệt, trái lại ngày càng căm Duyệt sâu sắc.

+ Vậy thì Lê Văn Duyệt đang thực hiện ý đồ gì trong thời gian làm tổng trấn Gia Định? Về vấn đề này, một số sử gia người Pháp trước đây cũng có những ý kiến khác nhau. Theo tác giả Silvestre thì sau "vụ mất ấn" hú vía đã nói ở đoạn trên, "Duyệt trở về tìm sự sống yên bình giữa nhân dân Gia Định mà Duyệt có nhiều uy tín... Tuy Duyệt có đủ sức để lật đổ Minh Mạng và thay vào đó một ông vua Nguyễn khác (chứ không phải thay bằng dòng họ của Duyệt), nhưng Duyệt không hành động như vậy". Cũng theo Silvestre, trong những năm cuối cùng của mình, Duyệt chỉ thừa hành những chỉ dụ của Minh Mạng mà Duyệt thấy có lý và bác bỏ những chỉ dụ mà Duyệt không tán thành, trước hết là những chỉ dụ sát hại giáo dân và giáo sĩ... Như vậy, tác giả Silvestre mặc nhiên cho rằng: sự biến Lê Văn Khôi nổ ra một năm sau khi Duyệt chết hoàn toàn không phải là sự kế tục một mưu đồ lật đổ của Duyệt. Việc của Lê Văn Khôi là của Lê Văn Khôi, nổ ra trong những tương quan xung đột mới, hoàn toàn không dính dáng gì đến Lê Văn Duyệt, dù rằng Lê Văn Khôi là con nuôi và bộ hạ của Duyệt.

Một sử gia khác là M.Gaultier, tác giả cuốn *Minh Mạng*, trái lại có những nhận định sắc nét hơn về vấn đề này. Gaultier viết: "Khi Duyệt

còn sống, bề ngoài Minh Mạng đành phải làm ngơ trước đường lối cai trị của Duyệt ở Gia Định... Nhưng trong thâm tâm, Minh Mạng lo lắng đến chua chát khi thấy những xứ họ Thiên chúa giáo cứ lan tràn nhanh chóng ở vùng này, và Duyệt đã khéo léo dựa vào đó để cai trị. Nhà vua chỉ mong khi cơ hội cho phép, sẽ lập tức "An-nam hóa" hoàn toàn dân Nam kỳ". Nghĩa là, theo Gaultier, Lê Văn Duyệt đã dựa được vào một cơ sở khá vững chắc và rất đáng lo ngại cho Minh Mạng, đó là cơ sở giáo dân mà chủ yếu là những dòng họ lớn giàu có đã theo đạo Thiên chúa.

Đi xa hơn một bước theo hướng nhận định trên, tác giả Lê Thành Khôi khẳng định rằng: Duyệt có ý đồ xây dựng một cơ sở độc lập tách biệt hẳn với triều đình Huế, dựa trên sự ủng hộ của người Pháp, của giáo sĩ và giáo dân. Cho nên sau khi Duyệt chết, Minh Mạng tìm cách phá vỡ ngay những cơ sở xã hội mà Duyệt đã tạo ra ở Gia Định, và điều này đã làm nổ ra sự biến Lê Văn Khôi - con nuôi của Duyệt. Đến lượt Khôi lại tiếp tục dựa vào giáo dân và các thầy dòng người Việt để thực hiện ý đồ trước kia của Duyệt.

+ Trong giới sử học Việt Nam có những ý kiến cho rằng: ý đồ chính trị của Lê Văn Duyệt và phe cánh là muốn thực hiện chính sách địa phương phân quyền, chống lại chính sách trung ương tập quyền khe khắt của Minh Mạng, cụ thể là muốn tách Nam kỳ ra khỏi triều đình Phú Xuân.

Đúng là Lê Văn Duyệt đã thực hiện ý đồ đối kháng triều đình Huế bắt đầu từ trên đất Gia Định, một địa bàn mà Lê Văn Duyệt có cương vị, uy tín, có cơ sở xã hội và phe cánh đầy đủ nhất. Nhưng chỉ có vậy thì chưa đủ cơ sở để kết luận rằng ý đồ chính trị của Lê Văn Duyệt chỉ gói gọn trong phạm vi Gia Định.

Để rõ thêm điều này, chúng ta cần trở lại với người con của hoàng tử Cảnh. Có thể nói Minh Mạng rất lo sợ mối nguy cơ trong nội bộ hoàng tộc, coi đó như một bóng ma ngày đêm đe dọa vận mệnh của mình, đúng như nhận xét của tác giả Trương Vĩnh Ký: "Việc dòng họ Lê ở Bắc còn có nhiều ảnh hưởng trong dân gian đã gây cho Minh Mạng không ít lo lắng, băn khoăn. Nhưng một dòng họ khác còn làm cho Minh Mạng nơm nớp lo sợ hơn nhiều, đó là dòng họ của chính Minh Mạng. Nhà vua đã phỗng tay trên của con hoàng tử Cảnh để kế vị Gia Long, nên rất lo sợ một ngày nào đó có một lực lượng xuất hiện ngay giữa hoàng tộc này và lật nhào ngôi vua của mình". Điều Minh Mạng "lo sợ" lại càng đáng lo sợ hơn khi có những biểu hiện chứng tỏ Lê Văn Duyệt ở Gia Định vẫn còn bám riết lấy người con của hoàng tử Cảnh.



Vậy thì phải chăng ý đồ của Lê Văn Duyệt có thể đã vượt ra ngoài phạm vi Gia Định. Vả lại phe cánh của Lê Văn Duyệt không chỉ bó hẹp trong phạm vi Gia Định và những cơ sở xã hội ủng hộ Lê Văn Duyệt cũng không chỉ tập trung ở Gia Định. Trên thực tế, Lê Văn Duyệt rất có ý thức gây dựng những lực lượng ủng hộ mình ngay ở trong triều đình Phú Xuân cũng như trong phạm vi cả nước, bao gồm các lực lượng theo đạo Thiên chúa trong hàng ngũ thống trị và những người phản đối việc Gia Long chọn Minh Mạng kế vị với những động cơ khác nhau. Đó là chưa tính đến các đội lính "Bắc Thuận", "Hồi Lương" mà Minh Mạng đã cảnh giác phân tán họ thành những đơn vị nhỏ, nằm rải rác ở nhiều tỉnh từ Quảng Bình, Quảng Trị trở vào, như đã nói ở một phần trên.

Kết hợp những sự kiện trên đây, chúng tôi nghĩ rằng: ý đồ của Lê Văn Duyệt không chỉ là mưu đồ địa phương phân quyền, mà *có thể là một ý đồ hạ bệ Minh Mạng để thay vào đó một ông vua Nguyễn khác, cai trị theo đường lối "mở cửa" trong phạm vi cả nước.*

Tản mạn về Lê Văn Duyệt

NGUYỄN KHẮC THUẦN

Một trong những đại công thần khai quốc của nhà Nguyễn được người đời nhắc đến nhiều hơn cả chính là Lê Văn Duyệt. Các nhà nghiên cứu, lý luận và sáng tác quan tâm tới Lê Văn Duyệt như một nhân vật với nhiều góc cạnh phong phú rất đáng bàn đã đành, đến như dân thường, dẫu chưa một lần biết đến chính sử, chí ít là mỗi ngày cũng có đến ngàn người vô tình nhắc tới, nhất là ở thành phố Hồ Chí Minh: Đi đâu? *Đi Lăng Ông! Lăng Ông là lăng ai vậy? Lăng Lê Văn Duyệt! Nghe nói rằng sinh thời, Lê Văn Duyệt từng là*... Chuyện đại để như vậy. Dẫu giới sử học có muốn hay không thì xã hội rộng lớn vẫn cứ tham gia đánh giá một cách rất tự nhiên theo cảm tính riêng của mỗi người. Sự phân tán trong nhận thức thể hiện ngày càng rõ và đó là điều không nên có. Trên tinh thần đó, xin được bày tỏ sự nhất trí tán thành của chúng tôi đối với việc tổ chức cuộc thảo luận nghiêm túc này. Chúng ta không đủ thẩm quyền để đưa ra một nhận định mang tính chính thống chung cho tất cả, nhưng theo tôi, những ý kiến của chúng ta hôm nay nhất định sẽ trở thành một trong những cơ sở tham khảo quan trọng của việc tiến hành đánh giá sau này về Lê Văn Duyệt nói riêng và các nhân vật khác của lịch sử nói chung, nhất là các nhân vật thời Nguyễn.

Chẳng một câu tuyên bố cỏn con nào cả, nhưng rốt cuộc, lực lượng tham gia bàn luận về Lê Văn Duyệt đã dần dần được phân chia thành hai nhóm khác nhau. Những ai dành trọn vẹn tình cảm cho Tây Sơn thì coi Lê Văn Duyệt là một trong những tội phạm của lịch sử, ngược lại, những ai có chút lòng ưu ái nào đó đối với triều Nguyễn thì thường coi

Lê Văn Duyệt là một nhân vật lừng danh. Chừng như khoảng cách giữa hai nhóm không chỉ đơn giản là vấn đề khác biệt trong phương pháp luận sử học mà có khi còn được coi là cả trong nhận thức về chính trị nữa. Xu hướng cực đoan vốn dĩ rất xa lạ với khoa học đã nhờ đó mà có cơ hội để không ngừng nẩy nở và tìm cách len lỏi khắp đó đây. Muốn đánh giá đúng về bất cứ một nhân vật, một sự kiện hay một vấn đề nào của lịch sử, trước hết, chúng ta cần phải loại bỏ xu hướng cực đoan này đã. Vả chăng, Lê Văn Duyệt là một con người cụ thể, có quá trình gắn bó và trực tiếp góp phần tạo ra những ảnh hưởng cũng rất cụ thể đối với đất nước trong khoảng thời gian từ nửa sau của thế kỷ thứ XVIII đến nửa đầu của thế kỷ thứ XIX, cho nên, muốn hiểu và muốn đánh giá đúng về ông, chúng ta không thể tách ông ra khỏi giai đoạn lịch sử đầy những biến cố rất phức tạp này.

Lê Văn Duyệt sinh năm 1764[1], theo Nguyễn Ánh từ năm 1780 và kể từ đó, cuộc đời của ông gắn bó hết sức mật thiết với sự nghiệp của Nguyễn Ánh. Cứ như mô tả của sử cũ[2] thì Lê Văn Duyệt lúc mới sinh ra đã là "ái nam ái nữ", người nhỏ và lùn, gương mặt luôn đầy vẻ khinh khỉnh, đã thế, chữ nghĩa chẳng đáng là bao... tóm lại là tướng mạo chẳng được bằng ai. Nhưng cũng theo mô tả của sử cũ, ông là người võ nghệ cao cường, dũng cảm, tự tin và có tài quyết đoán. Lúc đầu, Nguyễn Ánh chỉ coi Lê Văn Duyệt như một hoạn quan trẻ, luôn cho theo hầu cận để lo việc phục dịch, nhưng rồi tài năng bẩm sinh của Lê Văn Duyệt đã khiến cho Nguyễn Ánh cũng phải ngạc nhiên. Có lần nghe Lê Văn Duyệt bàn việc quân binh, Nguyễn Ánh hỏi rằng ngươi làm lính được không? Lê Văn Duyệt đáp ngay là được. Nguyễn Ánh hỏi tiếp rằng ngươi có thể cầm đầu một nhóm binh lính nhỏ được không? Lê Văn Duyệt cũng đáp ngay là được. Nguyễn Ánh đắn đo một lúc rồi hỏi rằng ngươi có thể làm tướng được không? Lê Văn Duyệt cũng không ngần ngại đáp ngay là được. Và kết quả là Lê Văn Duyệt đã được Nguyễn Ánh phong làm tướng từ năm mới 17 tuổi. Khi chưa đầy 30 tuổi, Lê Văn Duyệt đã là tướng cao cấp và đến năm 1802, Lê Văn Duyệt là một trong số năm tướng lĩnh cao cấp nhất. Năm đó, ông 38 tuổi. Như trên đã nói, cuộc đời của Lê Văn Duyệt gắn bó hết sức mật thiết với sự nghiệp của Nguyễn Ánh. Lúc Nguyễn Ánh lâm nguy đến mức lực lượng đi theo chỉ còn 12 người thì một trong 12 người ấy là Lê Văn Duyệt. Lúc Nguyễn Ánh bôn tẩu khắp xó vắng đảo xa hay phải nhục nhã chạy sang Xiêm La

cầu cứu, Lê Văn Duyệt cũng nửa bước không rời. Lúc ác chiến xảy ra, một trong số những người vì Nguyễn Ánh mà liều lĩnh xông pha cũng là Lê Văn Duyệt. Cho nên, Tây Sơn căm ghét Lê Văn Duyệt là lẽ tự nhiên và những ai vì giàu lòng ngưỡng mộ cuộc khuấy nước chọc trời của Tây Sơn rồi có lời lên án đối với Lê Văn Duyệt thì cũng là lẽ rất tự nhiên vậy. Nhưng giờ đây, những trang sử cũ đã khép lại, có lẽ chúng ta cũng nên bình tĩnh và cẩn trọng cân nhắc thêm. Gia Định vốn dĩ là đất dựng nghiệp của họ Nguyễn. Bấy giờ ở Gia Định, theo Nguyễn Ánh là chuyện phổ biến, Lê Văn Duyệt có phải là hiện tượng cá biệt đâu. Vả chăng, Tây Sơn và Nguyễn Ánh đúng là hai thế lực không đội trời chung, nhưng cùng với thời gian, bản chất của cuộc đối đầu này cũng dần dần thay đổi. Lúc đầu đó thực sự là cuộc đối đầu giữa nông dân bị áp bức bóc lột nặng nề với giai cấp phong kiến thống trị tàn bạo nhưng chẳng bao lâu sau, gắn liền với quy luật nông dân bị phong kiến hóa đúng như nguyên lý mà các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã chỉ ra, đó lại là cuộc đối đầu giữa lực lượng phong kiến mới với lực lượng phong kiến cũ chứ không phải là giữa cách mạng với phản cách mạng (dẫu trong lúc cao hứng, cũng có người từng gọi Tây Sơn là cách mạng). Lấy khuôn mẫu của hiện đại để hình dung rồi làm cơ sở để đánh giá quá khứ thì thật khó mà thỏa đáng được.

Sau Nguyễn Ánh, Lê Văn Duyệt là một trong những thủ phạm hàng đầu của cuộc cầu cứu quân Xiêm. Giữa năm Giáp Thìn (1784), ngót năm vạn quân Xiêm đã nhân đó mà tràn sang, giày xéo lên một bộ phận lãnh thổ thiêng liêng ở phía Nam của đất nước. Với chiến thắng vang dội ở Rạch Gầm-Xoài Mút, Tây Sơn đã có công quét sạch quân Xiêm xâm lược ra khỏi bờ cõi và trừng trị đích đáng tội lỗi khó bề dung thứ của tập đoàn Nguyễn Ánh. Độc lập dân tộc nhờ đó mà lại được vãn hồi. Trang bi hùng này của lịch sử cũng đã khép lại, nhưng chẳng thể vì thế mà đời có thể thông cảm rồi quên được trách nhiệm nặng nề của những kẻ đã cam lòng cõng rắn cắn gà nhà, rước voi giày mả tổ, gây nên đại họa khủng khiếp cho non sông. Trong trường hợp này, lên án tập đoàn Nguyễn Ánh nói chung và cá nhân Lê Văn Duyệt nói riêng, chẳng những là một sự cần thiết mà còn có thể coi là một trong những cơ sở để thẩm định phẩm chất chính trị của người đã có điều kiện tiếp cận với những tư liệu chân thực của lịch sử.

Khi triều Nguyễn được dựng lên, Lê Văn Duyệt được xếp vào hàng

đại khai quốc công thần, chức quyền cao đến khó ai sánh, phẩm tước lớn đến khó ai bì, bổng lộc nhiều đến khó ai so kịp. Chẳng những Lê Văn Duyệt mà cả đến cha rồi cháu của Lê Văn Duyệt cũng được hậu thưởng. Ông làm quan trọn thời Gia Long (1802-1820) và gần trọn thời Minh Mạng (1820-1840), oai phong lớn đến nỗi, trên thì Hoàng đế cũng phải kiêng nể, dưới thì phần lớn bá quan đều khiếp vía, danh vang đến tận cõi ngoài... đại để cũng đáng coi là hiếm thấy. Như trên đã nói, người thiếu cảm tình với nhà Nguyễn thì coi Lê Văn Duyệt là một trong những đại diện đáng lên án, ngược lại, ai có chút lòng ưu ái với nhà Nguyễn thì gọi Lê Văn Duyệt là danh thần. Việc đánh giá nhà Nguyễn như thế nào cho thỏa đáng thì chúng ta đã hơn một lần có dịp bàn đến ở diễn đàn khác, tại đây, chúng tôi xin lưu ý rằng, xu hướng gộp chung để đánh giá như thế thật khó mà khách quan. Dẫu muốn hay không thì nhà Nguyễn vẫn cứ là một thực thể của quá khứ dân tộc, vấn đề chỉ là ở chỗ, tồn tại với vị trí đặc biệt của mình trong thực thể đó, Lê Văn Duyệt làm gì và làm như thế nào mà thôi.

Từ năm 1802 cho đến năm 1812, công việc chủ yếu của Lê Văn Duyệt là tiếp tục cầm quân đi ổn định tình hình đất nước, nhằm góp phần củng cố vị trí của nhà Nguyễn. Vì trọng trách này, Lê Văn Duyệt đã làm tất cả những gì có thể làm, kể cả việc thẳng tay trấn áp, vì thế, ông bị người đương thời (nhất là dân vùng Quảng Ngãi) coi như một hung thần. Đây quả là điều khó nói. Bỏ qua cho Lê Văn Duyệt cũng không được mà riêng trách Lê Văn Duyệt có lẽ cũng không xong. Dân nổi dậy hoàn toàn có cái lý xác đáng của dân và nhà Nguyễn (mà Lê Văn Duyệt là người đại diện chính) kiên quyết đánh dẹp cũng có cái lý nhất định của nhà Nguyễn. Thời mà tuy không hẳn đều nhau nhưng một khi công lý được đem chia cho cả hai phe đối nghịch thì thời đó chính là thời bi thương. Với thời bi thương đại loại như thế, xét việc xét người xin hãy bắt đầu từ những gì thật cụ thể, không có cái gì gọi là công một cách chung chung, cũng không có cái gì gọi là tội một cách chung chung cả.

Từ năm 1812 cho đến năm 1832, tuy lần lượt được trao nhiều trọng trách khác nhau, nhưng công việc chủ yếu và nổi bật nhất của Lê Văn Duyệt vẫn là Tổng trấn Gia Định. Dấu ấn cuộc đời sâu sắc nhất mà Lê Văn Duyệt để lại có lẽ cũng chính là ở đây. Trên cương vị này, Lê Văn Duyệt đã làm được khá nhiều điều rất xứng đáng được đương thời cũng như hậu thế ghi nhận. Đối với việc gìn giữ biên cương, Lê Văn Duyệt

vừa mềm dẻo vừa kiên quyết, nhờ đó mà Gia Định nhìn chung là được yên. Đối với quan lại dưới quyền, Lê Văn Duyệt thực sự là người có năng lực chỉ huy, phép nước nhờ đó mà được bảo vệ. Đối với dân, Lê Văn Duyệt tỏ rõ là người khéo tập hợp và tổ chức, đất Gia Định thời ông tương đối ổn, nhiều công trình hữu ích có quy mô lớn đã được kiến tạo. Về phương diện tư đức, đặt trong khuôn khổ mang tính phổ biến của thời đại ông, Lê Văn Duyệt thuộc lớp những người không có vấn đề gì phải chịu sự nghiêm phê. Chẳng phải ngẫu nhiên mà Lê Văn Duyệt hai lần được triều đình trao chức Tổng trấn Gia Định, cũng chẳng phải ngẫu nhiên mà một bộ phận rất đáng kể của dân Gia Định lại dành cho Lê Văn Duyệt những cảm tình khá nồng hậu.

Tháng 7 năm 1832, Lê Văn Duyệt mất, hưởng thọ 68 tuổi. Ngay sau khi ông vừa qua đời, viên Bố chánh Bạch Xuân Nguyên "là tên vốn tính tham tàn"(3) được triều đình bổ đến làm việc tại Gia Định, đã "tự tuyên bố là vâng nhận mật chỉ, truy xét việc riêng của Lê Văn Duyệt"(4). Sử viết là *tự tuyên bố* nhưng xem ra thì *mật chỉ* chắc chắn phải là chuyện có thật, nếu không Bạch Xuân Nguyên chẳng thể dám cả gan chọc trời. Chính lời nói và việc làm của Bạch Xuân Nguyên đã khiến cho con nuôi của Lê Văn Duyệt là Lê Văn Khôi tức giận mà nổi binh. Vụ án Lê Văn Duyệt xét xử khi Lê Văn Duyệt không còn nữa đã thực sự gây chấn động không phải chỉ một thời và kết quả là sự thương cảm đã góp phần tăng cường thêm thiện cảm vốn có của dân Gia Định đối với Lê Văn Duyệt. Lăng Ông xây ở Bình Thạnh nhưng bóng dáng huyền ảo của công trình kiến trúc này chừng như lại sừng sững trong tâm thức của dân, trước hết cũng bởi thiện cảm đó. Bản thân thiện cảm cũng đã có thể coi là biểu hiện của một cách đánh giá rồi. Tuy nhiên, mức độ của sự đúng sai lại là chuyện khác. Có thể đó cũng là một phần lý do của cuộc tọa đàm rất nghiêm túc hôm nay...

(1) Các thư tịch cổ đều ghi như vậy nhưng không hiểu tại sao một số sách vở lại viết Lê Văn Duyệt sinh năm 1763.
(2) *Đại Nam thực lục (Tiền biên). Đại Nam chính biên liệt truyện* (sơ tập)... và một số thư tịch khác.
(3), (4) *Đại Nam chính biên liệt truyện* (Sơ tập - quyển 23).

Lời bàn về Lê Văn Duyệt

LÊ VĂN CHÁNH

Nhân đọc một quyển sách viết về Huế, trong phần các ngôi chùa nổi tiếng ở cố đô tác giả có kể: Tại chùa Từ Hiếu, bên trong cánh cửa đi vào nơi thờ Phật có đặt pho tượng thái giám Lê Văn Duyệt để ngày đêm nghe lời kinh tiếng kệ hầu giải oan.

Thật là buồn vì cho đến nay vẫn còn có người gọi Lê Văn Duyệt là thái giám. Gọi như thế là quá đáng, là hạ thấp phẩm cách của ông và chạm đến lòng tôn kính của đồng bào Nam bộ.

Thái giám là những người tự nguyện hoặc bị bắt buộc phải chịu thiến để vào cung vua làm nghề hầu hạ. Còn Lê Văn Duyệt thì từ lúc sinh ra đã bị khuyết tật ở bộ phận sinh dục (bộ nấp), nhưng lại có sức mạnh và tánh khí khác người. Do lòng dũng cảm và một dịp tình cờ Duyệt đã cứu Nguyễn Ánh thoát nạn chìm ghe trong thời bôn tẩu, được Ánh thu dụng và hết lòng tin cậy. Suốt đời Lê Văn Duyệt đi theo con đường binh nghiệp, từ một tướng cạnh trở thành một danh tướng oai trấn một vùng và chưa bao giờ mang lấy chức danh là thái giám. Nhóm từ "tên yễm hoạn Lê Văn Duyệt" được ghi vào bản án "xiềng mả" sau ngày ông chết, là cả một sự dụng tâm bêu nhục để trả hận của nhà vua và một số quan triều vốn nuôi lòng tị hiềm căm ghét đối với thái độ trung thực của một trọng thần ngoài biên trấn, mà lúc Duyệt còn sống không ai dám hé ra.

Nghe đến tiếng thái giám, mọi người có ấn tượng đầu tiên là không tốt, là liên tưởng đến lớp người không bình thường, với bản chất nịnh bợ, đâm thọc và chuyên hãm hại kẻ trung lương, thường được mô tả qua những nhân vật trong các bộ truyện tàu như Quách Hòe, Lý Liên Anh...

Trong lịch sử cũng đã có những nhân vật kiệt hiệt vốn xuất thân là thái

giám như nguyên soái Lý Thường Kiệt và đô đốc Trịnh Hòa. Lúc sống họ đã lập nhiều công lớn với đất nước, sau khi chết được phong làm thần, người đời sau không ai dám gọi xách khóe các vị đó là thái giám. Nay còn gán ghép chức thái giám cho Lê Văn Duyệt là chẳng khác nào vô tình gia cố thêm sợi lòi tói bằng kim loại mới để tiếp tục xiềng cái lăng mà dân chúng đã dựng lên thờ kính ông hàng trăm năm qua.

Nhân dân Gia Định (xưa) và Nam bộ (nay) đã có lòng ngưỡng mộ công đức Lê Văn Duyệt, nên dù cho triều đình ngăn cấm họ vẫn lập miếu thờ ông, cái miếu đó được nâng cấp dần dần lên thành cái lăng. Họ luôn gọi ông là ngài Thượng công hoặc ngài Tả quân. Đặc biệt, mọi người đã tôn vinh Lê Văn Duyệt lên đến hàng "Ông" (không kèm theo tên họ), một chức danh của nam thượng đẳng thần, ngang hàng với Quan Vân Trường, nhân vật trung can tiết nghĩa của Trung Quốc - Chùa Ông, Lăng Ông (Bà Chiểu). Lòng sùng kính này rất hợp với đạo nghĩa của dân tộc, nhưng phải loại trừ những hủ tục mê tín dị đoan thừa cơ xâm nhập và ăn theo. Phía các nữ thượng đẳng thần cũng được tôn vinh là Bà - chùa Bà, miếu Bà, núi Bà.

So với Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, người thừa lệnh chúa Nguyễn (Hiền Vương) vào Nam lập công đầu trong cuộc kinh lý và xếp đặt nền cai trị trên vùng đất mới. Tiếc thay, Nguyễn Hữu Cảnh bị đột tử sau ba năm công cán. Thời gian quá ngắn đối với sứ mạng quá lớn. Lê Văn Duyệt là người bám trụ tại vùng đất này lâu năm nhất, ở vào thời kỳ mới đầy phức tạp khó khăn, nhưng ông cũng đã ứng phó và xếp đặt đâu đó an bài. Hai ông (Cảnh và Duyệt) kẻ trước người sau đều có công to trong việc mở mang bờ cõi và định an một vùng lãnh thổ rộng lớn ở phương Nam. Là lớp hậu bối, chúng ta đã nối quyền thừa hưởng sự nghiệp đó đến ngày nay, thì cũng nên có những suy nghĩ và xử sự công bằng đối với tiền nhân.

So với các đại công thần triều Nguyễn, Lê Văn Duyệt xuất thân từ chốn điền dã nông thôn, không học vị khoa bảng mà lại là một người xuất sắc, được vua kính trọng, dân thương yêu nhưng cuộc đời lại có nhiều bi kịch, đến chết cũng không yên mả yên mồ. Động cơ nào đã giúp Lê Văn Duyệt vượt qua số phận làm nên nghiệp lớn và tác nhân nào đã tạo ra nhiều nghịch lý trong cuộc đời để cho hậu thế phải đắn đo bàn luận? Điều này rất cần ở sự giải đáp khách quan của những nhà khoa học lịch sử.

Nhận xét về Lê Văn Duyệt, có nhiều người khen và cũng không ít

người chê. Khen chê tùy thuộc vào chỗ đứng, cách nhìn và không gian, thời gian của người đó đang sống. Có lẽ vì đã sinh trưởng trên mảnh đất này nên tôi được nghe nhiều tiếng khen hơn là chê. Đại loại, Ông là: - Một tướng lãnh tài ba - một nhà cai trị có bản lãnh biết tuân trọng mệnh vua và biết lấy dân làm gốc - một pháp quan nghiêm minh - một người chủ trương về kinh tế có căn cơ và thông thoáng - người có tầm nhìn mới mẻ trong đối ngoại biết vì lợi ích định an và phát triển đất nước... Và có lẽ vì là người theo đạo nên tôi có quan tâm tìm hiểu và nhận thấy: Ông là người thực thi đường lối tôn trọng tự do tín ngưỡng, không thiên vị hoặc bạc đãi một tôn giáo nào. Ông lập Văn Thánh miếu, cho tu sửa và xây cất chùa am, đồng thời bài trừ thói lề dị đoan mê tín, ngăn cấm kẻ lợi dụng tôn giáo làm điều xằng bậy. Riêng đạo Thiên Chúa thì lúc bấy giờ có nhiều chuyện phức tạp hơn. Triều đình bắt đầu thi hành lệnh cấm đạo: Các nhà truyền giáo bị trục xuất, nhà thờ bị đóng cửa và triệt hạ, nhiều nơi giáo dân bị bắt bớ giam cầm... Nguyên do là cả hai phía đều mang nặng đầu óc hẹp hòi bảo thủ - Phía giáo hội khư khư ôm lấy đường lối truyền đạo quá cũ, diễn tả đức tin không phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc - Phía triều đình xem Công giáo là tà đạo của Tây dương, nhà vua cảm thấy quyền lực tối thượng của mình bị che khuất bởi quyền lực thiêng liêng duy nhất của Chúa trời. Lòng nghi kị càng tăng khi biết rõ các giáo sĩ thường lui tới bằng tàu buôn và chiến thuyền ngoại quốc.

Với tầm nhìn thông thoáng và đầu óc tỉnh táo hơn, Lê Văn Duyệt thấy rõ Công giáo là một trong hai tôn giáo có mặt lâu đời trên nhiều nước và đã trở thành dòng tín ngưỡng mạnh mẽ trong dân. Nếu xâm phạm đến tín ngưỡng (cấm đạo) thì sẽ xảy ra những hậu quả nguy hại khôn lường, làm cớ cho ý đồ xâm lược của ngoại bang. Ông dâng sớ về kinh hết lời can gián. Vua Minh Mạng có phần nhượng bộ, lệnh cấm đạo vẫn duy trì nhưng việc thi hành chưa đến mức độ triệt để gắt gao. Riêng trong vùng lãnh thổ ông cai quản người Công giáo vẫn còn hành đạo dễ dàng, không bị phân biệt đối xử. Trong vụ 3 giáo sĩ ngoại quốc từ Gia Định đi ra Huế bị cầm giữ, ông đích thân ngồi ghe bầu ra tận kinh đô để can thiệp và xin đón họ về Nam... Có thể nói Lê Văn Duyệt là một nhà cai trị sớm biết và đã thực thi đường lối tôn trọng tự do tín ngưỡng nhằm mục đích *an dân*. Ông đã để lại bài học này gần hai trăm năm qua. Trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc Việt Nam, nếu không có đường lối đúng đắn của Đảng về vấn đề tôn giáo - tôn trọng tự do tín ngưỡng để

đại đoàn kết dân tộc - thì nhiệm vụ giải phóng đất nước khó hoàn thành. Bài học này vẫn còn giá trị rất lớn trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Vì lý do nào đó một số quốc gia đã để cho mâu thuẫn tôn giáo bùng phát khiến họ phải tan rã, phân ly, nhân dân phải chịu đau khổ chết chóc.

Lê Văn Duyệt là ân nhân của người Công giáo. Nhờ ông người Công giáo trên vùng đất này có một thời không bị phân biệt đối xử và bức hại, có thời gian để củng cố đức tin, chuẩn bị đi vào một cuộc bách hại không đối kháng đầy khốc liệt. Biết thế nhưng có mấy ai mạnh dạn bày tỏ lòng tri ân, dù chỉ làm một việc nhỏ là đến lăng thắp một nén nhang trước linh vị của Ông. Giáo luật cũ xem việc thờ kính ông bà cha mẹ và những người có công với làng nước đồng nghĩa với mê tín dị đoan. Nay giáo hội Công giáo đã có nhiều đổi mới, đã nêu cao tinh thần sám hối về những sai lầm trong quá khứ của mình, trong đó có nhìn nhận diễn tả đức tin không phù hợp với truyền thống dân tộc, thì cũng nên nghĩ đến món nợ ân nghĩa đối với người đã từng giúp đỡ, tạo điều kiện tốt cho mình trong quá trình truyền đạo.

Trên đây là những ý kiến tản mạn của một người không chuyên văn sử, nhưng xuất phát từ lòng nhiệt thành và ngưỡng mộ, kính mong quí vị châm chế cho sự mạo muội và thô thiển của tôi.

Một cái nhìn mới về nhân vật Lê Văn Duyệt

NGUYỄN ĐÌNH TƯ

Nhân vật Lê Văn Duyệt đã từng bị coi là một phần tử đáng lên án. Thậm chí có người có chủ trương triệt phá cả Lăng Ông (Bà Chiểu), mặc dầu nhân dân Gia Định, Sài Gòn, Chợ Lớn coi ông như một vị thần, và coi Lăng Ông như một thánh địa.

Nhưng gần đây người ta lại có một cái nhìn khác về nhân vật này.

Một tướng lãnh đại tài

Gác sang một bên việc ông phò Nguyễn Ánh chống Tây Sơn, ông là một tướng lãnh đã thực hiện đúng tác phong "huynh đệ chi binh". Nhờ đó mà ông cầm quân ra trận thì quân sĩ một lòng theo ông, không ngại nguy hiểm. Ông đánh trận nào là thắng trận đó, mặc dù đối phương rất mạnh (như trận Thị Nại năm Tân Dậu 1801). Cũng do tài cầm quân mà ông đã trấn an được đám dân Thượng ở phía Tây huyện Chương Nghĩa tỉnh Quảng Ngãi mà đương thời sử sách gọi là Mọi Đá Vách. Và một vụ nổi dậy ở vùng núi Nghệ An và Thanh Hóa. Tất cả các nơi này, khi ông đến, ông không dùng binh lực để đàn áp, chém giết. Ông chỉ lo diệt trừ bọn tham quan ô lại là mầm mống gây loạn cho dân chúng, đồng thời cho người đi bố cáo chiêu an, tha sưu tha thuế cho dân, làm cho ai nấy vui lòng hả dạ, trở về làm ăn như cũ.

Một nhà cai trị mẫu mực

Nam kỳ là vùng đất mới. Thành phần dân chúng khá phức tạp. Ngoài biên các nước thù địch luôn nhòm ngó. Khắp nơi, những phần tử bất hảo, những tay anh chị kết bè kết nhóm trộm cướp, gây xáo trộn an ninh trật tự từ thành thị đến thôn quê. Khi sự lộng hành của chúng đến mức báo động thì triều đình Huế từ vua đến các đại thần đều nhất trí cử Lê Văn Duyệt vào làm Tổng trấn Gia Định thành, vì chỉ có ông mới đủ uy danh lập lại

trật tự. Sách "*Quốc triều chánh biên toát yếu*" ghi: "*Cho Lê Văn Duyệt làm Tổng trấn Gia Định, Trương Tấn Bửu làm Phó Tổng trấn. Duyệt vào chầu xin đi. Ngài (tức Gia Long) ban dụ sửa sang công việc trong Nam kỳ. Duyệt đến Gia Định, rõ lập điều cấm, cho nên không có trộm cướp, dân được yên ổn*"**.** Đó là năm Gia Long thứ 11 (1812). Do tài cai trị của ông mà từ năm 1808 đến năm 1832 là năm ông mất gồm 24 năm, ông được cử 2 lần làm Tổng trấn Gia Định Thành với thời gian 20 năm.

Trong thời gian trị nhậm chức Tổng trấn, chẳng những ông bài trừ được nạn trộm cướp, đem an cư lạc nghiệp cho dân, ông còn thực hiện nhiều công trình dân sinh to lớn như đào kênh Vĩnh Tế nối liền Châu Đốc với Hà Tiên vừa có ích cho thủy lợi nông nghiệp, giao thông vận tải, vừa là tuyến phòng thủ hữu hiệu phía tây nam. Ông khuyến khích thương mại, cho tàu buôn các nước, kể cả các nước Tây dương, ra vào các cảng mua bán hàng hóa, tổ chức đưa dân nghèo tới các vùng đất phì nhiêu ở An Giang, Hà Tiên khai hoang lập ấp, khiến dân số xứ Nam kỳ tăng lên vùn vụt.

Thành tích quan trọng vào bậc nhất của ông trong thời gian làm Tổng trấn, là giữ yên được bờ cõi, không để xảy ra một cuộc chiến tranh nào trong nội địa. Nếu có xảy ra cuộc xâm lược nào từ ngoài vào, ông tìm cách tiêu diệt ngay từ nơi biên giới như vụ giặc Sư Kế.

Một nhà ngoại giao khôn khéo, mềm dẻo

Năm Gia Long thứ 11 (1812) Nặc Nguyên là em vua Chân Lạp chạy sang nương náu bên Xiêm, cầu đưa quân Xiêm về đóng ở Bát-tam-bang mưu việc cướp ngôi. Cả nước Chân Lạp náo loạn. Vua Chân Lạp là Nặc Chân sợ hãi bỏ chạy sang Gia Định cầu cứu. Vua triệu hai ông Lê Văn Duyệt và Nguyễn Văn Thành hỏi ý kiến. Cả hai người đều đề nghị khoan động binh, vì chưa rõ ý định hư thực của quân Xiêm thế nào. Chỉ nên cử một tướng đi tuần ngoài biên xem tình hình thế nào rồi sẽ tùy nghi xử trí chưa muộn. Sau ông được vua giao cho nhiệm vụ đưa vua Chân Lạp về nước. Ông dẫn 13.000 quân đi. Lúc đầu người Xiêm tưởng quân ta chỉ dùng mấy trăm quân đưa vua Chân Lạp về nước, sẽ nhân cơ hội tiến đánh để chiếm luôn nước Chân Lạp. Khi thấy Lê Văn Duyệt đến với đầy đủ khí thế, người Xiêm không dám hành động gì và sau đó trước sức ép của quân ta phải rút về nước. Nhờ đó, nước ta tránh được nạn chiến tranh và giữ được hòa khí giữa hai nước.

Năm Minh Mạng thứ 8 (1827) quân Xiêm đánh nước Vạn Tượng (Lào)

là một phiên quốc của ta. Vua nước ấy chạy sang Nghệ An tỵ nạn. Vua báo tin cho Lê Văn Duyệt biết và hỏi ý kiến. Ông dâng sớ đại ý nói: Nước Vạn Tượng là phiên quốc của ta. Để mất Vạn Tượng thì quân Xiêm sẽ ở sát nách ta. Chiếm được Vạn Tượng, nước Xiêm sẽ thêm thanh thế là mối nguy cho ta. Thà chịu bất hòa với Xiêm còn hơn mất Vạn Tượng. Vì vậy ta cần giữ Vạn Tượng và viết thư nói rõ cho Xiêm biết để họ tự rút lui. Nếu họ động binh thì ta sẽ đánh và thắng. Bấy giờ nước Xiêm không có cớ gì trách ta. Vả lại Gia Định, Hà Tiên và miền Nam Chân Lạp giáp với Xiêm. Nếu quân Xiêm phạm Nghệ An, quân Gia Định sẽ thẳng tới chỗ nó không phòng bị chẹn lấy họng mà đánh vào lưng, tất là thành công vẹn toàn. Vua nghe theo, viết thư cho vua Xiêm nói rõ việc thiệt hơn. Vua Xiêm thấy ta quyết bảo vệ Vạn Tượng, bèn rút quân về. Lại một lần nữa tránh được can qua.

Năm Minh Mạng thứ 9 (1828) quân Xiêm xâm phạm vùng Cam Lộ, vua mật dụ cho Lê Văn Duyệt chuẩn bị đối phó. Ông dâng sớ nói rằng: bậc thánh nhân khi hành xử là phải vẹn toàn. Nay chưa rõ người Xiêm xâm phạm bờ cõi là do chủ ý của vua Xiêm hay là do tướng ngoài biên muốn lập công, theo kinh nghiệm ở Vạn Tượng, đánh thăm dò, nếu ta vội động binh sẽ lộ bí mật, đối phương biết được sẽ đề phòng và chuẩn bị chắc chắn. Đó không phải là kế vạn toàn thủ thắng. Xin vua ra lệnh cho tướng kinh lý biên vụ đóng quân bất động để xem tình thế biến chuyển thế nào, đồng thời đưa thư sang Xiêm trách cứ việc đó. Nếu họ cố tình gây hấn thì ta chớp cơ hội đánh thẳng tới kinh đô nước họ cũng chưa muộn.

Quả nhiên khi tiếp được thư, vua Xiêm cho biết đó là do viên tướng ngoài biên tự động hành xử, chứ không phải chủ ý của nhà vua, và ra lệnh lập tức rút quân. Một lần nữa tránh được can qua.

Trong thời gian làm Tổng trấn Gia Định thành, ông Lê Văn Duyệt đối xử khôn khéo với các linh mục và giáo dân Thiên Chúa giáo. Ông linh động không thi hành lệnh cấm đạo gắt gao của vua Minh Mạng, vì ông biết các linh mục thừa sai đều là người của nước Pháp và nước Tây Ban Nha. Nếu bức họ quá, họ có thể yêu cầu các Chính phủ họ can thiệp sẽ rắc rối cho ta về mặt ngoại giao. Cũng trong tinh thần đó, ông đã cho phép một số tàu buôn của người Tây dương ghé vào bến Sài Gòn hay Bến Nghé để trao đổi hàng hóa và lên bộ tham quan thành phố. Khi những viên thuyền trưởng đặt vấn đề thương thuyết để ký thương ước, ông đều từ chối với lý do ông không có quyền. Mọi thương ước ký với

nước ngoài đều thuộc quyền Triều đình Huế.

Một pháp quan công minh

Trong giới tướng lãnh và quan lại của triều Nguyễn, không có người nào chấp hành pháp luật nghiêm minh như Lê Văn Duyệt. Đối với ông, công và tội phải phân biệt rõ ràng. Đối với kẻ có tội, nhất là tội ấy là tội sâu mọt, bóc lột nhân dân, thì dù kẻ phạm tội là hoàng gia quốc thích cũng đều phải xét xử như đối với thường dân, mà có phần nặng hơn là khác, không vì nể nang, sợ xúc phạm mà bỏ qua hay châm chước. Có hai việc điển hình để chứng minh cho tinh thần chí công vô tư, thượng tôn pháp luật của ông.

Huỳnh Công Lý là cha vợ của vua Minh Mạng, ỷ thế quốc thích làm nhiều điều ngang ngược, tiếp tay cho bọn cường hào ác bá tàn hại nông dân. Được cử làm phó Tổng trấn Gia Định thành, dưới quyền Tả quân Tổng trấn Lê Văn Duyệt, được phong tước Lý Chánh hầu, y lại càng hống hách, đánh chết người vô tội vạ, không còn coi phép nước là gì. Ông Lê Văn Duyệt bèn ra lệnh bắt hạ ngục, làm tờ tâu lên triều đình kể tội Huỳnh Công Lý và kết tội xử trảm. Nhân dân rất hả dạ, mà vua Minh Mạng không dám phê phán, vì chính ông chủ trương "pháp bất vị thân".

Hộ tào tham tri Gia Định thành là Trần Nhật Vĩnh có tài biện luận sắc bén giải quyết công vụ nhanh nhẹn, được Lê Văn Duyệt tin dùng. Nhưng bề trong Trần Nhật Vĩnh là người hiểm giảo, tham lam, cậy thế kinh doanh lợi riêng, thậm chí cướp vợ người, dỡ nhà người, chiếm đoạt tài sản người. Việc bị phát giác, Lê Văn Duyệt cho điều tra và làm bản tường trình đầy đủ tội lỗi của Trần Nhật Vĩnh tâu lên vua, xin chiếu luật trị tội. Riêng ông tự nhận tội về việc dùng người không minh, để kẻ dưới quyền làm bậy. Nhưng vua Minh Mạng biết ông không phải là người bao che thuộc hạ, chẳng qua là do thuộc hạ, khéo che đậy tội lỗi mà thôi, nên không bắt tội ông, mà còn ban lời an ủi, khuyên từ nay càng dốc tiết làm tôi, giữ mãi lòng công trung, chọn người mà dùng, chọn lời mà nghe, chớ táo vọng, chớ vội nghe, để giữ tiếng tốt, giữ danh thơm.

Đối với bọn sâu dân mọt nước, ông đối xử nghiêm khắc như vậy. Nhưng đối với dân chúng thì ông lại thông cảm bao dung như cha thương con. Tháng Giêng năm Minh Mạng thứ 3 (1822) ông dâng sớ tâu rằng: "*Gần đây những án cướp trộm ở thành hạt phần nhiều là dân cùng lậu sổ, chúng tôi đã khiến các trấn phàm các làng có đơn tục dân đinh, tuy phần nhiều đem vào hạng cùng cố, cũng cố phô cho đủ, không nô lệ (cứ*

mười đinh thì một đứa cùng). Vậy nên năm ngoái từ tháng 8 đến tháng 12, dân mới tục vào tất cả được 16.155 người, xin tha thuế thân năm ấy". Vua cho là phải. Lại sắc từ nay về sau đứa cùng cố có sản nghiệp rồi thời đem vào hạng tráng. Nếu nó làm ăn chưa ra gì, thời hãy tha thuế cho.

Một nhà văn hóa tầm cỡ của Gia Định

Ông Lê Văn Duyệt có thể nói là người thất học từ thuở nhỏ, cho nên ông không có những tác phẩm văn hóa để lại cho hậu thế. Nhưng ông lại có một tầm nhìn đúng vị trí của văn hóa trong việc mở mang dân trí. Trong thời gian làm Tổng trấn Gia Định thành, ông đã đóng góp công lớn cho việc phát huy phong trào văn hóa tại vùng đất mới cả về văn học, giáo dục và nghệ thuật.

Trong thời gian ông trị nhậm, nền văn học của Gia Định được sáng chói nhất với một thi đàn nổi tiếng là Bình Dương thi xã, mà các tay trụ cột là Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhân Tĩnh, đương thời gọi là Gia Định tam gia.

Về giáo dục, do lời yêu cầu của ông, triều đình lần đầu tiên cử vào Gia Định một bậc danh nho là Hàn lâm tu soạn Nguyễn Đăng Sở làm chức Đốc học, người học trò trấn Nghệ An là Nguyễn Trọng Võ làm phó Đốc học. Từ đó việc học ở Gia Định lại hưng khởi. Nhờ sự cổ vũ việc học của ông mà từ năm 1813 triều Gia Long bắt đầu có trường thi Hương ở Gia Định. Các cử nhân đậu ngày càng nhiều, khoa sau cao hơn khoa trước. Ông tìm cách nâng đỡ sĩ tử trước những thể lệ khắt khe về thi cử thời bấy giờ. Trên đất Gia Định có nhiều học trò (thầy đồ) từ các tỉnh miền ngoài vào dạy học đã lâu, nhưng mỗi kỳ thi phải trở về bản quán ứng thí rất trở ngại. Ông dâng sớ tâu xin: "Học trò các trấn ngoài, ở đây học tập, có kẻ đã đậu nhứt nhị trường, tới trú ngụ đã lâu ngày, bây giờ thành ra người trong xứ, xin cho chúng nó phó thí". Vua cho. Thể lệ ngày xưa khi có tang cha mẹ không được đi thi, mà bấy giờ ở Gia Định vừa trải qua trận dịch lớn, nhiều người có trọng tang, sợ thiệt thòi cho sĩ tử, ông dâng sớ tâu: "Bệnh dịch mới rồi, nhiều người có trọng tang, phép trường không được đi thi, nên số học trò đi thi không được mấy, xin bộ tâu lên". Nhưng vua không cho.

Về nghệ thuật, ông là người cổ vũ và bảo trợ cho nghệ thuật hát tuồng hay hát bộ là môn nghệ thuật xuất xứ từ tỉnh Bình Định ở miền Trung. Dưới sự khuyến khích và trực tiếp thưởng thức của ông, bộ môn nghệ thuật này phát triển đến đỉnh cao, tiếp thu thêm những nét mới của nghệ

thuật biểu diễn của người Hoa, người Chăm và người Khmer, tạo nên nét độc đáo của nghệ thuật hát bộ phương Nam. Nó trở thành môn giải trí tinh thần phổ biến khắp các làng mạc, qua các cuộc lễ cúng đình, khao vọng. Nghệ thuật ấy tồn tại đến ngày nay.

Một vị quan đạo đức, thanh liêm

Trong chế độ phong kiến, làm đến chức Tổng trấn Gia Định thành là chức vụ tột đỉnh, quyền hạn hơn cả Lục bộ. Vì vậy mà người Tây dương gọi ông là Phó vương (Vice roi). Địa vị đã cao mà thời gian trị nhậm lại dài, mà không bao giờ ông nghĩ đến việc vun vén cá nhân. Luôn luôn ông lo sao cho dân được an cư lạc nghiệp. Gặp năm mất mùa hoặc bị giặc giã, ông đều tâu lên triều đình xin giảm miễn sưu thuế cho dân.

Suốt đời làm quan, ông luôn giữ đức thanh liêm. Bản thân ông không hề ỷ thế chức trọng quyền cao để hà hiếp, cưỡng đoạt tài sản nhân dân, không nhận của đút lót. Hai chục năm làm tổng trấn, đến khi chết không có dinh thự lâu đài riêng, ruộng đất chỉ có 5 khoảnh ở xã Bình Hòa do ông tạo mãi, sở lớn nhất chỉ có 3 mẫu 7 sào 3 thước ta tức 1,5ha, sở nhỏ nhất chỉ có 3 sào 9 tấc ta tức 2.000m^2. Cha ông là Lê Văn Toại ở Định Tường cũng chỉ có 32 mẫu ta là ruộng đất do gia đình khai phá từ thời vào lập nghiệp, dùng làm hương hỏa cho cả hai đời. Ông cụ có con làm Tổng trấn nhứt hô bách nạp mà vẫn ở lại quê nhà làm ruộng, không hề lên Sài Gòn, Bến Nghé chiếm đất làm nhà cho thuê trục lợi hay mở cửa hàng kinh doanh. Quả thật cuộc đời làm quan của ông Lê Văn Duyệt thanh liêm trong suốt như pha lê, đáng làm gương cho những ai lãnh trách nhiệm chăn dân.

Về phần hạn chế của Lê Văn Duyệt, có 3 ý kiến được nêu lên:

Theo Nguyễn Ánh chống Tây Sơn – Dung thứ đối với Công giáo và thân Pháp – Chống triều đình Minh Mạng và âm mưu biệt lập thậm chí cướp ngôi. Theo tôi 3 hạn chế này đến nay vẫn chưa được phân hóa đầy đủ cơ sở khoa học và thuyết phục. Riêng theo tôi Lê Văn Duyệt là người có công lớn đối với vùng đất Nam bộ, vì vậy đề nghị các cấp chính quyền thành phố nên đặt con đường mang tên Lê Văn Duyệt như trước đây đã có.



Tài liệu tham khảo:

1. *Đại Nam thực lục chính biên - Đệ nhị kỷ.*
2. *Đại Nam liệt truyện* quyển 22, 23.
3. *Quốc triều chính biên toát yếu* của Quốc Sử quán triều Nguyễn.
4. *Nghiên cứu địa bạ tỉnh Gia Định* của Nguyễn Đình Đầu.

Lê Văn Duyệt
Những đóng góp ngoại giao đầu thế kỷ XIX

ĐINH DUNG

Lê Văn Duyệt (1764-1832) vốn gốc người Sơn Tây, Vĩnh Yên, song tổ tiên ông đã rời Bắc vào Nam cư trú tại làng Bồ Đề tỉnh Quảng Ngãi, rồi từ đó đi vào Nam. Năm 1764, tại Mỹ Tho, Lê Văn Duyệt cất tiếng khóc chào đời.

Trong lịch sử Việt Nam cận đại, Lê Văn Duyệt được biết đến như một võ tướng dũng mãnh và cơ mưu (sách sử thường ca ngợi ông bằng danh hiệu hổ tướng). Song ông còn là một nhà ngoại giao xuất sắc. Lịch sử Việt Nam trong đầu thế kỷ XIX đã ghi nhận nhiều thành tích của Lê Văn Duyệt, nhất là trên lĩnh vực ngoại giao.

Từ nhỏ, ông đã nuôi chí lớn, ông thường than "*sinh ở thời loạn, không kéo cờ gióng trống làm đại tướng để tìm công danh lưu sử sách thì không xứng đáng là tài trai*"[1]. Do có tật ẩn cung bẩm sinh, năm 1780 Lê Văn Duyệt được tuyển vào làm thái giám phục dịch trong dinh chúa Nguyễn. Bước khởi đầu cho sự nghiệp của ông là khi được Nguyễn Ánh cho phép cầm quân vào năm 1788. Đến năm 1790 ông đã lập nên chiến công, vừa có sức khỏe, vừa có cơ mưu, Lê Văn Duyệt dần dần trở thành một nhân vật chủ chốt dưới triều Nguyễn, được Nguyễn Ánh sau khi xưng vương tin dùng. Dưới triều Gia Long, Lê Văn Duyệt được lập nhiều thành tích về nội trị và ngoại giao.

Năm 1802, khi Gia Long ngự vào Quảng Nam, Lê Văn Duyệt được thay mặt vua trấn giữ đế kinh và ông đã hoàn thành nhiệm vụ được giao một cách hoàn hảo. Đặc biệt ông đã thể hiện được tài năng của mình trên lĩnh vực ngoại giao, và đã chứng tỏ là một nhà ngoại giao có tầm nhìn xa trông rộng, có uy tín và vai trò quan trọng trong khi giải quyết

các vấn đề liên quan đến quan hệ giữa Việt Nam và các nước trong khu vực. Có thể lược qua vai trò của ông trong việc điều chỉnh một cách khôn khéo các mối quan hệ khu vực, theo chiều hướng có lợi cho an ninh ổn định của Việt Nam trong đầu thế kỷ XIX.

Trong mối quan hệ với Xiêm La qua "vấn đề Chân Lạp"

Vương quốc Chân Lạp từ nửa sau thế kỷ XVII luôn có sự tranh giành quyền lực trong nội bộ hoàng gia, đất nước suy yếu phải nương nhờ sự bảo vệ của Nguyễn Vương ở Gia Định. Nhưng đến khi Gia Định thất thủ (về tay Tây Sơn) thì quyền bảo hộ nước Chân Lạp thuộc về Xiêm La. Năm 1807, vua Chân Lạp là Nặc Ông Chân bỏ Xiêm La xin về thần phục vua Việt Nam, cứ theo lệ 3 năm tiến cống một lần. Từ đó quan hệ giữa nước ta và Chân Lạp diễn tiến tốt đẹp mang tính hòa hiếu. Quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Xiêm La sau khi Gia Long lên ngôi cũng không có sóng gió gì, tuy nhiên, vấn đề bảo trợ Chân Lạp vẫn là một trở ngại trong quan hệ Việt-Xiêm.

Vào năm 1811, anh em Nặc Ông Chân bất hòa, Xiêm nhân cơ hội đem quân sang giúp các em của Ông Chân, nhằm cướp ngôi vua, vua Chân Lạp phải chạy sang Gia Định cầu cứu nhà Nguyễn. Gia Long sai sứ đưa thư phản đối vua Xiêm, và giao Lê Văn Duyệt toàn quyền giải quyết những vướng mắc trong quan hệ giữa 3 nước. Lúc này quân Xiêm đã vào Chân Lạp, chiếm thành La Bích và các kho quân nhu, thóc gạo, tiền bạc. Biết triều đình Việt Nam bất bình về sự can thiệp này, vua Xiêm gởi quốc thư biện bạch hành động can thiệp của mình chỉ nhằm hòa giải anh em vua Chân Lạp. Gia Long bên ngoài giả tin lời, và phái Lê Văn Duyệt - lúc này là Tổng trấn Gia Định thành – đem 13.000 lính, hội với quân Xiêm đưa vua Chân Lạp về nước.

Xiêm La tuy không dám phản ứng, nhưng vẫn còn lưu quân ở lại Battambang có ý đồ phong đất ấy cho các em của Nặc Ông Chân. Lê Văn Duyệt đã viết một bức thư trách Xiêm La về điều ấy, buộc quân Xiêm phải rút quân khỏi Battambang sau đó. Sử sách đã ca ngợi rằng: "Tổng trấn họ Lê chỉ viết một bức thư, cũng đủ khiến quân Xiêm bỏ Battambang rút lui về biên giới"[(2)]. Lê Văn Duyệt đã viết rằng: "Xiêm vương cũng muốn Nặc Ông Chân, Nặc Nguyên (Nặc Chân anh ruột Nặc Nguyên) nguôi lòng thù oán, trọn nghĩa anh em, nay Chân đã về Chân Lạp, cớ sao Xiêm chưa rút quân về? Cứu tai nạn thương lân quốc, làm nhơn đức

mà thỏa lòng người, ấy là đạo người xưa đó. Nếu trước làm nhơn đức mà sau gây thù oán, kéo quân sang đóng Chân Lạp, chẳng trái lẽ hay sao? Huống chi Nặc Nguyên phản anh mà giữ nước, tội không xiết kể... Thử nghĩ rằng thằng giặc nào mà thiên hạ ai cũng muốn giết, lại có nước nào dung cho nó trốn hay sao?"[3].

Với lý lẽ xác đáng vừa có tình vừa có ngầm lý cứng rắn ông lên án Xiêm, khiến Xiêm phải lui quân. Sau khi Xiêm rút khỏi Chân Lạp, Lê Văn Duyệt ổn định, chấn chỉnh tình hình ở đó, ông cấm quân đội cướp phá, nhũng nhiễu, lấy uy tín cổ vũ để dân chúng yên tâm làm ăn. Ông sáng suốt tâu lên vua: "Xiêm muốn lấy Chân Lạp, phải lấy Nặc Nguyên làm mồi, ta muốn che chở Gia Định phải cho Nặc Chân làm tôi". Theo ông, muốn bảo đảm an ninh vùng biên giới Tây - Nam phải phòng bị cho Nặc Chân, đắp thành bảo vệ, xây thành trữ lương rồi lưu binh rút về. Và như vậy nếu Xiêm muốn động binh đánh nhau ta cũng có lực lượng đối phó, còn không thì vẫn giữ quan hệ hòa hiếu. Theo ý ông, quân ta xây thành Nam Vang (Phnom Penh) và Lô Yêm, rồi cử Nguyễn Văn Thụy lãnh 1.000 quân ở lại giữ thành Nam Vang bảo vệ Chân Lạp. Bằng những biện pháp kết hợp đấu tranh chính trị-ngoại giao và quân sự, vừa cứng rắn, vừa mềm dẻo, răn đe đi với phủ dụ, Lê Văn Duyệt đã buộc Xiêm phải lui quân, không can thiệp vào nội tình Chân Lạp mà vẫn giữ được quan hệ hòa bình giữa ta và Xiêm La, ổn định tình hình biên giới, có biện pháp phòng vệ thành Gia Định từ xa hiệu quả.

Đối với Chân Lạp

Lê Văn Duyệt luôn tôn trọng chủ quyền của nước này, song để giữ thanh thế của Việt Nam ông rất nghiêm ngặt và lễ nghi. Khi tình hình Chân Lạp đã yên, vua Gia Long đề nghị vua Chân Lạp nên sai sứ sang thông hiếu với Xiêm La, cốt giữ quan hệ 3 nước trong hòa bình và tốt đẹp lâu dài.

Trong đối sách với bên ngoài

Lê Văn Duyệt chủ trương đề cao uy thế của đất nước, tránh mọi sự khinh nhờn. Theo *Quốc triều chánh biên* ghi lại – thời đó ai ai cũng kính sợ Duyệt, nhất là người Xiêm, hễ cứ có sứ Việt sang, họ đều hỏi về "Ông Duyệt". Nhưng lịch sử khắc nghiệt biết bao, hai mươi năm sau đó, chính con nuôi của ông phản lại công nghiệp của cha mình – dấy loạn cầu cứu Xiêm, tạo điều kiện cho quân Xiêm vào quấy phá nước ta và đánh chiếm Chân Lạp.

Trong quan hệ với Vạn Tượng

Từ cuối thế kỷ XVIII, Vạn Tượng vốn thần phục Xiêm. Khi Nguyễn Ánh xưng vương, oai thế lừng lẫy, thì Vạn Tượng cũng sang xin bảo trợ, chịu thần phục và triều cống. Năm 1826, nhân nội tình nước Xiêm lộn xộn, vua Vạn Tượng là Châu A Nộ đã nổi dậy muốn từ bỏ ách thống trị của Xiêm, việc không thành phải chạy sang cầu cứu triều đình Huế (1827). Lê Văn Duyệt đã dâng biểu điều trần lên vua: "Vạn Tượng là nước Phiên... triều đình nên theo đại nghĩa đừng bỏ họ". Ông đánh giá thực chất mối quan hệ Việt – Xiêm là "Tuy giao lân kỳ thực địch quốc. Nếu Vạn Tượng bị lấy đi thì Xiêm cùng ta bờ cõi giao tiếp, tôi e như vậy có người ngủ ngáy ôm bên cạnh khó cho mình an giấc..."

Về sau Việt Nam đánh đuổi được Xiêm La về nước, ngoài Vạn Tượng, một số xứ Lào khác cũng xin nội thuộc Việt Nam. Ảnh hưởng Việt Nam vào đầu thời Nguyễn được phát huy rộng khắp, bờ cõi biên cương được mở rộng và củng cố. Lê Văn Duyệt đã đóng góp một phần quan trọng vào những thành tích đó.

Trong quan hệ với phương Tây

Thời kỳ Lê Văn Duyệt làm Tổng trấn Gia Định thành, ông đã duy trì tốt đẹp những mối quan hệ với các tàu thuyền ngoại quốc đến Gia Định như tàu của Anh, Pháp, ông không phân biệt nước này hay nước khác miễn là họ tôn trọng luật pháp Việt Nam. Ông không bao giờ cự tuyệt với các nước phương Tây đến Gia Định xin thông thương hoặc giao hảo. Lê Văn Duyệt là người đã gặp gỡ tiếp xúc với John White, đại diện cho nước Mỹ đến Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XIX. John White nhận xét "*quan lớn (chỉ Lê Văn Duyệt – ĐD) nói chuyện với tôi rất tự nhiên, bỏ hết mọi kiểu cách long trọng cao quý, mọi nghi lễ về địa vị lớn lao của ngài. Chiến tranh, chính trị, phong tục, kiểu cách tại các nước Châu Âu là đề tài mà ông đặc biệt chú trọng*"(4).

Đường lối ngoại giao của Lê Văn Duyệt rõ ràng không phù hợp với chính sách "không phương Tây" của Minh Mạng sau này. Thêm vào đó, vốn tính nhà võ thẳng thắn, bộc trực, tất nhiên ông bị nhiều triều thần ganh ghét. Cuối cùng, Lê Văn Duyệt cũng không thoát khỏi số phận của phần lớn các công thần dưới thời phong kiến: "Mưu cao chí cả vua chúa dễ nghi ngờ, danh vọng lẫy lừng, đồng liêu ghen ghét, huống hồ chính các công thần lại cũng ghen ghét xâu xé lẫn nhau thì trách chi cái họa "điểu tận cung tàn" (chim hết cung vứt bỏ) của các ông Hoàng đế"(5).

Năm 1832 ông qua đời, sau khi Lê Văn Khôi dấy loạn, Minh Mạng

giao đình thần luận tội và kết án ông đã phạm 7 tội nên trảm, 2 tội nên giảo, 1 tội nên phát quân!

Đến thời Tự Đức, ông mới được giải oan, được truy phục nguyên hàm, song nỗi oan của ông trong nhiều năm qua vẫn là một bài học về thân phận con người trong chế độ chuyên chế. Dẫu sao, lịch sử vẫn ghi nhận ông là bậc danh tướng trong đầu thế kỷ XIX, với sự nghiệp xây dựng Gia Định thành, việc quan hệ với các nước láng giềng, duy trì những tình cảm, ấn tượng tốt đẹp của các nước phương Tây khi đến Gia Định. Ông xứng đáng như lời ca ngợi của Michel Đức Chaigneau trong *Souvenirs de Hué*:

"Tả quân là một người có nghị lực siêu quần, một võ tướng trí dũng song toàn, một nhà cai trị dân có uy, có ân ai ai cũng kính nể, nhưng rất mến phục, vì người công bình chính trực"(6).

Trong phần sử liệu về thành tích của Lê Văn Duyệt, nhà sử học Nguyễn Thiệu Lâu cũng đã viết:

"Lê Tổng trấn đã chứng tỏ cho chúng ta biết rằng ngài không những là nhà cai trị giỏi, mà là nhà quân sự ngoại giao nhìn xa, thấy rộng để bảo vệ toàn cõi Gia Định".

---

(1), (2) Phạm Trung Việt, *Khuôn mặt Quảng Ngãi*, Nxb. Nam Quang, 1973, tr. 28, 51.
(3) *Quốc triều chánh biên toát yếu*, Nhóm Nghiên cứu Sử Địa xuất bản, Sài Gòn, 1971, tr. 84.
(4) Theo Phạm Trung Việt, Sđd, tr. 69.
(5) Phạm Văn Sơn, *Việt sử tân biên*, quyển 4, Tủ sách Sử học Việt Nam, 1961, tr. 291.
(6) Theo Phạm Trung Việt, Sđd, tr. 68.

Sứ giả Anh yết kiến Lê Văn Duyệt tại thành Gia Định năm 1822

NGUYỄN ĐÌNH ĐẦU

Năm 1822, toàn quyền Ấn Độ nhân danh triều đình Anh gởi sang Việt Nam một phái bộ để điều đình việc giao thương. John Crawfurd cầm đầu phái bộ, khi về nước đã cho ấn hành bản nhật ký cuộc du hành tới nước ta, mà khi ấy họ còn gọi là nước Cochin China (Giao Chỉ gần China).

(Theo John Crawfurd, Journal of an embassy from the Governor – general of India to the courts of Siam and Cochinchina, London, 1830.)

Ngày 29 tháng 8 năm 1822.

Hồi 6 giờ chiều qua, ông Finlayson và tôi xuống thuyền đi Sài Gòn. Phái bộ chúng tôi gồm cả thảy 33 người. Một chiếc thuyền đầy đủ tiện nghi nhất dành cho ông Finlayson và tôi, nhưng mưa xối xả suốt đêm làm chúng tôi không thể lợi dụng được ánh trăng và ngắm phong cảnh của vùng đất đang đi qua. Khi trời vừa sáng, ở hai bên bờ sông, chúng tôi thấy mở ra những cánh đồng rộng rãi, nơi đâu cũng thấy trồng lúa, và chỗ nào cũng thấy xóm làng trù mật. Khoảng 8 giờ, đã nhìn thấy thành phố Sài Gòn nằm trên hữu ngạn hay bờ phía tây sông ...

Ngày 2 tháng 9 năm 1822.

Mọi việc chuẩn bị đã xong từ đêm trước cho cuộc tiếp kiến của chúng tôi. Theo ý các quan, một danh sách bằng chữ Hán ghi tên tặng phẩm trên một tờ giấy màu hồng, theo đúng phong tục ở đây. Mọi chi tiết đều được tiên liệu cho cuộc hội kiến và cả nghi thức mà chúng tôi phải theo khi được giới thiệu. Tuy nhiên, không khỏi phải nói nhiều về những sự việc sẽ được mô tả sau đây. Mọi sự đã sẵn sàng, khoảng 7 giờ 30 tôi yêu cầu cho cáng hay voi để chuyên chở phái bộ. Việc ấy chưa sẵn sàng, và tôi ngỏ ý gián tiếp là

nếu không có thì chúng tôi đi bộ. Tôi làm thế vì hiểu rằng chúng tôi không thể đi một bước mà thiếu phương tiện xứng đáng, nên chỉ sau 10 phút, 5 con voi được đưa đến. Sự việc này chắc là của mấy ông quan cấp thấp muốn làm áp lực trên chúng tôi, và tôi sẽ không gặp chuyện gì để quan Tổng trấn biết hết sự thể ? Khoảng 8 giờ, chúng tôi rời công quán để vào thành, có 13 tùy viên theo chúng tôi, nhưng chúng tôi phải để lại những lính hầu người Ấn ở nhà. Ông Finlayson mang theo thư của Toàn quyền (Ấn Độ). Một số lính tùy tùng cầm giáo đi chân đất, và một số ky mã cưỡi những con ngựa nhỏ mà hung hăng, giống như kiểu ngựa Ấn Độ đi theo đám rước. Mất độ 20 phút, chúng tôi tới thành, bên cạnh là hào nước thẳng tắp mà trú quán của chúng tôi ở đầu phía kia, hai bên hào là hai con đường bằng phẳng. Một số rất đông lính cầm giáo từ trong thành ra, đứng hai bên đường đón, đặc biệt ở trước cửa công thự nơi chúng tôi sẽ được tiếp kiến. Chúng tôi không rời khỏi lưng voi cho tới khi còn không đầy một trăm bước trước cửa công thự. Công thự này mở rộng cửa phía trước, rất dài ở mặt tiền song không sâu lắm, hoàn toàn làm bằng gỗ, không có chỗ nào được đánh bóng hay sơn phết. Đây là một dinh thự đơn sơ nghèo nàn, không như các ngôi nhà của người Hoa mà ngày hôm trước chúng tôi đã thăm bên phía Sài Gòn (sau là Chợ Lớn), đem so sánh với dinh thự này thì đây mới là những lâu đài thực sự. Phong tục của Việt Nam là ngồi trên những tấm phản rộng, cao hơn mặt đất độ 1 bộ rưỡi, hoặc trên bục cao chừng 8 hay 9 đốt tay từ mặt đất. Các bục cao đặt ở phía trước, bục thấp đặt ở phía sau. Trên sàn hay trên bục bao giờ cũng được trải chiếu. Ngay chính giữa sảnh đường có đặt một bục cao, có lẽ cao hơn thường lệ, quan Tổng trấn ngồi trên đó. Chúng tôi tiến lên trước mặt ông và cúi đầu chào, không thấy ông cúi đầu đáp lại. Chúng tôi được chỉ tới ngồi trên mấy cái ghế đặt bên tay mặt ông Tổng trấn. Bên tay trái ông là nơi ngồi của vị phó Tổng trấn, một ông già mặt mũi sáng sủa ở khoảng bảy mươi tuổi. Phần còn lại của các quan dưới quyền Tổng trấn thì ngồi phía sau chúng tôi trên một bục khác. Ngồi đầu hàng này là ông Quản Binh (Ong–kwan–beng), một vị quan võ đã đứng điều đình mọi việc với chúng tôi (phải chăng là Trần Văn Học, NĐĐ). Nghe nói Tổng trấn già là một hoạn quan, nhưng nếu không biết trước thì có lẽ chúng tôi không thể nhận ra. Tất nhiên ông hoàn toàn không có râu; nhưng tuy người Việt Nam thích để râu mà râu họ thường rất thưa thớt. Tiếng nói của ông hơi nhỏ và dịu như tiếng phụ nữ, song không quá độ đến mức có thể gây nghi ngờ.

Ông là nhân vật đã dự phần đặc biệt vào các cuộc chiến và cách mạng ở

Việt Nam. Khi chúng tôi đến yết kiến thì ông ở độ tuổi 58. Ông có phong cách linh lợi và thông minh. Thân mình hơi thấp chứ không cao, song ông tỏ ra hoạt động và không có khuyết tật gì, tuy nhiên hàm răng không còn nguyên vẹn và đã mất nhiều cái. Các quan lại khác đều mặc đồ gấm hoa sang trọng. Trái lại ông Tổng trấn tỏ ra ít quan tâm và coi thường việc ăn mặc, ông chỉ mặc một áo dài bằng nhiễu đen trơn màu và chít chiếc khăn đồng màu.

Ông bắt đầu hỏi chuyện chúng tôi là cuộc hành trình xa xôi bao nhiêu. Sau khi chúng tôi trả lời câu hỏi đó, ông liền đi ngay vào chính vấn đề và nói rằng người nước Anh sẽ được hoan nghênh vào buôn bán ở Việt Nam theo đúng luật lệ của xứ sở này; rằng thuế nhập khẩu không nặng, đối với nước nào cũng ngang nhau. Chúng tôi trả lời đó là điều chính vị Toàn quyền (Ấn Độ) mong muốn và không hứa gì khác. Ông Tổng trấn nói thêm, nếu người Việt Nam sang buôn bán bên liên hiệp Anh tức phải chịu theo luật lệ Anh, còn nếu chúng tôi đến Việt Nam thì cũng phải tuân thủ như vậy. Tôi liền đáp lại là tình hữu nghị và sự thông cảm giữa các quốc gia sẽ không thể thực hiện ngoài những nguyên tắc ấy. Sau đó, ông Tổng trấn nhận xét và hứa cho phái bộ chúng tôi một chứng chỉ đặc biệt để ra kinh đô, ông giới thiệu chúng tôi với vị Quan quản Tượng đứng đầu ngoại vụ (có lẽ là chức vụ Thương Bạc, NĐĐ). Rồi ông nhận định rằng chỉ có quốc vương mới trao đổi thư từ với quốc vương, thế thì vua nước Anh có thể viết cho Vua nước Việt Nam, và ông Toàn quyền (Ấn Độ) thì có thể viết thư cho Quan quản Tượng mà thôi. Cũng như mấy lần trước, chúng tôi giải thích là vua nước Anh ở một nơi rất xa xôi không thể trực tiếp trao đổi quốc thư với các vị quân vương phương Đông, do đó, việc này đã được ông Toàn quyền ở Ấn Độ chủ yếu phụ trách. Ông trả lời đây là lối hành sự hoàn toàn trái ngược với tập quán của Việt Nam, sự thể sai nguyên tắc này sẽ ngăn cản phái bộ trên bước đầu của công cuộc kết thân giữa hai triều đình. Rồi chúng tôi tiến dâng lên ông Tổng trấn một ít tặng phẩm của Toàn quyền ở Ấn Độ cùng với một tờ kê khai vật phẩm bằng chữ Hán được một thư lại đọc to lên. Sau khi nghe đọc bản danh sách tặng phẩm, quan Tổng trấn nói là rất cám ơn ông Toàn quyền Ấn Độ về sự lịch thiệp đã gởi quà tặng, nhưng vì cuộc thương thuyết còn dở dang, nên ông chưa có thể nhận tặng phẩm đó. Tuy nhiên quan Tổng trấn hy vọng sau này sẽ có nhiều thương quyền Anh tới thăm thành phố Sài Gòn, lúc ấy sẽ trao đổi tặng phẩm lại. Chúng tôi không từ chối giữ lại tặng phẩm, nhưng sự thể ấy làm nổi bật sự so sánh của chúng tôi đối

với tính tham lam của các quan chức Xiêm La trong trường hợp tương tự.

Chúng tôi liền hỏi khi nào có thể từ biệt Sài Gòn. Thời điểm liền được ấn định. Ông Tổng trấn trả lời là mọi sự đã chuẩn bị sẵn sàng để chúng tôi ra đi được thuận lợi. Chúng tôi rất muốn ông Tổng trấn mở xem bức thư của Toàn quyền Ấn Độ, dù chỉ vì tò mò, nhưng ông chỉ nhìn qua, ông không rút thư từ phong bì lụa ra, rồi lịch sự hoàn trả lại tức khắc. Như để làm chúng tôi vui lòng, ông bảo sẽ đem thư trả về nơi lưu trú của chúng tôi. Cho thêm phần trịnh trọng, ông ra lệnh cho lấy ba con voi trang sức đẹp đẽ rước trả bức thư ấy. Trong khi chuyện vãn, ông Tổng trấn hỏi tuổi người theo tôi (Finlayson) và tuổi tôi. Những người hầu Ấn Độ của chúng tôi và y phục của họ đã làm ông rất chú ý quan sát, cũng như là đối với mọi người khác trong suốt cuộc viếng thăm của chúng tôi. Người Việt Nam hoàn toàn xa lạ với người dân nước Hindustan (Ấn Độ), và không có một người nào thuộc dân xứ đó cư ngụ tại Sài Gòn. Con người, hình dáng, cử chỉ, quần áo của người Ấn đã gây được sự tò mò chú ý hơn là đối với chúng tôi.

Sau khi uống trà, chúng tôi được mời đi xem một cuộc đấu hổ–tượng. Chúng tôi lại lên voi và đi về hướng bờ thành, nơi có đấu trường. Ông Tổng trấn đi ra một cổng khác và đã tới trước chúng tôi bằng cáng. Khi sàn đấu còn trống chỗ, một võ sĩ ra hô to cuộc đấu khai mạc. Với lễ hội đặc biệt này, tác giả đã thấy có sự chuẩn bị sạch sẽ trong bóng và trang hoàng rực rỡ. Một võ sĩ ra biểu diễn dương oai trông thật man rợ. Anh uốn mình ra sau, phưỡn bụng lên, hai tay chống nạnh và trong tư thế kỳ cục thế, anh đã hò hét thật lâu và cao giọng. Một con hổ được đưa trình diện ngay trước mặt đấu trường và được dẫn tới góc một hàng rào. Mọi người đều hô vang cổ võ cuộc biểu diễn. Con hổ bị trói ngang thân và buộc vào một cái cọc vững chắc bằng một sợi thừng dài khoảng 27–28mét. Mõm hổ đã bị khâu lại, nanh vuốt bị dứt bỏ. Hổ có tầm cỡ khá lớn và coi bộ rất hung hăng. Không dưới 46 con voi, voi đực thật đồ sộ, được dẫn ra theo đuôi nhau. Bỗng một con voi xông vào đánh hổ. Voi thứ nhất này tiến lên, với vẻ lộ rõ can đảm cao, và chúng tôi nghĩ là với bộ điệu quyết liệt như vậy thì voi ta sẽ hạ địch thủ hổ trong giây lát. Bằng một gắng sức ban đầu, voi lấy hai chiếc ngà tung hổ lên tầm cao vút và tung hổ ra xa tới gần 20 bộ. Dù bị thế, hổ thu mình lại, nhảy phóc lên lưng voi và hất luôn người quản tượng đang ngồi trên cổ voi. Voi ta kêu rống lên, vội chạy ra xa, hổ đuổi theo tới hết mức thừng buộc phải ngừng lại. Tuy không bị thương tích gì, voi chạy trốn kêu rống thảm thương và không có cách gì làm cho nó trở lại đấu với hổ nữa. Sau đó một

chút, chúng tôi thấy một người bị trói có hai sĩ quan dẫn đến trước mặt ông Tổng trấn. Đó là chú quản tượng của con voi thua trận. Anh ta bị đem vào một góc và chịu đánh một trăm roi. Để chịu hình phạt này, anh ta phải nằm úp mặt xuống đất, một người ngồi lên cổ và vai anh, một người khác ngồi lên ngang hông anh, sau đó là một loạt roi mây vụt xuống. Khi xong, hai người khiêng anh ta đi, một người cầm đầu, một người cầm chân, hình như anh ta hết cử động. Trong khi thi hành hình phạt đó, ông Tổng trấn thản nhiên xem cuộc đấu voi hổ tiếp diễn, coi như không có gì xảy ra. Mươi mười hai con voi nối tiếp nhau vào húc hổ, nó bị chết hẳn sau nhiều lần bị các cặp ngà voi tung lên cao rồi ngã xuống. Trước đây, tôi không hề tưởng tượng nổi sức mạnh của những con vật kinh khủng đến thế. Có những con voi ném tung con hổ ra xa tới 30 bộ, sau cái ngã như vậy hổ như hết sống không còn kháng cự được gì. Chúng tôi không thể nghĩ tới mà không sợ hãi đứng trước cảnh tượng những con voi hành hạ phạm nhân bị tội tử hình. Trong trường hợp ấy, tôi nghĩ chỉ một cái húc và tung cao, như tôi vừa tả, đã đủ để tiêu diệt một mạng người.

Sau cuộc đấu hổ voi, chúng tôi được xem một cuộc tập trận giả, đây là một đàn voi công phá hàng rào phòng thủ. Một tường ngăn dài từ 40 đến 50 bộ bằng vật liệu nhẹ, bên trên chất đầy cỏ khô, bên trong bày ra cảnh bố phòng của nhiều lính cầm giáo mác. Khi cỏ khô vừa bắt lửa, nhiều tiếng pháo nổ vang, cờ phất lia lịa, trống đánh giòn dập và một khẩu pháo bắt đầu nhả đạn. Khi ấy, đoàn voi được thúc tiến lên. Chúng liền bỏ tính rụt rè bình thường vẫn có, dù khi ngọn lửa còn cháy, tường thành giả chưa bị đốt hết, chỉ cần một chút gan lì là có thể băng qua được chướng ngại vật đó.

Sau cuộc biểu diễn trò ấy, ông Tổng trấn cho gọi chúng tôi lại gần để nói chuyện. Ông muốn biết ngày giờ chích xác cuộc lên đường của chúng tôi, và khi nghe chúng tôi nói đã định vào sáng mai thì ông rất ngại là cuộc viếng thăm của chúng tôi chỉ có hai ngày thì quá ít không xem thêm được phố phường và nhất là ông không kịp cho chúng tôi coi một đêm hát bội. Chúng tôi lấy cớ là gió mùa sắp tới và chúng tôi ao ước được ra đi bình an tới Huế. Khi biết chúng tôi xin đi không trì hoãn, ông nói là mọi sự sẽ chuẩn bị sẵn sàng trước lúc khởi hành một giờ như ý định của chúng tôi. Lệnh được ra ngay tại chỗ để chuẩn bị cho chúng tôi khởi hành đúng hẹn. Nhân đó, chúng tôi thấy được cách giải quyết sự việc như thế nào tại Việt Nam. Ông Tổng trấn đích thân truyền lệnh, với giọng nói to cao của người cầm quyền và có 12 hay 14 vị quan dưới quyền đứng trước mặt ông nhận

lệnh. Khi ông ra lệnh xong, theo phong tục địa phương, họ liền quì gối lạy 4 lần, mặt họ cúi xuống trên hai bàn tay chắp lại để sát đất. Quan Tổng trấn lại hỏi phải cần tiếp tế gì cho chúng tôi và cả thủy thủ đoàn nữa, ông bảo chúng tôi kê rõ mọi khoản để nhu cầu được đầy đủ cung ứng. Chúng tôi trả lời là không còn thiếu thốn gì nữa và xin cảm tạ sự đãi ngộ quảng đại ấy. Sau khi cám ơn ông Tổng trấn về việc tiếp đón lịch sự và hào hiệp mà ông đã dành cho chúng tôi, chúng tôi cúi đầu từ giã và trở về trú quán. Khi chúng tôi đi vào dinh Tổng trấn cũng như khi trở về, có rất đông dân chúng theo chúng tôi. Thái độ của họ rất sinh động và vui vẻ, chứ không có gì là khiếm nhã. Quân lính tháp tùng chúng tôi không phải can thiệp ngăn cản họ khi họ không chen lấn vào đoàn rước phái bộ, nhưng khi họ chen lấn thì roi mây quất xuống lia lịa và họ liền rút lui lẹ làng với tiếng cười khúc khích.

Khi vừa về tới trú quán, một vị quan lớn đem đến cho chúng tôi lời chúc tụng của ông Tổng trấn cùng nhiều tặng phẩm. Đó là một con trâu, một con heo, một mớ gà vịt, gạo và trái cây. Vị quan lại cho chúng tôi biết là ông Tổng trấn dù không công khai nhận tặng phẩm nhưng ông muốn được biếu riêng mấy khẩu súng và chiếc thiên lý kính mà chúng tôi đã đem tặng ông. Tôi kính cẩn đáp lại là rất sung sướng được gởi lại những thứ đó. Tuy nhiên, mấy thứ đó không được lấy vội, vì ông Tổng trấn yêu cầu là sau khi chúng tôi về tới thuyền hãy gởi tặng ông mấy khẩu súng thật tốt. Một khoảng khắc sau, một đám rước long trọng đem đến cho chúng tôi một con heo quay với một mâm xôi lớn, một món quà biếu nữa của ông Tổng trấn. Như vậy là hợp với phong tục của xứ này và đã làm tăng thêm tình hữu nghị.

Về bản án tử hình đối với Lê Văn Duyệt

NGUYỄN HOÀNG TUẤN

Bản án tử hình mà vua Minh Mạng và triều đình nhà Nguyễn dành cho Tả quân thành Gia Định Lê Văn Duyệt là một bản án không phải chỉ để trừng trị tội phản nghịch của con nuôi Tả quân là Lê Văn Khôi, mà nó còn có nguyên nhân sâu xa của sự trả thù không phải chỉ của vua Minh Mạng mà còn của một số đại thần trong triều.

Lê Văn Duyệt vốn xuất thân là thái giám nhưng có tài binh lược, tính tình cương trực theo đuổi chính sách cởi mở, chứ không hà khắc và bảo thủ như triều đình Huế. Ông là một khai quốc công thần, từng trải bao gian khó góp công cùng Nguyễn Ánh lập ra nhà Nguyễn.

Vua Gia Long có nhiều người con, nhưng hai người thường được sử sách nhắc đến nhiều là Đông cung Cảnh và Hoàng tử Đảm (tức vua Minh Mạng sau này). Cả hai từng theo cha những ngày bôn tẩu khi bị anh em Tây Sơn truy đuổi. Năm 1801, Đông cung Cảnh mất (tức trước khi Nguyễn Ánh lên ngôi 1 năm). Năm 1814, bà Thừa Thiên Cao Hoàng hậu là mẹ ruột của Đông cung Cảnh và là mẹ nuôi của hoàng tử Đảm mất. Các đại thần như Lê Văn Duyệt và Nguyễn Văn Thành cùng một số quan trong triều đề nghị vua Gia Long giao việc tế tự cho hoàng tôn Đán là con trai của Đông cung Cảnh với lý do "đích tôn thừa trọng". Vua Gia Long đã bác đề nghị này của các đại thần và quyết định giao việc tế tự cho hoàng tử Đảm.

Năm 1816, vua Gia Long quyết định chọn người thừa kế ngai vàng sau khi vua băng hà. Các đại thần được triệu tập hỏi ý kiến. Giống như lần trước, Lê Văn Duyệt và Nguyễn Văn Thành vẫn giữ lập trường chọn con trai Đông cung Cảnh là hoàng tôn Đán. Nhưng vua Gia Long cũng

vẫn quyết lập hoàng tử Đảm kế vị. Hoàng tôn Đán lúc ấy còn nhỏ, không biết vua Gia Long yêu thương hoàng tử Đảm đặc biệt hay sợ lập hoàng tôn Đán trong khi còn quá nhỏ, chế độ phụ chính sẽ dẫn đến những hậu quả khó lường như đại thần lộng quyền, thậm chí tiếm ngôi như đã từng xảy ra trong lịch sử. Những ngày cuối đời nằm trên giường bệnh, vua Gia Long đã lường được sự hiềm thù có thể xảy ra khi ông băng hà giữa hoàng đế mới với các đại thần. Nguyễn Văn Thành lúc này đã chết, vua cho vời Phạm Đăng Hưng và Lê Văn Duyệt đến bên giường cầm tay ôn lại những ngày gian nguy trước đây và giao phó cho Tả quân Lê Văn Duyệt trách nhiệm giúp hoàng tử Đảm trong việc trị quốc.

Gia Long băng hà, hoàng tử Đảm lên ngôi, được 2 tháng thì Lê Văn Duyệt xin từ biệt Huế về lại Gia Định. Minh Mạng chuẩn y và dụ: "Phẩm truất thăng quan lại, hưng lợi trừ hại, tất cả việc thành và việc biên cương đều cho tùy nghi mà làm" (*Đại Nam thực lục chính biên*). Với lời dụ này, Tả quân thành Gia Định như một vị chúa đất phương Nam, mọi việc gì nếu có lợi cho quốc gia thì đều được tùy nghi xử lý. Vị phó Tổng trấn thành Gia Định lúc ấy là Huỳnh Công Lý được giao trách nhiệm đào con kênh Tàu Hủ. Con gái Lý là thiếp của vua Minh Mạng nên Lý còn được gọi là "quốc trượng" (cha vợ vua). Có lẽ vì vậy mà Lý ỷ quyền thế, lợi dụng việc đào kênh để những nhiễu dân. Tả quân cho báo cáo việc làm của Lý về triều, nhưng khi chiếu chỉ của vua đưa Lý về kinh trị tội còn đang trên đường đến Gia Định thì Lê Văn Duyệt đã hạ lệnh chém đầu "quốc trượng" theo nguyên tắc "tiền trảm hậu tấu". Sự việc này xảy ra tháng 9 năm Canh Thìn (1820). Vua Minh Mạng chỉ còn biết "ngậm bồ hòn làm ngọt".

Một mâu thuẫn nữa giữa Tả quân với triều đình là chính sách cấm đạo Thiên chúa khắt khe mà Minh Mạng xem là căn bản trong những chính sách quốc gia. Cùng với chỉ dụ cấm đạo gởi cho Tổng trấn thành Gia Định, năm 1826, vua Minh Mạng chủ trương tập trung các giáo sĩ về triều đình để tách họ ra khỏi các giáo phận với lý do hai quan chức cũ của vua Gia Long là Vannier, Chaigneau đã về Pháp không có ai thông ngôn. Giám mục Taberd liền báo tin cầu cứu Lê Văn Duyệt. Tả quân liền sao lục 11 bức thư của Gia Long trong số 14 bức mà ngày xưa vua Gia Long trao đổi với giám mục Bá Đa Lộc và nhiều giáo sĩ khác với lời lẽ trân trọng nhờ họ giúp đỡ trong việc khôi phục giang sơn. Trước những bức thư như thế và lập trường của Lê Văn Duyệt, Minh Mạng đã nhượng bộ cho thả tất cả các giáo sĩ về Gia Định.

Một mẩu chuyện được ghi trong chính sử nói lên tính bộc trực của Lê Văn Duyệt: Năm 1800, Nguyễn Ánh cử Lê Văn Duyệt làm phó tướng cho Nguyễn Văn Thành đi đánh trận. Lúc sắp xuất quân, Nguyễn Văn Thành rót rượu mời ông Duyệt và nói: "Uống rượu để thêm sức mạnh". Ông Duyệt gạt phắt nói: "Ai tính hay sợ mới uống rượu cho thêm sức mạnh, còn như tôi trước mắt coi không trận dữ, cần chi phải uống rượu". Dĩ nhiên ngài tướng soái Nguyễn Văn Thành đã giận tím ruột.

Một con người như thế thì dĩ nhiên khó được lòng các quan trong triều, hơn nữa đương thời ông lại được vua Minh Mạng kính trọng. Nhà vua đã dẹp được hiềm riêng, cư xử với Lê Văn Duyệt rất đúng mực. Khi Tả quân từ biệt triều đình xin về Gia Định là lúc vua Minh Mạng mới lên ngôi. *Đại Nam chính biên liệt truyện* chép: "Duyệt vào cáo từ lên đường, vua sai trung sứ đem cho điếu hút thuốc bằng pha lê sắc biếc mạ vàng của vua dùng". Và dụ rằng: "Tự sau khi ngươi bệ từ, lòng trẫm thắc mắc không quên, ngươi nên tự giữ gìn đi đứng có tiết độ, chớ để nắng gió xâm phạm cho ta phải lo".

Minh Mạng năm thứ 5, con gái vua là công chúa Ngọc Ngân được nhà vua đem gả cho cháu kêu Lê Văn Duyệt bằng bác, đồng thời là con nối dõi của ông, tên là Lê Văn Yên.

Xét những gì vua Minh Mạng đã đối xử với Lê Văn Duyệt cho thấy nhà vua không tị hiềm việc cũ. Nếu Lê Văn Khôi, con nuôi Tả quân không nổi dậy thì không có bản án năm 1835 dành cho Lê Văn Duyệt. Nhưng trước tiên đáng tội là những đại thần bày trò dẫn đến bản án này. Chính các đại thần đã ganh tị với những gì mà vua Gia Long đã giao phó cho Tả quân và những ân sủng mà vua Minh Mạng đã dành cho ông. Đồng thời, tính cương trực của Tả quân đã gây nên nhiều hiềm khích.

Sự biến thành Phiên An chỉ là một tất yếu không đến sớm thì muộn. Sau cái chết của Lê Văn Duyệt năm 1832, bộ ba quan chức mới của tỉnh Phiên An (tức Gia Định) là Tổng đốc Nguyễn Văn Quế, Bố chánh Bạch Xuân Nguyên, Án sát Nguyễn Chương Đạt. Trong ba nhân vật này, Bố chánh Bạch Xuân Nguyên là kẻ hèn hạ nhất. Nhân danh "mật chỉ", Nguyên vạch lá tìm sâu, moi móc những việc làm trong quá khứ của Tả quân rồi gán ghép tội lỗi, y cho bắt bớ giam cầm những người thân tín với Tả quân. Và Lê Văn Khôi đã nổi dậy dẫn đến kết cuộc như đã biết. Bạch Xuân Nguyên bị Khôi cùng toán thuộc hạ trói lại tẩm dầu đốt như cây đuốc sống. Tổng đốc Nguyễn Văn Quế nghe sự biến dẫn quân qua,

bị đâm chết trên đường.

Loạn Khôi vừa dẹp xong , Phan Bá Đạt ở Đô sát viện liền dâng sớ kết tội Tả quân. Mấy ngày sau đến lượt các đại thần như Nguyễn Tri Phương, Hoàng Quýnh, Hà Quyền nêu lên 6 điều "bội nghịch" của Lê Văn Duyệt. Lời lẽ và những "tội" nêu ra rất buồn cười. Sự kiện Miến Điện gửi sứ bộ qua Việt Nam xin giao kết thì giờ đây được luận tội là "âm kết ngoại giao", sự việc xin cho tàu Anh Cát Lợi vào thành thì được quy kết "để tỏ có quyền", xin giết thị vệ Trần Văn Tình thì chụp mũ "để khoá miệng người ta" rồi "lập đảng" mà xin tăng thọ cho Lê Chất... nhưng buồn cười nhất là điều thứ 6, đoạn cuối viết rằng: "Y (tức Lê Văn Duyệt) là chức Biên khổn dám kết đảng tư tình như thế, rất trái với đạo làm tôi ấy là 6 tội. Vả lại nghe y bình nhật thường khoe chuyện với người ta rằng: Y xin được quẻ thẻ (xâm) có 4 câu thơ:

Tá Hán tranh tiên như Hán tướng
Phò Châu ninh hậu thập Châu thần.
Tha niên tái ngộ Trần Kiều sự,
Nhất đán hoàng bào bức thử thân.

Nghĩa: "Giúp Hán há thua cùng tướng Hán – Phò Châu nào kém bọn Tô Châu – Trần Kiều nếu gặp cơn binh biến – Mảnh áo hoàng bào dễ ép nhau"(1).

" Giá y không phải là người có sẵn lòng bất trung thì không khi nào dám khoe bài thơ ấy với người ta. Bởi vậy bọn tiểu hạ tập quen thành thói, cho nên thây y chưa lạnh mà đã có việc này..." (*Việt Nam sử lược).*

Chỉ với tội này thôi thì Tả quân đã phạm vào tội cao nhất trong "thập ác" là phản nghịch. Triều đình Huế đã xử vụ án này thành 7 án chết chém, 2 án chết treo, nhưng vì Tả quân đã chết nên triều đình truy đoạt các sắc đến đời tổ phụ và tằng tổ, tài sản tịch biên, con cháu, vợ chánh, vợ thất đều phân biệt nghị tội, riêng Tả quân thì bỏ quan quách giết thây. Tổng đốc Gia Định được sắc dụ đến mả Tả quân sang thành bình địa và dựng bia đá: "Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xứ" (Tên hoạn quan lộng quyền Lê Văn Duyệt chịu phép nước tại đây).

Trong vụ án này, bọn đại thần trả thù hèn hạ đã đành, nhưng tiếc cho vua Minh Mạng khi Tả quân còn sống đã cư xử với Tả quân đúng mực, biết kiềm chế không để hiềm riêng vượt qua đạo lý, thế mà cuối cùng nghe lời xiểm tấu của bọn tiểu nhân đã dẫn đến bản án để tiếng chê cho đời sau.



(1). Tích Trần Kiều ở Trung Quốc đời Hậu Châu và chuyện Dương Thái Hậu thời Đinh ở nước ta.

Suy nghĩ từ cuộc tọa đàm về Lê Văn Duyệt

TRƯƠNG MINH HIỂN

Chung quanh nhân vật Lê Văn Duyệt còn có nhiều vấn đề phức tạp vì vậy rất khó đánh giá về nhân vật này. Có nhiều ý tương phản, tùy theo từng cách nhìn của các nhà nghiên cứu về nhân cách và hành trạng của ông. Kẻ luận ông có công. Người bảo ông có tội. Thậm chí có người còn dám khẳng định, ông vừa có công, vừa có tội. Vậy thì sao? Chẳng lẽ phải chấp nhận một kết luận ba phải? Chẳng lẽ lại không đi đến kết luận nào?

Tôi chỉ muốn nêu thêm một số ý kiến, và nhắc lại ở đây một số ý kiến đã gây nhiều ấn tượng nhất, theo nhận xét của riêng tôi.

1/ Lê Văn Duyệt có chống vua Gia Long không?

2/ Phải chăng vì muốn chống vua Minh Mạng nên ông đã chiêu mộ các tay giang hồ bạt mạng, lập ra các đội quân Hồi Lương và Bắc Thuận để mưu chống lại triều đình?

3/ Phải chăng ông có ý muốn lập cho mình một cơ đồ riêng nên đã làm những điều trái ngược chính sách của triều đình?

4/ Ông có ý tôn phù Hoàng tôn còn nhỏ (con Đông Cung Cảnh) lên làm vua, để thay vua Minh Mạng, là mong dễ bề khuynh đảo?

Các câu hỏi này đặt ra khá thú vị. Nếu bàn cãi sâu hơn sẽ làm nảy sinh những câu trả lời cho thấy rõ Lê Văn Duyệt có công hay có tội. Đây là một thứ lô–gic loại suy, theo phương pháp tam đoạn luận tương phản: (Syllogisme opposé).

a/ Nếu A = B
  và B # C
  Thì A # C

b/ hoặc Nếu A # B
  mà B = C

Thì A # C

1/ Trường hợp thứ nhất:

– Nếu các vua đầu nhà Nguyễn áp dụng chính sách cấm đạo giết giáo sĩ Tây phương và bế quan tỏa cảng là nhằm bảo vệ Tổ quốc thoát khỏi sự xâm chiếm của Đế quốc ngoại bang.

– Và Lê Văn Duyệt làm trái ngược lại chính sách của triều đình nhà Nguyễn.

– Thì Lê Văn Duyệt có tội với triều đình nhà Nguyễn, tức là có tội với Tổ quốc.

2/ Trường hợp thứ hai:

– Nếu Lê Văn Duyệt chống triều đình nhà Nguyễn.

– Mà nhà Nguyễn là triều đại phản bội dân tộc,

– Thì Lê Văn Duyệt không phản bội dân tộc. Từ đó suy ra Lê Văn Duyệt vô tội.

Nhưng triều đình nhà Nguyễn vừa chống lại phong trào Tây Sơn, đã bị coi như "cõng rắn cắn gà nhà", lại có hành động quá khích, nhằm "bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ" thì triều đình và các vua đầu Nguyễn có công hay có tội với Tổ quốc và nhân dân?

Và Lê Văn Duyệt có nhiều hành vi ngược hẳn quốc sách của triều đình lúc bấy giờ, lại làm cho vùng đất phương Nam thịnh vượng, an ninh, giữ yên bờ cõi và được ngoại bang kiêng nể thì ông có công hay có tội? Chúng ta cũng không quên chính chính sách quá khích và bưng bít của chế độ phong kiến triều Nguyễn đã để cho đất nước ta bị cô lập và chậm tiến đến nỗi sau đó phải mất nước. Và đời sau ta còn tiếc rẻ các bản điều trần của Phạm Phú Thứ, Phan Thanh Giản và Nguyễn Trường Tộ đã ra đời quá muộn. Nhiều nhà ái quốc như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, vua Duy Tân v.v... đều muốn canh tân đất nước giống như Minh Trị Thiên Hoàng Nhật Bản, để cứu nước khỏi họa vong quốc...

Vấn đề rắc rối ở chỗ: lý luận ai nêu ra cũng hữu lý, nhưng không làm sao kết luận được. Lịch sử lúc đó đã lâm vào một khúc quanh nghiệt ngã, đầy phức tạp, nên khó phân định được công ai, tội ai? Nên có lẽ cần có thêm nhiều cuộc hội thảo sâu hơn, để đánh giá trở lại các nhân vật lịch sử thời cận đại.

Riêng đối với Lê Văn Duyệt, vấn đề lại càng rắc rối hơn vì không ai dám khẳng định ông có ý đồ chống lại nhà Nguyễn hay không? Mà ý đồ là cái gì rất trừu tượng, không thuyết phục được ai, trong khi cái "ý" ấy chưa

biểu hiện thành những hành động phản nghịch, chống phá cụ thể. Sử gia và khoa học lịch sử hôm nay không cho phép bất cứ ai kết luận điều gì mà không có chứng cứ cụ thể. Nên chúng ta không thể kết án Lê Văn Duyệt một cách hàm hồ như triều đình vua Minh Mạng. Khi ông còn sống thì không ai dám làm gì, vì không có bằng cớ, hoặc vì sợ, vì nể ông. Ông vừa có thực lực, vừa có đại công. Chờ cho tới khi ông chết, người ta mới "bươi móc" ra những tội "đáng trảm" và tội "đáng giảo" dựa vào những suy đoán trừu tượng, theo cách lý giải sau đây:

Bảy tội trảm: (Theo Việt Sử tân biên IV của Phạm Văn Sơn. Tác giả xuất bản tại Sài Gòn năm 1961, trang 392).

1/ Sai người đi riêng sang Miến Điện (là) âm kết ngoại giao.

2/ Xin giao tàu Anh Cát Lợi đến thành (là) để có uy quyền.

3/ Xin giết thị vệ Trần Văn Tình (là) để khóa miệng người ta.

4/ Kháng sớ xin lưu quan viên bổ đi nơi khác (là bất tuân Đế lệnh).

5/ Lập đảng (nên) xin tăng thọ cho Lê Chất.

6/ Giấu chứa giấy ngự bảo (là có ý tiếm dụng quốc bảo).

7/ Mộ cha tiếm gọi là "lăng" và tự xưng là "cô" (là coi mình như vua).

Hai tội đáng xử giảo:

1/ Cố xin dung nạp Miến Điện (là) để che chở lỗi của mình.

2/ Nói chuyện với người ta xin được quẻ thẻ có câu "hoàng bào" (là hy vọng mình sẽ làm vua).

Một tội đáng phát quân: (đày làm lính).

– Tự tiện sai biền binh, tự tạo tàu thuyền (là có ý củng cố lực lượng để tạo phản)[1].

Nhưng thực tế đã chứng minh: Lê Văn Duyệt không có hành động nào phế lập đối với hoàng tử Đảm (vua Minh Mạng), khi vua Gia Long sắp truyền ngôi cho vị hoàng tử con một thứ phi. Trái lại, Lê Văn Duyệt lúc nào cũng chu toàn bổn phận của vua Gia Long và Minh Mạng giao cho. Ông chỉ làm một số việc trái ngược hẳn chính sách của triều đình Trung ương mà thôi. Chính vì các việc làm này ông đã bị triều đình và vua Minh Mạng nghi ky, căm ghét. Họ coi ông có "ý đồ" phản nghịch. Dù sao chúng ta cũng nên rộng lượng ở điểm này, vì vai trò của vị quan Tổng trấn thời phong kiến nhà Nguyễn hơn cả vị quan trấn thủ biên cương, có quyền hạn rất lớn tương đương như vị Phó Vương (Vice Roi). Tùy theo tình hình biên cương đòi hỏi vị Tổng trấn có toàn quyền hành xử mọi việc rồi báo cáo sau, vì lý do an ninh của bờ cõi, giống như quyền "Tiền trảm hậu tấu". Việc xử trảm

Huỳnh Công Lý khiến ông nổi tiếng cương trực và nghiêm minh. Ông bị cả vua và triều đình nể mặt mà căm ghét. Ông hành động vì dân vì nước, nên triều đình không dám buộc tội, dưới lại được lòng dân tin yêu.

Còn Lê Văn Duyệt có ý muốn lập cho riêng mình một cơ đồ hay không? Điều này nhà văn Mai Văn Tạo lý luận khá thú vị: "Ông là một người lại cái, không có con nối dõi thì ông lập cơ đồ để lại cho ai? Thói thường người ta tạo lập sự nghiệp là muốn nghĩ tới tiền đồ mai hậu cho con cháu mình. Đàng này Lê Văn Duyệt không có con, cháu, thì lập cơ đồ riêng để làm gì? Chẳng qua ông làm việc trái lệnh vua chỉ vì ông lo cho dân, cho nước".

Năm 1830 là năm Lê Văn Duyệt còn sinh tiền. Nhờ uy thế của ông mà quân Xiêm không dám đánh vào Vạn Tượng (Viantiane) khiến vua Vạn Tượng phải thần phục triều đình Huế.

Mấy năm sau, 1832 Lê Văn Duyệt mới mất. Lê Văn Khôi phản lại Bạch Xuân Nguyên nổi dậy làm binh biến, chiếm giữ Thành Gia Định. Việc làm của Khôi là của riêng Khôi, không liên can gì đến Lê Văn Duyệt. Lúc bấy giờ, Lê Văn Duyệt đã chết, nhà viết sử không thể lấy cớ Lê Văn Khôi chống triều đình để kết tội Lê Văn Duyệt là kẻ phản nghịch.

Ngược lại, nếu đứng trên quan điểm khoa học lịch sử thì ta phải nhìn nhận Lê Văn Duyệt có hành vi thiết thực, trái lại chính sách cấm đạo và bế quan tỏa cảng của vua Minh Mạng. Ông làm vì ích nước lợi dân, mở mang kinh tế, để bảo vệ an ninh Tổ quốc và vẹn toàn lãnh thổ.

Thực vậy, nếu việc làm phú quốc cường dân của Lê Văn Duyệt còn được tiếp tục thêm 50 năm nữa và triều đình lúc đó đồng lòng với ông, không xử tội ông để "thị uy" với nhân dân vùng đất Phương Nam này và chịu mở rộng bang giao bình đẳng với các nước Tây phương, thì (giống như Minh Trị Thiên Hoàng) có lẽ mọi việc sẽ khác đi.

Đi trước phong trào Meiji (Minh Trị) của Nhật nửa thế kỷ, năm 1818 Lê Văn Duyệt đã để cho các giáo sĩ Tây phương được tự do truyền đạo ở Gia Định thành và ông mở rộng ngoại thương. Gia Định, Bến Nghé là nơi mua bán tấp nập của thuyền buôn các xứ: Trung Quốc, Mã Lai, Miến Điện, Nam Dương và Tây phương... Sau khi kinh Vĩnh Tế đào xong (1824) con đường lưu thủy từ sông Hậu An Giang xuống tới Vịnh Xiêm (Thái Lan) là con đường ngắn nhất, để tàu thuyền ra vào sông Cửu Long, lên tới Nam Vang và Sài Gòn. Đó cũng là con đường chuyển quân nhanh nhất để đối phó với quân Xiêm.

Đại Nam liệt truyện chép lúc quân Xiêm sắp tấn công vào Vạn Tượng

năm 1827 Lê Văn Duyệt đang ở Kinh. Vua Minh Mạng triệu ông về hỏi tình hình ở biên cương có liên quan tới việc động binh của Xiêm, ông đáp:

"Nếu Xiêm động binh đụng tới Nghệ An thì tôi sẽ dẫn quân theo kinh Vĩnh Tế chọc thẳng tới chỗ nó không phòng bị, chẹn lấy cổ họng nó mà thụi vào lưng. Kế ấy chắc thành"(2) .

Về uy lực của Lê Văn Duyệt, chính vua Minh Mạng cũng kiên oai và tin tưởng. Ngài đã xuống dụ:

"Nắm giữ biên cương Tây Nam, không ai bằng Duyệt. Uy lực đối với Xiêm La, Chân Lạp, Vạn Tượng, không ai hơn Duyệt. Duyệt ngồi đó, trẫm yên lòng"(3).

Và chính người ngoại quốc cũng tán dương. Năm 1822 Crawfurd cầm đầu phái bộ ngoại giao của Toàn quyền Ấn Độ (lúc này đã là thuộc địa của Anh) sang dâng quà biếu và xin mở cửa hàng mua bán ở Việt Nam. Vua Minh Mạng không cho, đuổi về. Trên đường ra Huế ông ta có ghé lại Bến Nghé và Gia Định, ngày 29–8–1822 vào yết kiến Lê Văn Duyệt. Trong quyển Nhật ký hành trình của một sứ đoàn từ Toàn Quyền Ấn Độ sang các triều đình Xiêm và Đàng Trong, Luân Đôn, 1830 (Journal of an eimbassy from the Governor General of India to the Courts of Siam and Cochinchina. – London 1830) do H. Berland dịch từng phần trong "Tập kỷ yếu Hội Nghiên cứu Đông Dương" (Bulletin de La Société d'Etudes Indochinoises – B.S.E.I.) số 4, 7 năm 1941 và số 43 năm 1948, có ghi:

"Con người này ít học, nhưng lạ lùng thay lại có được cái nhìn cởi mở hơn nhiều những đại thần và cả nhà vua học rộng, làu thông kinh sử của Khổng giáo. Ngài sống thanh liêm, muốn mở mang đất Gia Định này trù phú hơn mọi quốc gia khác ở trong vùng biển Đông"(4).

Và như vậy Lê Văn Duyệt đã sáng suốt. Chẳng những hơn hẳn vua quan triều Nguyễn đương thời, mà còn hơn luôn vua quan triều đình Mãn Thanh ở Trung Quốc và hơn cả Nhật Bản, trước nửa thế kỷ! Ở cương vị một quan Tổng Trấn có toàn quyền, ông đã có nhiều thay đổi chính sách của triều đình vua Minh Mạng lúc bấy giờ. Crawfurd còn nhận xét thêm: "Điều sau cùng tôi muốn nói tới vị Khai quốc công thần Lê Văn Duyệt. Con người này không biết có uy lực gì mà Hoàng đế của ông cũng phải nể vì. Nhiều chỉ dụ của nhà vua, không hợp lẽ ở đời đều bị ông xé đi hoặc không thi hành..."(5)

Trong khi triều đình cứ khư khư, bảo thủ, áp dụng chính sách bế quan tỏa cảng, cấm đạo. Suốt ba triều Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức thì Lê Văn Duyệt đã làm một cuộc "*Đổi mới*" trước chúng ta gần hai thế kỷ

(1818 - 1990). Mãi đến khi Liên quân Pháp - Tây Ban Nha đánh phá Đà Nẵng (1858) và chiếm đóng thành Sài Gòn (1859) rồi chiếm ba tỉnh miền Đông (1862) cả triều đình mới tỉnh ngộ. Bấy giờ mới thấy xuất hiện những Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ và Nguyễn Trường Tộ, dâng lên vua các bản sớ tấu và điều trần để xin mở cửa, bang giao với nước ngoài, và gửi người đi du học để canh tân đất nước. Nhưng đã quá muộn! Nếu (cũng lại chữ "nếu" oái oăm khó chịu này) triều đình phong kiến bấy giờ không quá cố chấp và kiêu ngạo, phải chăng nước ta đã đi trước Nhật Bản, và ta đã thoát khỏi nạn ô nhục vì mất nước? Như vậy, tại sao cho đến hôm nay, đất nước đã hoàn toàn độc lập thống nhất và đã thực hiện thành công cuộc đổi mới rồi, mà vẫn còn những ý kiến cố tình kết tội Lê Văn Duyệt?!

(1) Các chữ đặt trong dấu ngoặc đơn là do người viết thêm vào cho nổi rõ sự suy đoán chủ quan vô căn cứ của tác giả bản án.
(2) Đại Nam liệt truyện.
(3) Hoàng Lại Giang "Lê Văn Duyệt – Từ nấm mồ oan khuất đến Lăng Ông", tr. 243.
(4) Về lai lịch "Nhật ký của Crawfurd" Hoàng Lại Giang viết ở trang 256, sách Lê Văn Duyệt – Từ nấm mồ oan khuất tới Lăng Ông như sau:
"Cuốn nhật ký của Crawfurd không hiểu sao sau này triều đình lại có được. Có thể con tàu của ông bị bão, bị đắm và người dân chài nào đó đã vớt lên...". Đây chỉ là điểm hư cấu của tác giả, khiến cho câu chuyện trở nên hoang đường khó tin. Thật sự, quyển nhật ký này có thật, được xuất bản ở Luân Đôn năm 1830 và đã được H. Berland (người Pháp ở Đông Dương) dịch lại trong B.S.E.I. như tôi đã nêu trên. Theo lời chú của Lê Thành Khôi trong sách Le Vietnam, Histoire et Civilisation (Nước Việt Nam, Lịch sử và văn minh), Nhà xuất bản "Les Editions de Minuit" ấn hành ở Paris, năm 1955, tại chú thích 30, tr.339.
(5) Sđd tr.255.

Chủ nhân Ấn đồng năm 1802?

TS. NGUYỄN HỮU THÔNG

Ấn triện triều Nguyễn có rất nhiều loại khác nhau, trong đó ấn của các tướng lĩnh quân đội là một dạng tư liệu hiện vật khá quan trọng giúp cho việc tìm hiểu lịch sử quan chế đầu thời Nguyễn. Các bộ sử của vương triều như Đại Nam thực lục, Đại Nam hội điển sự lệ... thường có nhắc đến việc đúc ấn các quân. Nhưng trong thực tế, tìm được một chiếc ấn loại này thật là hiếm hoi. Thậm chí, ở Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, chẳng có được một chiếc nào.

Năm 1992, trong quá trình tiếp xúc với một số cổ vật ở cố đô Huế, chúng tôi đã may mắn bắt gặp và được nhượng lại một chiếc ấn lớn của một vị tướng được đúc vào thời Gia Long.

Ấn được đúc bằng đồng thau. Hình thể quả ấn gồm 2 phần:

Phần núm đúc hình con kỳ lân, miệng ngậm hạt châu, đầu to ngẩng cao, thân tròn, đuôi dài vượt quá phần thân. Hai bên hông từ chân đến lưng có 4 dải trang trí đao lửa đúc nổi; sống lưng chạm vân thủy ba. Dáng nét tinh xảo, bề thế. Toàn bộ chiều cao của núm ấn (con lân) và thân ấn là 7,2cm

Phần thân ấn (hay bệ ấn) dày 2,1cm, phần dưới cao 1,45cm. 4 rìa cạnh phần mặt trên của thân ấn được vát xiên, mép vát rộng 1,25cm. Mặt trên thành thân ấn, phía trái con lân khảm 4 chữ Hán, kiểu chữ chân: "Tả quân chi ấn". Phía phải khảm 8 chữ Hán cùng kiểu: "Nhâm tuất trọng xuân cát nhật giám tạo" (tu tạo vào ngày tốt tháng Hai năm Nhâm Tuất). Trọng lượng ấn như một số loại ấn khác, cân được 1,82kg. Cả hai dòng chữ trên đều được khảm bạc sắc nét, trải qua bao sự biến vết khảm vẫn còn khá nguyên vẹn.

Mặt dấu của ấn hình vuông có kích thước 9,25 x 9,25cm. Bốn chữ triện

xếp theo hai hàng, nét khắc sâu đậm. Nét nổi và nét khắc rất đều và cân xứng nhau, mỗi nét rộng 0,025cm. Đó là 4 chữ "Tả quân chi ấn".

Với chất liệu, hình dáng, kích thước như đã miêu tả, theo chúng tôi, đây là một loại hình hiện vật hiếm gặp, cần thiết không chỉ đối với người nghiên cứu văn hóa, quan chế thời Nguyễn mà cả với các bộ sưu tập trong bảo tàng. Sau khi nghiên cứu, đối chiếu với nhiều nguồn tư liệu khác nhau, chúng tôi thấy chiếc ấn này có mấy điểm đáng lưu ý sau:

Về kỹ thuật chế tạo và kiểu dáng trang trí

Dù chưa được tận mắt thấy hết các loại ấn triều Nguyễn nói chung và thời Gia Long nói riêng, nhưng quan sát chiếc ấn, chúng tôi không khỏi khâm phục và thích thú về trình độ kỹ thuật chế tạo nó. Thân ấn có bề mặt bóng mịn, không hề có một lỗi kỹ thuật. Nét chữ chân khắc trên thân khảm bạc có bị bóc đôi chỗ nhưng vẫn còn sáng rõ. Điểm đặc biệt trong kỹ thuật và kiểu dáng là ở núm ấn và mặt ấn.

Núm ấn thì đầu và thân lân có hoa văn trang trí vân thủy ba, đao lửa và khắc vạch, cũng như các bộ phận của đầu lân rất sắc nét, kỳ công đến từng chi tiết nhỏ. Chúng đạt đến độ tinh xảo cao nhất, tạo ra sự bề thế, uy nghi, dũng mãnh của con kỳ lân đứng trên bệ đồng vững chãi.

Mặt ấn chữ triện rất đều và cân phân trong từng nét khắc. Trong trang bìa ba của một bài viết của tác giả Nguyễn Công Việt có in dấu đóng ấn của Tả quân Lê Văn Duyệt bên cạnh dấu của Tiền quân Nguyễn Văn Thành và Hữu quân Nguyễn Văn Nhân[1]. Trong ba dấu ấn ấy thì ấn của Tiền quân có lối khắc chữ triện đẹp nhất và rất giống với nét khắc chữ triện của chiếc ấn mà chúng tôi đã mô tả. So sánh nét khắc chữ triện trên dấu đóng ấn của Tả quân do tác giả dẫn ra trong Châu bản đời Gia Long với chiếc ấn hiện có, chúng tôi thấy khác nhau cả về tự dạng, kích thước nét khắc và vòng viền ngoài, chiếc ấn hiện có đẹp và hoàn hảo hơn nhiều. Nó minh chứng cho kỹ thuật đúc đồng buổi đầu thời Gia Long.

Về chủ nhân của chiếc ấn

Như đã biết, chiếc ấn có khắc dòng chữ về chủ nhân "Tả quân chi ấn" và niên đại đúc ấn "Nhâm Tuất trọng xuân cát nhật giám tạo". Trong hai năm Nhâm Tuất của thế kỷ XIX (1802 và 1862), thì rõ ràng ấn được đúc vào năm 1802. Lần giở các bộ sử biên niên và Hội điển của triều Nguyễn, sử liệu có ghi: "Nhâm Tuất [1802] mùa xuân tháng Giêng... sai Lê Văn Duyệt đánh thành Bình Định. Trước là... tới đây Quang Toản thua rồi, quân vua tiếng tăm lừng lẫy. Vua thấy cơ hội có thể được mới giục Duyệt đánh... Đúc ấn

phong tặng"[2]. Đó chính là chiến tích của danh tướng Lê Văn Duyệt để cho ấn Tả quân ra đời vào tháng 2 năm ấy. Và chủ nhân được quyền sử dụng ấn không ai khác hơn là Đô thống chế Tả quân Dinh Thần sách Lê Văn Duyệt.

Thật là khó khăn để tìm hiểu lý do lưu lạc của chiếc ấn. Cuộc đời chinh chiến của tướng quân Lê Văn Duyệt xuất phát từ một quan Thái giám trẻ tuổi, năm 1778 đã đứng ở dưới cờ của Nguyễn Ánh ở Sài Gòn. Thông minh, dũng cảm và trung thành với họ Nguyễn; ông nhanh chóng trở thành một vị tướng tài ba có công lớn. Nhưng sau khi ông mất (1832), mồ mả bị san bằng do cái họa lây từ cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi – con nuôi của ông. Điều chắc chắn là các loại ấn tín, bằng sắc của ông, nếu còn, đều đã bị truy thu như pháp chế quy định. Mãi đến thời Tự Đức, ông mới được phục hồi danh dự. Đại Nam liệt truyện có cho biết một chi tiết là ông bị bọn nịnh thần ở triều đình ganh ghét khi được gọi về Kinh năm 1815. Ông bị bọn chúng ám hại bằng thuốc độc; việc không thành, kẻ gian lấy trộm bộ ấn Tả quân rồi bỏ trốn. Ông cho tiền bắt được tên gian[3]. Cứ liệu này cho thấy phải chăng việc lấy trộm là một trong những lý do làm cho chiếc ấn bị lưu lạc. Dù sao thì bộ ấn kiếm của Lê Văn Duyệt cũng lưu lạc như cuộc đời binh nghiệp–quan lại của ông vậy.

Về niên đại đúc ấn

Dòng chữ ghi niên đại trên ấn đã khá rõ ràng, đó là tháng 2 năm 1802; nhưng khi tra cứu sử sách, chúng tôi muốn bàn thêm đôi điều.

Ở một đoạn khác trong Đại Nam thực lục có ghi: "[1802]... tháng 3 ngày Canh Dần đúc 5 quả ấn:

1. Ấn "Thảo tội an dân chi bảo" (dùng để sai tướng ra quân).
2. Ấn "Sắc chính vạn dân chi bảo" (dùng để sức vạn thần dân).
3. Ấn "Mạnh đức chi bảo" (dùng để thăng thụ các hoàng thân, đại thần từ tước công trở lên).
4. Ấn "Chế cáo chi bảo" (dùng về việc thăng thụ từ tước hầu trở xuống).
5. Ấn "Quốc gia tín bảo" (dùng làm việc thường).

Đúc lại ấn công đồng và ấn các quân (năm quân Trung, Tiền, Tả, Hữu, Hậu, quân Thần võ, quân Chấn võ – (đều đóng bằng son)"[4]. Điều này phù hợp với ghi chép của Hội điển: "Gia Long năm đầu chỉ dụ: chuẩn đúc một quả ấn công đồng bằng bạc, ấn năm quân... đều một quả bằng chất đồng"; "Núm chạm con kỳ lân, vuông 2 tấc 1 phân 6 ly"[5]. Sau này, "Năm Minh Mạng thứ 7 [1826] xuống dụ: Chuẩn lời nghị trong kiểu mẫu đúc ấn: Ấn của Đại tướng quân, vuông 2 tấc 3 phân, dày 6 phân 3 ly... tất cả đều 2 tầng,

núm chạm con hổ, lại làm thêm cho mỗi ấn một cái dấu kiềm bằng ngà"[6].

Như vậy trong cuộc đời của Tả quân Lê Văn Duyệt, ít nhất đã có 3 ấn "Tả quân" dành cho ông. Ấn đúc năm 1826 núm chạm con hổ thì khỏi phải bàn tới; còn ấn đúc con kỳ lân vào tháng 2 và chuẩn đúc vào tháng 3 năm 1802, trước khi ông được phong làm Khâm sai Chưởng Tả quân Bình Tây tướng quân vào tháng 5 năm ấy[7]; chắc chắn đó không phải là một mà là hai cái khác nhau. Đối chiếu chiếc ấn có trong tay và dấu chiếc ấn "Tả quân" được tác giả Nguyễn Công Việt in chụp lại trong Châu bản triều Nguyễn, tập Chủ bộ nha, quyển hai, đời Gia Long (nếu đúng như tác giả viện dẫn) thì chúng tôi thấy có sự khác nhau về tự dạng chữ triện, về nét khắc chữ triện (to đều so với nét nhỏ không đều), về kích thước vòng viền ngoài (1,1cm so với 1,2cm). Điều đáng lưu tâm hơn nữa là chiếc ấn có mặt chữ triện rất giống với dấu đóng ấn của "Tiền quân chi ấn" được tác giả dẫn trong cuốn Công văn cựu chi, đóng dấu ngày 7 tháng 8 năm 1802[8].

Như vậy, rõ ràng chiếc ấn hiện có rất khác với dấu ấn được tác giả in chụp – chúng đẹp hơn, hoàn mỹ hơn. Và có thể nói rằng những chiếc ấn ra đời vào buổi đầu dựng nghiệp tinh xảo hơn những chiếc ấn ra đời sau đó. Điều ấy phải chăng bộc lộ một thực tế là vị thế ngày càng giảm dần của các tướng lĩnh quân đội khi chuyển từ thời chiến sang thời bình.

*

*   *

Việc đúc chiếc ấn mang hình con lân dành cho các tướng đứng đầu quân đội thời Gia Long (sau đó thời Minh Mạng đúc con hổ) trong khi rồng và lân được dùng cho "Kim ngọc bảo tỷ" của Hoàng đế, ấn của Hoàng tử, Vương tôn trong Hoàng tộc; cũng như kỹ thuật, hình dáng, nét khắc của lần đúc đầu tiên so với các lần sau đó đã chứng tỏ vị thế chính trị–xã hội của người sử dụng ấn – Tả quân Lê Văn Duyệt nói riêng và các bậc danh tướng đầu thời Nguyễn nói chung. Đó là sự thay đổi nhanh chóng từ những vị đại tướng cầm quân trong chiến trận trở thành những viên quan cai trị hành chính trên những địa bàn rộng lớn trong chủ trương "tản quyền" buổi đầu của triều Nguyễn, để rồi các quan văn dần thay thế các quan võ trong bộ máy nhà nước. Đó chính là chính sách dùng người của vua Gia Long, biểu hiện một đặc trưng nổi bật của tổ chức hành chính quan chế của triều Nguyễn. Bộ ấn kiếm đó đã theo bước chân của Tả quân đến những vùng đất xa xôi, hiểm yếu; mang những bản tấu trình về Kinh, giúp vua Gia Long trên nhiều lĩnh vực cai trị thời bấy giờ.

Những hiểu biết về ấn triện học của chúng tôi còn mới mẻ nên không dám lạm bàn; bản thân chiếc ấn quý hiếm với đôi dòng miêu tả và vài tấm ảnh chụp, chúng tôi chỉ muốn cung cấp một tư liệu hiện vật để người đọc tham khảo. Âu cũng là muốn góp thêm một phần nhỏ nhoi vào công cuộc tìm hiểu quan chế triều Nguyễn nói chung và lịch sử, văn hóa thời Gia Long nói riêng.?

(1) Nguyễn Công Việt, Vài nét về ấn dấu của ba vị danh tướng đầu thời Nguyễn, Tạp chí Hán Nôm, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, số 3 (24)–1995, tr. 30–33.
(2) Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục chính biên, tập 3, Đệ nhất kỷ 2, quyển XVI, KHXH, Hà Nội, 1963, tr.8.
(3) Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam liệt truyện, tập 2, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 386.
(4) Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, Sđd, tr.15.
(5) Nội các triều Nguyễn, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, tập 6, Thuận Hóa, Huế, 1993, tr.299–300.
(6) Nội các..., Sđd, tr.304.
(7) Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, Sđd, tr.25: "[1802]... mùa hạ, tháng 5... cho Đô thống chế Tả quân Dinh Thần sách là Lê Văn Duyệt làm Khâm sai Chưởng Tả quân Bình Tây Tướng quân, đổi Tả đồn quân Ngự quân làm Hậu quân, cho Lê Chất làm Khâm sai Chưởng Hữu quân Bình tây tướng quân".
(8) Nguyễn Công Việt, Sđd, tr. 31.

Văn bia & câu đối tại Lăng Ông Bà Chiểu

LÝ VIỆT DŨNG

Trong bài này, chúng tôi chỉ cố gắng phiên dịch lại cho chính xác hơn ý nghĩa nội dung văn bia dựng tại bi đình trước mộ, và các câu liễn đối treo trong đền, mà theo thiển ý chủ quan của chúng tôi, từ trước tới nay còn chưa được tìm hiểu và dịch thật đúng nghĩa, hầu góp một phần nhỏ, vào việc làm sáng tỏ thêm những gì còn vướng chút gợn mờ quanh chuyện tìm hiểu tiểu sử oai vũ của Lê Văn Duyệt qua bi ký khắc ghi và đối liễn tán tụng hiện tiền.

Thật ra, tấm miếu bi dựng trước mộ chỉ do ông Hoàng Cao Khải, khâm sai đại thần triều Nguyễn, nhân cảm khái cảnh sắc và dật sử trong một lần đến viếng miếu thượng công mà soạn ra, chứ không do phụng mệnh triều đình, khâm tuân sắc chỉ nhà vua phong công định tước chính thức cho Lê công. Lại nữa, nội dung của nó còn sơ lược thiếu sót, chưa nêu được cặn kẽ những chi tiết thiết yếu liên quan đến tiểu sử đức Tả Quân đúng như vai trò của một tấm mộ chí.

Các vị dự tọa đàm có thấy chẳng bình thường, không tự nhiên chút nào khi nghiên cứu cuộc đời của một danh nhân xưa mà bỏ qua tấm bi chí ghi tiểu sử và các câu đối ghi lời ca tụng người đó không? Khi xưa, cả cụ hội trưởng "Thượng công Quý tế hội" Đỗ Văn Rỡ cùng cụ ủy viên Trần Văn Luông, hai bậc kỳ lão tuổi quá 80 có nhiều công sức đóng góp với lăng đều cho biết hội không coi tấm văn bia trước mộ đức Tả Quân là một bi chí chính thức, nhưng cũng không coi thường văn bia này, đồng thời, 2 cụ lại đồng ý ở điểm, dù sao đi nữa, thì với thời khoảng tồn tại bên lăng từ năm Thành Thái thứ 6 (1894) đến nay, tấm văn bia đó cũng nên được coi như một di chứng lịch sử. Vả lại, tuy không đầy

đủ tư cách là một mộ chí, nó cũng là tấm văn bia duy nhất ghi khái lược về tiểu sử đức Tả Quân còn thấy được hiện nay và ít nhiều cũng giúp phần nào cho những ai tha thiết nghiên cứu danh nhân và di tích một cách minh chính, cẩn thận và khoa học qua bi ký... Khi phiên dịch lại tấm văn bia còn bị hiểu sai nhầm nhiều chỗ trong các bản dịch cũ đã được phổ biến rộng rãi trước đây, cụ thể là ở cuốn *Gia Định xưa và nay* của Huỳnh Minh, với bài dịch thiếu chất lượng chính xác của ông Đỗ Nhật Tân người Sơn Tây, với quan điểm "Vật các y kỳ dụng", chúng tôi chỉ tâm niệm cố triển khai trung thực ý nghĩa nội dung một bài văn hay viết bằng chữ Nho của tác giả nhà văn Hoàng Cao Khải ra Việt ngữ và đề nghị bà con mình nên chắt lọc những gì tinh túy của văn nhân mà loại đi phần chẳng thanh tao của chính khách xu thời trong thưởng thức sử văn. Và cũng do mục tiêu tồn cổ, cùng thể theo tôn ý của cụ hội trưởng quá vãng, vị đương kim hội trưởng, các bậc kỳ lão trong hội Quý tế và các vị hội viên khác mong muốn có một bản dịch mới "tương đối chính xác hơn", chúng tôi xin được phép tôn trọng nguyên văn dịch lại toàn bộ những gì ghi trong bia mà không loại bỏ những đoạn "khó nghe". Dĩ nhiên những nhầm lẫn nhất định phải có của chúng tôi lại sẽ được các bậc thạc học túc nho bổ chính cho.

Bài *Lê Công Miếu Bi* này đã được nhiều người dịch rồi, nhưng phần đông đều là "ẩn ngọc", phổ biến nhất chỉ có bản dịch của ông Đỗ Nhật Tân, người Sơn Tây, được ông Huỳnh Minh in lại trong quyển *Gia Định xưa và nay* xuất bản năm 1973, và bản dịch của ông Trần Vinh, chép vào luận văn cao học do ông trình tại Đại học Sài Gòn năm 1974, lấy đề tài "Lăng Ông Bà Chiểu", hiện được giám đốc, các cán bộ phụ trách phần trông coi di tích tại miếu thượng công Lê Văn Duyệt, thuộc phòng thông tin văn hóa quận Bình Thạnh, cũng như các vị trong hội "Thượng Công Quý Tế" sử dụng như một trong các tư liệu nghiên cứu chính thức về miếu này. Tiếc thay, cả hai bản dịch nêu trên, bên cạnh những ưu điểm đáng đề cao, đều còn những hạn chế cần bổ khuyết, hầu xứng đáng là những tư liệu có tính chất xác đáng đúng với tầm cỡ của lăng mộ cùng miếu vũ của đức Tả Quân, luôn là đối tượng "Thập Mục Sở Thị", chẳng riêng đối với đồng bào ta mà cả người ngoại quốc, nhất là các nước vùng Đông Nam Á thạo Hán văn.

Được dịp may so sánh cẩn thận 2 bản dịch, chúng tôi công tâm xét thấy, tuy có thể còn do chủ quan chăng, bản dịch của Trần Vinh có phần

sút kém hơn bản dịch của Đỗ Nhật Tân cả về phần phiên âm lẫn dịch nghĩa, nên xin chọn bản dịch ít sai sót hơn để góp ý vài chỗ nhầm lẫn còn mắc phải.

Đây là một bản dịch gồm cả phiên âm lẫn dịch nghĩa rất công phu và khá chính xác, nhưng tiếc thay, có thể do chữ khắc trong đá hơi mờ, một số nét bị nhòe bể, dễ ngộ nhận, hay vì những lý do nào khác nữa, nên Đỗ tiên sinh đã vô ý đọc nhầm một số chữ, đưa đến dịch sai vài chỗ. Chúng tôi còn ngờ lỗi ấn công nên đã xem lại phần đính chính cuối sách, nhưng không thấy đề nghị sửa chữa. Vậy với tấm lòng tận tụy của kẻ hậu học mong phục vụ cho sự chân xác trong công việc phiên dịch cổ văn liên quan đến danh nhân miền Nam và di tích lịch sử, chúng tôi xin được phép nêu lên những sai sót trong bản dịch trên kèm theo lý giải cặn kẽ có khi là quá dài dòng, để mong độc giả thấy được chỗ nhầm lẫn rõ ràng trong bản dịch cũ, hầu đồng ý chấp nhận phần đúng mới. Phải mạo muội mà làm như thế vì nếu câu nệ lẽ tiết sáo hoặc thiếu can đảm, thì nhiều người, nhất là các bạn trẻ hậu bối thích nghiên cứu bi ký học, sẽ dễ mắc phải sai sót theo, vì quyển *Gia Định xưa và nay* - phổ biến sâu rộng và được quần chúng tin tưởng nhầm lẫn theo gần hai mươi năm nay rồi! Xin trưng dẫn những sai sót từ đầu tới cuối.

Cũng xin quý vị độc giả chú ý cho là trong một mạch văn dài có chỗ sai chỗ đúng, nhưng phải trích nguyên câu mới lý giải được rõ ràng và phần sai sẽ được in khác "co" chữ.

1. Nguyên văn: "Ý HẢO chi tự nhiên dã" phiên âm nhầm là "Ý ĐỨC chi tự nhiên dã" (có lẽ do ông Huỳnh Minh sao chép sai chăng?).

2. Nguyên văn: "Dư ư Tả quân Lê Công sự hữu cảm yên" (diên). Tuế giáp ngọ chi xuân, quý Đại Pháp quốc tổng thống Đông Dương toàn quyền Đa La Đại Hiến phụng mệnh hồi quốc – nghĩa là: "Tôi đối với chuyện của Tả Quân Lê công, có mối cảm thụ như thế! (Sau chữ Diên là hết phần phá đề, mạch văn chấm dứt, phải chấm dừng ý ở đây). Mùa Xuân năm Giáp Ngọ, Quan tổng thống toàn quyền Đông Dương của nước Đại Pháp là Đa La Đại Hiến phụng mệnh về nước".

Vì cổ văn không có chấm phết, thợ khắc bia lại theo truyền thống tới chỗ nào có hiệu vua, tên nước, tên danh nhân phải kính trọng thì theo phép "đài đầu", nghĩa là ngắt câu nửa chừng, sang hàng đưa lên đầu câu cao hơn, nên trong đoạn văn trên, Đỗ tiên sinh sơ ý chấm câu nhầm khi

dịch là: "Tôi đối với việc Lê công, có cảm tưởng đó VÀO NĂM GIÁP NGỌ VỀ MÙA XUÂN...

Quan toàn quyền tổng thống Đông Dương đại thần Đa La Đại Hiến phụng mệnh về nước". Dịch như vậy, về văn phạm, đã nhầm lẫn "Tuế giáp Ngọ chi Xuân" vốn là bổ túc từ chỉ thời gian của động từ "Hồi quốc" thành bổ túc từ chỉ thời gian của động từ "Hữu Cảm".

Về lịch sử ai cũng biết Đa La Đại Hiến, tức De Lanessan, toàn quyền Đông Dương đã được triệu về nước năm Giáp Ngọ (1894) và sang năm Ất Mùi (1895) toàn quyền Rousseau sang thay. Dịch như cụ Đỗ còn là đem niên đại Đa La Đại Hiến về nước mà gán cho thời khoảng ông Hoàng Cao Khải có mối cảm khái về Lê công, một thời khoảng trước đó mà tác giả không nêu rõ là lúc nào. Ngoài ra, trong đoạn văn trên, nguyên văn ghi là: "Quí Đại Pháp quốc tổng thống...", bản dịch cũng phiên âm thiếu chữ "quốc", thứ nữa, Đa La Đại Hiến là phiên âm chữ DE LANESSAN, bản dịch viết chữ "đại hiến" không hoa là sai.

3. Nguyên văn: "Dục tầm cựu tích, cơ ư bất khả biện thức" nghĩa là "muốn tìm dấu tích cũ, hầu như không thể BIỆN BIỆT VÀO ĐÂU mà thấu hiểu nổi", nhưng do phiên âm nhầm thành "Dục tầm cựu tích, cơ ư bất khả BÁI thức", nên đã dịch sai là: "Muốn tìm vết cũ anh linh, coi như không thấy mà CHIÊM bái". Chữ BIỆN là biện biệt và chữ BÁI là chiêm bái, tự dạng rất giống nhau, sơ ý đọc phớt rất dễ bị nhầm.

4. Nguyên văn: "miếu Mạo" ấn công sắp chữ thiếu thành ra "miếu MẠ".

5. Nguyên văn: "hương hỏa BẬT UẤT, nếu phiên âm "hương hỏa BÍ UẤT" cũng được, nhưng phiên âm "hương hỏa BÍ THỒNG" như cụ Đỗ thì lạ tai quá.

6. Nguyên văn: "chất CHI cư dân", phiên âm "chất cư dân", có lẽ do lỗi sao chép hay thợ in sắp thiếu chữ "CHI".

7. Nguyên văn: "khai thác chi thỉ", phiên âm "khai thác chi thỉ DÃ" có lẽ sao chép thừa chữ "Dã".

8. Nguyên văn: "Quí ĐẠI QUỐC nhân hậu", phiên âm "Quí ĐẠI PHÁP QUỐC nhân hậu", thừa chữ "Pháp".

9. Nguyên văn: "Cố vu kỳ hữu công giả", phiên âm sai thành "DỤC vu kỳ hữu công giả".

10. Nguyên văn: "Công tự Văn Duyệt, kỳ tiên Quảng Ngãi nhân tỉ Định Tường. Niên thập thất khái nhiên hữu kỳ cổ, trúc bạch chí, tòng

ngã Thế Tổ Cao Hoàng đế vu Gia Định, chiến công thậm vĩ. Đại định hậu, hữu ưng mao thổ, ủng tiết việt, xử trí Xiêm-Lạp, kinh lược Thanh Nghệ, lưỡng bình ác man, nhất tru tăng cừ, sở chí vô bất nhiếp phục, nhi tiền hậu kỷ tái trấn Gia Định...".

Nghĩa là:

"Công tên chữ Văn Duyệt tổ tiên vốn người Quảng Ngãi, dời nhà vào ở tại Định Tường. Năm 17 tuổi, công khái nhiên có chí xông pha trận mạc, ghi tên sử sách, bèn theo đức Thái Tổ Cao Hoàng Đế ta ở Gia Định, lập được công to. Sau cuộc đại định, được phong tước, mang trọng trách giữ đất đai riêng một cõi như bậc vương hầu, cầm cờ tiết, búa việt, tuân lệnh vua giải quyết công việc với Xiêm La, Chân Lạp; làm kinh lược Thanh Hóa, Nghệ An; hai phen dẹp yên bọn mọi Đá Vách Hời (Chăm Hroi) hung ác, một lần diệt sạch đám giặc Thầy Sãi Miên (Khmer Krọm) dữ dằn. Bước chân Công đến đâu, chẳng có nơi nào không khiếp sợ, thảy đều đầu hàng, nhưng riêng đất Gia Định thì trước sau Công làm Tổng Trấn đến hai lần"... nhưng do chấm phết sai như sau: "công tự Văn Duyệt, kỳ tiên Quảng Ngãi nhân, TỈ ĐỊNH TƯỜNG NIÊN THẬP THẤT, khái nhiên hữu kỳ cổ, trúc bạch chí, tòng ngã Thế Tổ Cao Hoàng Đế ư Gia Định THÀNH chiến công thậm vĩ, đại định hậu hữu ưng mao thổ ủng tiết việt xử, TRÍ Xiêm Lạp kinh lược, Thanh Nghệ lưỡng bình, ác man nhất tru tăng cừ, sở chí vô bất nhiếp phục, nhi tiền hậu tái CHIẾM Gia Định...", nên đã dịch nhầm là: "Ông tên chữ là Văn Duyệt, TRƯỚC KIA LÀ NGƯỜI QUẢNG NGÃI, RỒI ĐẾN Ở ĐỊNH TƯỜNG NĂM MƯỜI BẢY TUỔI, khảng khái, có chí lớn cờ kiếm sử xanh, mới theo đức Thái Tổ Cao Hoàng Đế đến THÀNH Gia Định có chiến công rất lớn, sau khi thành công được nắm tiết việt phân cương như là một chư hầu, LÀM QUAN KINH LƯỢC ĐẠI THẦN Ở XIÊM LẠP (Mên, Lào). LẠI HAI LẦN DẸP BỌN GIẶC MỌI Ở THANH..."

Đây là một đoạn văn rất hay của ông Hoàng Cao Khải, tóm tắt tiểu sử đức Tả Quân, tiếc là cụ Đỗ Nhật Tân đã dịch hỏng cả. Có hai nguyên nhân đưa đến nhầm lẫn là:

Thứ nhất, Đỗ tiên sinh không chịu khó đối chiếu lịch sử, thành thử không nắm rõ các chi tiết liên quan đến cuộc đời đức Tả Quân, mới chấm câu nhầm khi dịch. Lịch sử ghi rất rõ:

"Thượng công Lê Văn Duyệt sinh năm 1764 tại một làng quê gần Vàm Trà Lọt (Tà Lọt), nay thuộc làng Hòa Khánh, tỉnh Định Tường, ông nội ngài là Lê Văn Hiếu, vốn người Quảng Ngãi, dời nhà vào Định Tường.

Khi ông Hiếu qua đời, thân phụ của Tả Quân là ông Lê Văn Toại mới rời bỏ Vàm Trà Lọt đến ở vùng Rạch Gầm, bên cạnh Rạch Ông Hổ, nay thuộc làng Long Hưng, Định Tường.

Năm Canh Tý (1780) đức Tả Quân lên 17 tuổi. Trong một lần chạy trốn quân Tây Sơn, Nguyễn Vương chạy vào ẩn náu tại nhà ông Toại. Vì Lê công là người thiên yêm, nên được Nguyễn Vương tuyển làm thái giám. Ít lâu sau thấy ông giỏi võ lại thông minh, nên phong làm cai cơ và từ đó ông theo giúp vua Gia Long cho đến khi thống nhất giang sơn. Sau cuộc đại định, ông được cử làm Tổng Trấn Gia Định hai lần, từng tuân lệnh vua giải quyết việc quân quốc đại sự với Xiêm La và Chân Lạp (Xiêm Lạp là Xiêm La và Chân Lạp tức "Xiêm-Mên" chứ không phải "Mên Lào" như dịch giả đã chú), cùng làm kinh lược Thanh Hóa, Nghệ An. Ông hai lần dẹp yên bọn mọi Đá Vách Hời, tức "Thạch Bích động Hroi" vào năm 1804 và 1815 tại Quảng Ngãi và một lần tru diệt bọn giặc Thổ, tức giặc Thầy Sãi Kế, lãnh đạo Miên miền dưới tức Khmer-Krọm.

Thứ nhì, bi ký luôn được viết theo thể văn biền ngẫu đối nhau chan chát, chỉ cần tinh ý, ta sẽ thấy từng cặp vế đối như: "ưng mao thổ-ủng tiết việt", "xử trí Xiêm-Lạp, kinh lược Thanh-Nghệ", "lưỡng bình ác man – nhất tru tăng cừ" nhờ đó mà chấm phết đúng ý văn bản của tác giả. Ngoài ra, cũng trong đoạn này, dịch giả đã phiên âm thừa chữ THÀNH và sai chữ "TRẤN" thành "CHIẾM".

11. Nguyên văn: "thiên âm, dạ tịnh", phiên âm nhầm thành "thiên âm, NGUYỆT tịnh".

12. Nguyên văn: "Phấn kỳ TRÍ dũng", phiên âm thành "Phấn kỳ CHÍ dũng".

13. Nguyên văn "LƯU PHONG dư liệt", sắp chữ lộn thành "PHONG LƯU dư liệt".

14. Nguyên văn: "thượng hữu HÁCH HÁCH nhiên", phiên âm thiếu một chữ HÁCH.

15. Nguyên văn: "Dư cửu văn anh phong túc sở khâm NGƯỠNG – Kim nhật...", phiên âm thiếu chữ Túc và sai chữ NGƯỠNG thành TỨC, đặt dấu chấm (.) nhầm sau chữ Nhật như sau: "Dư cửu văn anh phong sở khâm, TỨC kim nhật".

16. Nguyên văn: "Đại thần hân nhiên tùng chi", phiên âm thừa: "đại thần SỞ hân nhiên tùng chi".

17. Nguyên văn: "VIÊN LẶC CHƯ thạch", ấn công sắp chữ lộn thành "VIÊN NẶC chư thạch".

18. Nguyên văn: "Công phu nhân Đỗ Thị HẬU công nhi một, KIM hiệp tự diên" nghĩa là "Phu nhân của Công là bà Đỗ thị, mất SAU ngài, NAY cùng đặt thờ chung", nhưng do phiên âm sai chữ HẬU là Sau thành TÒNG là THEO, và chữ KIM là Nay thành DƯ là TÔI như sau "Công phu nhân Đỗ thị TÒNG (thiếu chữ CÔNG) nhi một, DƯ hợp tự diên", thành dịch sai rất nặng là: "Phu nhân của ông là Đỗ thị THEO ông mà mất, TÔI XIN để cùng thờ". Qua lịch sử, ai cũng biết phu nhân của Tả quân là bà Đỗ Thị Phấn (hay Phận?) KHÔNG CÓ THEO ÔNG MÀ MẤT BAO GIỜ. Ngay cả năm 1838, tức SÁU NĂM sau ngày Công qua đời, vụ truy tội của triều đình xảy ra, bà Phấn vẫn không bị giết vì Lê Công là người yêm hoạn, nên theo luật pháp, bà chẳng phải là vợ, do đó được miễn hình nghị. Bà Phấn về nương náu nơi chùa bà Dồi, tức ngôi chùa do người mẹ ruột của bà là bà Dồi lập ra gần bệnh viện Chợ Rẫy ngày nay, sau đó ít lâu, bà buồn mà qua đời tại đấy. Về sau, khi miếu mạo đã hình thành, người ta đặt bài vị bà TÒNG TỰ bên đức Tả Quân, chứ không phải do ông Hoàng Cao Khải tự nói "TÔI XIN ĐỂ CÙNG THỜ" như Đỗ quân đã nhầm.

19.Nguyên văn: "HOÀNG TRIỀU Thành Thái... sắp chữ thiếu thành "HOÀNG Thành Thái".

Qua những nhầm lẫn vừa được góp ý, theo chỗ chúng tôi nghĩ, một phần lớn các lỗi phiên âm có lẽ do ông Huỳnh Minh thiếu cẩn thận khi sao chép như ông đã mắc phải ở tất cả các cuốn... "Xưa và Nay" của ông, hoặc do ấn công sắp chữ lộn, khi thiếu lúc thừa. Điều này chứng tỏ ông Huỳnh Minh chưa quan tâm đúng mức tính chính xác của một quyển sách nghiên cứu về danh nhân và di tích. Đáng tiếc thay!

Nhưng một số chỗ phiên âm sai và dịch nhầm lẫn nặng lại chính do lỗi của cụ Đỗ Nhật Tân, nhưng chúng tôi vẫn còn mối thắc mắc lớn là một bậc túc Nho như cụ thì làm sao có những sai sót ở những chữ, những câu không có gì mắc mỏ lắm, hay do dị bản chăng? Nhưng thạch bi lại còn TẤM KHÁC nữa sao? Cho rằng có dị bản chăng nữa, chẳng hạn cụ Đỗ dịch từ một bản thảo khác thì cũng không hợp là vì ở đây chúng ta phải căn cứ vào văn bi hiện đang dựng trước mộ mà làm chuẩn.

BẢN DỊCH CỦA CHÚNG TÔI

I. VĂN BI

A- PHẦN PHIÊN ÂM: (Xin được chấm phết theo mạch văn và ngữ pháp ngày nay, miễn lối đài đầu, ở đây là ngắt lửng câu xuống dòng)

LÊ CÔNG MIẾU BI.

Sự hữu bất tương quan, nhi tình vi chi chú diên (cũng đọc yên) giả, ý hảo chi tự nhiên dã! Cảnh hữu bất cập tri, nhi thần vi chi cách diên giả, chính khí chi hạo nhiên dã! Dư ư Tả quân Lê công sự hữu cảm diên!

Tuế Giáp ngọ chi xuân, quí Đại Pháp quốc tổng thống Đông dương toàn quyền đại thần Đa La Đại Hiến phụng mệnh hồi quốc. Dư tống chi, hành tiết trú Gia Định.

Gia Định vi Bổn Triều long hưng chi địa, tự thuộc quí Đại Pháp quản hạt tam thập hữu dư niên hĩ, chu xa sở chí, phong hộ nhật tân, nhai đồ quảng tịch, triền tứ nhật lệ, dục tầm cựu tích, cơ ư bất khả biện thức, nhi công chi miếu mạo nguy nhiên độc tồn, hữu đống vũ sum nghiêm, hương hỏa bật uất. Kỳ mộ tắc thiết tứ chu, hành giả tị lộ. Chất chi cư dân viết: "Quí Đại Pháp quốc niệm Công công nhi biểu chi dã".

Y! Dị tai! Công chi huân danh bưu bỉnh, sự trạng hiển hách, giai tại lục châu khai thác chi thỉ. Hất kim tuế nguyệt dĩ liêu, giang hà hữu dị, nhi phong thanh do tại trở đậu bất thiêu (cũng đọc Diêu), vu thử kiến quí Đại quốc nhân hậu chi ý, cố vu kỳ hữu công giả, tuy cách thế dị sự, do tưởng mộ nhi sùng trọng chi.

Công tự Văn Duyệt, kỳ tiên Quảng Ngãi nhân tỉ Định Tường. Niên thập thất khái nhiên hữu kỳ cổ, trúc bạch chí, tòng ngã Thế Tổ Cao Hoàng Đế ư Gia Định, chiến công thậm vĩ. Đại định hậu, hữu ưng mao thổ, ủng tiết việt, xử trí Xiêm-Lạp kinh lược Thanh-Nghệ, lưỡng bình ác man, nhất tru tăng cừ, sở chí vô bất nhiếp phục, nhi tiền hậu kỷ tái trấn Gia Định, thỉ chung kỷ nhị thập niên, kỳ di ái vưu thâm dĩ cữu.

Công ký một, tinh anh chi sở bàn kết, giang sơn dữ vi a (cũng đọc ha) hộ. Mỗi thiên âm, dạ tịnh, kỳ mộ thượng hoặc văn nhân mã thanh. Nhân giai kính nhi viễn chi, vị kỳ từ viết Công chi miếu, vị kỳ mộ viết Công chi lăng, tương dữ thi chúc nhi hưởng tự chi phất thế.

Cổ kim lai anh hùng hào kiệt, sinh đương lôi vũ thảo muội chi tế, phấn kỳ trí dũng, lập đắc công nghiệp, tồn tắc vinh kỳ thân, một tắc thọ kỳ danh, tức thời sự biến thiên chi hậu, nhi lưu phong, dư liệt, thượng hữu hách hách nhiên tại nhân giả, cố như thử phù? Dư cửu văn anh phong, túc sở khâm ngưỡng. Kim nhật thân đổ kỳ trạng, cố dĩ tri quí Bảo hộ quốc chi ư Bản quốc lễ tục vô biến, tín nghĩa hữu phu, tương lai thăng bình đại cục, hữu khả xác nhiên, cứ vi thực tích giả. Thử tắc dư chi sở thâm hỉ dã, nãi thỉnh ư quí toàn quyền đại thần Đa La Đại Hiến, dĩ bi nhi chí chi. Đại thần hân nhiên nhi tòng chi, viên lặc chư thạch, dĩ thị bất san.

Công phu nhân Đỗ thị hậu công nhi một, kim hiệp (cũng đọc hợp) tự

diên. Phan công Lương Khê, kinh lược Nam kỳ, nhân tư kỳ công, diệc dĩ phối hưởng vu công miếu vân.

Hoàng triều Thành Thái lục niên, thất nguyệt, sơ nhất nhật.

Phụ chính đại thần, Thái tử Thiếu Bảo, Võ Hiển điện Đại học sĩ, Khâm sai Bắc kỳ, kinh lược đại sứ, Diên Mậu Tử, Thái Xuyên Hoàng Cao Khải cung đề".

B. DỊCH NGHĨA:

BIA MIẾU LÊ CÔNG

Chuyện đời có những sự việc không liên quan nhau, mà tình cảm khiến chú ý đến, ấy là lẽ tự nhiên của mối ý hảo vậy. Cảnh ngộ có những trạng huống không biết tới nổi, nhưng tinh thần xui thấu đạt được, đó là lý hạo nhiên của khối chính khí vậy. Tôi đối với sự việc Tả quân Lê công có mối cảm thụ như thế!

Mùa xuân năm Giáp Ngọ, quan toàn quyền tổng thống Đông dương De Lanessan của quí Đại Pháp quốc vâng lệnh về nước. Tôi theo tiễn đưa ngài, đường đi ghé qua Gia Định.

Gia Định vốn là đất hưng long của Bổn triều (nhà Nguyễn). Từ khi đất này thuộc quyền quản hạt của nước Đại Pháp hơn ba mươi năm nay, thì xe thuyền đến đâu, phong hội nơi ấy thay đổi mới mẻ, đường sá mở mang rộng rãi, chợ búa ngày càng sung túc đẹp đẽ, cho nên muốn tìm lại dấu tích xưa, cơ hồ như không thể biện biệt vào đâu để thấu rõ nổi, ấy vậy mà chỉ riêng có miếu mạo của Lê công là vẫn còn sừng sững đó, cột kèo, nóc mái, rờ rỡ uy nghiêm, khói hương nghi ngút. Phần mộ công được rào sắt bốn phía chung quanh, kẻ đi đường phải tránh lối. Hỏi dân cư tại đó, họ đáp: "Nước Đại Pháp tưởng nghĩ đến công lao của Công mà biểu lộ ý tôn kính như thế".

Ôi lạ thay! Danh vọng lẫy lừng, sự kiện hiển hách của Công đều ở việc khai thác sáu tỉnh Nam kỳ thuở ban sơ, đến nay năm tháng đã xa xưa, non sông đà biến đổi, vậy mà tiếng tăm vẫn như thuở nào, việc thờ phụng cúng bái chẳng chút suy suyển đổi dời.

Công tên chữ Văn Duyệt, tổ tiên vốn người Quảng Ngãi dời nhà vào ở tại Định Tường. Năm mười bảy tuổi, công khái nhiên có chí xông pha trận mạc để ghi tên sử sách, bèn theo đức Thế Tổ Cao Hoàng Đế ta ở Gia Định, lập được công to. Sau cuộc đại định, được phong tước, mang trọng trách giữ đất đai riêng biệt như một vương hầu, cầm cờ tiết, búa việt, tuân lệnh vua giải quyết việc quân quốc với Xiêm La và Chân Lạp,

làm kinh lược Thanh Hóa, Nghệ An, hai phen dẹp yên bọn mọi Đá Vách Hời (Chăm Hroi) hung ác, một lần diệt sạch đám giặc thầy sãi Miên (Thổ Kế) dữ dằn. Bước chân Công tới đâu, chẳng có nơi nào không khiếp phục, thảy đều đầu hàng, nhưng riêng đất Gia Định thì trước sau Công làm Tổng trấn đến hai lần, trải gần hai mươi năm, cho nên đã để lại niềm thương kính vừa sâu đậm lại dài lâu trong lòng người dân miền này.

Sau khi Công qua đời, khối tinh anh quấn kết khắng khít lại đã được non sông tiếp hơi hun đúc, nên mỗi lúc trời âm u, đêm thanh vắng, người ta nghe trên mộ Công có tiếng quân reo ngựa hí. Nhân dân kính nể như thần, chẳng dám thân lờn, gọi nơi thờ Công là Miếu Ông, gọi mộ Công là Lăng Ông, đặt di tượng mà thờ cúng, chẳng mảy may trễ nãi thay dời.

Từ xưa tới nay bậc anh hùng hào kiệt trong cõi đời, sanh ra nhằm lúc đất trời mờ mịt, mưa gió loạn cuồng, thế mà lại gắng gỏi trí dũng, lập nên công nghiệp, lúc sống thân phận vinh hiển, chết đi tên mãi lưu truyền, ngay cả khi thời cuộc đã biến đổi, mà chút phong liệt cũ lưu lại thôi, cũng hãy còn lẫy lừng ở nhân gian như thế, hỏi rằng đã mấy ai được vậy!

Tôi từ lâu nghe anh phong của Công, đã khâm ngưỡng hết mực rồi, nay lại chính mắt trông thấy sự việc, nhân đó mà biết rằng Nhà nước Bảo hộ đối với nước ta lễ tục chẳng thay đổi, các điều tín nghĩa đều phô bày ra làm gương. Rồi đây đại cuộc thăng bình sau này kể như chắc chắn sẽ đến, nhờ căn cứ vào chứng tích rành rành này vậy. Đó là điều tôi hết sức vui mừng, nên xin với quan lớn toàn quyền De Lanessan, dựng bia mà ghi dấu sự việc. Quan lớn vui vẻ thuận lời, cho khắc văn vào bia đá để tỏ ý muốn giữ gìn bền lâu, chẳng phai mất.

Phu nhân của Công là bà Đỗ Thị Phấn (hoặc Phận?) mất sau ngài, nay cũng đặt thờ chung. Ông Phan Lương Khê (tức Phan Thanh Giản) làm quan kinh lược Nam kỳ, nhân dân tưởng nhớ công lao, nên cũng đặt thờ bên cạnh trong miếu Công.

Ngày mồng một tháng bảy, năm thứ sáu Hoàng Triều Thành Thái
Quan phụ chính đại thần, Thái tử Thiếu Bảo, Vũ Hiển điện
Đại học sĩ khâm sai Bắc kỳ, kinh lược đại sứ, tước
Diên Mậu Tử, Thái Xuyên Hoàng Cao Khải cung kính đề văn.

II. CÂU ĐỐI:

A- Mặt trước tiền diện:

1. *Chinh Thị Nại phong công đệ nhất*
Thu Qui Nhơn vĩ tích vô song

Nghĩa là:

Đánh cửa Thị Nại, phong công đệ nhất
Chiếm Thành Qui Nhơn, vĩ tích vô song.

2. *Phan Rang tá quốc tiền lương tướng*
Gia Định cần vương hậu hiển thần.

Nghĩa là:

Giúp nước ở Phan Rang, thuở trước nên trang tướng giỏi.
Phò vua tại Gia Định, về sau thành bậc thần linh.

B- Bên trong tiền điện:

Cặp cột giữa:

Gia trấn mạc hồng, nhân dân tư hãn mã, triều đình sùng bái biệt thiên Nam.

Hoành sơn phục hổ, vật sắc hội vân long tiết việt chỉ huy vi đế tá.

Nghĩa là:

Tại trấn Gia Định vùng vẫy như cánh hồng bay vút, nhân dân nhớ công trận to lớn, triều đình sùng bái riêng cõi trời Nam.

Nơi núi Hoành sơn mai phục tựa con hổ nép mình, gặp cơ hội rồng mây, cầm cờ tiết búa việt, giúp chúa việc chỉ huy.

Hai bên vách tiền điện từ ngoài vào trong:

1. *Lương tướng tài năng, thiên cổ lưu phương huyền Bắc khuyết*
Anh hùng khí tiết, bách niên trước tích tráng Nam cương

Nghĩa là:

Tài năng bậc tướng giỏi, tiếng thơm ngàn đời treo nơi thành vua phía Bắc

Khí tiết đấng anh hùng, thành tích trăm năm nêu tại cõi nước phương Nam

2. *Quân thánh, thần trung, Thị Nại phong công thôi đệ nhất*
Địa linh, nhân kiệt, Rạch Gầm phát tích định vô song

Nghĩa là:

Chúa thánh, tôi trung, trận Thị Nại phong công có một
Đất linh, người giỏi, vùng Rạch Gầm phát tích chẳng hai.

3. *Hộ quốc, tí dân, vạn cổ huân danh thùy vũ trụ*
Việt Nam, chấn Bắc, thiên thu thanh thế tráng sơn hà

Nghĩa là:

Giữ nước, che dân, muôn thuở tiếng thơm trùm trời đất
Vượt nam, ngăn bắc, ngàn đời thanh thế tráng non sông.

C-Trung điện:

1. *Đại thiên xuân sắc tại mi đầu, kí đương niên thúy noãn, châu hương, tằng du Thiệm Bộ*

Ngũ vạn sanh hoa như mộng lý, niệm thử nhựt, đinh ca, giáp vũ, trùng thùy Côn lôn

Nghĩa là:

Xuân sắc mấy ngàn trước mắt, nhớ năm xưa thúy châu thơm ấm, bóng cũ từng tới lui Thiệm Bộ.

Anh hoa năm vạn trong mơ, tưởng ngày nọ đinh giáp múa ca, hình xưa lại ghi dấu Côn lôn.

2. *Vi danh tướng, vi nguyên thần, hứa đa chính tích nhung công, hách hách nhiên tại nhân nhĩ mục*

Thử mộ bi, thử từ miếu, lịch kỷ Âu phong, Á vũ nguy nguy hồ ngô thổ sơn giang

Nghĩa là:

Trang danh tướng , bậc nguyên thần, ngần ấy chính tích nhung công, rõ ràng trước nhân dân tai mắt.

Nọ mộ bia, kia đền miếu, trải bao gió Á mưa Âu, sừng sững cùng đất nước non sông

3. *Tá trung hưng phò phụng, phàn long, dữ quốc bách niên chiêu vĩ tích*

Chế ngoại khổn an dân, tức đạo, lịnh nhân thiên tải bội uy phong

Nghĩa là:

Giúp trung hưng, phò vua đỡ chúa, trăm năm cùng nước non nêu vĩ tích

Ngăn cõi bờ, an dân diệt giặc, ngàn đời khiến dân chúng phục uy phong.

4. *Bắc trấn trường lưu nghĩa khí, diệu tinh linh hộ quốc thiên thu Nam triều vĩnh bá thanh danh, tịnh biên tắc, kình thiên nhất trụ*

Nghĩa là:

Tiếng thơm truyền mãi miền Nam, yên bờ cõi chống trời một cột

Nghĩa khí vang dài đất Bắc, vững oai linh giúp nước ngàn thu

D- Chính điện**:**

Cố quốc giang sơn, nguy nhiên tồn cổ miếu

Tướng quân sự nghiệp, trác nhỉ dị công thần

Nghĩa là:

Cổ miếu còn kia, sừng sững với non sông đất nước

Công thần hiển hiện, rờ rỡ cùng sự nghiệp tướng quân.



Hoành phi, bài vị ở Lăng Lê Văn Duyệt

HẢI ĐƯỜNG

Cũng như văn bia, câu đối , hoành phi và bài vị hiện có ở lăng Lê Văn Duyệt được thể hiện bằng chữ Hán với nội dung người dân Sài Gòn-Gia Định-Chợ Lớn, người Việt cũng như người Hoa ca ngợi công đức, chí khí của Lê Văn Duyệt. Bày tỏ sự tri ân ngưỡng mộ của mình đối với vị khai quốc công thần ở vùng đất Nam bộ cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19.

Hoành Phi

A. Ở Tiền Điện

Hải nhạc chung linh.

Bảo Đại Nhâm thân niên trọng xuân kiết nhật, Quảng Bình tỉnh Thuận Bài xã ngụ Sài Côn kiều dân đồng bái.

Nghĩa là: Hồn thiêng sông núi.

Ngày lành giữa xuân năm Nhâm Thân niên hiệu Bảo Đại, kiều dân xã Thuận Bài tỉnh Quảng Bình ngụ tại Sài Gòn đồng lạy.

Huệ ngã hưng long.

Giáp ngọ niên trọng thu kiết đán

Mộc ân đệ tử Quảng Sanh Tường kính phụng.

Nghĩa là: Giúp ta thạnh vượng.

Ngày tốt giữa thu năm Giáp Ngọ, mộc ân đệ tử

Quảng Sanh Tường kính phụng (cúng).

Uy chấn Hoa, di.

Quí mùi niên quí hạ nguyệt kiết đán chế tạo,

Bình Hòa xã sùng tu.

Nghĩa là: Uy chấn động đến người Hoa, người man di.

Ngày tốt tháng cuối hạ, năm Quí mùi, chế tạo.

Bình Hòa xã trùng tu.

Khâm sai quân mệnh.

Quí hợi niên nhị nguyệt nhị thập thất nhật

Hanh Thông Tây, Huỳnh Kim tự, Nguyễn Văn Quí phụng cung.

Nghĩa là: Khâm sai đại thần theo lệnh vua.

Ngày 27 tháng 2 năm Quí Hợi, Huỳnh Kim tức Nguyễn Văn Quí ở Hanh Thông Tây phụng cúng.

Thần tâm như kính.

Tân mùi niên quí xuân kiết nhật,

Gia Định Bình Hòa tín nữ Lê Thị Thức phụng tống.

Nghĩa là: Lòng thần tựa gương.

Ngày lành cuối xuân năm Tân Mùi,

Tín nữ Lê Thị Thức ở Bình Hòa Gia Định phụng tống.

Hữu cầu tắc ứng.

Canh ngọ niên quí thu, Trần phủ phụng cung.

Nghĩa là: Có cầu tất có ứng.

Cuối thu năm Canh Ngọ, Trần phủ phụng cúng.

Uy chấn Nam bang.

Gia Định tỉnh phò mã gia, Mậu dần lục nguyệt kiết đán. Tây Cống Quảng Triệu bang, chánh bang trưởng Từ Quốc Vinh kính tống.

Nghĩa là: Uy chấn nước Nam.

Ngày lành Gia Định tỉnh phò mã gia tháng 6 năm Mậu Dần, Sài Gòn Quảng Triệu bang, chánh bang trưởng Từ Quốc Vinh kính tống.

Thần ân tý hựu.

Phò mã gia gia huệ tồn, chúng đệ tử kính phụng.

Nghĩa là: Ơn thần chở che.

Phò mã gia gia huệ tồn, chúng đệ tử kính phụng.

Bảo quốc hựu dân.

Lê đại tướng quân thiên thu. Đệ tử Hồng nhược Bố Kính tạ, Canh tuất niên trọng xuân kiết đán.

Nghĩa là: Hộ quốc giúp dân.

Lê đại tướng quân thiên thu. Ngày tốt giữa xuân năm Canh tuất, đệ tử Hồng nhược Bố Kính tạ ơn.

Ân quang phổ chiếu.

Lê công phò mã đại tướng quân huệ tồn:

Mộc ân đệ tử Sa Nhuận Quyền hiệp gia kính phụng.

Nghĩa là: Ơn soi khắp chốn.

Lê công phò mã đại tướng quân huệ tồn.

Toàn gia quyến mộc ân đệ tử Sa Nhuận Quyền kính phụng.

Vạn gia sanh phật.

Gia Định tỉnh Lê Công phò mã gia, tuế tại Bính thân tứ nguyệt kiết nhật. Đề Ngạn Quảng Triệu Trung Hoa lý sự hội, phó lý sự trưởng đệ tử Lương Tế Phi khấu bái.

Nghĩa là: Muôn nhà sanh phật.

Gia Định tỉnh Lê công phò mã gia. Ngày lành tháng 4 năm Bính Thân, Chợ Lớn Quảng Triệu Trung Hoa lý sự hội, phó lý sự trưởng, đệ tử Lương Tế Phi khấu bái.

Đáp tạ thần ân.

Phò mã gia huệ tồn. Vương Thông Lễ kính tặng.

Nghĩa là: Đáp tạ ơn thần.

Phò mã gia huệ tồn, Vương Thông Lễ kính tặng.

Hách hách thần uy.

Tuế thứ Mậu dần niên mạnh hạ kiết đán.

Mộc ân đệ tử Dư Trừng Thanh kính phụng.

Nghĩa là: Uy thần hiển hách.

Ngày nay đầu hạ năm Mậu dần, mộc ân đệ tử Dư Trừng Thanh kính phụng.

Tý ngã hựu ngã.

Lê tướng quân phò mã gia, Canh Thìn niên kiết tạo. Nam Hải đệ tử Tiến Thiệu Luân kính tống.

Nghĩa là: Giúp đỡ chở che ta.

Lê tướng quân phò mã gia, kiết tạo năm Canh Thìn, Nam Hải đệ tử Tiến Thiệu Luân kính dâng.

Tri ngã trợ ngã.

Gia Định tỉnh Lê Công phò mã gia kỷ niệm, Đệ tử Trương Tường kính tống.

Nghĩa là: Biết ta giúp ta

Gia Định tỉnh Lê Công phò mã gia kỷ niệm. Đệ tử Trương Tường kính dâng.

Hữu cầu tất ứng.

Bính tý niên mạnh xuân thượng nguyên đán. Đệ tử Trần Khôn Minh

hiệp gia kính phụng.

Nghĩa là: Có cầu tất có ứng.

Nguyên đán đầu xuân năm Bính tý, đệ tử Trần Khôn Minh hiệp gia kính phụng.

Uy trấn Nam bang.

Tân mùi niên nhị nguyệt thập cửu nhật. Gia Định Thái Phiêu hội đồng kính tống.

Nghĩa là: Uy trấn nước Nam.

Ngày 19-2 năm Tân mùi Gia Định Thái Phiêu hội (Hội Vé số) đồng kính tống.

B. Ở Trung Điện.

Hựu ngã bình an.

Nghĩa là: Giúp ta bình an.

Hoằng ân vĩnh đái.

Lâm Thiên Hưng kính phụng.

Nghĩa là: Mãi đội ân sâu.

Lâm Thiên Hưng kính dâng.

Hộ ngã quần kiều.

Quí mùi niên Lê tướng quân linh giám.

Mộc ân Đường môn Cổ thị kính tống.

Nghĩa là: Bảo hộ kiều dân ta.

Năm Quí mùi Lê tướng quân linh giám, mộc ân Đường môn Cổ thị kính tống.

Trạch bị tứ phương:

Nghĩa là: Thấm khắp 4 phương.

C. Ở Chánh điện

Uy trấn hạo thiên.

Quang Tự Ất mùi niên xuân nguyệt kiết đán.

Nghĩa là: Uy trấn trời cao.

Kiết đán tháng xuân năm Ất mùi niên hiệu Quang Tự.

Bài vị

Bài vị chỉ có ở chánh điện.

Chưởng Tả quân bình tây đại tướng quân quận công tánh Lê thần vị.

Nghĩa là: Thần vị Chưởng Tả quân bình tây đại tướng quân, quận công họ Lê.

Khâm sai bình tây tướng quân lãnh Gia Định tổng trấn quận công

chánh thất Đỗ phu nhân linh vị.

Nghĩa là: Bài vị của Đỗ phu nhân, vợ chính của Khâm sai bình tây tướng quân lãnh Gia Định tổng trấn quận công

Khâm sai đại thần quản bình tây Tả tướng quân Nam kỳ khai quốc công thần Lê quận công chi thần vị.

Nghĩa là: Thần vị Khâm sai đại thần quản Bình Tây Tả tướng quân Nam kỳ khai quốc công thần Lê quận công.

Tả dinh đô thống chế lãnh Bắc thành phó tổng trấn tánh Lê thần vị.

Nghĩa là: Thần vị Tả dinh đô thống chế lãnh Bắc thành phó tổng trấn họ Lê[1].

Tiền Hiệp biện đại học sĩ lãnh Lễ bộ thượng thư Phan công Lương Khê thần vị[2].

(1) Bài vị của Phó Tổng trấn Lê Chất.

(2) Bài vị này dành cho Ông Phan Thanh Giản trước làm Lễ Bộ Thượng thư, giữ chức Hiệp biện Đại học sĩ, hiệu là Lương Khê.

Lăng Ông Bà Chiểu

SƠN NAM

Thời Tự Đức, chung quanh chợ Bà Chiểu là nhà cửa thưa thớt của dân trồng bắp, trồng khoai, Miếu Ông (thờ Lê Văn Duyệt) nhỏ bé xem cũng tương xứng, hài hòa. Nhưng khi thực dân xây dựng phố xá, dinh thự, Miếu Ông trở thành cơ ngơi lỗi thời. Chủ tỉnh Gia Định xuất công quỹ để trùng tu vòng rào; Kinh lược Bắc kỳ Hoàng Cao Khải dịp vào Nam năm 1894, đã dựng tấm bia đá nhằm ca ngợi sự chiếu cố của người Pháp, nay còn giá trị về kiểu thức hoa văn cổ truyền, do nghệ nhân miền Bắc thi công.

Bấy giờ, chợ Bà Chiểu, tuy là tỉnh lỵ, hãy còn thu hẹp quanh nhà lồng chợ. Đèn điện chưa phổ biến. Đặng Lễ Nghi trong tập truyện "Đối cổ kỳ quan", in năm 1910, đã ghi lời đồn đãi trong dân gian: ma quỷ thường hiện ra ở Cây da Ông Bổn, ngay đầu cầu Bông; gần lăng Tả quân, trên đường về cầu Bông, có anh chàng nọ một đêm bị ma nhát đến hai lần!

Hương chức hội tề làng Bình Hòa (bấy giờ vẫn gọi là Bình Hòa xã, như thời Tự Đức) vẫn không xuất huê lợi đất tự điền để cúng tế cho lăng miếu. Huê lợi này được nhân lên nhanh chóng, vì đất ruộng trước kia lần hồi trở thành đất thổ cư, cất chợ phố. Nhân sĩ và đồng bào Gia Định không còn tin tưởng vào thiện chí của người Pháp. Năm 1914, Hội Thượng Công Quý Tế ra đời, do 20 hội viên sáng lập, đứng đầu là ông Trương Văn Trạch, đặt dưới sự chi phối của hương chức làng Bình Hòa và chủ tỉnh Gia Định. Tài sản lúc đầu gồm mấy dãy phố do hội viên mua và cho thuê để lấy huê lợi cúng tế.

Ta hiểu cuộc vận động thành lập hội đã bắt đầu từ đôi ba năm, trước 1914. Theo cơ chế thời Tự Đức, đình làng và miếu đặt dưới sự chỉ huy

thống nhất của ban hương chức hội tề khá đông, trong số này đặc trách về tế lễ là hương quan (hiểu là quan hôn tang tế), thêm hương văn, hương lễ. Thực dân tách ra, hương chức hội tề chỉ có phận sự lo việc đời (gồm hành chánh, trị an, thuế vụ...); còn đình miếu thì giao cho một ban khác gọi "hương chức đình" lo thuần túy cúng tế. Danh sách hương chức đình do hương chức hội tề và các bô lão lựa chọn, trình lên cai tổng, rồi chủ tỉnh duyệt y. Lắm khi, chánh quyền gây khó khăn, e ngại hương chức đình là tổ chức trá hình của một hội kín với những điều huyền bí riêng mà nhà nước khó kiểm soát, lắm khi liên quan đến chuyện quốc sự.

Khi phong trào tôn quân ái quốc tan rã, xảy ra cơn khủng hoảng về hệ ý thức cứu nước thì phong trào cầu Tiên (hỏi tiên, cầu cơ bút) với những đàn tiên lại phổ biến khắp Nam bộ, thỉnh thoảng bà Triệu, tướng Trần Hưng Đạo hiện về, cho vài bài thơ kích thích lòng yêu nước. Hoặc vài anh hùng thời Cần Vương báo tin còn đang sống, rong chơi giữa chợ Bến Thành! (Trong thiên hồi ký *Nhớ nghĩ chiều hôm*, học giả Đào Duy Anh cũng ghi nhận phong trào Thiện đàn ở đồng bằng sông Hồng, khá rầm rộ, tiên thánh Việt Nam giáng bút, nhắc nhở tinh thần tự cường, từ năm 1908).

Hội Thượng Công Quý Tế được thành hình, vì nằm trong cơ chế hương chức đình, mà nhà nước cho phép. Hơn nữa, Hội này chẳng dính dấp gì đến việc cầu Tiên, đồng bóng. Nó mang tính nghiêm túc, sau tám năm hoạt động mãn nhiệm kỳ. Ban Quản trị thứ nhì ra đời gồm những nhân sĩ thuộc giới trí thức, như Diệp Văn Cương (giáo sư trường Bổn Quốc, là thông ngôn khi vua Hàm Nghi bị bắt), Lê Văn Phát, Đốc phủ sứ (từng biên soạn vài công trình có chất lượng về cổ tích, phong tục Việt Nam), Nguyễn Kinh Đính, phụ trách Đông Pháp thời báo.

Lịch hội lễ không thay đổi, vẫn như lúc mới sáng lập gồm: lễ Thanh Minh, Tết Đoan Ngọ (5 tháng 5), lễ Chánh Đán (Tết Nguyên Đán). Công tác lớn là xây dựng cơ ngơi Trung Điện và Chánh Điện nay còn thấy, vào năm 1925. Năm 1923, bà Nguyễn Kim Đính (Thạnh Thị Mậu) đứng ra lập Ban Công quả Phụ nữ, giới phụ nữ có thể vào Hội với danh nghĩa như là "cộng tác viên". Cũng nhiệm kỳ này Hội Quý Tế mở trương mục riêng ở Đông Dương Ngân hàng. Với nguồn thu nhập khả quan, Hội góp phần cứu trợ nạn nhân bão lụt miền Bắc và miền Trung. Năm 1931, dự trù làm lễ kỷ niệm Đệ bách châu niên ngày tạ thế của Tả quân, nhưng hoãn lại vì nạn khủng hoảng kinh tế ở Đông Dương và thế giới.

Sau thời kỳ khủng hoảng ấy, một Ban Quản trị khác ra mắt, với nhiệm kỳ khá dài, suốt 21 năm (1932-1953) công tác lớn là xây Nhà Hương (nơi khách hành lễ, nhận lễ vật), xây Đông Lang và Tây Lang (nay hãy còn thấy ghi số Ả Rập năm 1937). Thi công trong 6 tháng, sau đó tổ chức lễ lạc thành, hát bội suốt bảy ngày đêm; đúng là thời kỳ vàng son, "phú quý sanh lễ nghĩa". Gần cuối nhiệm kỳ đã xây cổng tam quan độc đáo, nay hãy còn sống động, làm biểu tượng cho đất Gia Định – Sài Gòn, vào tháng 5 năm 1949, theo đồ án của kiến trúc sư Võ Văn Tần. Xây thêm phòng khánh tiết, trải đá tảng trên đường ra cổng tam quan. Công việc này tiến hành thời chống Pháp, lúc thực dân tăng cường viện trợ vật chất và tài chính. So với trước 1945 thì Sài Gòn – Gia Định đông dân hơn, hàng tiêu dùng sau 1945 bán với giá tương đối rẻ. Nhắc lại: Phủ Thống đốc Nam kỳ chuẩn y bản sửa đổi điều lệ Hội năm 1944, cũng năm này, Phủ Toàn quyền Đông Dương đã chấp thuận cho Hội có tư thế pháp nhân (capacité juridique) được quyền quản trị động sản và bất động sản.

Nhiệm kỳ 1953-1961 đánh dấu giai đoạn phát triển mới. Nghiêm túc kiểm soát tiền bạc do khách thập phương tự nguyện đóng góp, bỏ lệ cúng tam sanh (trâu hoặc bò, heo, dê) để tránh hình ảnh sát sanh, khuyên người cúng nên thắp nhang ở mức tối thiểu, tránh lãng phí, giữ vệ sinh cho miếu. Ta nhớ đây là giai đoạn chuyển tiếp, khi thực dân Pháp rút đi, Mỹ can thiệp vào, viện trợ tiền bạc, của cải, hàng tiêu dùng trội hẳn thời Pháp. Với ngân quỹ dồi dào, cụ Nguyễn Văn Cứng, giáo sư trường Mỹ thuật Gia Định đã dốc lòng điểm tô miếu Tả quân. Đây là mỹ nghệ lai tạp (baroque), duyên dáng và kiểu cách, phô trương dưới ánh nắng những mảng trang trí đắp sành sứ, khá hiện thực, dựa vào tư liệu sưu tập ở cố đô Huế do linh mục Cadière: quyển *L'Art à Huế đã ghi lại vài kiểu thức long lân quy phụng, mai lan cúc trúc, thời nhà Nguyễn. Đối với Sài Gòn và cả Nam bộ, đây là tư liệu làm chuẩn mực. Ta thấy rực rỡ những thú, điểu, hồi văn, cổ đồ bát bửu. Nghệ nhân đã làm việc thận trọng, gắn và cắt hoàn chỉnh từng mảnh sành sứ. Dám tốn tiền, chú trọng chất lượng. Ở đây, chất lượng và khối lượng đều to lớn, rườm rà, khắp Nam bộ khó đình miếu nào sánh kịp. Ngoài ra còn những bộ cửa sổ bằng sắt, chạm thủng bình hoa, trúc, chim cò, dành riêng cho miếu, xem như những bản duy nhất. Ban Quản trị nhiệm kỳ sau cùng ra mắt từ năm 1961. Năm 1971, tổ chức đi thăm viếng phần mộ nội tổ đức Tả quân tận xã Hòa Khánh (nay tỉnh Tiền Giang). Và năm này, Chánh điện được nới rộng, cất thêm cơ ngơi cao ráo, so với toàn bộ; đồ án do kiến trúc sư người Ấn là Mohamed*

Hamime thiết lập, khánh thành vào tháng 8 năm 1973.

Về công tác xã hội, Hội tích cực cứu trợ khi xảy ra thiên tai, bão lụt; đem trái cây cúng quá nhiều vào dịp lễ hội tặng cho tù nhân nhà lao Gia Định. Thành tích lớn nhất là xây được một trường trung học, nay là trường Võ Thị Sáu, trên phần đất trước kia là tự điền.

Mặt bằng của lăng và miếu rộng rãi, cây to bóng mát, đã là một dạng công viên. Ngắm những phù điêu đắp sành sứ nhiều màu, khách tham quan hẳn nhìn nhận rằng mỹ thuật cổ truyền Việt Nam đã được đề cao, sáng láng, đầy vẻ mỹ lệ. Rất tiếc nhiều mảng phù điêu, đắp sành sứ, lại bố trí nơi quá cao, khó nhìn rõ chi tiết, ngoài tầm nhìn của đôi mắt bình thường.

Trước miếu là lăng, với kích thước dành cho đệ nhất công thần, theo cơ chế xưa. Lăng xây ô dước, đơn giản, như quả trứng bổ đôi, đầu người quá cố day vào miếu, mộ song hồn, bà bên cạnh ông. Còn hai phần mộ nhỏ, của hai cô hầu, lạc loài bên phía chợ Bà Chiểu và bên hông trường Phổ thông Trương Công Định. Mộ bia, có lẽ đã bị đập phá theo lệnh của Minh Mạng, không thấy dựng lại, sau khi phục hồi danh dự cho Tả quân thời Tự Đức; vì vậy không nơi nào ghi tên họ, ngày sinh, ngày mất. Bức tường vây quanh phần mộ, gọi Uynh Thành, rộng 12m, dài 14.5m, màu xám đen, xây vào dịp được giải oan thời Tự Đức (1849), theo cơ chế. Vòng tường bên ngoài, với những chấn song bằng gốm, men xanh, xây sau này, để phân biệt với bức tường xưa của phần mộ.

Tham quan lăng và miếu, người hiếu cổ thấy vui lên, tin vào văn hóa truyền thống, triển khai trong tình hình xứ thuộc địa, đất mới, không có thời Đinh-Lê-Lý-Trần. Nhưng ban Quản trị làm việc kế tiếp nhau và biểu lộ cụ thể trình độ thẩm mỹ của mình, vừa trọng vốn dân tộc, vừa hiện đại hóa, không giẫm chân tại chỗ. Ngân quỹ dồi dào là một việc, nhưng làm được và làm đúng lại là vấn đề khác. Hội Quý Tế đã từng tập họp được nhiều nhân sĩ Sài Gòn – Gia Định, có trình độ Hán học, Tây học, hàng ngày tiếp xúc với bao tác động kinh tế, văn hóa của "Hòn ngọc Viễn Đông". Cảm tưởng chung của khách tham quan vẫn là khen ngợi. Người thiết kế và những nghệ nhân thực hiện đồ án đều có trình độ cao, khá đồng bộ, không như những tranh tượng, phù điêu ở vài đình chùa phía Lục Tỉnh còn phảng phất chút gì gọi là "đồ mã", của "thợ mã" làm ra tạm bợ, cho vui mắt nhưng thiếu chất lượng.

Các ban Quản trị thời trước đã lần lượt gởi gấm vào công trình kiến

trúc mỹ thuật này chút gì gọi là quốc hồn, như là sự hiến dâng khiêm tốn của nhân dân Gia Định cho Tổ quốc, hướng về cố đô Huế và thủ đô Thăng Long.

Có lẽ vì thông cảm được nỗi niềm ấy mà Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Vụ Bảo tồn Bảo tàng đã đề nghị lên Bộ Văn hóa, để rồi được công nhận, với danh xưng "*Di tích Lịch sử – Văn hóa Lăng Lê Văn Duyệt, phường 1, quận Bình Thạnh*" (di tích số 318).

Công, tội phân minh là quan điểm của Đảng ta về các vấn đề lịch sử *

VÕ VĂN KIỆT

Trước hết, tôi xin cám ơn Tạp chí Xưa & Nay của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam và Hội đồng khoa học Thành phố đã mời tôi dự cuộc tọa đàm. Tôi tới dự không phải với cương vị cố vấn BCH Trung ương mà với tư cách một người có đọc một số ít tác phẩm về Lê Văn Duyệt muốn được nghe, được hiểu thêm về nhân vật này.

Tôi biết còn những đánh giá khác nhau, thậm chí trái ngược nhau về không ít nhân vật lịch sử, trong đó có trường hợp Lê Văn Duyệt. Tôi cho rằng, đánh giá, sử dụng những sự kiện lịch sử như thế nào là thuộc trách nhiệm của các nhà lãnh đạo chính trị, nhưng đối với các nhà sử học thì tính chân thực của lịch sử là quan trọng. Đối với những nhân vật như Lê Văn Duyệt thì những cuộc tọa đàm hẹp để có thể làm rõ công, tội một cách có cơ sở khoa học và đủ thuyết phục là nên làm.

Tôi cũng cho rằng, không đơn giản chỉ một cuộc tọa đàm như thế này là đã có thể giải quyết được những vấn đề còn ý kiến khác nhau từ nhiều năm, thậm chí từ hàng trăm năm nay về Lê Văn Duyệt. Tuy nhiên, qua những cuộc tọa đàm như vậy, chúng ta sẽ có thêm cơ sở, điều kiện và cả độ chín để nhìn nhận vấn đề cho khách quan, khoa học.

Suốt ngày hôm nay, tôi đã chú ý lắng nghe các tham luận với các chủ đề khác nhau và qua đó, tôi thấy mình biết thêm nhiều điều về nhân vật này. Là một người đã tham gia hoạt động chính trị nhiều năm và có một thời gian ngắn tham gia quản lý nhà nước, qua những gì được nghe hôm nay kết hợp với những gì được đọc trước đây, tôi thấy tư duy và ứng xử của Lê Văn Duyệt có nhiều điểm ở tầm quốc sách và có những mặt khá gần gũi so với một số chủ trương của chúng ta trong thời kỳ đổi mới.

Tôi muốn phát biểu một vài ý kiến ngắn, đúng hơn là muốn nêu lại một số vấn đề mà các tham luận đã phân tích, để các nhà chuyên môn tiếp tục làm rõ, về những mặt theo tôi là tích cực và rất đáng suy ngẫm về nhân vật Lê Văn Duyệt. Đương nhiên là Lê Văn Duyệt không chỉ có những mặt tích cực. Những tiêu cực của Lê Văn Duyệt có thể không nhỏ, tôi tin rằng các nhà nghiên cứu sử học sẽ góp phần làm sáng tỏ hơn.

Về chính trị

– Lê Văn Duyệt có tầm nhìn chiến lược về vấn đề dân tộc, nhờ đó đã quy tụ được các dân tộc đa số cũng như thiểu số, kể cả người Hoa. Lê Văn Duyệt cũng chủ trương tự do tín ngưỡng, đoàn kết lương giáo. Chính sách dân tộc, tôn giáo đó là một trong những điều kiện cơ bản giúp Lê Văn Duyệt giữ được ổn định xã hội, chính trị ở trấn Gia Định và góp phần giữ yên bờ cõi đất nước, quan hệ hữu hảo với các nước láng giềng.

– Lê Văn Duyệt biết lấy an dân, cả về tinh thần lẫn vật chất, để gây dựng lòng tin. Nhờ đó, dân trong trấn, dù là dân tộc, tôn giáo nào, cũng coi vị Tổng trấn Lê Văn Duyệt là chỗ dựa. Trong cai trị, Lê Văn Duyệt thẳng tay trừng trị quan tham, cho dù là hoàng thân quốc thích (chém đầu Phó Tổng trấn Huỳnh Công Lý, cha vợ của vua Minh Mạng) đồng thời trọng dụng người thanh liêm, có tài vào đúng nơi, đúng việc (như giao cho Thoại Ngọc Hầu coi giữ vùng biên giới với Cao Miên và đào kênh Vĩnh Tế). Việc dân gọi lăng Lê Văn Duyệt là "Lăng Ông" phần nào thể hiện cái uy, cái ân của Lê Văn Duyệt.

– Về đối ngoại, Lê Văn Duyệt giữ quan hệ thân thiện đúng mức với hai nước láng giềng (Vạn Tượng và Cao Miên tức Lào và Campuchia) và xác định đó là cách giữ ổn định "phên dậu" phía tây của nước ta. Kênh Vĩnh Tế ngoài ý nghĩa kinh tế, quân sự thì về mặt chính trị đối ngoại cũng xác định rõ trách nhiệm biên giới với Cao Miên. Hiểu ý đồ dòm ngó Vạn Tượng, Cao Miên và nước ta của Xiêm La, Lê Văn Duyệt thực hiện chính sách ngoại giao hữu hảo và cũng có tính răn đe. Đặc biệt là chủ trương mở cửa, thông thương với thế giới bên ngoài, giao lưu với một số nước phương Tây của Lê Văn Duyệt vào lúc bấy giờ là rất mới, táo bạo và tự tin.

Về kinh tế

– Lê Văn Duyệt khuyến khích mọi người dân (kể cả lưu dân, dân binh và phạm nhân) khai hoang lập ấp, tổ chức sản xuất quy mô dinh điền.

– Trong bối cảnh triều đình chủ trương đóng kín, bế quan tỏa cảng, Lê Văn Duyệt đã chủ trương mở cửa, thông thương với bên ngoài. Nhờ vậy,

cảng Bến Nghé trở thành trung tâm buôn bán sầm uất, góp phần làm kinh tế phía Nam phát triển hơn.

– Lê Văn Duyệt cũng cho xây các công trình kinh tế có quy mô lâu dài như kênh Vĩnh Tế. Đây là một công trình quốc phòng kết hợp với kinh tế (giao thông, thủy lợi) có tầm chiến lược mà tới nay vẫn tiếp tục phát huy tác dụng trong hệ thống thủy lợi, thoát lũ ở đồng bằng sông Cửu Long.

Về quân sự, quốc phòng

– Lê Văn Duyệt là một tướng có tài thao lược bẩm sinh và cuộc đời binh nghiệp nhiều chiến tích. Uy danh của Lê Văn Duyệt làm cho những kẻ có ý đồ lăm le xâm lược cũng như những nhóm chống đối từ bên trong phải kiêng dè.

– Trong các cuộc tiễu trừ, dẹp loạn bên trong, Lê Văn Duyệt sử dụng nghệ thuật cảm hóa, đánh vào lòng người kết hợp với sức mạnh quân sự. Về mặt này, Lê Văn Duyệt có mức khác hơn so với Nguyễn Công Trứ. Cùng với chủ trương an dân, đoàn kết các dân tộc, tôn giáo... như nói ở phần trên, có thể coi Lê Văn Duyệt rất chú trọng mối quan hệ quân – dân.

– Đối với việc giữ gìn bờ cõi, mà đối thủ lúc bấy giờ là Xiêm La, Lê Văn Duyệt một mặt chú trọng phòng thủ chắc chắn, mặt khác cũng sẵn sàng chủ động tấn công trong trường hợp cần thiết (tương tự như Lý Thường Kiệt đã làm đối với quân Tống). Công trình kênh Vĩnh Tế thể hiện rất rõ tư duy chiến lược quân sự đó.

Nếu những điều nói ở trên là đúng với sự thật lịch sử thì có thể nói Lê Văn Duyệt là một tài năng lớn về chính trị, kinh tế, quân sự và trong các tư duy chiến lược của Lê Văn Duyệt có sự kế thừa từ các anh hùng dân tộc trước đó. Điều đó, nếu là có thật, nên được đánh giá cho khách quan và không xóa sạch những công lao, đóng góp của ông ta với vùng đất phía Nam, với nước ta trong giai đoạn lịch sử đó. Tương tự những tội lớn của triều Nguyễn đối với dân tộc không xóa sạch công lao mở cõi để nước ta kéo dài tới Mũi Cà Mau. Công, tội phân minh cũng là quan điểm của Đảng ta về các vấn đề lịch sử.

---

* Tít bài do Tạp chí Xưa & Nay đặt.

Phụ Lục

Tả Quân & Minh Mạng

LÊ ĐÌNH CHÂN

Michel Đức Chaigneau (con trai viên sĩ quan Jean Chaigneau[1] mà Gia Long ban cho tên là Nguyễn Văn Thắng) thường được nghe cha kể lại những chuyện về nhân vật và sự vật nước nhà thời bấy giờ, trong cuốn sách nhan đề là: "Ký ức Huế" (Souvenirs de Huế) có cho ta biết rõ Minh Mạng đối với Tả Quân ra sao. "*Trong bọn đại thần nhà Nguyễn bấy giờ*, Michel Đức Chaigneau viết, *còn có thiện cảm với người Pháp, chỉ có mình quan Tả Quân, Tổng Trấn Gia Định dám đương đầu với vua mới (Minh Mạng). Quan Tả Quân thường thẳng lời chỉ trích thiếu quân đã đi ngược lại chính sách khôn ngoan và lịch sự của vua cha, và tỏ ra thờ ơ, lạnh nhạt đối với những người đã hết lòng phò Cao Hoàng. Quan Tả Quân là một người có nghị lực siêu quần, một vị võ tướng trí dũng song toàn, một nhà trị dân có uy có ân; ai ai cũng kiêng nể, nhưng đều rất mến, vì Ngài công bình, chính trực. Ngài là một trong năm vị đại thần được Gia Long tín nhiệm nhất. Trước khi mất, Gia Long đã ân cần dặn Ngài phải khuyên bảo Tự Quân trong những năm đầu và phải thẳng tay trị những bọn dám phản lại Triều đình. Gia Long cũng ân cần dặn Thái tử phải nghe lời khuyên bảo của vị lão thần tận trung đó.*

Vì thế cho nên Minh Mạng không dám thu lại ấn Tổng trấn Gia Định Thành mà Cao Hoàng xưa kia đã trao cho Tả Quân, vì Tả Quân rất được lòng nhân dân Gia Định".

Nguồn gốc mối ác cảm của Minh Mạng đối với Tả Quân nẩy ra từ ngày Gia Long còn trị vì. Năm 1816, nhân công việc trong nước đã đỡ phần bề bộn và cảm thấy mình cũng đã già yếu, Cao Hoàng bèn nghĩ

đến chuyện chọn Thái tử để nối ngôi mình sau này. Con trưởng Ngài là Đông cung Cảnh đã mất từ 1802, và để lại hai người con trai hãy còn nhỏ tuổi là Đán và Ưng Hòa. Ý Cao Hoàng là muốn lập Thái tử Đảm, con một bà thứ phi, nhưng bấy giờ đã gần 30 tuổi[2], làm Thái tử, vì Ngài rất sợ đặt lên ngôi một vị thừa kế hãy còn quá nhỏ tuổi, như thế chỉ làm mầm họa: quan phụ chính sẽ chuyên quyền, rồi phe này đảng nọ sẽ nổi lên tranh nhau, và đưa đến nội loạn. Gương Huệ Vương, mới 12 tuổi đã lên ngôi, khiến cho phụ chính Trương Phúc Loan chuyên quyền, gây oán, làm cho cơ nghiệp nhà Nguyễn nghiêng ngã hãy còn sờ sờ trước mắt.

Tuy vậy Cao Hoàng cũng cho mời các vị đại thần, như bọn Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt, Lê Chất, Trịnh Hoài Đức, Phạm Đăng Hưng, để hỏi ý kiến về việc đặt ngôi trừ nhị[3]. Vua phán rằng: "Nước nhà mới yên, phải chọn người trọng tuổi cầm quyền, chẳng nên ủy việc lớn cho kẻ còn thơ ấu".

Ý kiến đó thực hợp thời thế, nhưng lại không hợp với tục lệ "đích tôn thừa trọng", cho nên Trung Quân Thành và nhất là Tả Quân Duyệt, đều ngỏ ý nên lập Hoàng Tôn Đán con trai Đông Cung Cảnh.

Tả Quân vịn vào câu: "Lập tự duy đích" và tâu rằng: Đông Cung tuy mất sớm, nhưng công lao trong sự nghiệp trung hưng không phải là nhỏ, vậy con Đông Cung phải được hưởng công lao lớn của cha[4].

Mối ác cảm thứ hai của Minh Mạng đối với Tả Quân là án trảm Huỳnh Công Lý.

Năm 1820, vì có loạn thầy chùa Thổ tên là Kế cho nên Tả Quân Duyệt, hiện đang tại triều, lại được cử vào trấn Gia Định[5] để dẹp giặc Thổ.

Lý Chính Hầu Huỳnh Công Lý được cử làm phó Tổng Trấn. Lý có một người con gái được tuyển vào cung và được Minh Mạng yêu lắm. Cậy thế, Lý hay làm càn. Nhất là thời đó Tả Quân lại có việc bận ở triều luôn, cho nên Lý giữ chức quyền Tổng trấn. Tuy vắng mặt ở Gia Định nhưng Tả Quân vẫn có tâm phúc thường cho tin tức trong trấn. Hồi đó, Lý phụng mệnh đốc xuất việc đào một con sông nối liền Tân An và Mỹ Tho. Công việc rất lớn, và cần tới rất nhiều dân binh. Lý thừa dịp để sách nhiễu, bắt phu rất nhiều, nhưng ai chạy chọt thì được miễn, khiến cho nhân dân ta thán, đến tai Tả Quân. Ngoài tệ sách nhiễu, Lý còn phạm một tội mà thuở xưa, hình luật Hoàng Triều phạt rất nặng. Đó là tội xâm phạm phần mộ. Vì Lý muốn xây mộ phần cha cho lớn, nên sai khai quật và hủy các mộ kế bên, cho dời đi nơi khác. Trong các mộ ấy có mộ của một Đội Trưởng, trước vì theo giúp Cao Hoàng mà từ trần,

thi thể mai táng ở cạnh mộ cha Lý.

Lại còn tương truyền rằng Lý có thông gian với tỳ thiếp của Tả Quân, khi Tả Quân không có mặt ở Gia Định.

Khi Tả Quân về Gia Định, đơn khiếu nại Lý ở các nơi gởi về rất nhiều. Lý lập tức bị đưa ra tòa hình xét và khép án tử hình. Với quyền tiền trảm hậu tấu trong tay, Tả Quân một mặt tường trình về Bộ Hình, một mặt cho thi hành án ngay, để cho mọi người đều biết rằng phép Triều đình nghiêm và vô tư đến mực nào.

Khi nhận được bản sớ tường trình, Minh Mạng biết tính cực nghiêm của Tả Quân, phái ngay một viên Khâm Mạng, không phân đêm ngày đi vào Gia Định, đem chỉ truyền điệu Lý về Kinh để chịu tử hình.

Đó chẳng qua là một mưu để cứu bố vợ, nhưng khi quan Khâm Mạng tới nơi thì Tả Quân đã cho chém Lý, muối thủ cấp bỏ vào thùng, niêm phong kỹ, trên có dán mấy chữ sau: "Phụng thừa Thánh chỉ, xử trảm tội nhân". Để rồi gởi về Kinh(6).

Đó là mối căm hờn thứ hai của Minh Mạng đối với Duyệt. Nhưng vì Tả Quân là cựu thần của Tiên đế, và lại là một vị bầy tôi rường cột của nước nhà, cho nên Minh Mạng đành ngậm hờn, ẩn nhẫn để lòng.

Tả Quân vừa mất, Triều đình bãi ngay chức Gia Định Thành Tổng Trấn, và chia xứ Nam ra làm 6 tỉnh: Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên(7) . Tỉnh lớn đặt Tổng đốc đứng đầu, tỉnh nhỏ đặt Tuần phủ đứng đầu. Nhưng Tổng đốc coi cả tỉnh nhỏ phụ thuộc. Nguyễn Văn Quế được bổ làm Tổng đốc Gia Định, Bạch Xuân Nguyên làm Bố Chánh và Nguyễn Chương Đạt làm Án Sát.

Việc làm đầu tiên của Bạch, khi nhậm chức mới, là phao rằng phụng mật chỉ tra xét mọi việc hà lạm của quan cố Tổng Trấn.

Bạch Xuân Nguyên bắt bọn thủ hạ của Ngài là Khôi, Trấm, Hoành đem ra tra hỏi.

Bố Chính Nguyên tra khảo Khôi rất gắt, để buộc tội Tả Quân về 2 khoản sau:

a) Sai quân Tả Dinh vào rừng đốn cây để làm của riêng.

b) Mờ ám trong việc ghi mọi khoản chi tiêu.

Về khoản thứ nhất, Khôi cãi: "Tả Quân sai lính vào rừng Tây Ninh đốn cây để sửa lại đồn lũy hư nát, đóng chiến thuyền, phòng quân Xiêm".

Nguyên bẻ: "Nếu Lê Văn Duyệt muốn phòng Xiêm thì tại trấn Hà Tiên kia cũng phải có đồn lũy rồi chứ!"

Về khoản thứ nhì: "Sao không ghi rõ những khoản chi là khoản gì,

chỉ để vẻn vẹn: Tả Quân chi dụng, là nghĩa thế nào?" Khôi là người võ biền, không rành rõ về những món chi, thành ra lúng túng không biết trả lời ra sao.

Nguyên bèn khép tội thầy trò Tả Quân là bọn "Ô quan". Hơn nữa, trong khi thẩm vấn, Nguyên không hề kiêng nể một vị đại thần, có công lớn với Triều đình, cứ thách mé gọi Duyệt kia, Duyệt nọ. Bọn Khôi lớn tiếng mắng lại thì bị tra tấn và hạ ngục liền.

Ở ngục thất, Khôi gặp một bọn lính hồi lương[8] 27 người và cùng nhau âm mưu làm phản. Mưu mô bàn định đã kỹ, ngày 18 tháng 5, nhân ngày giỗ cha, Khôi xin phép về nhà làm lễ. Quan Án Nguyễn Chương Đạt, vốn quen Khôi, nể lời y cho, và chỉ phái vài tên quân đi theo để cầm chừng.

Chè chén no say, Khôi cùng thủ hạ là Trầm, tú tài Hoành, Phó Vệ Úy Bột, Phó Vệ Úy Lực, Phó Quản Cơ Đặng Vĩnh Ứng và bọn lính Hồi Lương, khí giới gọn gàng xông vào dinh Bố Chánh, giết cả nhà Bạch Xuân Nguyên, Tổng Đốc Nguyễn Văn Quế nghe tin đem binh đến ứng cứu cũng bị giết nốt. Chỉ có Án Sát Đạt là chạy trốn được.

Sỡ dĩ Khôi hạ thủ bọn các quan được dễ dàng như vậy là vì ngoài quân lính đóng trong trại, hầu hết binh lính trong thành phụ trách việc coi các kho vũ khí và lương thực, canh gác ngục thất cùng là dinh thự các quan đều là lính hồi lương Thanh, Nghệ, Bắc Hà, hay lính tình nguyện người Nam, đồng hương với Tả Quân, nghĩa là hai hạng người rất có cảm tình với Khôi, và vẫn nhớ ơn Tả Quân sinh thời rất thương họ.

Vì thế cho nên Khôi giết xong bọn quan lại, liền chiếm luôn cả thành Phiên An, mà không gặp trở ngại gì cả. Sớm hôm sau, ngày 20, có quan Chưởng thủy Gia Định là Lê Văn Bốn đem quân đến định dẹp, nhưng bị bọn Khôi đánh thua. Bốn bèn bỏ trốn xuống thuyền về Huế cấp báo.

Chiếm xong thành Phiên An, Khôi kéo cờ đỏ, trên có hai chữ Chiêu An, và tự xưng là Bình Nam Đại Nguyên Soái, phong cho Vệ Úy Thái Công Triều làm Trung Quân, Nguyễn Văn Đà làm Tiền Quân, Sáu Khả làm Tả Quân, Võ Vĩnh Tiền làm Hữu Quân, Nguyễn Văn Lộc làm Hậu Quân, Lưu Tín làm Thủy Quân và Nguyễn Văn Châu làm Tượng Quân.

Khôi cho họp tất cả văn võ, và căn dặn mọi người phải thận trọng: đối với nhân dân, cần phải thi hành hai chữ Chiêu An, nghĩa là để cho mọi người được an nghiệp làm ăn, không được áp chế, bắt bớ vô lý. Khôi nhắc lại công lao của Tả Quân, đã giúp Gia Long thu phục lại sơn hà, dựng nghiệp lớn. Vì thế cho nên Cao Hoàng mới ủy cho Tả Quân trọng

nhậm xứ Gia Định. Trong khi tại chức bao giờ Tả Quân cũng chăm nom việc nước, binh vực lương dân. Nhưng ngày nay Tả Quân khuất, vua mới nghe bọn nịnh thần ức chế thủ hạ của Ngài, và tìm cách để ô danh Ngài. Vì thế cho nên bọn Khôi mới phải ra tay. Khôi lại cho đồng đảng hay rằng Hoàng Tôn Đán, con trai Đông Cung Cảnh mới là người thừa kế chính đáng của Cao Hoàng. Tả Quân đã được Cao Hoàng ủy cho việc giáo dục Hoàng Tôn. Chính Tả Quân đã gửi Hoàng Tôn sang du học bên Âu châu...và Khôi cả quyết rằng, Hoàng Tôn một khi về nước sẽ cầm đầu bọn mình để đem quân hỏi tội Triều đình Huế.

Những lời tuyên bố của Khôi có dư âm rất mạnh, hầu hết lính Hồi Lương, và lính Gia Định đều theo Khôi. Rất nhiều người Trung Hoa cũng sẵn lòng ủng hộ phong trào mới.

Đoạn Khôi sai bọn Thái Công Triều đem quân đi lấy lục tỉnh. Đi đến đâu, quan quân không đánh mà tan, và chỉ trong vòng một tháng, 6 tỉnh Nam Việt đều về tay bọn Khôi. Đến đâu Triều cũng cho mời các kỳ hào, và để cho họ được tự chọn người trong hạt làm quan sở tại[9]. Nhưng cạnh các quan mới, Khôi bao giờ cũng để một vài người "lính Hồi Lương" tâm phúc làm tai mắt. Bọn này ỷ thế, hay làm càn, vì thế cho nên Khôi gặp nhiều trở lực trong việc tuyển binh để chống lại với Triều đình Huế.

Chẳng được bao lâu, có sự bất hòa xảy ra giữa Khôi và Triều. Về chuyện này, Jean Silvestre trong bài nói về cuộc phiến loạn ở Gia Định có cho biết rõ những chi tiết như sau: "Ông Đốc Phủ Sứ Trần Văn Vị, một người biết rất tường tận về cuộc phiến loạn ở Gia Định, có cho tôi hay rằng Vệ Úy tả Bảo Thái Công Triều, sở dĩ theo bọn Khôi là vì bị chúng hăm dọa. Triều đành chịu theo, nhưng trong bụng vẫn đinh ninh sẽ phản lại, và sau Triều phản thật, nhưng cũng không cứu nổi đầu y khi Triều đình luận tội của mọi người trong việc Gia Định".

Muốn cho mọi việc ổn thỏa, sau sự bất hòa xảy ra giữa hai người, Khôi bèn chia xứ Nam ra làm 2 phần: nửa từ Sàigòn về Huế, do Khôi tự đảm nhận, từ Sàigòn đến biên giới Xiêm, thuộc quản hạt của Triều. Khi nghe tin Triều đình cử đại binh đi đánh Gia Định, Triều một mặt gửi sớ về Huế xin đái công chuộc tội, một mặt cho vời các quan lại hiện trốn ở Cao Miên, về nhậm chức tại nơi cũ[10]. Để cho quân Triều đình tin bụng mình, Triều còn đem nộp cả thủ cấp Tả Quân Sáu Khả, một tướng tâm phúc của Khôi[11]. Làm xong việc đó, Triều đem quân bản bộ đến Bình Tây hợp với quân Triều đình chia đường đánh Khôi.

*

*   *

Vừa bị phản, vừa bị tấn công hai mặt, Khôi biết thế chống không nổi, bèn đóng chặt cửa thành Phiên An lại, sau khi chứa chất rất nhiều lương thực[12].

Lực lượng của Khôi bấy giờ có chừng 2.000 quân, nhưng ai nấy đều quyết tâm sống chết với thành. Tháng chạp năm đó (1833), Khôi mắc bịnh chết. Dư đảng bèn tôn con của Khôi là Lê Văn Câu (kêu là Cu lớn, vì Khôi còn một con trai nữa tên là Tiểu Câu (Cu nhỏ) lên làm Nguyên soái thế cho cha, và vẫn quyết tâm kháng cự. Mãi đến tháng 7 năm 1835, khi trong thành đã hầu cạn lương thực, quân Triều đình mới hạ nổi thành[13].

Theo sử chép thì sau khi thành bị hạ có chừng 600 quân nghịch bị giết, và hơn một ngàn người (1278) bị bắt. Trừ 6 người đóng cũi giải về Kinh[14] còn bao nhiêu kẻ lớn nhỏ đều bị chém hết, và chôn vào một hầm đá, gọi là "Mả Ngụy", trên có dựng bia đề 6 chữ: "Ngụy tặc nhất võng tính thu"[15].

Bình xong loạn Lê Văn Khôi, Minh Mạng sai phá thành Phiên An đi, và cho xây một thành mới, nhỏ bé, và gần rạch Thị Nghè hơn[16]. Phải chăng là nhà Vua sợ nếu để Phiên An kiên cố[17] quy mô như cũ, thì một ngày kia, một quyền thần nào rất có thể lấy làm căn cứ để chống lại Triều đình? Về phương diện quyền lợi một họ vua, phá thành Phiên An là một việc hữu lý. Nhưng về phương diện quyền lợi của cả một dân tộc, phá một tòa thành kiên cố là một hành vi phi lý.

Phá xong Phiên An, Minh Mạng xuống chiếu truy tội Tả Quân Lê Văn Duyệt. Đình thần bấy giờ bèn nhao nhao lên bới lông, tìm vết, đủ đường để bôi nhọ người quá cố và nhất là để được lòng một ông vua mà họ biết là từ xưa đến nay vẫn căm hờn Tả Quân.

Ngay năm 1835, Ngự Sử Phan Bá Đạt dâng sớ xin truy đoạt quan chức của Tả Quân, cùng là giao vợ con Ngài cho hình bộ làm án, để tỏ phép nước [18]. Minh Mạng bèn giao cho đình thần luận tội và kết án Tả Quân.

Nghị án xong, đình thần trích ra các lời nói, việc làm của Tả Quân, kết thành 7 tội nên trảm:

1/ Sai người đi riêng sang Miến Điện âm kết ngoại giao[19].

2/ Xin giao tàu Anh Cát Lợi đến thành để tỏ có quyền[20].

3/ Xin giết Thị vệ là Trần Văn Tình để khóa miệng người ta[21].

4/ Làm sớ xin giữ những quan viên đã có chỉ bổ đi nơi khác [22].

5/ Lập đảng mà xin tăng thọ cho Lê Chất.

6/ Dấu chứa giấy ngự bảo.

7/ Mộ cha, tiếm gọi là "lăng", đối với người ta tự xưng là "cô".

Ngoài 7 tội đáng chém kể trên, còn 2 tội nữa, nên giảo (tội thắc cổ). Đó là:

1. Cố xin dung nạp Miến Điện để che lỗi mình.

2. Nói chuyện với người, khoe xin được quẻ thẻ có câu thơ hoàng bào[23].

Một tội nữa nên phát quân:

Tự tiện sai biền binh tu tạo tàu thuyền.

Sau hết: sự biến Phiên An, Tả Quân là đầu vạ, chiếu theo luật mưu phản, khép vào tội lăng trì. Song Tả Quân đã mất, xin truy đoạt cáo sắc, phá quách phanh thây "...để cho ai nấy đều biết Triều đình xử rất công, rõ ràng cái cân ba thước, mà nghiêm như rìu búa nghìn thu".

Còn như tằng tổ, tổ phụ của y được phong tặng cáo sắc thì xin truy đoạt cả; con cháu vợ cả; vợ lẻ đều phân biệt nghị tội, tài sản thì tịch biên hết.

Xem xong đề nghị của Đình thần, Minh Mạng dụ rằng: "...Tội Lê Văn Duyệt nhổ từng cái tóc cũng không kể hết, nói ra đau lòng, dù có bổ quan quách mà giết thây, cũng là đáng tội. Song nghĩ hắn chết đã lâu, và đã truy đoạt quan tước; xương khô trong mả, bỏ gia hình. Vậy cho Tổng đốc Gia Định đến chỗ mả hắn, san làm đất phẳng và khắc đá dựng bia ở trên viết to những chữ: Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xứ (Chỗ này là nơi quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp) để chính tội danh cho kẻ chết, mà tỏ phép nước về sau, làm gương cho kẻ quyền gian muôn đời"[24].

Đối với Tả Quân thì như vậy. Còn như đối với thân tộc Ngài thì đáng lý bị xử tử ngay, nhưng nghĩ đến công lao của Ngài, đều gia ân cho hưởng án trảm giam hậu (lên án chém, nhưng còn đợi xét).

Sự xét lại này kéo dài đến năm 1838: mùa thu năm đó, hầu hết thân tộc Tả Quân đều bị phát phối sung quân, chỉ riêng có 2 vị phò mã là Lê Văn Yên và Lê Văn Tề, con Lê Văn Phong, gọi Tả Quân là bác ruột, đều bị lên án chém[25].

Tả Quân phu nhân là Đỗ Thị Phận cũng được miễn tội[26].

Năm Tự Đức nguyên niên (1848), quan Đông Các Đại học sĩ là Võ Xuân Cẩn làm sớ tấu xin gia ân cho bọn con cháu Nguyễn Văn Thành,

Lê Văn Duyệt và Lê Chất...[27].

Vua y. Năm sau (1849) dạy thủ tiêu tấm bia "phục pháp" và sai sở tại xây đắp lại mộ Tả Quân, cùng phu nhân, như ta thấy ngày nay, tại nơi khói hương nghi ngút mà toàn dân Nam Việt thường đến chiêm bái... vừa là cầu phúc, vừa là để tưởng nhớ tới một vị anh hùng đã từng làm vang tiếng người Việt Nam, hồi đầu thế kỷ trước, trong suốt miền Đông Nam Á[28].

(Trích *Phổ thông* - Sài Gòn, xuất bản 1956, trang 84 - 99)

---

(1) Chaigneau làm quan trong Triều từ đời Gia Long cho đến năm Minh Mạng thứ 4 (1824), mới xin từ chức.

(2) Cao Hoàng có ý này đã lâu. Ngay từ năm Giáp Tuất (1814), gặp lúc tang Thừa Thiên Hoàng Hậu (thân mẫu sinh ra Đông cung Cảnh), Gia Long đã để Hoàng tử Đảm làm thừa tự và chủ tế. Nhân dịp này, ta nên nhớ rằng thời xưa nước ta không có đạo luật nào bó buộc nhà Vua trong việc chọn tự quân, như ở các nước Tây phương (Anh, Pháp). Nguồn gốc của pháp luật, nhà Vua muốn chọn ai thì chọn, có thể chọn con nuôi, hay người ngoài cũng được. Trong số các con, dù là con Hoàng hậu hay con thứ phi, nhà Vua muốn chọn ai cũng được nốt, tùy theo một tục lệ thông thường (nhưng không bó buộc), các vị vua chúa thường chọn con cả. Chúa Võ Vương, hồi sinh thời đã chọn con thứ 9 là Hiệu làm thế tử....

(3)Tức ngôi dự bị để nối ngôi Vua.

(4) Trong cuộc tôn cử này, các đại thần đều phát biểu ý kiến. Duy có Trịnh Hoài Đức cứ lặng thinh. Khi Cao Hoàng hỏi đến, Đức tâu: "Tri tử mạc nhược phụ, gia sự bất tất vấn ngoại nhân" (Hiểu con không ai hơn cha, chuyện trong nhà cần chi hỏi người ngoài). Thật là khôn khéo. Không nên lạ sau này Đức làm tới nhất phẩm, Cần Chánh Đại Học Sĩ, chức lớn nhất Nguyễn Triều.

(5) Tả Quân giữ chức Tổng Trấn Gia Định 2 lần: lần đầu (1812-1816) vì có loạn Cao Miên. Năm 1816 Cao Hoàng triệu về Kinh để bàn việc lập Thái tử; lần thứ hai (1820-1832), vì có loạn Thổ Kế. Trong những năm 1816 đến 1819 thì chức

Tổng Trấn do Nguyễn Huỳnh Đức và Nguyễn Văn Nhân giữ.

(6) Theo luật Gia Long thì con gái Lý, vì cha phải tội, phải biếm vào lãnh cung.

(7) An Giang là tỉnh mới lập, do Vĩnh Thanh chia ra làm 2, một nửa là tỉnh Vĩnh Long, một nửa là tỉnh An Giang.

(8) Người Bắc hay Trung, làm loạn, phải đày vào Nam. Thời xưa, những kẻ làm loạn thường phải tội đày biệt xứ, ở Bắc thì vào Nam, ở Nam thì ra Bắc.

(9) Đó là một sự mới lạ, nhưng thật là một chính sách khôn khéo của Khôi để có vây cánh trong dân gian.

(10) Nghe tin quân Triều đình tới, Khôi có sai sứ sang Xiêm xin cho quân sang cứu viện. Xiêm Vương bấy lâu bị Tả Quân trấn thủ Gia Định, bảo hộ Chân Lạp và luôn luôn hăm dọa, được dịp trả thù, bèn vội vã nhận lời, và cử ngay hai đạo binh sang cứu Khôi. Quân Xiêm bị Bình Khấu Tướng Quân Trương Minh Giảng đại phá ở Vàm Nao. Bao nhiêu chiến thuyền đều bỏ cả, quân Xiêm sống sót trốn theo đường bộ về nước, và dẫn theo rất nhiều thường dân Việt Nam.

Minh Mạng vì còn bận dẹp loạn các nơi, không có hỏi đến việc đó. Sau này khi người Pháp sang chiếm Nam Kỳ, Triều đình có sai Tuần Phủ Hà Tiên là Huỳnh Mẫn Đạt sang Xiêm La cầu cứu, và xin đòi người Việt bị bắt lúc trước. Xiêm không ứng cứu. Còn người Việt bị bắt, lúc đó đã có nhà cửa, ruộng nương ở Xiêm, không chịu về. Đi sứ về Đạt bị giáng cấp, bổ làm bố chính Mỹ Tho.

(11) Triều mời Khả sang thuyền mình uống rượu, rồi khi Khả say sai giết.

(12) Thành này xây theo kiểu Tây phương khi Gia Long còn ở Gia định, Năm Minh Mạng thứ 10 (1829). Tả Quân có sửa chữa lại cho thêm phần kiên cố. Tường cao 5m50, toàn xây bằng đá ong Biên Hòa.

(13) Sau này, khi đào móng xây Nhà thờ lớn Sài Gòn, người ta còn thấy một lớp than dày chừng 30 phân. Có lẽ đó là di tích của kho lương thực trong thành Phiên An, bị đốt cháy khi quan quân hạ được thành.

Ngoài ra người ta còn thấy những tiểu sành đựng thi hài trẻ con. Có lẽ vì trong thành bị vây, thiếu gỗ làm săng (hòm) cho nên mới phải chôn hài nhi bằng tiểu sành.

Việc vây thành Gia Định lâu đến nổi ở Kinh Thành vợ những binh lính tòng chinh thường hát ru con như sau:

"Bao giờ đánh đặng thằng Khôi.
Lấy thành Gia Định chồng tôi mới về."

(14) Theo Jean Silvestre, trong số 6 người đó có: 1 ông thầy tu Pháp tên là Marchand (cố Du), một đứa con Khôi 7 tuổi và một người Tàu tên là Mạch Tấn Giai.

Theo Trương Vĩnh Ký thì cố Du tự ý theo Khôi, với hoài vọng lập ở Gia Định một nước sùng đạo Gia tô. Cố Du bị Triều đình buộc hai tội: giúp Khôi làm phản và viết 1 bức thư sang Xiêm, giao cho một giáo dân cầm đi, nhờ Xiêm đem binh cứu viện (Viện quân Xiêm có tới nhưng bị quân Triều đình đánh tan). Mạch Tấn Giai khai rằng: mục đích Khôi là đặt con Hoàng tử Cảnh tức Hoàng Tôn Đán lên ngôi, và cố Du và Triều đều hết lòng giúp Khôi trong việc đó.

Tất cả 6 người đều phải tội tùng sẻo. Tội nhân đều bị lột trần, trói vào một cái cột, hai bên có hai đao phủ mỗi tên cầm 1 con dao sắc, cứ nghe tiếng trống đánh thùng một cái, thì hai tên đao phủ cầm dao sẻo một miếng thịt rồi vứt xuống đất. Thái Công Triều và Nguyễn Chương Đạt cũng bị tội này, nhưng xét công lao của

hai người trước và sau việc Gia Định đều được giảm tội và chỉ bị chém đầu.

(15) "Loạn quân bắt chung một lưới giết hết".

(16) Ở vào chỗ mà sau này người Pháp xây trại thủy quân của họ.

(17) Trong đạo dụ Minh Mạng ban xuống, kể tội Tả Quân Duyệt có câu: "Đắp thành Phiên An tiếm bằng kinh thành, hào thì đào sâu hơn. Nếu bảo thành cao, hào sâu để phòng giặc Xiêm, thì đường bể phải phòng ở Hà Tiên, đường bộ phải phòng ở Chân Lạp, có lẽ nào bỏ trống tỉnh An, Hà, Long, Tường không giữ, mà lại giữ ở Phiên An hay sao? Thế là rõ ràng phòng Triều đình chớ không phải phòng ngoại hoạn."

(18) Trong sớ đó có câu: "...Nay Duyệt mất rồi, sự trạng dẫu không có thể tường cứu được, nhưng cứ xem cháu hắn là Lê Văn Hán trước đây ra vào trong thành, nhập đảng với nghịch Khôi và đem Bạch Xuân Nguyên làm đuốc để tế từ đường, thì tâm tính của Duyệt tưởng không xét cũng rõ. Nếu không bắt tội, e không làm gương được cho người đời sau."

(19) Năm Minh Mạng thứ hai (1821), Tả Quân sai Nguyễn Văn Độ qua Tân Gia Ba mua thuốc, đạn, súng ống. Lúc về thuyền bị bão, lạc vào xứ Miến Điện (Myanmar). Nhằm lúc ấy Miến đang chiến tranh với Xiêm muốn cầu cứu Việt Nam, vua Miến tiếp Độ rất ân cần. Khi thuyền Độ về, vua Miến sai sứ đi theo, sang yết kiến Minh Mạng, để nối tình giao hảo. Tả Quân vốn ghét Xiêm, rất sốt sắng với việc liên minh với Miến. Bèn dâng sớ lên, xin giao hiếu với Miến, Minh Mạng bác, hạ chỉ đuổi sứ Miến ra khỏi bờ cõi. Triều đình nghị tội Tả Quân giao thông với ngoại quốc, là ở sự tích đó.

(20) Năm Minh Mạng thứ 7 có tàu Anh bạt phong vào cửa Bình Thuận. Tả Quân xin đưa tàu đó vào Gia Định và trong sớ có nói: "Quan trấn thủ Bình Thuận kiềm thúc, không bằng thần có quyền, khiến cho kẻ kia sợ tướng lệnh và biết oai".

Đình thần cho rằng mấy chữ: *thần có quyền*, thật là kiêu hãnh, đáng tội chém.

(21) Thị vệ Tình, nhân có công vụ tại Gia Định, về Triều có tâu việc Tham tri tào hộ thành Gia Định là Trần Nhật Vĩnh, một tâm phúc của Tả Quân, ỷ thế của chủ làm càn, giàu có cự vạn, mọi người đều sợ. Vua có sai mật sứ hỏi rõ hết tình hình mà Tả Quân không hay. Đến sau phát giác, Vĩnh bị kiện giải về kinh hạ ngục. Duyệt dâng sớ nhận tội mình dùng người bất chánh. Vua xuống dụ tha tội và khuyên nên tận trung để bảo toàn công thần danh dự.

(22) Lê Đại Cương, có chỉ tuyên triệu, nhưng Tả Quân cố ý xin lưu lại, làm việc tại Lạc Hóa, Đình thần cho là vi chiếu. Tội chém.

(23) Tả Quân xin được quẻ thẻ có 4 câu thơ sau:

"Giúp Hán há thua cùng tướng Hán,
Phò Chu nào kém bọn tôi Chu
Trần Kiều nếu gặp cơn binh biến,
Mảnh áo hoàng bào dễ ép nhau".

Đình thần cho rằng Tả Quân khoe bài thơ đó là có bụng bất trung.

(24) Tương truyền rằng từ khi bia đó dựng ở trên mộ Tả Quân thì hễ tối trời, người ta đi qua lại thường nghe thấy tiếng khóc, hay tiếng người ngựa lao xao. Dân cư không ai dám gần. Nhưng từ khi tấm bia đó hủy đi (1849), những tiếng đó không còn nữa.

(25) Hai bà vợ, vì là người trong hoàng tộc, được miễn tội chết. Cũng nên nhắc lại rằng năm 1803, thân sinh Tả Quân là Lê Văn Toại, từ Gia Định vào Kinh yết kiến vua (Gia Long). Vua phân hỏi rất lâu, rồi dạy Toại nên dùng Lê Văn Yên (con trai của Lê Văn Phong, em Lê Văn Duyệt, làm đến Tả Dinh Đô Thống chế) làm con. "Con của anh em cũng như con mình. Thế thì Duyệt có con rồi vậy".

(26) Vì theo pháp luật Hoàng Triều, một người hoạn không có vợ, Tả Quân ở trong trường hợp đó nên Đổ Phu nhân không được coi là vợ. Ít lâu sau phu nhân cũng buồn rầu mà mất. Mộ phu nhân hiện ở ngay cạnh mộ Tả Quân.

(27) Bọn... Lê Văn Duyệt.. Nguyễn Văn Thành, Lê Chất, đều có lòng theo mây đội gió, xông pha chỗ mũi tên hòn đạn, thân làm đại tướng, tước đến Quận Công, sau hoặc vì con dại, hoặc vì cậy công mà làm thành tội. Dù bọn Nguyễn Văn Thành có tội; thì tội đã trị rồi mà công thì không hỏi đến, chẳng hóa ra đem cái công lao bách chiến mà để đến nổi cái tàn hồn phải bơ vơ như ma trơi ngoài đồng, khác nào quỷ Mạc Ngao không ai thờ ...".

Sử gia Trần Trọng Kim cho rằng vua Dực Tôn xem bài sớ ấy cảm động lắm bèn truy phong cho bọn Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt, Lê Chất và cấp phẩm hàm cho các cháu.

(28) Khi Tả Quân Lê Văn Duyệt được gỡ oan hương chức làng Long Hưng (Rạch Gầm) có đem ra trình một người cháu trai của Lê Văn Phong (em ruột Tả Quân) tên là Lê Văn Niên, lâu nay lẫn mình lánh án.

Năm Tự Đức thứ 10 (1868) Lê Văn Duyệt được truy phục là: "Vọng Các công thần, Chưởng Tả Quân, Bình Tây tướng quân, Quận Công" và được thờ tại Trung Hưng Công Thần Miếu.

Lê Văn Duyệt

PHAN KẾ BÍNH

Lê Văn Duyệt tổ tích nguyên người Quảng Nghĩa, cha là Toại, thiên cư vào ở Định Tường, sinh được 4 trai, Duyệt là con trưởng. Khi sinh ra vốn người ái nữ, hình thể ngắn ngủi, nhưng có tài tinh nhanh, sức khỏe mạnh. Khi 14 tuổi, thường than rằng: "Sinh ở đời loạn, mà không hay kéo cờ giống trống làm đại tướng, để lưu công danh ở sách sử, thì không phải là tài trai".

Năm Canh Tỵ, đức Thế Tổ lên ngôi vua tại Gia Định, Duyệt mới 17 tuổi, được sung vào làm Thái giám nội dinh, sau được thăng làm cai cơ, quản hai đội quân thuộc nội, theo hầu đức Thế Tổ sang Xiêm La.

Năm Đinh Mùi, đức Thế Tổ về thu phục Gia Định, Duyệt thường theo đi chiến trận, cùng chư tướng bàn luận việc binh, đức Thế Tổ thấy vậy lấy làm trọng, thung dung hỏi rằng: "Ngươi cũng biết việc binh à?", Duyệt thưa rằng: "Biết". Đức Thế Tổ nói: "Binh cơ là việc lớn, ngươi sao nói khinh dị làm vậy?", Duyệt thưa: "Sơn tặc là quân vô đạo không bao lâu nữa cũng tự diệt mà thôi. Nay ta lấy người nhân mà đánh kẻ bạo, thế như chẻ tre, tôi không cho gì làm khó cả".

Nhân xin mộ binh theo về cánh Tả quân, rồi phụng mệnh ra đánh Quy Nhơn, được thăng làm thuộc nội vệ úy, theo về quân Thần sách.

Năm Kỷ Mùi, đức Thế Tổ sai Duyệt và Tống Viết Phúc đem quân ra án ngữ Bình Đề. Khi ấy đức Thế Tổ nghe tin có mấy vạn quân Tây Sơn kéo vào đánh, ngài sai Trung sứ ra hỏi tình trạng, Duyệt cùng Viết Phúc tâu rằng: "Có hai chúng tôi ở đây, chẳng lo sợ gì giặc". Lại trỏ núi trước mặt nói rằng: "Đây là chốn hai chúng tôi cùng liều sống thác với giặc đó". Trận ấy quả nhiên thu phục được Quy Nhơn.

Năm sau, tướng Tây Sơn lại vào vây Quy Nhơn, quan quân ra cứu viện chỉ lênh đênh ngoài bể, không đánh vào được cửa bể Thị Nại, đức Thế Tổ muốn dùng chước hỏa công, bèn sai Duyệt cùng Võ Di Nguy đem thủy quân xông vào đánh, quân giặc ở trên đồn bắn xuống như mưa, Di Nguy bị đạn ngã lăn xuống nước. Duyệt cũng không đoái lại nhìn chi, chỉ gia sức xông vào mà đánh. Đức Thế Tổ thấy tướng sĩ chết hại nhiều, ba lần cho tên tiểu sai truyền dụ bảo Duyệt tạm lui quân. Duyệt nhất định xin liều chết mà đánh, bảo tên tiểu sai rằng: "Tôi xin cứ tiến vào, chớ không lui". Liền thúc quân xông vào cửa bể, thuận gió tung lửa ra đốt hết thuyền giặc. Trận này ở sử cho là một trận *võ công đệ nhất* khi ấy là 19 tháng giêng năm Tân Dậu.

Bấy giờ các tướng khuyên đức Thế Tổ đem quân ra đánh úp Phú Xuân, nhưng ngài còn dùng dằng chưa quyết, Duyệt tâu rằng: "Việc binh quí hồ thần tốc, mưu mô cốt phải quả quyết. Nay đóng quân mãi ở đây, thời mỏi mệt mà vô công; tiến ra lấy được Phú Xuân, thời thành Bình Định này không phải đánh mà tức khắc giải vây; đó là một chước đánh cờ thí xe vậy". Đức Thế Tổ nghe lời, quả nhiên thu phục được Phú Xuân.

Năm Nhâm Tuất, Gia Long nguyên niên, Duyệt được thăng làm Khâm sai chưởng Tả quân doanh Bình Sơn tướng quân, tước quận công, cùng Lê Chất đem binh bộ đi tiên phong, dẹp yên Bắc Hà.

Khi ấy có vua Chân Lạp là Nặc Chân phải Xiêm La đánh đuổi, chạy sang Gia Định. Đức Thế Tổ cho Duyệt vào làm Tổng trấn Gia Định, để điều đình xử trí việc Xiêm, Lạp, và đưa Nặc Chân về nước. Duyệt tâu xin đắp thành Nam Vang (Pnom-Penh), thành Lư Yêm để lưu quân bảo hộ Chân Lạp.

Trước kia Duyệt vốn là tì tướng, thường phải theo tiết chế Nguyễn Văn Thành. Lúc lâm trận, tính Thành hay trì trọng, mà Duyệt thì quả cảm hăng hái, thường lập được công to, uy danh lừng lẫy cũng bằng Thành. Nhưng Thành ghét Duyệt là người quyến giới, bởi thế hai người không hòa với nhau.

Khi ấy có người Thanh Hóa là Nguyễn Hữu Nghi trước làm môn khanh Nguyễn Văn Thành, vì phải quở trách, trốn sang làm môn hạ Duyệt. Nghi lại sai tên Nguyễn Trương Hiệu sang theo hầu Thuyên là con Thành, để rình xem Thuyên làm những điều gì. Sau Hiệu lấy được một bài thơ đem đưa cho Nghi. Nghi nói với Duyệt rằng: "Con Thành là Thuyên làm thơ chiêu dụ người đồng quận, lời rất bội nghịch". Duyệt tin lời Nghi, mật

đem bài thơ ấy tâu vua; việc án Thuyên gây ra từ đó.

Năm Minh Mệnh nguyên niên, Duyệt lại vào trấn thủ Gia Định, dẹp yên giặc sư Kế ở Chân Lạp.

Năm Minh Mệnh thứ 13, Duyệt thấy ngoài Bắc thành, chia thành tỉnh, bãi chức Tổng trấn; chỉ duy thành Gia Định còn có Duyệt cho nên chưa bãi. Duyệt nghĩ mình già yếu, dâng sớ từ chức, vua không cho.

Ngày 30 tháng 7 năm ấy, (1832) Duyệt mất, thọ 69 tuổi. Duyệt làm việc hay tự chuyên, dụng hình hay quá lạm. Nhưng một lòng báo quốc, phấn chấn chẳng nghĩ chi đến mình, vậy nên được lòng kẻ tướng sĩ, đem quân đi đánh, không thua trận nào.

Thủy chung bốn lần đi dẹp giặc mán Vách Đá ở Quảng Nghĩa, quân mán rợ đều khiếp sợ uy phong, hễ kéo quân đến thì giặc mán đều tan trốn cả.

Khi ra kinh lược Thanh, Nghệ, những kẻ đào phạm ở Bắc Thành cùng kẻ thổ tù ở mặt thượng đạo đều về đầu thú.

Hai lần trọng trấn Gia Định, hưng lợi, trừ hại, dẹp giặc, yên dân, uy danh lừng lẫy, người Xiêm khiếp sợ, hễ khi nào có sứ bộ sang, thì người Xiêm lại hỏi thăm rằng: "Lê công có được mạnh khỏe không?"

Duyệt mất rồi, thành Gia Định đổi tên là Phiên An, đặt ra Tổng đốc, Bố chính, Án sát, Lãnh binh. Khi ấy Bố chính là Bạch Xuân Nguyên sách nhiễu tham lam, tự xưng là phụng mật chỉ truy xét việc riêng của Duyệt, sai bắt lũ Lê Văn Khôi[1] là bộ hạ Duyệt để tra hỏi. Khôi sợ phải tội, mưu làm phản; đêm hôm 18 tháng 5 năm Minh Mệnh thứ 14, Khôi ngầm dụ đảng lính Bắc Thuận[2] 27 người vào thành giết Bố chính Bạch Xuân Nguyên, và Tổng đốc Nguyễn Văn Quế, chiếm giữ thành Phiên An. Quan quân đánh mãi không phá được, đến năm Minh Mệnh thứ 16 mới dẹp yên. Đức Minh Mệnh truy trách là tại Duyệt nuôi lũ phỉ đảng để gây nên vạ. Các quan nội các đều dâng sớ kể tội Duyệt. Đình thần nghị xử kết án Duyệt đáng tội trảm 7 điều, tội giảo 2 điều. Sau xử án Duyệt phải truy đoạt quan tước, cuốc phẳng mộ địa, dựng bia đề tám chữ: "Quyền yêm Lê Văn Duyệt, phục pháp xứ." Con nuôi và cháu là Hán, Yên, Tề đều phải xử tử.

Mộ Duyệt ở Gia Định, từ đấy thường khi trời tối, đêm khuya, trong mộ hình như có tiếng quỉ khóc, hoặc tiếng người, tiếng ngựa ồn ào, nhân dân ở đấy không ai dám đến gần. Đến sau sai quan địa phương bỏ cái bia dựng ngày trước đi, và cho con cháu được xây mộ lại, thì tiếng khóc

ban đêm mới thôi.

(Trích "*Nam Hải Dị Nhân Liệt Truyện*, Mặc Lâm xuất bản, Sài Gòn 1968, trang 132 - 136)

---

(1) Là thổ mục Cao Bằng, mộ binh theo Duyệt vào Gia Định, làm Phó vệ úy.

(2) Là những thú đinh ngoài Bắc. Duyệt mộ làm lính cơ ở Bắc Thuận.

Lê Văn Duyệt trong hồi ký của John White, John Crawfurd

PATRICK.J.HONEY [1]

...Người Mỹ đầu tiên đặt chân lên đất Việt Nam là ông John White, tới Sài Gòn năm 1819. Ông ta rất khâm phục thành Sài Gòn thời ấy[2]. Theo lời ông White ghi chép lại thì "Đi ngược dòng từ Vũng Tàu trở lên, đây là mô đất cao đầu tiên, so với mặt nước sông thì cao hơn chừng 20 thước. Trước đây Sài Gòn là một vùng đồi, có rừng cây bao phủ, nhưng tổ phụ nhà vua Gia Long đã cho sang bằng ngọn đồi và đào hào sâu chung quanh, lấy nước sông qua các ngòi lạch dẫn vào hào. Chung quanh thành là một bức tường dày đắp bằng gạch, cao chừng 6, 7 thước. Thành hình chữ nhật, nhưng gần như vuông, mỗi bề dài độ ba phần tư dặm (khoảng hơn 1 cây số). Đứng đầu thành này có quan Tổng trấn, hồi ấy là Tả quân Lê Văn Duyệt, dưới trướng có nhiều võ quan khác. Bên trong thành, vườn hoa ngoạn mục, ở giữa là cung điện nhà vua, có hàng rào cao vây quanh. Cung điện là một tòa nhà lớn, một chiều chừng 30 thước và chiều kia khoảng hơn 20 thước, làm bằng gạch, có hành lang bốn phía. Sàn nhà cao hơn mặt đất, lát gỗ, có cầu thang bắc lên cửa chính vào cung điện. Mái nhà lợp bằng ngói tráng men bóng lộn, đắp rồng phượng có màu sắc sặc sỡ. Hoàng đế không hề vào thăm đất Sài Gòn từ khi bình xong nội chiến và vì thế cung điện không có ai ở, chỉ dùng để cất giữ ấn tín nhà vua và các văn thư. Trong thành có đủ chỗ để đóng tới 50.000 quân một cách dễ dàng...

Nhân vật xuất chúng bấy giờ hiển nhiên là Lê Văn Duyệt. Ông White đã tỏ ý rất kính phục Tả quân ngay sau lần hội diện đầu tiên. Ông có ghi lại như sau: "Dáng điệu và phong độ của ông này (Lê Văn Duyệt) có vẻ uy nghi lẫm liệt. Ông có vẻ một đại thần đầy kinh nghiệm nhưng vẫn giữ

được đức độ cương trực của con nhà tướng. Tính tò mò muốn hiểu biết và cách thức ông lựa vấn đề đem bàn tỏ ra ông là người có đầu óc phóng khoáng, luôn luôn muốn trau dồi kiến thức. Những lời bàn chính đáng của ông trong nhiều vấn đề tỏ ra ông có một khả năng tự nhiên rất mạnh và tầm kiến thức rất rộng. Chiến sự, chính trị, tôn giáo và những phong tục tập quán của các nước Âu Tây là những vấn đề mà ông bàn cãi đến một cách chăm chú... Khi óc tò mò của ông đã được thỏa về những đặc điểm ấy, thì ông tỏ vẻ khâm phục trí thông minh, tài khéo léo và sức mạnh của "Olan" (Hòa Lan) mà nói đến Hòa Lan tức là ông muốn nói đến Âu Tây. Rồi ông xúc động, như thể lòng tự ái bị tổn thương, ông than phiền về tình trạng tương đối còn thô lậu dã man trong đất nước ông". Xuống dưới nữa, John White viết: "Sau khi gặp gỡ bậc vĩ nhân đó, ai cũng phải cảm thấy tiếc rằng lịch sử đã không xui khiến để ngôi báu lọt vào tay ông, vì ông mới là người biết dùng quyền lực để bồi đắp sự vinh quang và hạnh phúc của dân tộc, hơn hẳn ông vua độc tài thuở ấy...".

Đối với những quan lại khác mà ông gặp thì John White chỉ tỏ ý khinh bỉ. John White kể lại rằng họ có những bộ điệu ta đây, làm ra quan trọng, nhưng cư xử như những đồ phàm tục, luôn luôn ngửa tay xin rượu Tây và uống cho đến khi say túy lúy và cãi nhau om xòm. Bọn quan lại này luôn luôn xin quà, bất cứ cái gì họ xin được của người Mỹ là họ đem về nhà. Trong sự giao dịch hành chính thì họ vừa bất lực vừa tham nhũng, họ đớn hèn đến nỗi có thể đương kiểm tiền của người, mà ăn cắp mấy đồng nhét vội vào tay áo. Khi vị Khâm sai Lê Văn Duyệt không có mặt tại Sài Gòn thì vị quan quyền chức này có cái thói xấu là hay ném pháo để dọa khách khứa và mua tích trữ những số đường lớn để cho giá đường lên cao rồi đem bán cho khách ngoại quốc. White còn tả hệ thống quan liêu rất phức tạp của rất nhiều viên chức. Ai muốn tới buôn bán cũng phải đút lót những viên chức ấy. Nếu không chịu lễ lạc một phần tử nào trong cả guồng máy ấy thì tức thời công việc không những bị đình trệ, mà còn bị những hậu quả trái ngược rất rõ rệt.

...Phái bộ mà Toàn quyền Anh ở Bengale gởi qua Thái Lan và Việt Nam để mở liên lạc thương mại với hai nước này đã tới Vũng Tàu vào năm 1822. Ông trưởng phái đoàn này, John Crawfurd, sau này được bổ làm toàn quyền Tân Gia Ba, đã qua Sài Gòn nhưng chỉ ở lại đất Việt mấy ngày. Không như thuyền trưởng Mỹ White đã tới Sài Gòn trước ông ít lâu, Crawfurd cũng qua thăm cả Trung kỳ, đáp tàu men theo bờ biển tới

Tourane rồi từ đó dùng đường bộ lên kinh đô Huế. Crawfurd đã giữ một tập nhật ký về chuyến công du này và tôi muốn được trình bày cùng quý vị về những cảm tưởng và ý kiến mà ông đã phát biểu trong tài liệu đó[3].

Để tàu ở lại Cần Giờ là nơi tất cả thuyền bè ngoại quốc phải tới khai báo với viên chức hữu trách, Crawfurd và phái đoàn của ông lên Sài Gòn bằng những con thuyền nhỏ được cử ra để chở phái đoàn của ông lên Sài Gòn. Từ Sài Gòn, chính quyền địa phương đã phái bốn con thuyền và bảy viên quan ra tiếp phái đoàn Anh. Chất lượng những con thuyền này có thể được lượng định bởi thời gian đi ngược dòng sông lên Sài Gòn mất tất cả 10 giờ đồng hồ. Mỗi con thuyền được chèo bởi 40 thủy thủ, người nào người nấy đều mặc quần áo đỏ và đội những nón lá có điểm thêm lông gà trống.

Bài của Crawfurd mô tả thành phố Sài Gòn cũng tương tự như bài của John White. Tuy nhiên, Crawfurd đã nói thành phố này hồi đó gồm hai thị trấn, cái bây giờ gọi là Chợ Lớn thì hồi đó gọi là Sài Gòn và cái bây giờ gọi là Sài Gòn thì hồi đó gọi là Bến Nghé. Một trong những thói tục kỳ lạ ở đó mà White đã không nhắc tới là tục trả lộ phí sang sông. Nhận thấy chỉ đàn bà con gái là phải trả tiền đò, còn đàn ông con trai được miễn tiền, Crawfurd bèn hỏi nguyên do thì được biết rằng tất cả trai tráng được coi như làm việc cho chính quyền nên được miễn đò phí.

Theo Crawfurd thì nhà cửa của thương gia Trung Hoa trông đồ sộ hơn nhà cửa của người Việt nhiều. Đang khi ông đi thơ thẩn trong thành phố thì ba gia đình Trung Hoa loại khá giả nhất đã ra cửa mời ông vào chơi. Bên trong những ngôi nhà của họ trông thật rộng rãi, đồ đạc rất nhiều và tiện nghi cũng đầy đủ. Và Crawfurd lại càng lấy làm ngạc nhiên khi thấy họ đã làm những bữa ăn thịnh soạn để thết đãi không những ông và tùy tùng mà cả những quân sĩ Ấn và Việt theo hầu nữa. Những người Trung Hoa đó, tự giới thiệu là con cháu của những người đã di cư từ Trung Quốc sang từ hàng mấy thế kỷ trước, những người đó đã khiến Crawfurd rất cảm phục vì ông đã mô tả họ như những người "rất thông minh và lịch thiệp".

Điểm đáng chú ý thứ hai trong bản tường trình của Crawfurd là khi ông mô tả phong độ Tả quân Lê Văn Duyệt. Crawfurd đã viết như sau về đức Tả quân: "Ai cũng biết Tả quân xuất thân làm hoạn quan, nhưng nếu không được người khác cho biết thế thì chúng tôi đã không thể nào tự tìm hiểu được điều đó. Đã đành là ông hoàn toàn không có râu, nhưng râu ria người Nam kỳ là điều rất hiếm mặc dầu họ rất ưa để mọc

ít nhiều. Giọng nói của ông thì cũng nhỏ nhẹ nhưng không tới độ khiến ta nghi ngờ. Là người đã đóng góp một phần quan trọng trong cuộc chiến và cuộc cách mệnh vừa qua ở Nam kỳ, ông là một nhân vật hoạt bát và thông minh. Ông cũng là một người nhỏ nhắn và mảnh khảnh nhưng trông vẫn khỏe và chẳng hề đau ốm gì trừ bệnh đau răng đã khiến cho ông bị mất gần hết hàm răng. Những vị quan lại khác thì bận những thứ quần áo lụa thêu thùa đủ kiểu, nhưng Tả quân thì, trái lại, hình như hoàn toàn không để ý tới cách ăn bận và chỉ mặc một bộ áo dài thâm và vấn quanh đầu một chiếc khăn nhiễu cũng màu đen".

Tả quân Lê Văn Duyệt đã cho trình bày với phái đoàn Anh mấy trò giải trí trong thành. Theo nguyên văn của Crawfurd thì "rất nhiều người Việt Nam đã tới xem cuộc vui này để được chứng kiến một vụ xung đột giữa hổ và voi. Con hổ này đã được buộc vào một sợi thừng lỏng dài chừng 30 thước cho nó có thể đi lại xung quanh một cột gỗ đóng dưới đất. Mõm con vật đáng phàn nàn này đã được khâu lại trước cuộc tranh tài, môi dưới và môi trên sát hẳn với nhau để nó không thể mở mõm. Móng hổ đã bị rút bằng kìm để cho con vật không làm hại được voi. Tuy nhiên, con hổ đó, một con vật rất lực lưỡng, trông rất khỏe mạnh và giận dữ. Đối diện với hổ ở một khoảng xa là 46 con voi đực to lớn và trên cổ mỗi con voi đều có một anh quản tượng. Khi lệnh đánh được ban ra thì con voi thứ nhất bèn tiến lên hùng dũng và cứ trông con mắt của voi thì chúng tôi cứ tưởng nó sẽ đánh tan xác đối thủ của nó ngay. Vào vòng chiến, con voi bèn lấy ngà húc con hổ và ném hổ ta ra xa tới 6, 7 thước. Nhưng con hổ đâu chịu thua và nhảy lên mình voi định với đánh luôn cả anh quản tượng đang vắt vẻo trên đầu voi. Con voi sợ quá, co cẳng chạy mất. Con hổ đuổi theo cho tới khi bị thừng ngắt lại mới thôi. Con vật chạy trốn, tuy chẳng bị thương tích gì nhưng gầm lên một cách rất thảm thương và người quản tượng không làm được cách nào cho nó tái chiến. Sau đó ít lâu thì chúng tôi thấy một kẻ bị trói do hai sĩ quan đưa lên Tả quân. Người đó là viên quản tượng xấu số và ngay lúc đó y bị phạt 100 trượng. Kẻ bị đánh bị nọc xuống đất, một người ngồi lên đầu, một người khác giữ chân anh ta và một số quân sĩ khác tiếp tay đánh cho đủ số 100 hèo. Hình phạt cử hành xong thì hai người khác đến khiêng kẻ bị phạt đi vì lúc đó anh ta đã chết ngất. Trong khi hình phạt này diễn ra thì Tả quân vẫn cứ nhìn cuộc đấu giữa voi và hổ một cách bình thản như chẳng có gì đặc biệt xảy ra. Sau khi 10 hay 12 con voi đã tiến đánh con hổ thì con vật này mới chết, phần lớn là bị voi húc rồi quẳng xuống đất. Sức lực của

những giống vật này thật vượt quá những gì tôi có thể tưởng tượng được. Có con đã ném được con hổ xa tới 10 thước khi hổ ta gần chết và không chống cự được nữa. Chúng tôi không khỏi kinh hãi khi nghĩ rằng chính những con vật đó có nhiệm vụ hành quyết những kẻ tội phạm bị án tử hình. Vào những dịp đó thì chỉ cần một cái ném như mô tả ở trên cũng đủ để giết tội nhân. Ai cũng bảo với tôi như thế".

Đây là một trong những trò giải trí có thể xem được ở Sài Gòn vào thuở ấy. Lại còn một tập quán của người Việt, một tập quán đã mất đi từ lâu, đã được phái bộ Crawfurd chứng kiến khi đi chơi trong thành phố. Ở một đường phố, họ gặp hai người đang cãi nhau dữ dội. Cả hai đều ngồi dưới đất và một người thì níu lấy thắt lưng của người kia. Đó là một chị đàn bà đang giữ một anh hoạn quan và the thé tố cáo anh ta đã lấy tiền bạc hay đồ vật gì của chị ta. Hình như làm vậy tức là chị ta đã làm theo một thói tục của người Việt. Theo thói này thì khi ai muốn tố cáo một người khác lấy của mình bất cứ cái gì thì mình chỉ cần níu lấy thắt lưng của người đó. Và luật pháp buộc người bị níu phải chịu để cho người bắt giữ và không được kháng cự chi cả.

Phái bộ Anh không ở lại Sài Gòn lâu vì Crawfurd rất nóng lòng muốn ra Huế đề nghị liên lạc thương mại với vua Minh Mạng. Trước khi đi, ông ngạc nhiên thấy rằng Tả quân Lê Văn Duyệt đã từ chối những tặng phẩm mang lên biếu người, nói rằng nếu nhận những tặng phẩm đó thì người nợ phái đoàn Anh một món nợ và phải thúc giục vua Minh Mạng chấp nhận đề nghị của người Anh. Tả quân chủ trương rằng những đề nghị của phái đoàn Anh phải được cứu xét căn cứ trên chân giá trị của chúng và nhà vua có quyết định gì thì sự quyết định đó phải ở bên ngoài sự tán vào của những ông quan đã nhận quà biếu của phái đoàn Anh. Tả quân cũng cho biết rằng ông sẵn sàng nhận quà của người Anh một khi cuộc đàm phán giữa hai nước kết thúc. Thái độ của Tả quân lại càng đáng kính phục khi ta nhớ rằng thuở ấy các viên chức khắp châu Á xem những quà biếu như một quyền hạn và lắm lúc còn đòi khách ngoại quốc phải biếu xén họ.

(1) Trương Ngọc Phú chú giải.

(2) Thành Sài Gòn mà J. White nói đây thường gọi là Gia Định thành. Thành xây cất năm 1790 trên một gò cao thuộc làng Tân Khai, huyện Bình Dương, trấn Phiên An, do sĩ quan Olivier Puymanel trông coi. Thành xây theo kiểu Vauban, tám góc ám theo bát quái, theo hình hoa sen, mở ra 8 cửa, chữ gọi là Qui Thành. Theo Trịnh Hoài Đức trong Gia Định thành thông chí, thành có kích thước sau: từ bắc đến nam, từ đông sang tây đo được 131 trượng 2 thước, chân thành dày 7 trượng 5 thước, hào thành rộng 15 trượng 5 thước (*Đại Nam nhất thống chí* ghi 10 trượng 5 thước), sâu 14 trượng, có xây điếu kiều. Ngoài thành có đắp lũy bằng đất. Thành xây bằng đá ong Biên Hòa kiểu lục lăng. Đời Tổng trấn Lê Văn Duyệt cho xây thành cao thêm 1 thước 5 tấc. Đời Minh Mạng, thành đổi tên Phiên An (Phan Yên). Năm 1835 thành bị triệt hạ sau khi binh triều đình đánh thắng Lê Văn Khôi. Dựa trên móng thành cũ, Minh Mạng cho xây một thành khác và thành này bị phá sau khi Pháp đánh chiếm Gia Định năm 1859. Thành mới xây năm 1836 có 4 cửa, chu vi 429 trượng, cao 10 trượng 3 tấc, hào sâu 7 thước, hào rộng 11 trượng 4 thước ở làng Nghĩa Hòa, huyện Bình Dương, người Pháp gọi là "Citadelle de Sài Gòn".

(3) Xem: John Crawfurd, Journal of an embassy from the governor general of India to the courts of Siam and Cochin China, exhibiting a view of the actual state of those Kingoms. London, Henri Colburn, 1828, VII-598 trang.

J. Crawfurd sinh 13-10-1783 tại đảo Islay (quần đảo Hébrides) và mất ngày 11-5-1868 ở nam Kensington, vốn là nhà Đông phương học Anh quốc. Ông được gởi sang Ấn Độ với tư cách một bác sĩ vào khoảng năm 1799, rồi sau đó về Anh năm 1817. Ông trở lại Ấn Độ rồi được cử làm đại diện thương mãi bên cạnh triều đình Xiêm La và xứ Nam Hà. Phái đoàn John Crawfurd đáp tàu John Adam rời Ford William ở Calcutta ngày 21-11-1821 và về lại Calcutta ngày 29-12-1822. Trong chuyến đi này ông ghé nhiều nơi thuộc vùng Đông Nam Á.

Tại Việt Nam, ngày 22-8-1822 ông đến đảo Côn Lôn, ngày 24-8, đến Vũng Tàu, ngày 29-8 đến Sài Gòn, ngày 3-9-1822 rời Sài Gòn ra miền Trung. Ngày 15-9 tàu đậu ở cửa Đà Nẵng. Ngày 26-9 đến Huế, rời Huế ngày 17-10-1822. Ngày 22-10-1822 thăm Hội An (Faifoo), 24-10 trở về Đà Nẵng. Rời Đà Nẵng ngày 31-10-1822 và ngày 16-11-1822 đến Tân Gia Ba.

Tổng trấn Lê Văn Duyệt với việc đào sông Vĩnh Tế

NGUYỄN THIỆU LÂU

Từ Châu Đốc đến Hà Tiên dọc theo biên thùy Campốt, ta có một con sông đào to, dài trên dưới một trăm cây số. Sông này là sông Vĩnh Tế.

Người phụ trách đào là Gia Định thành Tổng trấn Lê Văn Duyệt.

Đào từ năm 1819 đến năm 1824 mới xong, có tháng huy động đến năm sáu chục ngàn nhân công.

Thật là một công tác vĩ đại, một vinh dự cho nông dân và quân đội Việt Nam, vì đây là một công tác cộng đồng...

*

* *

Lịch sử con sông đào Vĩnh Tế như sau:

Chúng ta tưởng tượng là miền Châu Đốc đến Hà Tiên, trước đây ngót một thế kỷ rưỡi. Toàn là bùn lầy nước đọng trong mùa mưa. Các rạch đầy cỏ, đầy rắn, mà nhiều thứ rắn độc. Làng mạc lơ thơ chỗ này dăm nhà, chỗ kia vài nhà. Mùa mưa cấy lúa gạo, mà là thứ lúa không tốt, vì chất đất là phèn. Mùa hanh đất nứt nẻ, dân trồng bậy bạ củ khoai, củ sắn.

Còn dân cư ở lỵ sở Châu Đốc, Tịnh Biên, Giang Thành thời ra sao?

Nào là người Miên, người Tàu đủ các bang, nào là người Đồ Bà. Còn người Việt ta rất ít, phần đông là thành tích bất hảo.

Thỉnh thoảng từ bên Campốt các đảng cướp tràn sang, cướp của, đốt nhà, hãm hiếp đàn bà, con gái.

Nói tóm lại, có nhiều vấn đề đặt ra cho chính phủ ta:

Một là phải bảo vệ biên thùy.

Hai là phải đem an ninh và trật tự cho dân chúng.

Ba là phải có đường thông thương bằng thuyền to.

Bốn là phải đem nước ngọt của sông Cửu Long vào các đồng ruộng để rửa chất đất phèn, để cho cây lúa tốt thời mức sống của dân mới lên cao được.

Cả một vấn đề quốc kế, dân sinh mà miền Châu Đốc, Hà Tiên đặt ra cho vua Gia Long...

Ngài đã quyết định như thế nào?

Ta đọc sử, trong Bộ Chánh biên, thấy ghi gọn ghẽ một câu sau này:

"Tháng Chín năm Kỷ Mão (1819) tức là năm thứ 18 triều vua Gia Long, đào sông Châu Đốc thông với Hà Tiên, gọi là sông Vĩnh Tế".

Một công tác quan trọng như thế này mà sử thần chỉ ghi cho một câu mà thôi.

Nhưng sử cũng ghi mấy câu dụ của ngài cho dân Vĩnh Thành (tức là Vĩnh Long và An Giang). "Công trình đào sông ấy rất khó. Việc nhà nước và cách phòng giữ bờ cõi quan hệ rất lớn. Chúng người tuy là khó nhọc một lần mà ích lợi cho muôn đời ngày sau.

Dân người phải báo cáo cho nhau biết, chớ nên sợ nhọc".

Vậy công việc bắt đầu vào cuối thu sang đông năm Kỷ Mão (1819). Vua Gia Long băng vào tháng chạp năm Kỷ Mão (1819)...

Vua Minh Mạng lên nối ngôi, ra giêng năm Canh Thìn (1820).

Công việc đào sông Vĩnh Tế như thế nào?

Ngài có lời dụ như sau này (tháng 10 năm Mậu Ngọ 1829) tức là năm thứ ba triều ngài).

Tôi chép nguyên văn đoạn sử sau này:

Vua Chân Lạp (Cao Miên) là Nặc Chân đưa thư đến thành Gia Định xin hiệp lực đào sông Vĩnh Tế.

Ngài khiến Duyệt sắp đặt trước.

Duyệt xin đem binh dân ở thành và ở đồn Vĩnh Thành, Định Tường, Oai Viễn, hơn 39.000 người. Nước Chân Lạp hơn 16.000 người, chia làm ba phiên định đầu mùa xuân sang năm sau thời làm.

Ngài Minh Mạng cho.

Ngài đã dụ rằng: "Đường sông Vĩnh Tế liền với Tân Cương. Xe thuyền qua lại tiện lợi lắm. Đức Hoàng Khảo Thế Tổ Cao hoàng đế ta mưu sâu, nghĩ xa, chú ý việc ngoài biên, vừa mới mở đào. Công việc chưa xong.

Nay ta theo chí Tiên Hoàng, chỉ nghĩ cách khó nhọc một lần mà được thong thả lâu dài". Đến tháng 2 năm Quý Tỵ (1823) ngài khiến Tổng trấn

Lê Văn Duyệt phải chính mình đổng lý việc đào sông Vĩnh Tế.

Đến tháng 4 công việc hoãn vì tiết mùa hạ.

Ngài ban thưởng cho cả các quan Miên cộng đồng.

Vậy, nếu ta tính ra thời đã có tới 55.000 nhân công,vừa người Việt ta, vừa người Miên, làm việc suốt 3, 4 tháng dưới sự lãnh đạo tại chỗ của Gia Định thành Tổng trấn Lê Văn Duyệt.

Nếu ta nghĩ đến vấn đề tiếp tế gạo, muối, rau cỏ, vấn đề đào giếng nước ngọt, vấn đề cư trú... cho số nhân công khổng lồ này... trong một miền rậm rạp, hoang vu.. thời ta thấy công trình đào sông Vĩnh Tế đã thật là vĩ đại.

Đứng về phương diện chuyên môn, các cụ ta đã có gì?

Các cụ đã có cái địa bàn để định phương hướng. Cái dây thừng để căng thẳng và để đo bề ngang. Cái cây tre, toàn cây, để cắm giữa lòng sông mà đo bề sâu.

Chẳng có một sự viện trợ nào cả. Các cụ đã chỉ lấy sức của dân mà làm. Ai đến làm thời phải đem cái thuổng, cái cuốc đi theo mà dùng. Thành công quỹ chẳng tốn kém gì cả. Chỉ có ít gạo, ít muối, gọi là của vua ban.

Xét trong các dân tộc sống về nông nghiệp, dân tộc Việt Nam ta thật đã tài giỏi, kiên gan, bền trí, chống lại thiên nhiên.

Đến tháng hai năm sau là năm Giáp Thân (1824) vì còn một ngàn bảy trăm trượng, khúc, nối với Hà Tiên chưa đào, nên công việc lại tiếp tục, đến tháng năm mới xong.

Ngài cho dựng bia đá làm ghi.

*

*   *

Ấy là xong công việc đào một con sông lớn, dài trên dưới một trăm cây số; con sông Vĩnh Tế, công của ông cha ta.

Bây giờ, ta tới Châu Đốc, tỉnh lỵ vui vẻ. Ta nhờ một thuyền chở hàng cho ta đi, tùy theo các bến đỗ, cất hàng rồi lại đi...tới Hà Tiên là một lỵ sở rất đẹp...

Ta nằm trên thuyền to, ở đầu mũi, nhìn trời, nhìn mây, nhìn nước, nhìn các mương lấy nước sông Cửu Long vào ruộng. Thỉnh thoảng gặp xuồng máy của chính quyền đi tuần tiễu.

Ta nhớ ơn ông cha ta ngót bốn mươi ngàn vị đã hàng năm đào con sông này, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Gia Định thành Tổng trấn Lê

Văn Duyệt, từ năm 1819 đến năm 1824.

(Trích *Quốc Sử Tạp lục)*

Lê Văn Duyệt với Lê Văn Khôi

ĐÀO VĂN HỘI

Lê Văn Khôi là người như thế nào?

Nhắc lại, năm Gia Long thứ 15, mấy tỉnh miền Bắc: Thanh Hóa, Nghệ An và Ninh Bình đều có giặc, vua Gia Long mới sai Tả Quân Lê Văn Duyệt ra trừ.

Quan Tả Quân ra đó, mộ thêm binh lính. Ngài có lòng quảng đại, thường hay ân xá kẻ giặc bị bắt và kẻ nào đến đầu hàng Ngài, nhưng chúng phải cam thệ không được sanh phản tâm làm rối loạn cho nhà Nguyễn.

Trong bọn đầu quân có ba người:

1. Lê Văn Khôi, tên thật là Nguyễn Hữu Khôi ở Cao Bằng con một người thổ mục. Khôi võ nghệ giỏi, có sức mạnh.
2. Hoành, là tú tài xuất thân.
3. Trấm cũng giỏi võ nghệ.

Quan Tả Quân trọng dụng ba người ấy lắm, cho theo Ngài đánh giặc lập công. Đến khi về Nam kỳ. Ngài đem theo làm tâm phúc hộ vệ, cho điều khiển quân binh, mà nhất là Khôi được Ngài thương yêu hơn hết.

Ngài phong cho Khôi làm Minh nghĩa vệ Chánh vệ úy còn hai người kia làm phó vệ úy, cho ba người lên Tây Ninh Quang Hóa (Trảng Bàng) khai mở rừng, lấy cây gỗ đem về cất đồn lũy và dinh dãy, bị hư sập trong lúc can qua, cùng là đóng chiến thuyền để ngừa giặc Xiêm.

Lê Văn Khôi là một người võ nghệ tuyệt luân

Người ta truyền rằng thành Gia Định trước kia có làm sẵn những chỗ nuôi cọp và nuôi voi.

Cọp thì người ta nhốt vào cũi để trong một miếng đất trống, rộng lớn mênh mông. Trên miếng đất ấy có dựng nhiều "khại" mà mỗi cái khại

chứa ít lắm là ba, bốn chục chuồng cọp.

Một hôm, sứ thần Xiêm qua, Tả Quân muốn cho viên sứ thần ấy khiếp vía kinh oai nên mới nghĩ ra một kế, mật bảo Lê Văn Khôi ăn mặc theo đồ lính tráng rồi trà trộn trong đám quân binh.

Đoạn Tả Quân dắt sứ thần Xiêm lên ngồi vọng đài chính giữa, còn bá tánh thì cho ngồi ở chung quanh.

Rồi Ngài truyền lịnh tiển bảo một người vào khại tháo củi thả cọp ra, đặng bắt sống cọp cho sứ thần coi.

Khôi mình ở trần, tóc bới, mặc quần cụt hăm hở cầm đùi heo bước thẳng vào khại rồi đi ngay lại chuồng cọp rút cây thanh gài bằng sắt và mở cửa cho cọp ra.

Không ngờ gặp phải con cọp quá dữ, vừa ra khỏi chuồng là nhảy vồ lên mình Khôi, Khôi liền đánh cho một cây thanh sắt, cọp ngã lăn ra chết.

Viên sứ thần Xiêm ngồi trên vọng đài thấy vậy xanh máu mặt. Tả Quân bỗng nổi trận lôi đình rút lịnh tiển truyền đao phủ quân dẫn Khôi ra chém, lấy cớ rằng Ngài chỉ truyền cho Khôi phải bắt sống cọp chớ không được giết chết.

Khôi sụp lạy thú tội và xin cho mình đi bắt con khác.

Thế rồi, Khôi cầm đùi heo, lại vào khại mở cửa thả cọp ra. Bấy giờ, bên ngoài tiếng trống đánh lên vang trời dậy đất, còn bên trong thì Khôi với cọp thi sức anh hùng với nhau, trước mặt cả ngàn khán giả.

Cuộc thi võ này xem rất ngoạn mục và kéo dài cả giờ như vậy, bỗng dưng hồi trống dứt, một hồi chuông lanh lảnh kêu lên, đó là Khôi vừa dùng thế võ nào không biết, đá một cái, cọp nằm lăn ra, rồi lấy dây trói lại, vác đem đặt dưới đài để phục mạng.

Sứ thần Xiêm thấy vậy khen ngợi khôn cùng, thế mà Tả Quân chỉ ung dung trả lời: "Bọn tiểu tốt dưới trướng ta đều như vậy cả, có gì đáng lạ đâu!".

Cuộc điều tra của Bạch Xuân Nguyên

Từ khi mở đàng tra tấn, trong mấy điều vu cáo cho quan Tổng trấn Lê Văn Duyệt thì Bạch Xuân Nguyên cứ bắt chặt về khoản khai rừng cùng khoản chi tiêu, quyết lòng tìm cớ buộc tội Ngài.

Lê Văn Khôi khai quyết có đốn rừng đặng làm công việc kể trên đây. Bạch Xuân Nguyên lại nói rằng: " Phải chi Lê Văn Duyệt có ý ngừa Xiêm thì tỉnh Hà Tiên lẽ phải có đồn lũy rồi, sao lại không ngơ".

Bắt qua khoản tiền xuất phát thì trong sổ bộ đều biên: "Tả Quân chi

dụng" chớ không có hài ra cho đành rành dụng làm việc chi.

Mấy anh em Lê Văn Khôi không rõ quan Tổng trấn chi dụng về đâu nên chẳng biết sao mà biện bạch. Vì vậy thầy trò đều bị vu cáo là ô quan.

Trong khi tra xét. Bạch Xuân Nguyên chẳng chút kiêng nể người tôi công thần của tiên hoàng, lại kêu đích danh Duyệt kia Duyệt nọ.

Thấy chủ mình bị nhục mạ, Khôi dằn lòng không được cũng dùng phạm ngôn mà phản đối lại. Cả thảy mấy anh em đồng bị bố chánh Bạch Xuân Nguyên hạ ngục.

Vào nơi dủ lý, Lê Văn Khôi mới kết nghĩa với bọn lính "Hồi lương" 27 người, là dân làm loạn từ Bắc kỳ và Trung kỳ bị phát phối vào Nam kỳ.

Năm Minh Mạng thứ 14 (1833), đêm 18 tháng 5, có tin bọn nha trảo cho hay rằng: không hiểu vì cớ gì mà chật sông Sài Gòn, cá mập nổi lên vô số. Hoặc giả đó là cái điềm lành trời báo trước chăng?

Lê Văn Khôi dấy loạn

Nghe vậy, bọn Lê Văn Khôi đêm ấy ứng lên rồi cùng các tướng là phó Vệ húy Nguyễn Văn Bột, Am tập Tả bảo nhị vệ húy Thái công Triều và phó Vệ húy Lê Đắc Lực, phó Quản cơ Đặng Vĩnh Ưng cùng các bộ hạ, cai đội binh lính xông vào dinh bố chánh bắt Bạch Xuân Nguyên.

Nguyên chạy trốn.

Qua dinh Tổng đốc thì Nguyễn Văn Quế và con trai ra chống cự; cả hai cha con đều bị giết chết.

Liền đó Khôi sai quân tập nã Bạch Xuân Nguyên nội đêm ấy, tầm được Nguyên và án sát Nguyễn Chương Đạt, lãnh binh Nguyễn Văn Quế, đề lao Nguyễn Như Xuân đều bị Khôi đem chém hết.

Khôi bèn chiếm cứ thành trì, tự xưng là Nguyên soái, mở lao ngục, đại xá các tù đồ, làm trâu bò thết đãi quân sĩ.

Thấy dân tình tín phục, quân sĩ càng nhiều, oai thế lẫy lừng, Khôi càng lo sửa soạn thành lũy, đặt quan phong chức, đắp pháo đài, chọn các đội quân chia ra có thủy quân, lục quân.

Công việc sắp đặt chưa đầy tuần nhựt mà binh gia quy thuận đã có vài ngàn.

Phá binh triều

Tin ấy thấu đến tỉnh Biên Hòa, quan Tuần phủ Võ Quýnh liền cáo cấp về triều.

Vua Minh Mạng truyền lịnh cho quan Tổng đốc Định Tường Lê Phước Bửu, lãnh binh Bình Định Lê Sách, lãnh binh Bình Thuận Lê Nghĩa đem mỗi tỉnh 300 binh và Phú Yên Khánh Hòa cũng phụ thêm mỗi tỉnh 200

lính nữa, theo mạng lịnh quan Hậu quân Đô thống phủ chưởng phủ sự Phan Văn Thúy và quan Khâm sai táng tương quân vị đại thần Trương Minh Giảng chỉ huy chia ra làm bốn mặt, do đường Biên Hòa kéo vô quyết đánh lấy lại thành Phiên An và bắt sống cả bọn Khôi cho được.

Chẳng dè quan binh đi chưa tới Biên Hòa thì đã nghe tin Biên Hòa bị Khôi chiếm lấy thành rồi.

Quân Triều bị cản đường không sao tấn tới được, phải trở lui.

Vua được tin lấy làm lo sợ, bèn hạ lịnh rất gấp cho quan Tổng đốc An Hà là Lê Đại Cương chọn cả quân nghĩa dõng đi theo đường sông, hiệp cùng quân hai tỉnh Vĩnh Long, Định Tường phân làm hai đạo, cùng đạo lục quân Biên Hòa áp chiến.

Không ngờ quân giặc chận được mấy chỗ hiểm yếu, mặt trận trên bộ thì xả súng đại bác bắn ra, mặt trận dưới sông thì dùng hỏa công đánh tới. Trận này quân Triều thất bại, bị thương và chết vô số, thuyền bè khí giới đều về tay giặc.

Hai vị tướng quân Lê Phúc Bửu và Lê Đại Cương chạy về An Giang và Vĩnh Long trốn cả.

Quân giặc đuổi riết tới Định Tường, quan Án sát Ngô Bá Tuấn cũng hoảng kinh bỏ chạy.

Khôi chiếm luôn tỉnh Định Tường.

Chiếm cứ cả Nam kỳ

Từ đó thanh thế của Lê Văn Khôi mỗi ngày mỗi lừng lẫy, không đầy một tháng mà binh Khôi kéo đi đánh thắng từ An Giang, Vĩnh Long đánh thốc tới tỉnh Hà Tiên, mấy tỉnh Hậu Giang lần hồi về Khôi chiếm cả.

Vua Minh Mạng càng lo sợ hơn nữa, vội vã phái đại đội binh mã, nào súng đại bác, nào voi, ngựa, chiến thuyền, sai trung quân Đô thống Tống Phước Lương[1] dẫn đại binh hơn 3.000 hiệp cùng quân Võ Duật ở Vĩnh Long chia làm ba mặt cự với quân giặc.

Quan quân liều chết đánh từ giờ ngọ đến giờ dậu, quân giặc mới lui. Trận này quân Triều có phần thắng song cũng chưa lấy lại được đồn lũy và thành trì.

Qua đến năm sau, hai bên vẫn còn đánh nhau, trận thì quân Triều thắng, trận thì quân Khôi thắng.

Triều đình vẫn thấy lo.

Giặc Khôi tan rã

Song thời của Khôi đã hết, xui nên tướng sĩ phản bội: một vị Trung

quân Thái Công Triều là tay tướng giỏi, thình lình bỏ Khôi sang đầu quân Triều, rồi một đứa con nuôi tâm phúc của Khôi cũng sang qui hàng nữa.

Kế đó Khôi cũng thọ bệnh chết luôn.

Từ đó việc quân gia bê trễ chỉ còn một tướng Nguyễn Văn Trấm và phó tướng Lê Bá Minh cùng con trai là Cu Lớn (2) điều khiển quân vụ mà thôi.

Cu Lớn, sau khi Khôi chết cũng được chúng tôn lên làm Nguyên soái thế cho cha, nhưng không tài lực bao nhiêu nên chống cự không nổi quân Triều thành thử binh lực càng hao mòn, các tỉnh lần lần bị quân Triều thâu phục hết.

Trận cuối cùng nhằm năm Minh Mạng thứ 16 (Ất Tỵ 1835) tháng bảy ngày 16, do ông Khâm phái Nguyễn Tri Phương làm thống lãnh đánh tan quân giặc.

Hạ thành rồi, điều trước hết là cho quân vác cây cờ đỏ, trên cờ đề năm chữ "Thâu phục Phiên An thành" chạy ngựa về Kinh báo tiệp.

Nam kỳ từ đó mới dứt ngòi khói lửa.

Mặc dầu Khôi chết rồi cũng bị quật mồ lên lấy thủ cấp bỏ vô củi đem về Kinh bêu ngoài chợ ba ngày rồi nghiền xương đổ xuống sông. Còn vợ con của Khôi và vợ con các tướng nghịch đều bị chém rồi cắt tai đem về Triều.

Theo sử chép thì trong vụ này, quân giặc và vợ con bị giết tại trận hết 554 người, còn bị bắt hết cả là 1.278 người. Trừ 6 người bị giải về Kinh, còn bao nhiêu bị chém cả rồi kéo thây đổ xuống một cái hầm to, dập đất lại, tục kêu là mả Ngụy (ở Plaine des Tombeaux) trên có dựng bia đề rằng: "Nghịch tặc biền tru xử".

Mả Ngụy ở gần trường đua cũ, làng Chí Hòa, tại góc đường Thuận Kiều, nay kêu là đường Verdun (Nay là đường Cách Mạng Tháng Tám), và đường Général Lizé (Nay là đường 3/2). Đến mấy năm sau mà đất ở đó vẫn còn sình lên sụp xuống. Nấm mồ nay chài ra bằng mặt đất.

Trích *Nam kỳ Danh nhân* - Nhà in Lý Công Quan - 1943)

(1) Phan Văn Thúy lãnh chức Thảo nghịch Hữu tướng quân, còn Tống Phước Lương lãnh chức Thảo nghịch Tả tướng quân.

(2) Lê Văn Câu (hay Cu) kêu là Cu Lớn vì Khôi còn có một con trai tên Tiểu Câu (Cu Nhỏ). Thành bị hạ, Khôi có ba con bị giết là Lê Văn Câu, Tiểu Câu và Bế, lại có một con bị giết là Lê Văn Viên.

Lê Văn Duyệt có phản đối việc chọn Hoàng tử Đảm không?

TRẦN ĐÌNH SƠN

Cuối đông năm Kỷ Mão, kinh đô Huế chìm đắm trong nỗi âu lo, căng thẳng tột cùng. Tin hoàng đế "siết" nặng[1] từ hoàng cung truyền ra các phủ đệ, dinh thự rồi lan rộng đến dân gian. Tại điện Trung Hòa, các ngự y đã tiến dâng đủ phương thuốc nhưng vô hiệu. Vị hoàng đế một thời thanh gươm yên ngựa, tung hoành khắp non nước, nếm đủ mùi gian khổ, vinh nhục của kiếp người, giờ đây như ngọn đèn cạn dầu sắp tắt.

Ngày 18, nhà Vua bỗng tỉnh táo, truyền đòi Thái tử Đảm, Tả quân Quận công Lê Văn Duyệt đứng đầu võ ban, Lễ bộ thượng thư Phạm Đăng Hưng đứng đầu văn ban vào nhận di mệnh. Tất cả đến trước sập ngự, quì tấu xin Vua tĩnh dưỡng, bớt phiền nghĩ, để mong thánh thể được bình phục, kéo dài tuổi thọ.

Vua bình thản, ban lời: Sống chết có mệnh trời, bọn ngươi đừng kiêng sợ. Phàm truyền ngôi là việc lớn xưa nay. Ngày nay còn sáng suốt, nói được mà không nói, ngày khác chết đi, làm sao nói kịp nữa. Nhìn thẳng vào Thái tử, Vua dạy tiếp: Công xây dựng cơ nghiệp rất gian nan, con từng trông thấy. Nay việc lớn thiên hạ đã định, ta yên lòng chẳng cần dặn gì thêm. Duy một điều con cần ghi nhớ, ngày sau phải cẩn thận, tránh gây sự với ngoại bang. Giờ Tỵ ngày 19 tháng Chạp (khoảng 9-11 giờ sáng ngày 3/2/1820), Vua băng hà thọ được 58 tuổi.

Sự việc tưởng chừng như đơn giản, theo nguyên tắc cha truyền con nối bình thường. Nhưng không, đó là quyết định sau gần 20 năm suy nghĩ, đắn đo, thu xếp của vua Thế tổ triều Nguyễn...

Bước vào tuổi ngũ tuần, nhà vua cảm thấy mệt mỏi dần với quốc kế,

dân sinh. Để chính danh vị và yên lòng người, các đại thần nhiều phen tâu xin Vua chọn lập ngôi "trừ nhị" (người kế vị). Công luận có vẻ nghiêng về hoàng tôn Đán. Không hiểu sao Vua vẫn làm ngơ chưa quyết?

Đán sinh năm 1796 là con trưởng của Anh Duệ Hoàng thái tử Nguyễn Phước Cảnh và Vương cơ Tống Thị Quyên. Cháu đích tôn của Vua và Hoàng hậu Thuận Nguyên[2]. Hoàng hậu là con gái của công thần Tống Phước Khuông, người vợ tào khang đã cùng với Vua trải qua bao nỗi hiểm nguy, góp phần đắc lực trong sự nghiệp trung hưng. Đông cung Cảnh mới lên bốn tuổi, đã phải lìa xa cha mẹ theo giám mục Bá Đa Lộc (Pigneau de Behaine Evêque d'Adran) sang Pháp quốc cầu viện. Mười ba tuổi được tấn phong Nguyên soái Quận công, nắm quyền Tả quân dinh. Từ đó theo cha chinh chiến lập nhiều công huân. Năm 1801, hai mươi hai tuổi, giữ quyền nhiếp chính tại Gia Định, bị bịnh đậu mùa rồi mất (ngày 17/2 năm Tân Dậu).

Để tạo hậu thuẫn cho Hoàng tôn Đán, và gây áp lực với Vua, Tiền quân Quận công Nguyễn Văn Thành tổ chức tiệc rượu tại tư dinh, mời các đại thần đến dự, công khai tuyên bố: hoàng tôn Đán xứng đáng được nối ngôi. Tôi sẽ tâu xin Vua lập làm người kế nghiệp. Các quan đều sợ oai của Nguyễn Văn Thành nên im lặng. Chỉ có Lại bộ thượng thư Trịnh Hoài Đức phát biểu: "Đây là việc hệ trọng của Nhà nước, quyết định do ý của Vua. Nếu kẻ bề tôi định kế riêng, tham lấy công to thì tội càng nặng". Có người đem chuyện mật tâu với Vua Gia Long, Vua rất giận bảo: Hắn muốn lập người nhỏ tuổi để dễ khống chế. Ngày sau có thể chẹt họng, vỗ lưng chăng? Ta há tối tăm, nhầm lẫn, không biết đắn đo, để vội nghe lời hắn mà không vì xã tắc chọn người sao?

Nhằm thăm dò ý kiến, một hôm bãi chầu, Vua kêu riêng Nguyễn Văn Thành vào hỏi: "Nay đích tôn của ta là Đán còn nhỏ. Trong các con ta, ai xứng đáng nên lập làm thái tử". Nguyễn Văn Thành không hài lòng thẳng thắn tâu: "Theo lễ nên lập Đán, là đích tôn thừa trọng mới đúng. Nay Bệ hạ muốn chọn người khác, thì biết con không ai bằng cha, chúng tôi không dám dự biết đến".

Tháng hai năm Giáp Tuất (1814) Hoàng hậu Thuận Nguyên băng hà tại điện Khôn Nguyên. Nguyễn Văn Thành tâu xin Vua cho Hoàng tôn Đán đứng chủ tang lễ, giữ việc thừa tự. Vua bác đi và dụ: "Hoàng tử Đảm đã được Hoàng hậu nhận nuôi làm con từ lúc ba tuổi, có khoán ước rõ ràng, nên giao cho làm chủ tang lễ. Đây là việc hệ trọng của Nhà nước,

không thể câu nệ theo nghĩa đích tôn thừa trọng ngoài dân gian được"[3].

Nguyễn Văn Thành tâu: "Nếu để Hoàng tử Đảm chủ tang lễ thì lời xưng hô trong văn cúng tế không thuận".

Vua gắt: "Con phụng mạng cha để cúng tế mẹ, danh chính ngôn thuận, có điều gì dám bảo không hợp". Từ đó, mỗi lần Nguyễn Văn Thành tâu xin việc gì, Vua chỉ im lặng.

Tháng ba năm Bính Tý (1816), Vua triệu tập hoàng thân, đại thần họp tại điện Cần Chánh. Nguyễn Văn Thành không được tham dự vì đang liên can đến vụ án của con trai là Nguyễn Văn Thuyên[4]. Vua bảo Trịnh Hoài Đức viết: Sắc lập hoàng tử thứ tư là Đảm, làm Đông cung hoàng thái tử. Ai đồng ý phải ký tên vào.

Tất cả quỳ tâu: "Nay trên thánh ý đã quyết định, thật là phước lớn của Nhà nước. Chúng tôi xin hoàn toàn tuân mạng". Vua rất hài lòng.

Sau buổi họp đó, Nguyễn Văn Thành bị tước hết binh quyền, thu lại tướng ấn. Vụ án Nguyễn Văn Thuyên được giao cho Quận công Lê Văn Duyệt, một đối thủ của Nguyễn Văn Thành tra xét.

Năm sau (1817), Nguyễn Văn Thành và toàn gia quyến bị bắt giam vào quân xá Thị trung. Triều đình họp tại Võ công thự (Nhà họp hội đồng tướng lĩnh) xử chung thẩm.

Hỏi Nguyễn Văn Thành: Có âm mưu tổ chức tạo phản không?

Nguyễn Văn Thành đáp: Không

Hỏi: Có biết việc con trai là Nguyễn Văn Thuyên âm mưu tổ chức tạo phản không?

Nguyễn Văn Thành đáp: Không

Trở về quân xá, gặp thống chế Huỳnh Công Lý, Nguyễn Văn Thành than thở: "Tội của tôi đã kết xong rồi. Nay Vua bắt tôi phải chết, nếu bề tôi không chết là bất trung". Ông bèn dùng thuốc độc tự tử.

Thế là sau cái tang Thuận Nguyên hoàng hậu và cái chết của Nguyễn Văn Thành, điểm tựa vững chắc của hoàng tôn Đán hoàn toàn bị sụp đổ. Vua Gia Long chuẩn bị những điều kiện thuận lợi và an toàn nhất cho người nối ngôi: Hoàng tử Đảm con của thứ phi Trần Thị Ngọc Đương sinh năm Tân Hợi (1791), nguyên đán năm Canh Thìn (15/2/1820), tuân theo di chiếu của tiên đế được triều đình tôn lên ngôi, cải nguyên Minh Mạng.

Tuy đã chính vị, Vua Minh Mạng vẫn cứ băn khoăn về hoàng tôn Đán, một khuôn mặt sáng chói phản chiếu hào quang và huyền thoại của Đông cung hoàng thái tử Cảnh và Thuận Nguyên Cao Hoàng Hậu, còn làm quyến cố lòng người. Nhất là ở Nam kỳ lục tỉnh, miền đất long

hưng của họ Nguyễn Phước.

Năm Giáp Thân (1824) theo lời tố cáo của Lê Văn Duyệt (L.V.D): Ứng Hòa Công Đán (Mỹ Đường)[5] phạm tội thông dâm với mẹ. Vua Minh Mạng ra lệnh cho Lê Văn Duyệt bắt ngay bà Tống Thị Quyên bỏ vào cũi dìm xuống nước chết. Phế Đán và con cháu làm thường dân, xóa tên trong hoàng tộc. Vụ án chẳng cần chứng cớ và xét xử! Năm Bính Tuất (1826), em trai của Đán là Kính (Mỹ Thùy) cũng bị kiện và truy tố. Trong lúc chờ đợi đình nghị, Kính quá lo lắng, buồn rầu sinh bịnh chết, chưa có con nối dõi. Tất cả quyền lợi, danh dự của dòng họ hoàng thái tử Cảnh mất trắng. Đối thủ đáng sợ nhất đã bị loại hẳn ra khỏi "triều đường", từ đây ngai vàng sẽ do con cháu đế hệ (dòng Vua Minh Mạng) truyền nối mãi...

Nhưng vì duyên cớ nào mà đích tôn Đán, với những ưu thế sẵn có của bà nội, của cha, của các đệ nhất công thần... kết quả lại mất quyền "thừa tự", để phải kéo dài cuộc sống với bao nỗi khổ đau, tủi nhục, cùng cực, cho đến chết (năm Tự Đức thứ 2 Kỷ Dậu, 1849)[6].

Có phải vì nhỏ tuổi chăng? Lúc Vua Gia Long quyết định chọn lập người kế nghiệp (1816) thì Đán đã hai mươi tuổi, tương đối trưởng thành. Hay có nguyên nhân thầm kín khác mà chính sử không ghi? Chính bức thư của giám mục Bá Đa Lộc, gởi cho ông Letondal ngày 17/8/1789, đã phần nào giải thích sự việc:

"Từ ngày Đức Đông cung trở về nước[7] và đã từ chối không làm lễ bái trước bàn thờ chư vị tiên đế, tôi đã mất một phen phân trần, giải thích lại với đức lịnh muôn năm. Hoàng thượng tỏ vẻ xúc động nhiều về cử chỉ kỳ lạ của thái tử. Ngài phán cho tôi biết rằng, Ngài lấy làm ngạc nhiên vì sao đạo Gia tô có thể dung túng cho tín đồ quên hết ông bà tổ tiên đi làm vậy..."

Sau khi lắng nghe sự giải thích, biện minh hết lời của Giám mục Bá Đa Lộc, Vua khẳng định:

"Duy Ta nhứt quyết tôn trọng tục lệ thờ phượng cha mẹ, ông bà. Ta cho đó là việc cần thiết và đúng theo như Ta đang bàn luận cùng thái phó (B.Đ.L), việc ấy không có chi là lố lăng, đáng cười. Vả lại đó là cổ tục cốt yếu của Quốc gia, dạy cho đứa con từ bé thơ phải biết thờ cha, kính mẹ, như vậy mới là "hiếu tử". Giúp cho cha mẹ có quyền trị gia, nếu không thì trật tự trong gia đình không còn và sẽ rối loạn mất. Sự kính trọng cha mẹ ông bà, phải được phổ biến công khai, bành trướng rộng và

ăn sâu tận gốc rễ..." (Bản dịch của Vương Hồng Sển, trong *Khảo về Đồ sứ men lam Huế*, quyển hạ, từ trang 90-94, Nhà xuất bản TP.HCM, 1993).

Hiện nay công luận đang tìm hiểu, đánh giá lại triều Nguyễn một cách khách quan. Xin cung cấp một vài sự kiện góp phần nhìn nhận đúng đắn, trung thực về những nhân vật lịch sử Việt Nam vào đầu thế kỷ 19.

(Theo *Tạp chí Xưa & Nay* số 81B tháng 11-2000)

---

1. Siết: tiếng trong cung cấm dùng để chỉ cho Vua, Thái hậu, Hoàng hậu bị bịnh.

2. Hoàng hậu Thuận Nguyên: tên Tống Phước Thị Lan (1762-1814) tổ tiên gốc Tống Sơn, Thanh Hóa, sau theo chúa Nguyễn chạy vào Nam nhập tịch ở Long Hồ (Vĩnh long). Năm 16 tuổi (1778) kết hôn với Nguyễn Phước Ánh, được lập làm Vương hậu năm 1796. Sau khi lên ngôi, nghĩ đến công lao lớn của Bà trong cuộc trung hưng, Vua Gia Long (Nguyễn Phước Ánh) tấn phong làm Hoàng hậu năm 1806. Suốt triều Nguyễn, bà là hoàng hậu đầu tiên đến bà Nguyễn Hữu Thị Lan (1914 - 1963) được vua Bảo Đại tấn phong Hoàng hậu (1934) lần thứ hai và cuối cùng.

3. Thuở còn loạn lạc ở trong Nam, Nguyễn Phước Ánh (GL) sai Lê Văn Duyệt viết giấy tờ giao Nguyễn Phước Đảm (M.M) mới lên 3 tuổi cho bà Tống Phước Thị Lan nuôi dưỡng làm con.

4. Nguyễn Văn Thuyên: con trai của Quận công Nguyễn Văn Thành đậu cử nhân năm 1813, rất giỏi thơ văn, tính thích giao du với các danh sĩ khắp Nam Bắc. Làm thơ gởi cho bạn ở Thanh Hóa có câu: "Thử hồi nhược đắc sơn trung tể, tá ngã kinh luân chuyển hóa cơ".

Nghĩa: Chúa núi phen này mong gặp được, Giúp ta thay đổi hội cơ này.
Lê Văn Duyệt thu được bài thơ đem dâng cho Vua và mật cáo cha con Nguyễn Văn Thuyên âm mưu phản nghịch.

5. Vua Minh Mạng phân chia đế hệ và phiên hệ. Do đó đổi tên của hoàng tôn Đán và Kính (có bộ Nhật) thành Mỹ Đường và Mỹ Thùy.

6. Sau khi Mỹ Đường (Đán) chết, nhờ có đại thần Võ Xuân Cẩn và Tạ Quang Cự, hết lời tâu xin thống thiết, vua Tự Đức cảm động tha tội cho Lệ Chung (con trai của Đán) và ân phong làm Cảm hóa Quận công, giữ việc thờ cúng Anh Duệ hoàng thái tử Cảnh. Con cháu được liệt vào hoàng tộc và cấp cho lương bổng.

7. Đông cung Cảnh theo giám mục Bá Đa Lộc sang Pháp năm 1874. Theo tàu La Méduse trở về Nam Việt vào ngày 28/7/1789.

Tài liệu tham khảo:

- *Đại Nam thực lục chính biên* – đệ I, đệ II Kỷ.
- *Đại Nam liệt truyện.*
- *La Geste Francaise en Indochine* (G. Taboulet)
- Vương Hồng Sển, *Khảo về đồ sứ men Lam Huế*, Nxb. TP.HCM, 1993.

Lê Văn Duyệt
với vùng đất Nam bộ

Chịu trách nhiệm xuất bản

ĐỖ THỊ PHẤN

Biên tập: Hoàng Tân

Trình bày: Ngô Quốc Hoàng

Sửa bản in: Trương Hà - Ngọc Diệp

Thực hiện liên doanh:

Tạp chí Xưa & Nay

181 Đề Thám – Q.1 – TP.HCM

ĐT: 08.8385117 – 08.8385240

Fax: 08.8385126

Email: xuanay@hcm.fpt.vn

Nhà Xuất bản Văn hóa Sài Gòn

310 Trần Hưng Đạo – Q.1 – TP.HCM

ĐT: 08.8376585 – 8376587- 8376589 – 8376590

Fax:04.8.8376586. Email: nxbsaigon@vnn.vn

In: 1.000 bản. Khổ: 16x24cm. In tại: Xưởng in Công ty Phát triển Công Nghệ & Truyền hình. Số ĐKKHXB: 344-2006/CXB/20-6-06/VHSG. In xong và nộp lưu chiểu: Quý 4/2006.

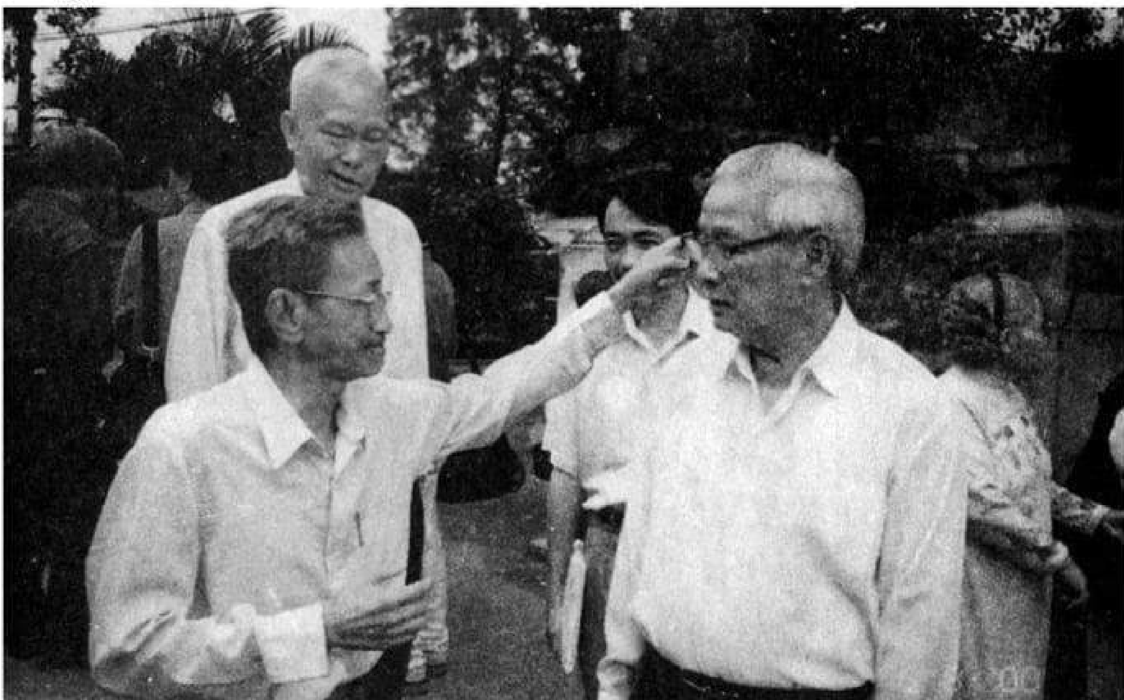


Tả Quân Lê Văn Duyệt



Các nhà khoa học tham dự tọa đàm thăm mộ Ông, Bà Lê Văn Duyệt

Từ phải sang: Nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt, Nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng, Nhà văn Sơn Nam





Cổng Tam Quan Lăng Lê Văn Duyệt



Đồ án "Long Hồi" trên bờ mái Chách điện



Đường Lê Văn Duyệt ở thị xã Bạc Liêu - năm 2001



Nhà bia Lê Văn Duyệt



Tả Quân Chi Ấn



Từ phải sang: Ban Giám đốc Bảo tàng TP.HCM, Nhà văn Sơn Nam, Ban Biên tập Xưa&Nay đang nhận "Tả Quân Chi Ấn" được đưa từ Huế vào Bảo tàng TP.HCM



Bia Lê Văn Duyệt



Kiến trúc Lăng Lê Văn Duyệt



Nội thất Lăng Lê Văn Duyệt



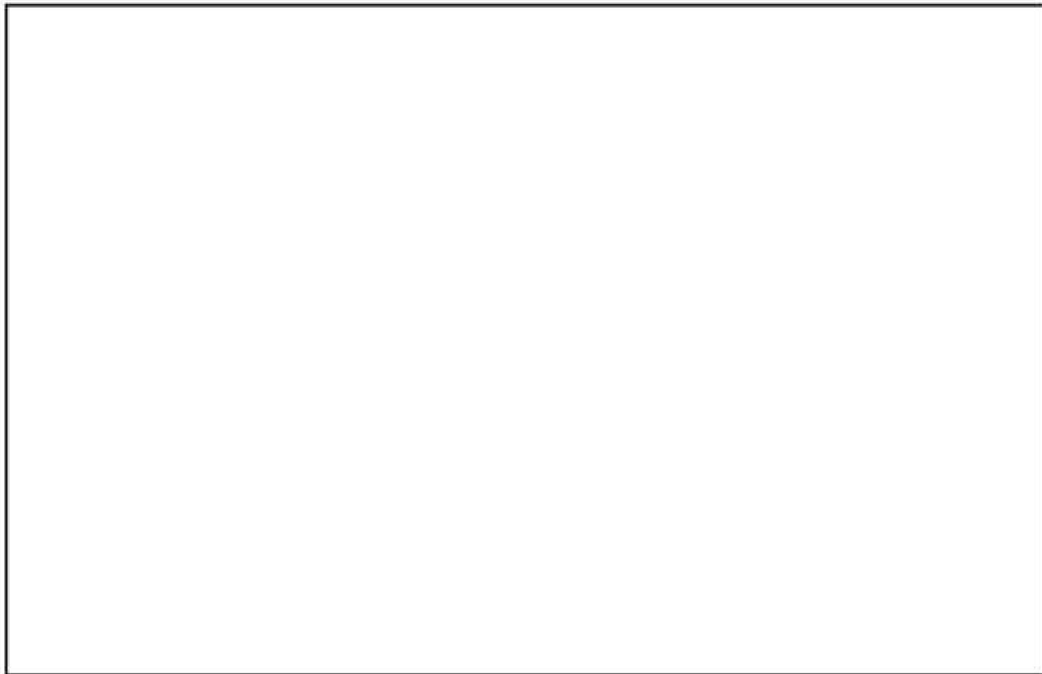
Nghi thức tế trong lễ giỗ Tả Quân Lê Văn Duyệt



Đồ án "Mặt rồng hổ phù"

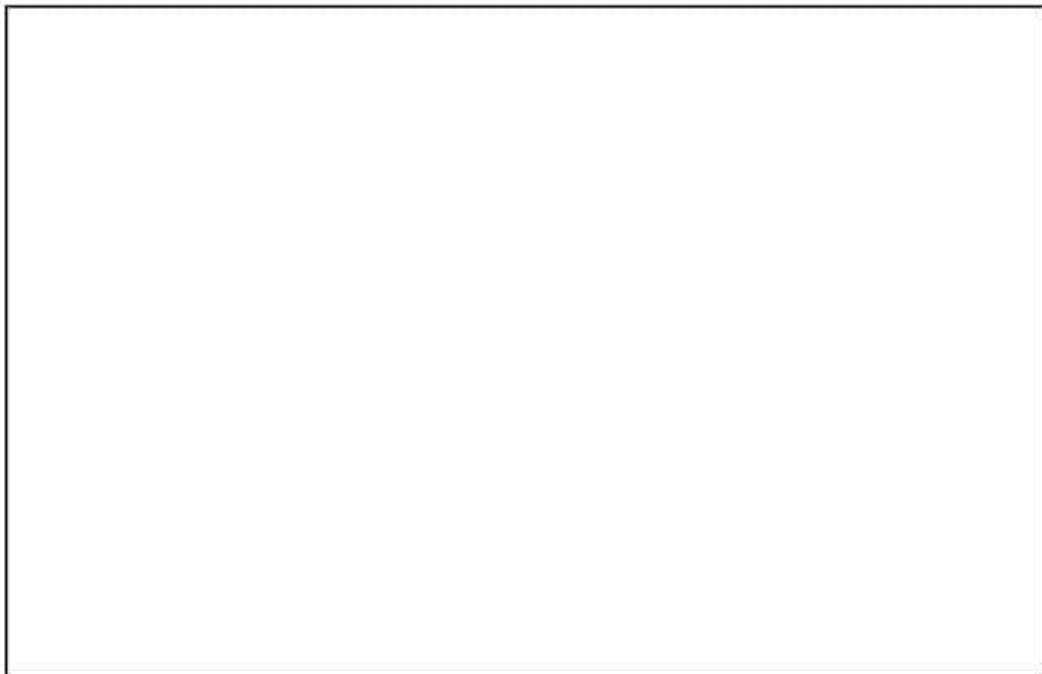






Kiến trúc Lăng Lê Văn Duyệt

Phù điêu trước Lăng Ông





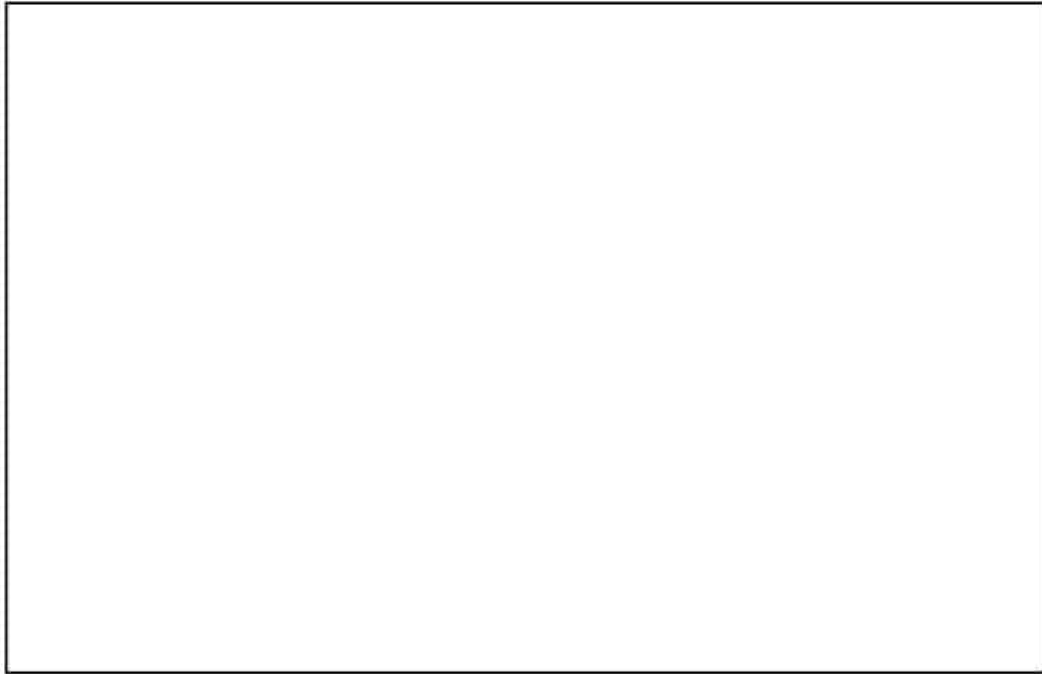




Các nhà khoa học đang chuẩn bị nội dung cuộc tọa đàm

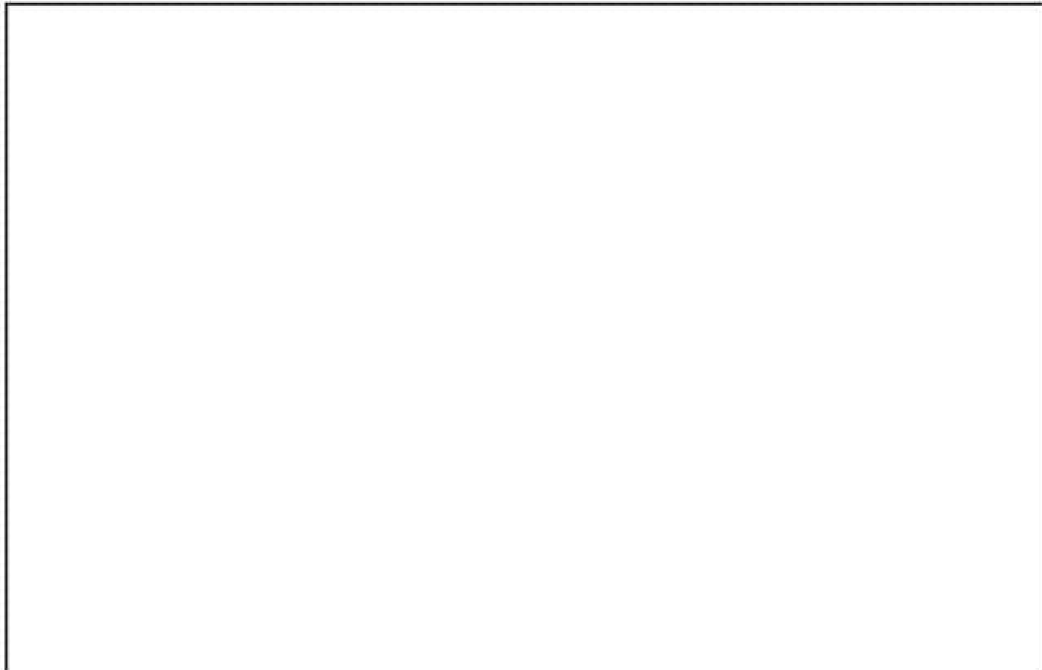
Toàn cảnh cuộc tọa đàm





Từ phải sang (hàng trước): Cố vấn Võ Văn Kiệt, PGS. Vũ Huy Phúc

Tiến sĩ Nguyễn Minh Tường (Viện Sử học Việt Nam) trình bày tham luận

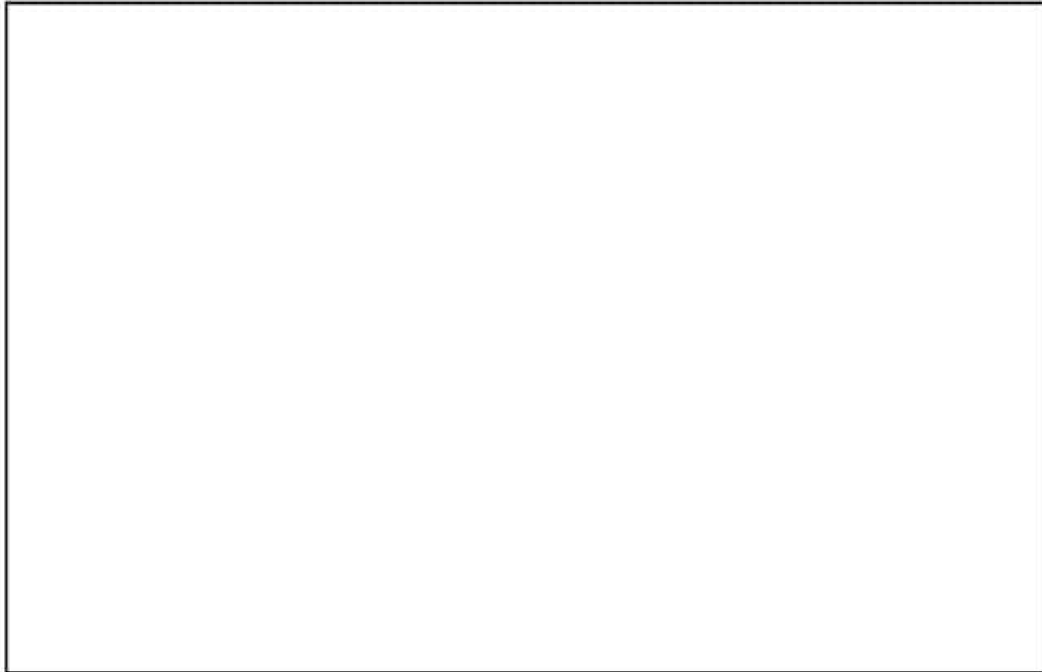




Nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng phát biểu tại cuộc tọa đàm

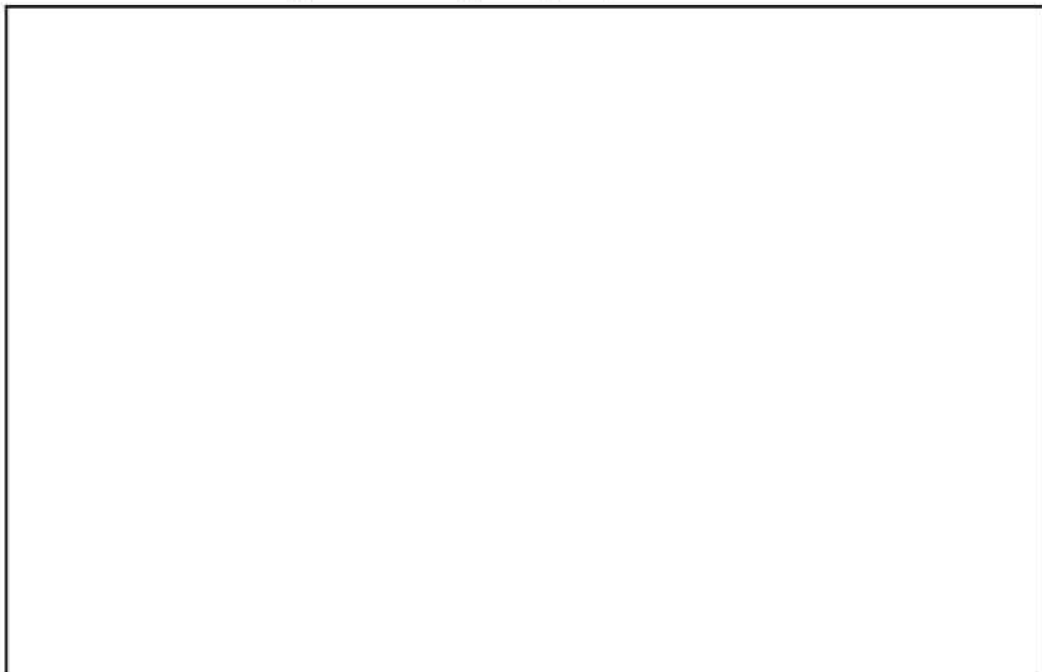
Nhà văn Hoàng Lại Giang phát biểu tại cuộc tọa đàm





Nhà văn Mai Văn Tạo phát biểu tại cuộc tọa đàm

Nhà văn Sơn Nam phát biểu tại cuộc tọa đàm

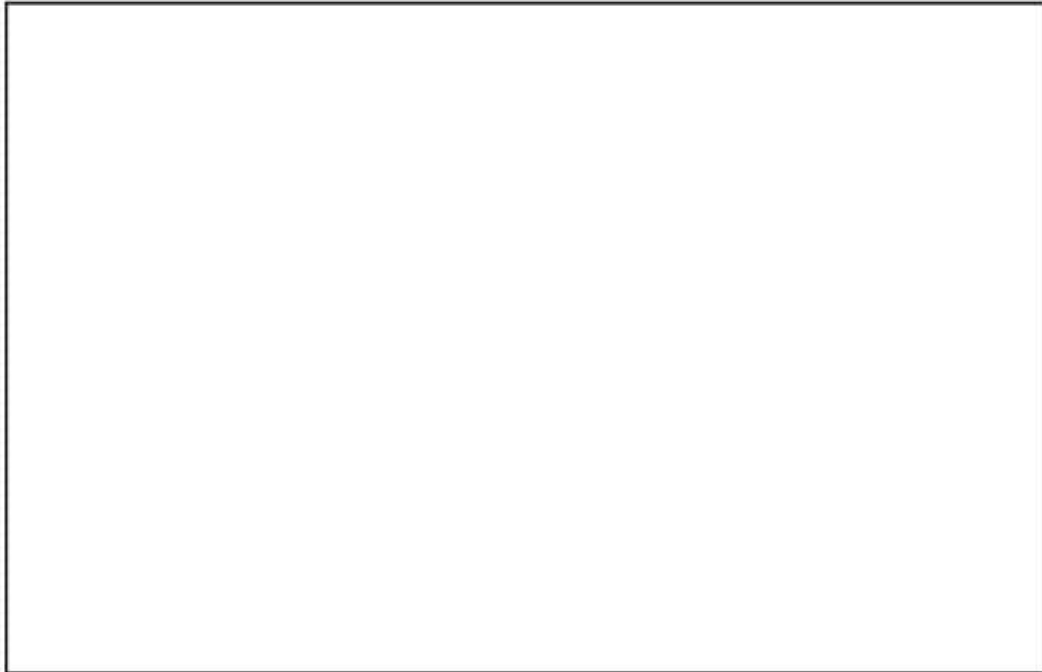




Cố vấn Võ Văn Kiệt phát biểu ý kiến

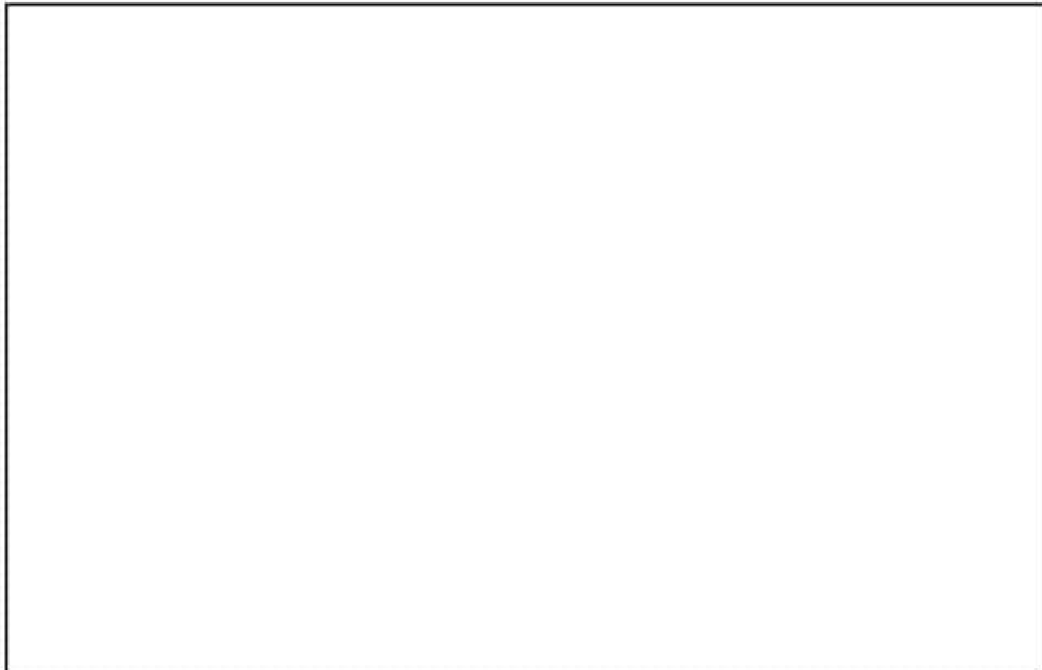
Nhà sử học Dương Trung Quốc đang phát biểu tổng kết





Từ phải sang: Cố vấn Võ Văn Kiệt, Nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng, Nhà văn Sơn Nam

Nhà văn Sơn Nam đang giải thích các câu đối trong Lăng

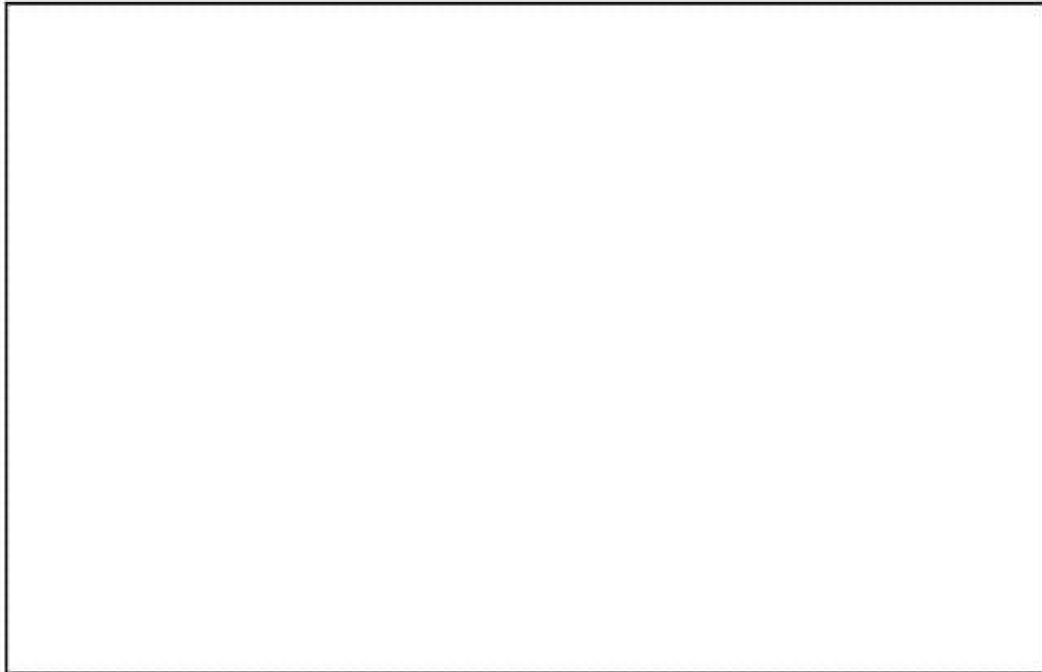




Ban Quí tế Lăng đang chuẩn bị cho các đại biểu đốt hương tưởng niệm

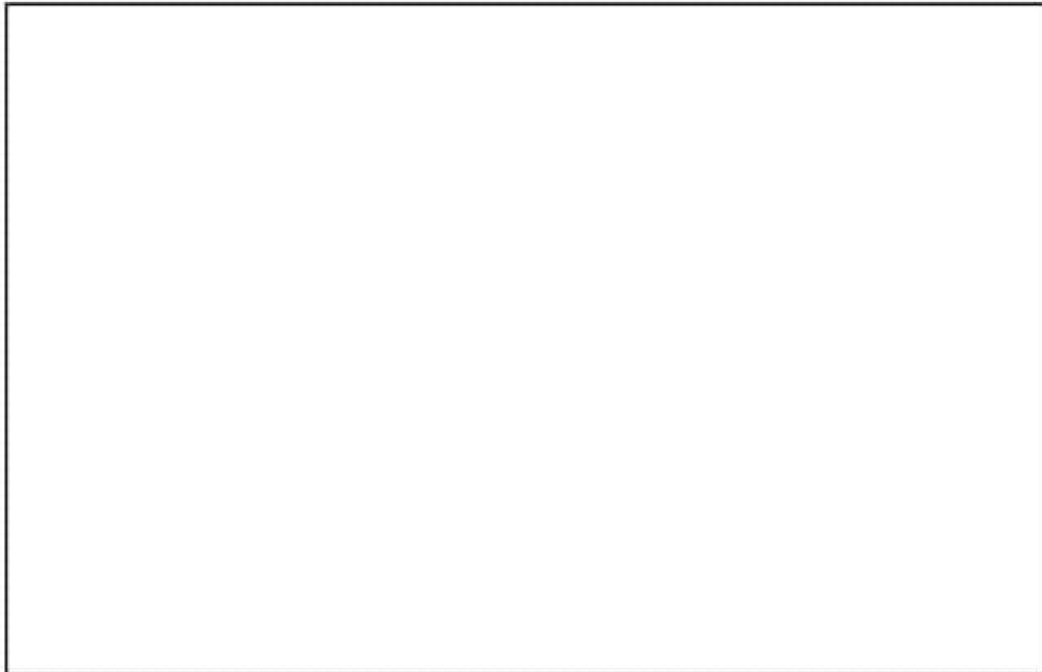
Đoàn đại biểu đang viếng Lăng Lê Văn Duyệt





Các đại biểu đốt hương tưởng niệm

Đoàn đại biểu đốt hương tưởng niệm trước bàn thờ chính

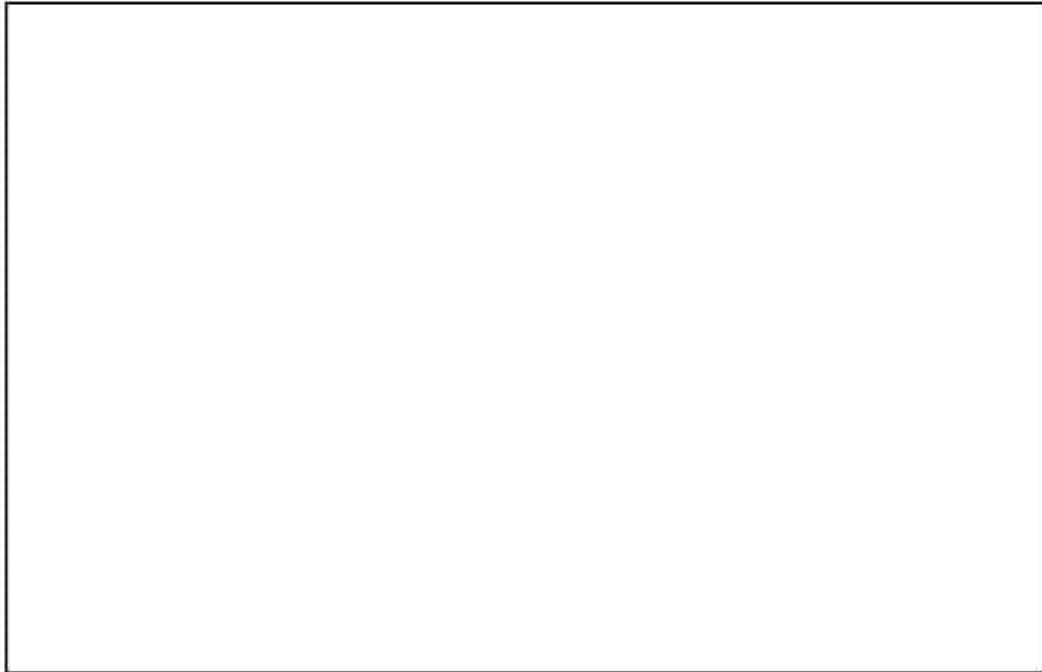




Nghi thức của Ban Quí tế Lăng Ông

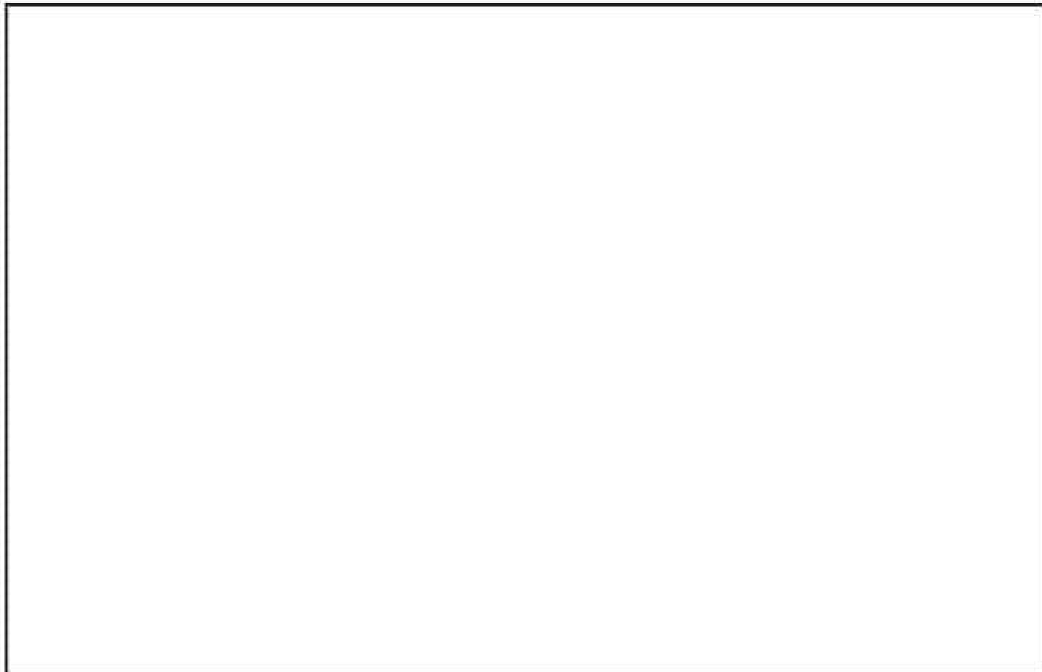
Các nhà khoa học đang xem các bức hoành phi, câu đối trong Lăng

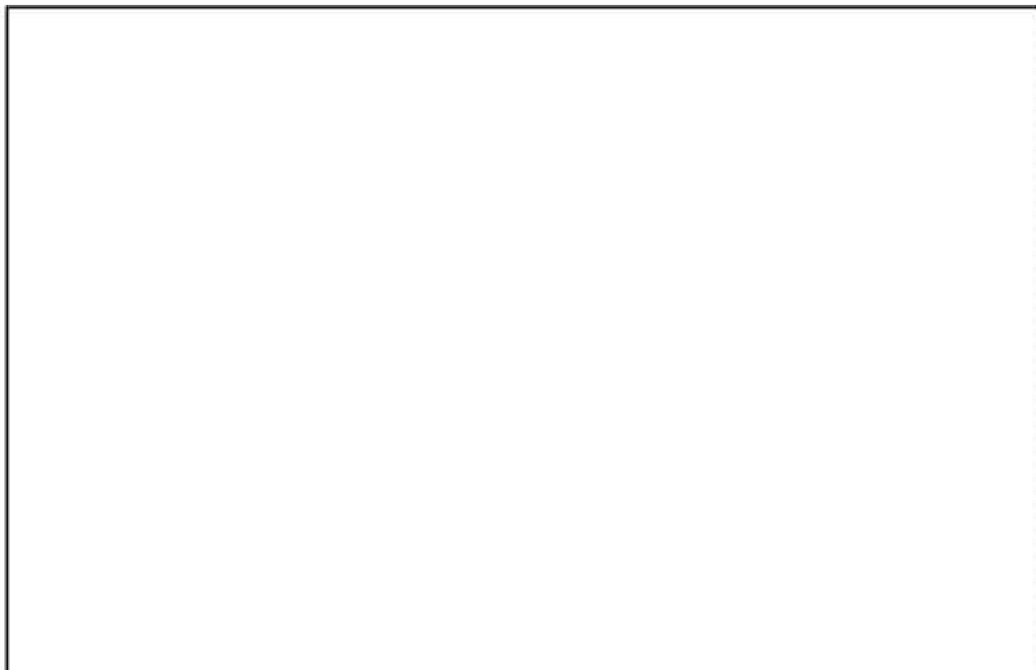




Cố vấn Võ Văn Kiệt cùng các nhà Khoa học thăm lăng Lê Văn Duyệt

Các nhà khoa học cùng Ban Quí tế tại mộ Ông, Bà Lê Văn Duyệt





Ông Nguyễn Hữu Thông bàn giao "Tả Quân Chi Ấn" cho Ban Giám đốc Bảo tàng TP.HCM

Từ phải sang: Ban Giám đốc Bảo tàng TP.HCM, Nhà văn Sơn Nam, Ban Biên tập Xưa & Nay đang nhận "Tả Quân Chi Ấn" được đưa từ Huế vào Bảo tàng TP.HCM



LÊ VĂN DUYỆT
VỚI VÙNG ĐẤT NAM BỘ

NHIỀU TÁC GIẢ

Chịu trách nhiệm xuất bản:
LÊ HOÀN
Biên tập:
TRƯỜNG SƠN - MINH HIỂN
Bìa:
VIỆT HẢI
Trình bày:
PHƯƠNG LOAN - ĐỆ HÙNG
Sửa bản in:
MINH HIỂN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
161b Lý Chính Thắng - Q.3 - TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 9316211 - 9317849 - 8465596